

làng văn

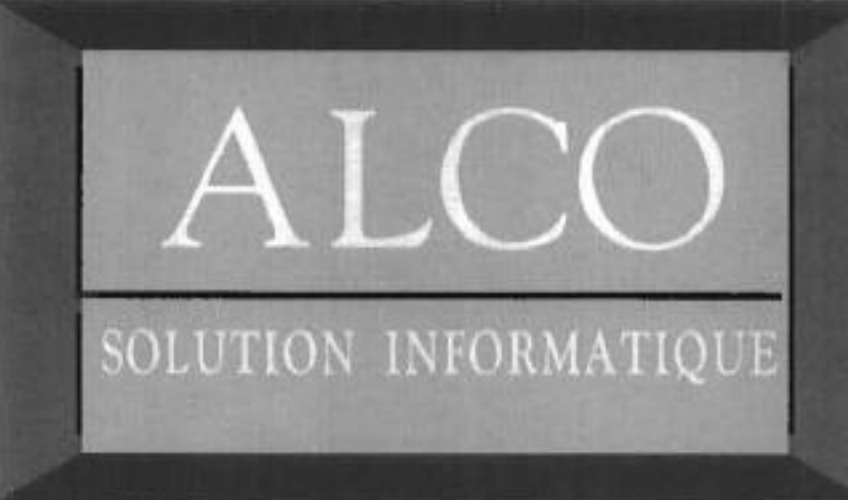
269

Tháng
1.2.3/2007



Xuân Đình Hối - 2007

Nha-sĩ NGUYỄN CHÍNH CƯỜNG
Nha-sĩ VÕ THỊ LAN ĐÀI
 Chirurgien Dentiste/Clinique Médicale RACHEL
4298 Rue St-Denis, Montréal,
lầu hai, phòng 04
 (Métro Mont-Royal hoặc Bus 30)
Tel: (514) 849-1038



ALCO
 SOLUTION INFORMATIQUE

95 Ste-Catherine Ouest
 Montréal
 Tél. (514) 843-3155
www.alco.qc.ca
 Email: service@alco.qc.ca



PLACE-DES-ARTS

Luật sư / Avocat
LƯƠNG VĂN TUẤN
5482 Victoria Ave.
Montréal, Québec H3W 2P8
Tél: (514) 272-0503
Fax: (514) 270-0883

Văn-phòng Bảo-hiểm và Dịch-vụ
BÁ DĨNH Assurances
856 Boulevard Alexis-Nihon
 Ville Saint-Laurent, QC H4M 2B7
 Tel: 514-482-9153 Fax: 514-485-2028

Độc giả mua lẻ Làng Văn tại
 Montreal, xin đến:
Nhà Sách TRUNG VIỆT
6520 Darlington (góc Barclay)
ĐT: 514-341-1740

Có tác-phẩm, có phương-tiện,
TÌM NHÀ XUẤT-BẢN?

Hãy gõ cửa Làng Văn, giao cho nhóm xuất-bản và phát-hành chuyên-nghiep

- . Xếp chữ, lên trang, trình-bày bìa và phụ-bản
- . In thành sách, gửi đến tận nhà
- . Có thể giúp phát-hành một phần
- . Nhận in từ 300 cuốn trở lên, **GIÁ RẺ VÔ-ĐỊCH**

Liên lạc: LÀNG VĂN / Email: langvan@langvan.net

Nha-sĩ
NGUYỄN THANH NHÀN
 1280 Finch Ave. W., Suite 707
 Downsview, Ont. M3J 3K6
 (trong Nor-Am Tower)
ĐT: (416) 663-3200

Nha-sĩ
TỪ CHẤN PHONG
 3085 Hurontario St. #209
 Mississauga
ĐT: (905) 897-8527

Bác-sĩ toàn-khoa
QUẢN ĐỨC MINH
Nha-sĩ, DDS
NGUYỄN THUỖ DUNG
 2580 Shepard Ave.
 Unit # 31,
 Mississauga, ON L5A 4K3
ĐT: (905) 615-0468



VĂN PHÒNG
KẾ-TOÁN
&
KHAI THUẾ
LỢI TỨC
TRẦN ÁNH TUYẾT
 806 College St.
 (góc Ossington)
(416) 588-4256

Nhận chuyển hồ-sơ
trực-tiếp lên sở thuế
qua đường dây điện-tử

TRONG SỐ NÀY:

Thư toà-soạn.....	2
Thế giới 90 ngày qua.....	3
Chuyện người chuyện ta: Đầu năm, nhắc chuyện cũ bàn việc mới, Sơn Tùng.....	4
Trời xuân ngày Tết, Nguyễn Văn Thông.....	11
Chiêm bao chớp mắt, thơ Trần Văn Lệ.....	15
Những biến chuyển trên thế giới qua các năm Hợi, Mường Giang.....	16
Sơ lược về hát Cải lương, Đào Đức Chương.....	21
Ôi! xuân Tết, thơ Phạm Cây Trâm.....	28
Như thân gỗ mục, truyện ngắn Ngọc Anh.....	33
Nghe lạnh về nhớ một bàn tay, Phạm Ngũ Yên.....	39
Tình xuân, thơ Phan Long Yên.....	45
Con gà xám chông, truyện ngắn Phùng Nhân.....	46
Không có Tết giữa mùa xuân, truyện ngắn Hoàng Nga.....	57
Thằng Linh, thằng Lượm, truyện ngắn Nguyễn Trung Tây.....	63
Thiếu-phụ Nam Xương, truyện ngắn Hoàng Du Thụy.....	71
Vấn mơ một sớm tao phùng, thơ Tuệ Nga.....	73
Vạn điều khó nói, truyện ngắn Hoàng Chính.....	75
Thuyền xưa, truyện ngắn Phan Các Chiêu Hằng.....	78
Chỉ là hạt bụi, thơ Lê Hữu Minh Toán.....	82
Ngan ngát hương sen, Dương Phương Ý.....	84
Hoài hương, thơ Hoài Hương.....	88
Ông và cháu, truyện ngắn Lê Hoài Niệm.....	89
Xuân ở tại lòng, thơ Việt Liễu.....	90
Bóng đen dĩ vãng, truyện dài Tống Minh Long Quân.....	91
Khai bút đầu xuân, thơ Trần Ngân Tiêu.....	96
Tiếng mõ trong đêm, truyện dài Phùng Nhân.....	99
Xuân ý, thơ Triều Vân.....	102
Đêm trừ tịch, thơ Phan Long Yên.....	105
Núi đoạn sông lã, truyện dài Ngô Nguyên Dũng.....	106
Đưa em về miền xa, thơ Nghiêu Minh.....	111
Độc giả thắc mắc, Bút Chì.....	113
Lúc chiều về, thơ BHT.....	114
Cười Chết Bỏ, Cả Cười.....	115
Chỉ một lần thôi!, thơ Ý Nga.....	117
Tài liệu: Kháng thư của đảng Thăng Tiến Việt-Nam.....	118

Tranh bìa: Gái Xuân của Nguyễn Nhật Tân

Chủ-nhiệm / Chủ bút: Nguyễn Hữu Nghĩa
Trị-sự: Nguyễn Hương

Chủ lực:

Bùi Hữu Trí - Bút Chì - Cả Cười - Cao Hoàng Nhân
Cung Vũ - Diên Khánh - Hoàng Chính - Hoàng Nga
Hồng Huy - Lê Hữu Mục - Mỗ Làng Văn - Ngọc Anh
Ngô Nguyên Dũng - Nguyễn Phong
Nguyễn Hoài Phương - Nguyễn Nhạn Sơn
Nguyễn Văn Cường - Nguyễn Văn Ngọc
Nguyễn Văn Thông - Phan Long Yên - P. Đan Hà
Phùng Nhân - Sơn Tùng - Thái Văn Kiềm - Thuý Sơn
Tuệ Nga - Tống Minh Long Quân - Trần Văn Tích
Trần Văn Lệ - Vạn Giã - Văn Nương
Việt Chì - Việt Thao Đào Đức Chương - Xuân Tước

Cộng-tác:

Bùi Xuân Vũ - Cao Xuân Lý - Dương Phương Ý
Đào Trường Phúc - Đông Nghi - Đỗ Quang Vinh
Hà Ngọc Lân - Hải Ngự - Hoàng Du Thụy
Hoàng Hải Thủy - Hoàng Quân - Hồ Đình
Huy Vũ - Khải Chính - Lan Cao - Lãng Nhân
Lâm Thúy - Lâm Nam Triều - Lê Hoài Niệm
Lê Hữu Minh Toán - Lê Mai Linh - Lê Xuân Nhị
Linh Phương - Minh Đạo - Minh Đức Hoài Trinh -
Mường Giang Nghiêu Minh - Ngọc An - Ngô Du Trung
Ngô Sỹ Hán - Nguyễn Hoàng Bảo Việt
Nguyễn Bá Đình - Nguyễn Đăng Tuấn
Nguyễn Gia Tiến - Nguyễn Mạnh An Dân
Nguyễn Phù Sa - Nguyễn Thị Lộc Quy
Nguyễn Trung Tây - Nguyễn Tư - Nguyễn Ước
Nguyễn Xuân Hiền - Nguyệt Cầm
Phạm Cây Trâm - Phạm Hồng Đạm - Phạm Ngũ Yên
Phạm Quang Ngọc - Phạm Thắng - Phạm Thành Châu
Phan Các Chiêu Hằng - Phan Thịnh - Sơn Nghi
Thành Văn - Thủy Trang - Tiểu Tử - Tôn Nữ
Trần Chính Trực - Trần Mộng Lâm - Trần Minh Hải
Trần Ngân Tiêu - Trương Sĩ Lương - Trường Xuân Triệu
Tuệ Anh - Vạn Lam - Vi Vi - Việt Liễu - Việt Phương
Vinh Hoà Hiệp - Vinh Thao - Vy Khâm
Võ Phiến - Ý Nga

Tranh: Nguyễn Nhật Tân

Góp tranh, ảnh:

Anh Châu - Bùi Mỹ Hoa - Cung Vũ - Lê Quang Xuân
MNH - Nguyễn Khai - Nguyễn Đồng - Nguyễn Thị Hợp
Tăng Sở Dương - Thái Tuấn - T. Nguyễn
Vi Vi - Vũ Thái Hòa

Tri-ân các cộng-tác-viên quá-cổ:

Thanh Nam, Trần Cao-Lĩnh, Từ-Vi Lang, Đan Quế,
Bình Nguyên Lộc, Nguyễn Tất Nhiên, Kinh Tân
Phạm Văn Cường, Lê Thao Chuyên, An Khê, Ngọc Khôi
Duyên Anh, Trương Ái Minh, Vi An, Mai Thảo, Tô Giang
Nguyễn Đình Hoà, Nguyễn Văn Ba
Nguyễn Xuân Lê - Vũ Kiện, Quỳ Hương,
E.P. (Lê Kiều Phương),
Đình Huỳnh, Đan Quế, Huỳnh Hữu Cầu,
Nguyễn Nhật Tân, Hứa Hoành, Xuân Vũ, Trần Ngọc,
Ngô Mạnh Thu, Tạ Ty, Phạm Đình Tín, Bạch Thái Hà
Nguyễn Huy Phước

GIÁ BÁO BÁN LẺ (NĂM 2007)

Gia-nã-đại: 7.50 gia-kim
Hoa-kỳ: 7.50 mỹ-kim
Pháp: 10 âu-kim
Úc: 12 úc-kim
Mua báo dài hạn:
xem Lê Làng trang 120

Đại-diện Làng Văn

. MASSACHUSETTS:

Hoàng Thị Kim Sinh
Điện-thoại:
(781) 961-3467

. TEXAS:

Trương Sĩ Lương
Điện-thoại:
(817) 265-6356

. BẮC CALIFORNIA:

Đông Nghi
Điện-thoại:
(408) 687-9332

. LITTLE SAIGON, CALI:

Ngọc Vân
Điện-thoại:
(714) 893-2018

. FLORIDA:

Linh Phương
Điện-thoại:
(407) 578-8006

. HAWAII:

Bà Trần Ngọc
Điện-thoại:
808-942-4648

. HOÀ LAN:

Hồ Thị Chiến
Điện-thoại:
0229-231-666

. ĐỨC:

Dr. Ngô Việt Dũng
Điện-thoại:
2316-56949

. Úc:

Đan Hà
Nguyễn Văn Tạ
Điện-thoại:
02-9726-7652

thư toà-soạn



Đầu năm, thay mặt toàn-thể nhân-viên toà-soạn và ban biên-tập, chúng tôi xin kính chúc quý độc-giả và thân-hữu một năm mới an-hành, thịnh-vượng và hạnh-phúc.

Cũng nhân dịp này, chúng tôi xin phúc-trình về một số thay-đổi nhỏ, như sau:

- Về hạn kỳ, như đã thông-báo trước, Làng Văn trở thành quý san, xuất bản bốn lần một năm, kể từ số này.

- Về hình-thức, theo đề-nghị của đa số độc-giả, biên-tập-viên và thân-hữu, Làng Văn sẽ tiếp-tục in theo khổ tạp-chí và đóng kim, giữ cho tờ báo có một khuôn-khổ đồng nhất, giúp quý độc-giả dễ-dàng hơn trong việc đóng tập.

Ngoài ra, báo được in trên giấy trắng (premium) và dày hơn (35 lbs thay vì 30 lbs), cỡ chữ 11pt thay vì 11,5pt như trước. Báo cũng bắt đầu in bằng kỹ-thuật digital, đẹp-dễ để đọc, hình-ảnh sáng-sủa dễ nhìn hơn. Tòa-soạn phải trả thêm 50% ấn-phí cho sự cải tiến này. Để ứng-phó với sự gia-tăng về ấn-phí và cước-phí gửi báo, giá báo bán lẻ và dài hạn sẽ thay đổi theo:

- Giá bán lẻ trong Gia-nã-đại: 7,50 gia-kim; Hoa-kỳ: 7,50 mỹ-kim; Âu-châu: 10 âu-kim; Úc: 12 úc-kim.

- Giá báo dài hạn (một năm) trong Gia-nã-đại: 30 gia-kim; Hoa-kỳ: 40 mỹ-kim; Âu châu: 50 mỹ-kim (hoặc 40 âu-kim).

Sau 23 năm, số độc-giả cao-niên của Làng Văn đã ra đi rất nhiều, và không có lớp độc-giả trẻ để thay-thế. Từ 2005, tờ báo không có lợi nhuận. Để có điều-kiện duy-trì tờ báo, kể từ 2007, toàn-thể nhân-viên toà-soạn và ban biên-tập, trị-sự sẽ làm việc và hợp-tác với tính-cách thiện-nguyên, không lương, không nhuận bút.

Ước-mong quý độc-giả và thân-hữu thấu-hiểu và giúp-đỡ chúng tôi giữ được nhịp cầu văn-hoá này.

Kính thư,
Làng Văn

thế giới 90 ngày qua



Tại Hoa-lục, thống-kê cho biết kể từ khi nhà nước ban-hành luật “mỗi gia-đình chỉ được để tối đa 1 con” vào năm 1979 tới nay, đã có tới 60 triệu bé gái bị giết, một phần vì quan-niệm trọng nam khinh nữ, nhưng lý-do chính là vì vấn đề an-sinh xã hội khi về già (con trai cưới vợ và nuôi bố mẹ già, con gái đi làm dâu nhà người, bố mẹ không nhờ cậy được nhiều).

Theo báo *The Weekend Standard*, Hoa lục lâm nạn trai thừa gái thiếu, 20% các đấng mày râu phải “ở vậy” trọn đời, không tìm đâu ra vợ. Theo tính toán của những nhà dân số học, hậu quả của chính sách (1 con) và truyền thống (trọng nam) này đã giết hại ít nhất 60 triệu bé gái bằng nhiều cách từ phá thai, bóp mũi, bỏ rơi sau khi sinh ra.

Theo sự tìm hiểu của Hoa-kỳ là nước xin con nuôi từ Trung Cộng nhiều nhất, năm 2006, Mỹ chỉ xin được 6493 trẻ em Trung Quốc làm con nuôi, tỷ lệ giảm hơn năm ngoái là 18%. Trung Cộng mới đây lại ra thông báo, sẽ siết chặt hơn nữa điều kiện xin con nuôi, vì số trẻ em ở các viện mồ côi không đủ cung ứng. Trong khi đó, số trẻ bụi đời lang thang đầu đường xó chợ ngày càng tăng!

Tại A-phú-hãn, quân lực NATO loan báo kết quả một trận không tập nhắm đánh vào bộ chỉ huy du kích tại quận Musa Qala trong tỉnh Helmand, miền Nam

Afghanistan, đã giết một người chỉ huy du kích và một số thuộc hạ của y. NATO cũng công bố hàng loạt thành công gần đây trong nỗ lực lùng diệt các thủ lĩnh du kích, trong đó có phụ tá của Mullah Omar. Tin chi tiết cho biết trận không tập cuối tháng 1.2007 nhắm mục tiêu ở ngoài phạm vi thị trấn Musa Qala, là địa phương thuộc quyền kiểm soát an ninh của bộ tộc, theo thỏa ước giữa các bộ lão và Tỉnh Trưởng. Thỏa ước này cấm binh sĩ NATO tới Musa Qala. NATO xác nhận trận không tập không vi phạm giao ước đó.

Tại Iran, chính quyền xứ này ra lệnh cấm 38 thanh tra của cơ quan nguyên tử năng quốc tế (IAEA) nhập cảnh, để trả đũa nghị quyết trừng phạt của Hội-đồng Bảo An Liên-hiệp-quốc. Ngoại Trưởng Mottaki cho biết, có một số thanh tra được tiếp nhận, nhưng Iran giành quyền quyết định những ai bị từ chối.

Tại Iraq, hai vụ bom nổ gần liền nhau tại một khu thương mại ở trung tâm Baghdad gây thương vong cho 256 người. Chưa hết, ngày 2.2.2007, một xe vận tải chở bom tự sát tông vào chợ, nổ tung, chết 134 người, bị thương 300 người, tất cả đều là người Iraq. Các vụ nổ này là tín hiệu cho thấy quân nổi dậy Sunni vẫn tiếp tục chiến dịch bạo động chống các mục tiêu Shites. Trong tuần lễ

trước đó, 142 người bị giết (gồm 65 sinh viên).

Trước khi xảy ra hai vụ nổ, các tay súng bắn chết một cô giáo trên đường đến trường ở xóm Sunni thuộc khu City Baghdad.

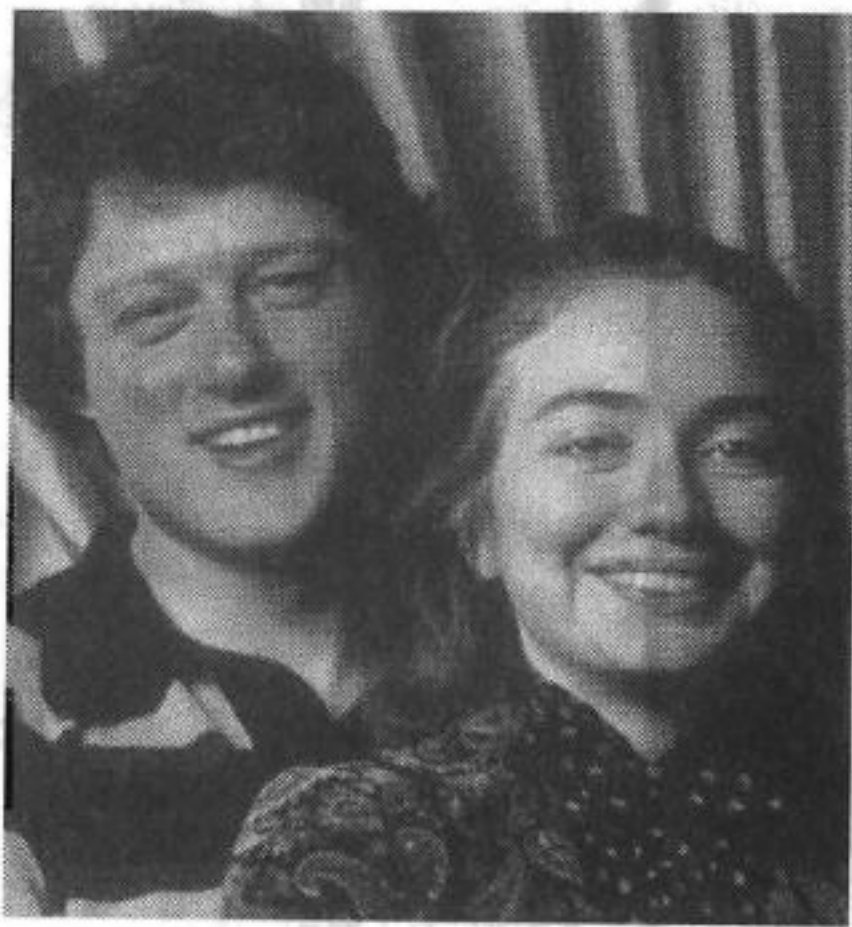
Tại Do-thái, hai phe Fatah và Hamas chấp nhận đình chiến. Tình hình được mô tả là yên tĩnh ở hầu khắp dải đất này, và Thủ Tướng Haniyeh lên tiếng hô hào toàn dân ngăn ngừa sự tái phát bạo động.

Trong lúc đó, Do-thái trả đũa vụ đánh bom tự sát tại Eilat, bằng một trận không tập nhắm đánh đường hầm gần biên giới Gaza.

Mặt khác, lần đầu tiên trong lịch-sử, Do-thái đã mời một viên chức theo đạo Hồi làm bộ-trưởng.

Tại Mỹ, nghị sĩ Hilary Rodham Clinton (tiểu-bang New York) đã tuyên bố chuẩn bị tranh cử tổng thống năm 2008. Đây là ứng cử viên nữ giới đầu tiên chạy đua vào toà Bạch-ốc.

Về xã hội, cựu chiến binh Thế Chiến 2, ông Jim Wilson Two, 84 tuổi và vợ là bà Shirley 79 tuổi cùng với 3 con trai đã nhận trúng giải xổ số độc đắc Powerball trị



Bill Clinton và Hilary Rodham
trong tuần trăng mật

giá hơn 254 triệu mỹ-kim, là một những giải lớn nhất trong lịch sử Hoa Kỳ. Trong buổi họp báo, ông Wilson nhận rằng ông vô cùng sung sướng, và vẫn cảm thấy là không tin được. Vé trúng mua tại một tiệm tạp hóa ở quận St Louis. Tiệm này được chia 50.000 mỹ-kim. Gia đình Wilson đã tìm tham vấn chuyên nghiệp trước khi nhận trúng giải độc đắc. Hai cậu con trai của ông, Bill 54 tuổi và Jim Three 59 tuổi mất việc trong một năm qua. Bill đã có việc mới, trong khi Terry 53 tuổi, dự định sẽ du lịch Úc-châu vì chưa nghỉ hè lần nào trong suốt 30 năm qua. Ông Jim Wilson Two là thợ điện về hưu, thời Thế chiến từng phục vụ sư đoàn Dù 82 ở Âu Châu và Phi Châu.

Hôm 1.2.2007, một cơn bão lốc bất ngờ tàn phá miền Trung Florida với sức gió 250 cây số giờ, 21 người chết.

Tại Anh, cảnh sát đi tuần trước một căn nhà ở đường Jackson, Birmingham, miền trung Anh Quốc hôm 31.1.2007, đã bắt 9 người, phá vỡ một âm mưu khủng bố. Những người bị bắt là công dân Anh gốc Pakistan, ngụ trong nơi đông người Hồi Giáo ở Birmingham, bị buộc tội dự tính bắt cóc, tra tấn và chặt đầu một quân nhân Anh để quay phim đưa lên mạng Internet.

Tại Úc, lực lượng đang tiếp tục chiến đấu với lửa rừng ở miền Tây của lục địa này. Theo bộ Môi Sinh, ít nhất 8000 mẫu tây đã biến thành tro than. Sét đánh gây ra hàng

loạt đám cháy ở phía Bắc và phía Nam thành phố Perth.

Trên 40 đám cháy giữa Geraldton và Albany đã bị dập tắt, nhưng còn 3 đám cháy lớn. Lính cứu hỏa đã dùng xe ủi đất để khai quang và bao vây 2 đám cháy ở các công viên bảo tồn.

Úc bị cháy rừng đe dọa sau một thời gian khô hạn gay gắt. Trong 40 năm qua, cháy rừng vào mùa hè đã gây thiệt mạng trên 250 người Úc.

Tại Canada, tòa án Vancouver bắt đầu xét xử Robert Pickton về tội giết 26 phụ nữ rồi xay tử thi ra cho heo ăn.



Robert Pickton

Bị cáo bị giam giữ gần 5 năm nay, đã được xe bọc sắt đưa tới pháp đình. Đa số nạn nhân là những phụ nữ nghiện ma túy hay bán dâm ở khu phía Đông Vancouver.

Robert Pickton bị tình nghi thủ-tiêu 50 phụ-nữ, nhưng cảnh-sát chỉ tìm được tang-chứng cho 26 vụ. Vụ xử có thể sẽ kéo dài hơn một năm. ●



Trong năm vừa qua, cuộc chiến tại Iraq vẫn là chuyện được nói tới nhiều nhất tại Mỹ, và sẽ còn được nói tới nhiều hơn trong năm nay.

Được nói tới nhiều vì người Mỹ càng ngày càng chia rẽ về những gì đang xảy ra tại Iraq. Sau hơn ba năm đem quân lật đổ chế độ độc tài Saddam Hussein, Mỹ đã tiêu hơn 400 tỉ đô-la, chết hơn 3 ngàn quân lính, Iraq đã có chính phủ dân cử và có hiến pháp dân chủ, nhưng hai giáo phái đạo Hồi Shiite và Sunni vẫn tiếp tục kình chống nhau, và máu vẫn đổ trên đường phố Baghdad mỗi ngày do những vụ nổ bom tự sát của quân khủng bố. Saddam Hussein đã bị kết án tử hình và bị treo cổ, nhưng chính phủ Iraq vẫn chưa văn hồi được an ninh và còn có nguy cơ đi đến nội chiến.

Để cứu vãn tình hình, tối 10.1.2007 Tổng thống Bush đã phải lên truyền hình tường trình với quốc dân, nhìn nhận những lỗi lầm và loan báo quyết định bổ sung 21 ngàn quân cho Iraq để tái lập trật tự, giúp chính phủ Iraq tự cai quản đất nước và Mỹ có thể rút quân. Nhưng kế hoạch tăng quân của ông Bush tức thì gặp sự chống đối của phe phản chiến, nhất là tại Quốc Hội do Đảng

Đầu Năm, Nhắc Chuyện Cũ Bàn Việc Mới

Sơn Tùng

Dân Chủ vừa nắm lại đa số trong cuộc bầu cử vào tháng 11 năm qua. Những người này nói rằng “21 ngàn quân là quá ít cho chiến trường Iraq và quá nhiều phí phạm máu xương của dân Mỹ”, và gọi Iraq là “Việt Nam của Bush”.

Diễn hình cho lập luận của phe phản chiến là một bài trên tờ *New York Times* ngay trong số ngày hôm sau (11.01) đã kích quyết định “leo thang chiến tranh” của ông Bush, được mở đầu (tạm dịch) như sau:

“Tối hôm qua, Tổng thống Bush đã nói với dân Mỹ rằng nếu thất bại ở Iraq sẽ là một thảm họa. Nhưng thảm họa thực sự

chính là cuộc chiến tranh tại Iraq của ông Bush; và ông đã có cơ hội để chấm dứt tung hỏa mù và tỏ ra thành thật với người dân nhưng ông ta đã không nắm lấy cơ hội ấy.

“Dân chúng Mỹ trông đợi được nghe một kế hoạch cụ thể nhằm đưa quân đội Mỹ ra khỏi hiện tình bi đát do Tổng thống Bush tạo ra. Ngược lại, dân Mỹ chỉ được nghe những điều mơ hồ về các thắng lợi trong cuộc chiến chống khủng bố, và về việc xây dựng một ‘thế chế dân chủ mới’ tại Iraq. Nói khác, đó chỉ là mảnh khoé của ông tổng thống đương nhiệm cố kéo dài thời gian nhằm đẩy cho tổng thống kế tiếp gỡ rối cái mớ bòng bong hiện nay.

“Dù ông Bush cũng thú nhận vài chiến thuật trước đây của ông ta đã thất bại, nhưng ngay chính điều này, lời nói của ông nghe như của một người khách lữ thứ, ngẫu nhiên tới thăm Iraq. Ông Bush thuật lại sự thất bại của các nỗ lực trong năm vừa qua nhằm tái lập trật tự tại thủ đô Baghdad, làm như thể Bạch Cung và Ngũ Giác Đài không có trách nhiệm gì cả.

“Dù sao, những lời biện bạch của ông Bush cũng thiếu thuyết phục một cách tẻ nhạt. Dân chúng trông đợi để được nghe Tổng

thống công khai xác nhận rõ ràng rằng: bây giờ, mục tiêu duy nhất còn lại cần đạt tới là rút quân đội Mỹ ra khỏi thế kẹt trong cuộc nội chiến tại Iraq, rút ra bằng cách nào để cuộc tàn sát giữa người Iraq với nhau được giảm thiểu tối đa, và làm sao tránh cho tình trạng hỗn loạn do ông Bush gây ra không lan tràn sang những nước láng giềng.”

Nhưng, không phải người Mỹ nào cũng đồng ý với với tờ *New York Times* và “trông đợi được nghe kế hoạch rút quân”, hay nói nôm na là tháo chạy, như đã tháo chạy khỏi Việt Nam trước đây.

Một bài trên tờ *Washington Times* dưới tựa đề “Another Vietnam: Part II” (Một Việt Nam khác nữa: Hồi Hai) của tác giả Thomas Sowell viết rằng (tạm dịch):

“Những người chỉ trích cách điều hành cuộc chiến tại Iraq của chính quyền Bush lâu nay đòi hỏi ông ta phải thú nhận lỗi lầm. Nhưng những người này đã không thú nhận sai lầm của chính họ trong quá khứ, nhỏ hơn nhiều so với sự thú nhận sai lầm tai hại họ sẽ làm trong tương lai nếu họ ngăn cản được việc duy trì những chiến dịch quân sự tại nơi đó.

“Những người chỉ trích đã chứng tỏ sai lầm liên tiếp trong những tuyên bố của họ rằng những cuộc bầu cử sẽ không thể tổ chức được tại Iraq hay một chính quyền không thể được thành lập tại đó. Người Iraq đã đi bầu, dù là bị đe dọa khủng bố, vượt khỏi số cử tri đi bầu tại Hoa Kỳ...”

“Tính toán sai lầm là quy luật, không có ngoại lệ, trong những cuộc chiến tranh trước kia qua nhiều thế kỷ. Những tính toán sai lầm trong cuộc chiến tranh Iraq có tính cách chính trị chứ không phải quân sự.



Sơn Tùng

“Quân đội của Saddam Hussein đã bị đánh bại nhanh chóng, dứt khoát, và với tổn thất nhân mạng thấp hơn nhiều so với trong các cuộc chiến tranh trước đây. Hiển nhiên đã có số lượng lớn lao quân lính Mỹ để hoàn thành sứ mạng ấy.

“Tổng thống Bush đã đúng khi ông nghe lời giới nhà binh trong việc điều hành chiến tranh. Nhưng lẽ ra ông nên tìm sự cố vấn của giới chỉ huy cảnh sát trong việc duy trì luật pháp và trật tự.

“Vì vậy chúng ta đã không có đủ quân lính cho Iraq và – quan trọng hơn – quân lính chúng ta có đã bị đặt trong quá nhiều giới hạn có tính cách chính trị. Nói một cách thô thiển, họ cần nói với nhiều nhóm võ trang tư nhân tại Iraq rằng hãy buông súng hay bị giết chết...

“Khác biệt căn bản nhất giữa Tổng thống Bush và những người chỉ trích ông ta không phải là ai đã sai lầm, vì cả hai bên đều có sai lầm. Khác nhau lớn nhất là ông tổng thống đã có tầm nhìn xa rộng về cuộc chiến toàn cầu chống lại khủng bố, trong khi những người chỉ trích ông tìm kiếm một sự sửa sai mau chóng.

“Những người chỉ trích tuyên bố rằng không có liên hệ giữa cuộc chiến tranh chống khủng bố và cuộc chiến tại Iraq. Dường như họ không nhận ra rằng bọn khủng bố rõ ràng thấy có sự liên hệ mà chúng đã bày tỏ bằng lời nói và trong hành động.

“Quân khủng bố đã đổ vào Iraq, dù có thể mất mạng, để ngăn cản một chính quyền tự do và dân chủ được thiết lập tại Trung Đông. Chúng thấy chiến thắng hay chiến bại tại Iraq là có một âm vang lớn và lâu dài trong vùng và ngay cả trên toàn cầu.

“Những người chỉ trích hình

như không quan tâm tới bất cứ điều gì sau cuộc bầu cử năm 2008.

“Cả những cá nhân tại Iraq và các quốc gia trong vùng Trung Đông phải làm một cuộc chọn lựa sống chết, căn cứ vào việc họ có được an toàn hơn khi cộng tác với Hoa Kỳ hay là làm đồng minh với quân khủng bố.

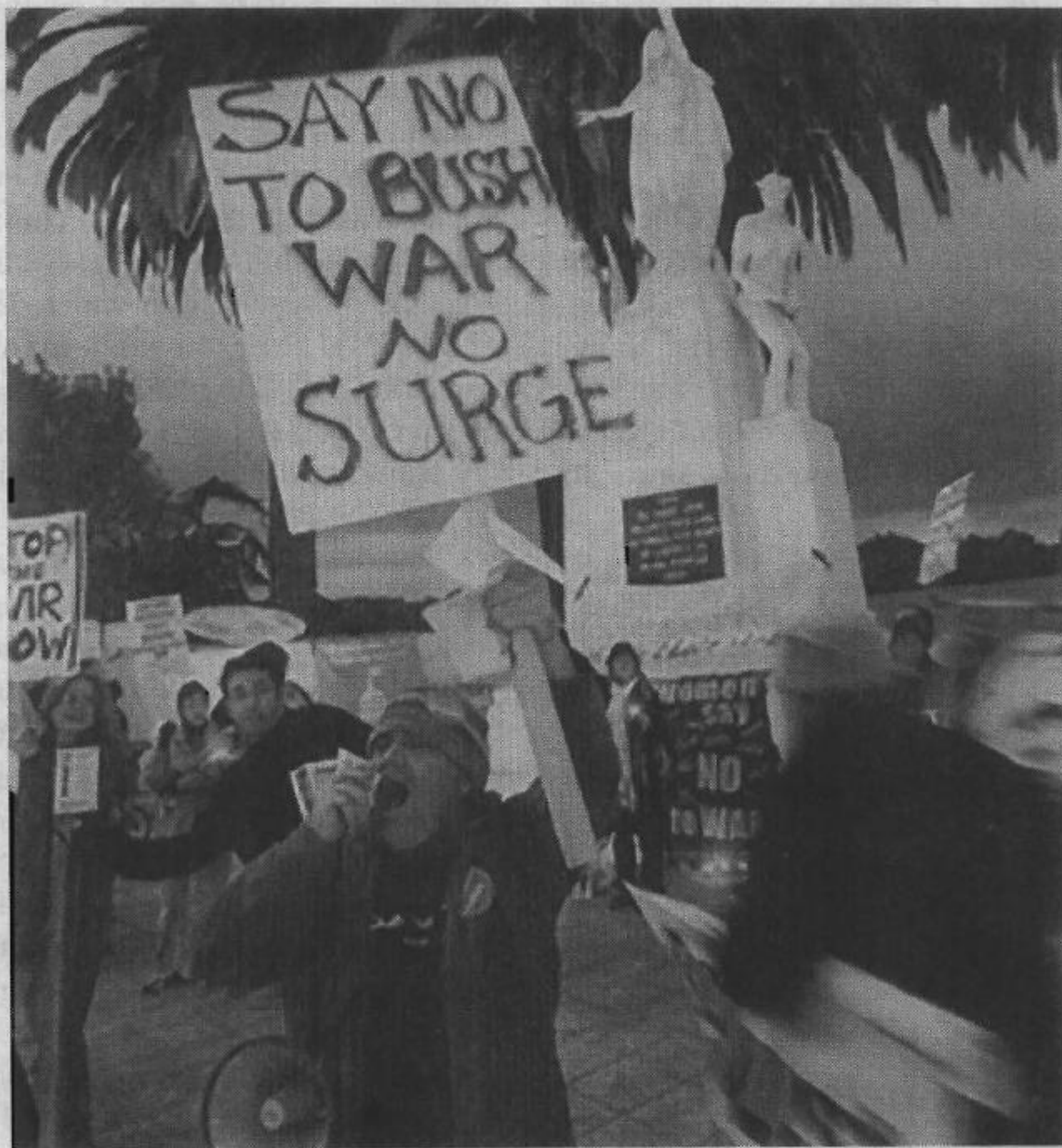
“Nếu Hoa Kỳ ở đây hôm nay và rút đi ngày mai, trong khi quân khủng bố đã trình diễn sức mạnh tại chỗ và sự quyết tâm, chúng ta có thể tiên đoán một sự tái phối trí lực lượng trong một vùng mà dầu của nó là máu của các nền kinh tế toàn cầu.

“Với những kẻ cực đoan cuồng tín kiểm soát cả dầu của Trung

Đông và vũ khí hạt nhân, những gì xảy ra trong cuộc bầu cử năm 2008 có thể trông giống như những củ khoai tây nhỏ so với những hải hùng mà chúng ta truyền lại cho con cái ta.”

Có lẽ vì lý do đó mà ông Bush đã khởi sự cho thi hành kế hoạch tăng quân sang Iraq, bất chấp phe phản chiến la ó, đe dọa, mặc cho tỉ lệ dân Mỹ chấp thuận việc làm của tổng thống xuống tới mức thấp nhất. Trong thông điệp “*State of the Union*” hàng năm đọc trước Quốc Hội tối 23.01, Tổng thống Bush kêu gọi các nhà dân cử hậu thuẫn chiến lược mới của ông vì “nước Mỹ không được thất bại ở Iraq”.

Nhưng, liệu kế hoạch tăng



Dân phản chiến Mỹ biểu tình chống kế hoạch tăng quân của TT Bush

quân có đem lại chiến thắng cho Mỹ tại Iraq?

Có người cho rằng đem thêm quân vào Iraq, Mỹ đã dùng cái yếu của mình để chơi với cái mạnh của kẻ thù. Báo chí Mỹ sẽ tiếp tục la ó và kêu gào đòi rút quân mỗi khi có lính Mỹ chết trên chiến trường, trong khi khủng bố Hồi giáo cực đoan xếp hàng hăm hở ôm bom tự sát để được lên thiên đường với hàng bảy trinh nữ chờ đợi thưởng công cho kẻ tử đạo. Với gần 8 triệu súng cá nhân (trong đó có khoảng 1 triệu khẩu AK) do bại quân Saddam Hussein bỏ lại trong dân chúng, các người sẵn sàng tử vì đạo sẽ hăng say giết nhau không biết đến bao giờ.

Đừng quên Iraq tuy là vùng đất có một lịch sử lâu đời nhưng là một quốc gia chỉ mới được đế quốc Anh tạo ra từ sau trận Thế Chiến I với ba giống dân, dù cùng theo đạo Hồi nhưng khác hệ phái luôn luôn kình chống nhau: Shiite (gần 60% dân số), Sunni (hơn 30% dân số), Kurd (gần 20%). Chỉ bằng chia Iraq thành ba nước độc lập cho ba giáo phái này. Đây có vẻ là một đề nghị “thiếu nghiêm chỉnh”, nhưng biết đâu đó sẽ có lúc là giải pháp cuối cùng, vì thực tế lịch sử đã có nhiều tiền lệ chứng minh. Năm 1947, sau khi được Anh trả độc lập, Ấn Độ đã chia thành hai nước: Ấn và Pakistan mới tạm yên xáo trộn. Rồi đến Pakistan cũng chia hai miền Đông và Tây đánh lẫn nhau, và Đông Pakistan đã tách ra thành nước Bangladesh độc lập. Tiếp Khắc sau khi thoát ách cộng sản cũng bất hòa nội bộ, tuy chưa đánh nhau nhưng cũng không thể sống chung hòa bình, năm 1993 đã phải trưng cầu dân ý và tách ra làm hai nước độc lập: Cộng Hòa Czech và Slovakia. Mới đây nhất, Nam Tư (Yugoslavia) năm

2003 cũng đã phải tách ra thành hai nước Serbia và Montenegro để tránh bắn giết nhau sau khi không còn bị cai trị trong gọng kìm đỏ của nhà độc tài Tito.

Vấn đề Iraq sẽ còn được nói tới nhiều trong năm nay, nhất là khi các ứng cử viên bắt đầu xếp hàng để chạy đua vào Bạch Cung. Ông Bush thì không thể tranh cử nhiệm kỳ thứ ba nên không quan tâm tới việc kiểm phiếu. Ông ta chuẩn bị ra đi và tìm chỗ đứng trong lịch sử. Có vẻ ông Bush hy vọng lịch sử sẽ xét công trạng của ông như trường hợp Tổng thống Harry Truman: không được lòng dân lúc tại chức nhưng sau khi ra đi, lịch sử sẽ ghi nhận là người lãnh đạo can đảm và sáng suốt đã có những quyết định quan trọng trước những mối đe dọa mới của nước Mỹ và thế giới.

Trong bài diễn văn đọc tại lễ mãn khóa sinh viên Trường Võ Bị West Point mới đây, ông Bush đã ca ngợi Truman về việc tái cấu trúc các định chế chính quyền và quân sự để đối phó với mối đe dọa mới của cộng sản sau Thế Chiến II, và đã chứng tỏ sự quyết tâm rõ rệt bằng cách ra lệnh lập cầu không vận để bẻ gãy cuộc phong tỏa Berlin của Liên Xô. Ông Bush nói với các sinh viên tốt nghiệp: “Bằng những hành động đã làm, những định chế đã thiết lập, những liên minh đã được tạo ra, và những học thuyết đã được xây dựng, Tổng thống Truman đã đặt nền móng cho chiến thắng của nước Mỹ trong cuộc Chiến Tranh Lạnh”. Ông ta nói thêm rằng kẻ thù của nước Mỹ ngày nay cũng giống như những kẻ mà Truman đã đương đầu: những kẻ thù theo đuổi một ý thức hệ sát nhân nhằm hủy diệt tự do, nghiền nát mọi đối lập, có

tham vọng lãnh thổ, và áp đặt toàn trị.

Tổng thống thứ 43 của nước Mỹ (Bush) có đi vào lịch sử như tổng thống thứ 32 (Truman) hay không, tương lai sẽ trả lời. Hiện tại, dân Mỹ vẫn là dân Mỹ như thời Truman. Yêu tự do, ham vui, thích hưởng thụ và không thích chiến tranh, chỉ thích đánh nhau trên màn ảnh. Số người chết vì tai nạn (nhất là tai nạn xe cộ) do vui chơi trong một ngày lễ tại Mỹ có thể lớn hơn số lính Mỹ chết cả năm trên chiến trường Iraq... nhưng không làm ai bận tâm, trong khi các chính trị gia và báo chí phản chiến không ngớt la ó, buộc tội ông tổng thống là “sát nhân”, là đẩy thanh niên Mỹ vào chỗ chết, dù đó là những người lính tình nguyện.

Thăm dò dư luận vào đầu năm 2007 cho thấy 86 phần trăm dân Mỹ vừa lòng với đời sống hiện tại, về tiền bạc, nhà cửa, gia đình, công ăn việc làm, sức khỏe, và vui chơi. Có lẽ vì vậy mà không mấy ai thích chiến tranh và chết chóc ở đâu đâu xa lắc. Có vẻ ít người còn nhớ những gì đã xảy ra trong ngày 11.9.2001 tại ngay Thành phố New York và Thủ đô Washington.

Hướng về quê cũ Việt Nam trong những ngày đầu năm để xem dân ta có vừa lòng với đời sống hiện tại hay không thì không gì bằng đọc một bài mới viết của ông Hà Sĩ Phu, nhan đề là “Tổ Quốc và Thơ” đăng trên tờ Tổ Quốc của những chiến sĩ dân chủ trong nước, số 8 – Tháng 1. 2007.

Mở đầu bài viết, Hà Sĩ Phu đã nhắc lại bài thơ “Tổ Quốc bao giờ đẹp thế này chăng?” của Chế Lan Viên viết năm 1965 ở Hà Nội để ca tụng đời sống xã hội chủ nghĩa Miền Bắc dưới sự lãnh đạo của

“Đảng”. Tác giả viết:

“Từ nhà viết Hồ Tây năm 1965 Chế Lan Viên thấy cuộc đời, thấy xã hội Việt Nam đang đẹp quá rồi (cứ cho là ông nghĩ thế thật), nhưng nghĩ rằng cái đẹp hoành tráng ắt phải phát ra từ sông từ núi, ông bèn gọi Sông Hồng ra làm kẻ phát ngôn:

Hỡi Sông Hồng tiếng hát bốn nghìn năm

Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng?

Sông Hồng bèn đáp ngay tắp lự:

Chưa đâu ! Ngay cả trong những ngày đẹp nhất...

Rồi Sông Hồng nói rất cụ thể: Những thời đẹp nhất của Việt nam từ trước đến nay với những chiến công hiển hách của Nguyễn Trãi, Hưng Đạo, Quang Trung, với những kiệt tác như Kim Vân Kiều... cũng chưa thể sánh với cái đẹp hôm nay!

Thực ra hỏi để mà hỏi thôi, chứ Chế thi sĩ thừa biết Sông Hồng sẽ trả lời như thế nên mới hỏi. Sông Hồng nói như Đảng nói. Khi Đảng đã tuyên bố với cả núi sông rằng Đảng quyết thực hiện “sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện và tuyệt đối” thì Sông Hồng chứ “ông cụ thân sinh” ra Sông Hồng cũng không dám nói khác.

Thế là Chế thi sĩ bắt đầu yên tâm và triển khai.

Là “nhà thơ trí tuệ” bậc nhất ông hiểu linh hồn của Tổ quốc chính ở nơi con người, nên bên cạnh những vẻ đẹp của những “chiến công”, những “sự nghiệp” (như đánh thắng tướng Đờ Cát, những cánh đồng hợp tác lúa vàng bội thu, những mùa nhãn Hưng Yên, những mẻ thép Thái Nguyên, những công trình thủy điện...), ông tập trung ca ngợi vẻ đẹp của những con người. Những con người hiện ra trước mắt ông

toàn là những người sung sướng, yêu thương nhau, anh hùng và vĩ đại.

Ruộng đoàn tụ nên người thôi chia cắt

Đêm no ấm, giọng chèo khuya khoan nhặt

...

Mỗi trang thơ đều dội tiếng ta cười!

“Vóc nhà thơ” thì “đứng ngang tầm chiến lũy”. Thậm chí “*Mỗi chú bé đều nằm mơ ngựa sắt*”, tức là cũng có khả năng thành một Phù đổng Thiên vương!

Khi từng bộ mặt “con người mới Xã hội chủ nghĩa” đều đẹp như thế thì mặt trời cũng muốn thức dậy thành người Việt nam:

Mặt trời đến mỗi ngày như khách lạ

Gặp mỗi mặt người đều muốn ghé môi hôn...

“Ca” nhau tài đến thế là cùng!

Xúc động nhất khi ta thấy nhà thơ mũi lòng “*Thương thay những thế kỷ vắng anh hùng*”! Ở một xã hội mà châu báu đã dư thừa (ra ngõ gặp anh hùng) thì lòng thương vẫn thường “bao la” như thế!

Thế là cái thực tế trước mắt thì vô cùng tươi đẹp rồi, nhưng Chế Lan Viên lại tài hơn Tố Hữu ở chỗ chưa coi đó là “*Thiên đường của các con tôi*” chưa coi đó là “đỉnh cao muôn trượng” mà còn mở triển vọng ra đến vô tận:

Những ngày tôi sống đây là ngày đẹp hơn tất cả

Dù mai sau đời muôn vạn lần hơn

Theo ông dưới sự lãnh đạo của Đảng thì ngày tháng nào cũng đẹp, và càng ngày càng đẹp (chỉ có đẹp trở lên thôi), nhưng ông chọn cái hôm nay là đẹp nhất chỉ vì đây là “...*buổi Đảng dựng xây đời, mắt được thấy dòng sông ra gặp bể*”.

Mới ở cửa bể mà đã đẹp thế này, thì khi vẫy vùng ngoài biển lớn sẽ sung sướng đến chừng nào, ai mà hình dung ra được nhỉ? Tài thật.

Nhưng đọc một bài thơ ca ngợi chế độ tài tình như thế, ta không khỏi thắc thỏm một mối lo: xã hội (năm 1965-66) mới đẹp đến mức này nhưng may mắn có một thi sĩ thiên tài như thế để mô tả, nếu mai sau lại còn đẹp hơn nữa thì lấy đâu ra thiên tài thứ hai mà ca ngợi cho xứng đây? Xã hội thì hàng ngày hàng giờ cứ bay lên như Phù Đổng, thử hỏi 40 năm sau chẳng hạn thì sự vĩ đại sẽ kinh khủng đến nhường nào, và lúc ấy ai sẽ là người mô tả nổi nó đây?

Câu hỏi khó thế mà Thời đại cho câu trả lời ngay nhõn tiền: Thì đây, đúng 40 năm sau, năm 2006, với bài thơ “*Thế này là thế nào ...*” mối lo ấy đã được giải đáp.”

Và dưới đây là phần thứ hai của bài viết, ông Hà Sĩ Phu giới thiệu bài thơ “*Thế này là thế nào...*” của một người ký là (bí danh) Trần Ái Dân:

“Đã xong bài thơ khai vị, tôi xin trở lại với bài thơ chính mà tôi đã giới thiệu lúc đầu để cùng nhau “nhấm nháp”. (Xin cứ nhấp một ngụm rượu Chế Lan Viên khai vị, rồi lại “nhấm” một “miếng” thơ dân dã Ái Dân cho hai thứ song hành, đối chiếu, quện vào nhau mà nâng thi vị của nhau lên).

THẾ NÀY LÀ THẾ NÀO ...

Thời buổi thế này là thế nào hả giờ

Làm xit lớp xe – đình rải đầy đường xá

Giữa phố đông người rạch mặt người

*Khách tàu hỏa tha hồ ăn đá
Thời buổi thế này là thế nào*

hả giờ

*Các cô gái ra đường mong
phải độn các-tông*

*Sợ những mũi kim tiêm cấm
pháp*

*Kim bết si đa đâu phải vô
trùng*

*Thời buổi thế này là thế nào
hả giờ*

Đến cục cắt cũng là cắt rơm

*Nông phu phải miết tay, phải
người kiểm tra*

*Người ta luyện đất sét giống
cắt người ghê gớm*

*Thời buổi thế này là thế nào
hả giờ*

*Trò giữa lớp phang Thầy, con
nặng Cha trước bàn thờ tổ*

Thịt lợn quay bôi véc ni đồ lự

*Fóc-môn ngâm xác người pha
bánh phở cho ngon*

*Thời buổi thế này là thế nào
hả giờ*

*Xương trâu bò thế xương liệt
sĩ*

*Trâu bò lên ngôi "Tổ quốc ghi
công"*

*Được toàn dân dâng hoa, quỳ
bài bá lễ*

*Thời buổi thế này là thế nào
hả giờ*

*Vua xuất xứ từ một anh hoạn
lợn*

*Diễn văn eng éc tiếng lợn kêu
Đất nước tàn tạ xót xa*

*Triều đình cần xé thối tha
Vua vấy tai nhờn nhờn, hếch*

mũi lên hơn hơn

*Thời buổi thế này là thế nào
hả giờ*

TRẦN ÁI DÂN

Bức chân dung thật của nhân dân mình, hình hài thật của Tổ quốc mình là thế nào đây? Câu hỏi ấy nhà thơ thượng thặng Chế Lan Viên đã hỏi rồi, và đã được núi sông giải đáp rồi, sao Ái Dân còn phải băn khoăn hỏi lại?

Phải hỏi lại vì sách vở gì, văn

thơ gì cũng không đánh đổ được thực tế. Những khuôn mặt của những kẻ rả đĩnh, ném đá, cấm kim tiêm bết máu si đa, những khuôn mặt trò phang thầy, con nện cha, nặn cứt giả và hài cốt liệt sĩ giả, những khuôn mặt cắn xé nhau tranh bả cung đình... kinh tởm thế, liệu mặt trời kia còn có thể "ghế môi hôn" được không? Không lẽ mặt trời cũng xạo? Nên phải hỏi xem "Thế này là thế nào hả giờ". Con người đầy ấp tình yêu thương, đoàn kết, anh hùng, giàu lý tưởng... hay ty tiện, gian trá, lọc lừa, lì lợm, tàn ác, lưu manh, vô giáo dục, lòng người chai lỳ, thất vọng và ly tán? Hay hiện thực nằm trong cả hai bài thơ, "hiện thực xã hội chủ nghĩa" và "hiện thực dân gian"?

Bảo Ái Dân cường điệu ư? Không đâu, Ái Dân chỉ mới đưa ra vài nét chấm phá, thực tế còn khủng khiếp gấp vạn lần.

Những ngư dân Hậu Lộc đói rách quanh năm, phải đánh cá với chiếc thuyền nát tại lãnh hải của Tổ Quốc mình, bị người ta bắn chết để thị uy và vu cho tội xâm phạm lãnh hải của người ta để ăn cắp lưới, mà các cấp chính quyền trên dưới đều ra rả hòa theo. Dư luận về mười sáu tấn vàng không cánh mà bay, nhân dân không được biết tung tích. Chuyện mục Nam Quan, thác Bản Giốc và bao nhiêu cao điểm quân sự để phòng thủ đất nước bỗng dưng chui về lãnh thổ người ta. Tất cả những dấu hỏi như thế mà cả mấy trăm nghị sĩ mũ cao áo dài không một ai dám hé răng, không một cánh tay dám giơ lên chất vấn, mà lại kênh kiệu rử lòng "thương" cho "những thế kỷ vắng anh hùng" thì thật là những não trạng điên loạn.

Ở những xứ sở "vắng anh hùng" chắc chắn những vấn đề ấy đã có nhiều người lên tiếng chất

vấn. Đáng "thương" chẳng là "thương" cho giới cầm quyền của các nước ấy: làm Tổng thống, Thủ tướng mà chẳng được quyền tự tung, tự tác, quyền trói tay bịt miệng nhân dân, quyền tự do lừa dân đi hưởng này hưởng nọ như "dắt trâu bò" (chữ của chủ tịch Hồ Chí Minh).

Có nghe không tiếng khóc của những gia đình ngư phủ chết oan, của những em gái ngây thơ bị phơi trần cho thiên hạ chọn, hay bị bán thử một đêm cho những tên vô lại nước ngoài..., có nghe không những tiếng rên la của người dân bị cướp nhà cướp đất, những lời uất nghẹn của hàng nghìn vụ án oan sai mỗi năm...? Hay chỉ nghe thấy "giọng chèo khuya khoan nhặt", thấy "mỗi trang thơ đều dội tiếng ta cười" (và tự hào rằng tiếng cười ấy là do Nguyễn văn Trỗi dạy cho!), nghe tiếng "chim cu gẩn, chim cu gáy xa xa", và nghe cả tiếng hát bốn nghìn năm của Sông Hồng nữa?

Đừng thắc mắc sao Sông Hồng lại "hát" những lời y như một cán bộ tuyên huấn của Đảng, vì Chế Lan Viên đã giải thích ngay:

Ta tựa vào Đảng ta, lên tiếng hát!

À ra thế, phải tựa vào Đảng mà hát, chứ có phải cứ đứng thẳng giữa trời mà hát được đâu? Đứng trong dàn đồng ca của Đảng, dẫu là Lịch sử, là Sông Hồng, hay là Trường sơn gì nữa thì cũng phải hát theo bè, theo cánh tay người bắt nhịp chỉ huy.

Nên ta chẳng trách chỉ một thi sĩ có tài như Chế Lan Viên. Chẳng qua trong dàn đồng ca ông có chất giọng tốt hơn thì phải lĩnh xướng. Cái quý của ông là sau giờ lĩnh xướng ông đã lùi ngùi nghĩ về thân phận "xướng ca" của mình. Ông đã biết tự phủ định mình

trước khi bị thực tế phủ định.

Một trí tuệ mẫn cảm như Chế Lan Viên đã biết trước sẽ có ngày “*Những người ấy nhắc những bài thơ tôi làm, mà tôi xấu hổ*”. Ông đã tự nhủ thầm những tác phẩm tô hồng như bài “*Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng*” chẳng qua chỉ là “*Bánh vẽ*”.

Chỉ một bài thơ “*Bánh vẽ*”, một bài “*Trừ đi*”, một bài “*Ai, tôi!*” trong phần di cảo Chế Lan Viên đã đủ để hậu thế cảm thông cho ông, xoá hết cho ông mọi lỗi lầm mà về một mặt nào đó có thể coi là bất khả kháng. Ông vẫn là một bậc thầy của thi ca. Chỉ có phần bù ngùi tiếc cho ông thôi. Dẫu có lấy nhãn quan đời sau mà phê phán ông, vẫn không thể không dành lại một phần mền yêu và khâm phục tài thơ.

Non sông, tổ quốc là hình tượng thiêng liêng cao quý của mỗi dân tộc. Loài người đã định nghĩa Tổ Quốc từ nghìn đời rồi, thiết nghĩ chẳng cần nói lý thuyết làm chi. Nhưng hễ cái gì là thiêng liêng cao quý là y như rằng có kẻ muốn chiếm đoạt, muốn dùng làm của riêng, thậm chí còn muốn đổi tên Tổ quốc, gò Tổ quốc vào cái khuôn thể chế chính trị nhất thời của mình.

Năm nay là năm Con Lợn. Nghĩ đến câu *Tổ Quốc là Mẹ hiền* (ngôi Mẹ hiền để dành cho Tổ Quốc, anh nào tự xưng Mẹ hiền là hỗn với Mẹ đấy), bất giác tôi hình dung một cách ngộ nghĩnh Tổ quốc Mẹ hiền như con Lợn mẹ thanh thân nằm kên ra cho đàn con bú sữa. Đàn con tranh nhau, những con nhỏ yếu hơn thì bị những con khoẻ hơn đẩy bật ra để chiếm lấy núm vú nhiều sữa nhất. Loài vật nó tranh nhau là lẽ thường, loài nào chẳng vậy.

Thế mà có một lần, tôi được chứng kiến cảnh một con Lợn mẹ

hất đứa con khoẻ nhất đàn ra, dành vú cho một con yếu nhất. Tôi cứ nhớ mãi đến tận bây giờ.” (Ngưng trích)

Trở lại với khoảng ba triệu người Việt ở hải ngoại, không có cuộc thăm dò nào được thực hiện để biết xem có bao nhiêu người thỏa mãn với cuộc sống hiện tại, nhưng nếu quan sát đời sống chung quanh và nhìn những hiện tượng trước mắt, ta có thể kết luận số người vừa lòng với đời sống trên quê hương thứ hai hẳn là rất cao, có thể hơn tỉ lệ 86 phần trăm của dân Mỹ. Rất nhiều người Việt đã thành công trên quê hương mới, không phải chỉ theo kiểu “*gà què ăn quẩn cối xay*”, mà đã hội nhập vào xã hội đang sống, nhất là thế hệ thứ hai, thứ ba.

Bằng chứng mới nhất được



Tila Nguyen, “*Người của năm 2006*”

thấy trên tạp chí *Time*. Trái với thông lệ, thay vì chọn một nhân vật nổi danh thế giới, tốt hoặc xấu, làm “*Người của Năm*” 2006, tờ *Time* năm nay chọn những người đã phát minh ra *World Wide Web, Google, YouTube, MySpace...* làm thay đổi đời sống của loài người trong mấy năm gần đây.

Một trong những người được tờ *Time* chọn là Cô Tila Nguyen. Mạng *MySpace* của cô đã được mở xem 50 triệu lần, cô có 1.5 triệu người bạn, và có thêm từ 3,000 tới 5,000 người xin làm bạn mỗi ngày.

Ba năm trước, Tom Anderson, người sáng lập *MySpace*, mời cô cộng tác. Cô kể lại: “*Lúc ấy không có ai ở đó cả. Tôi cảm thấy tro tro giống như tất cả những đứa trẻ đã tới một ngôi trường nào khác. Tôi liền phóng đi một khối e-mail cho khoảng từ 30,000 tới 50,000 người và mời họ đến. Tất cả mọi người gia nhập tức thì.*” Hai năm sau, Cô Nguyen biến mạng online cá nhân thành doanh thương hoàn toàn. Cô bán bích chương Tila, lịch Tila, quần áo Tila, vv. Cô làm hình bìa cho tờ *Maxim* của Anh. Trước khi thành công lớn, Tila Nguyen chụp ảnh cho *Playboy.com*, làm người mẫu cho các cuộc triển lãm xe hơi, hình bìa tạp chí, và trình diễn trong các ban nhạc. Ngày nay cô thuê 4 viên quản lý, một phụ tá và một chuyên viên quảng cáo.

Tila Nguyen từ Singapore tới Mỹ 25 năm trước, lúc lên một, nay là một cô gái tóc vàng (nhuộm), nhưng vẫn mang khuôn mặt Việt Nam, là một trong những người trẻ thành công trên nước Mỹ.

Một thắc mắc: không biết có người Việt nào vào *MySpace* và hỏi Tila Nguyen xem cô có nói được “*tiếng mẹ đẻ*” hay không.

Trời Xuân Ngày Tết

Nguyễn Văn Thông

Hai tiếng Ngày Tết đến với tôi bao giờ cũng mang theo những tình-cảm gia-đình đầm-ấm, hình-ảnh xóm làng rộn-ràng thân-thiết, và một khung trời cao xanh. Đúng vậy, làng xóm ấy được che-chở bao-bọc bởi bầu trời mênh-mông, xanh ngắt, điểm ít mây trắng như bông, bay lang-thang theo những luồng gió nhẹ trong nắng vàng ấm-áp. Dưới đất, cỏ cây đâm chồi nẩy lộc, hoa khoe sắc, rung-rinh. Trời ôm lấy đất, đất vươn lên trời như hòa-hợp yêu-thương. Bức tranh hạnh-phúc là đây.

Tôi thấy mình đang ở trong bức tranh đó, không phải là bức tranh tĩnh-lặng mà là sống-động. Tôi đi lại giữa những luống hoa buổi sáng sớm ngày Tết, bên hàng giậu, dưới mái tranh, bên bụi chuối, trèo lên cây ổi, đánh đu cành mít, tung-tăng đón lấy những tiếp-giáp đầu-tiên của năm mới. Tôi mang đồ lễ theo mẹ, theo chị đi chúc tết và nhận tiền mừng tuổi khắp xóm làng. Tôi ngắm những tà áo phất-phới, những khuôn mặt con gái vừa khoe nét kiều-diễm còn kín-đáo. Tôi thấy lòng mình hồi-hộp như khi muốn ngắt trộm một bông hoa.

Có rất nhiều thứ xảy ra ở người lớn thì hoàn-hảo hơn như tri-thức, tài-năng, hay kỹ-thuật. Nhưng hình như ở cảm-xúc, người lớn đã mất đi nhiều rung-động của tuổi

thơ. Nhiều khi phải lắng-động lắm mới khơi dậy được những tình-cảm ấy trong quá-khứ. Và hình như những rung-động mình có bây giờ đều là những vang-vọng của tuổi còn thơ.

Hai mươi mấy năm xa quê-hương vì tự-do, chưa một lần về ăn Tết ở quê nhà, nhìn lại ngày xưa, tôi bao giờ cũng thấy một bầu trời hạnh-phúc ngày Tết. Dù tất cả hình ảnh đều mộc-mạc, chân-thật, nhưng lại trở thành lí-tưởng xa-vời dưới bầu trời xã-hội chủ-nghĩa ngày nay trên Quê Hương. Bầu trời Quê Hương ngày nay là hình ảnh của mây mù ảm-đạm, cỏ cây khô-héo vì ô-nhiễm, người còm-cõi ngơ-ngác vì bị trấn-lột từ tinh-thần đến thể-xác một cách có hệ-thống. Xin bạn cùng tôi điểm qua một vài tin-tức bất ngờ xảy ra trong hàng hà sa số những gì đang xảy ra trên Quê Hương.

Trong lúc Việt Nam được nhận vào tổ-chức Mậu-Dịch Thế-giới thì Hăng thông-tấn Cộng-Sản Việt Nam loan tin hôm Thứ Hai 18 Tháng Mười Hai, 2006 về một sự-việc không thể giấu-diếm được, đó là sự “Rút ruột công-trình” diễn ra phổ-biến trên cả nước.

Tháng Ba năm 2005, công-trình xây-dựng tòa nhà 12 tầng lầu ở quận Thanh Xuân, Hà Nội bị một số quan-chức đã cấu-kết với nhau “xén bớt mỗi móng cọc 1 tấn thép”.

Tháng Mười Hai 2006, công-trình xây-dựng ở phố Yết Kiêu: “được thiết kế 7 tầng cao 32 mét, có tổng diện tích trên 1,200 m², diện tích sử dụng mặt sàn hơn 10,000 m², thanh-tra cho thấy, cốt thép đã bị rút bớt một nửa ở cọc D1, từ 8 thanh xuống còn 4 thanh, từ loại sắt phi 22 xuống phi 18, không đúng chủng loại theo thiết kế. Tại cọc D2 sắt cũng bị bớt từ phi 22 xuống phi 21, đầu cọc chỉ có 3 lớp sắt thay vì 5 lớp như thiết kế.” Điều đáng nói là việc ăn bớt cốt thép được đơn vị sản xuất cọc thực-hiện công-khai, cả chủ đầu-tư, tư-vấn, giám-sát đều biết nhưng lại làm ngơ. Nói chung trên cả nước, như một viên-chức thanh-tra phải kêu lên: “Đụng đâu cũng thấy sai phạm”. Như thế chúng ta cũng được biết có thanh-tra để “thanh-tra” giám-sát. Không biết còn gì để “thanh-tra” thanh-tra hay không.

Đó là chuyện xây-dựng nhà. Về chuyện xây-dựng người, vào những tháng cuối năm, nhiều bản tin trong nước tiết-lộ cho thấy thực-trạng giáo-dục tại Việt Nam vô cùng kinh-hoàng. Tỷ-lệ tốt-nghiệp trung học tại Việt Nam được tuyên-dương từ 80% đến gần



Nguyễn Văn Thông

100% đều là các con số không. Tỉnh nổi tiếng về gian-lận thi-cử tập-thể “có chỉ-đạo” là Hà Tây lại có tỉ-lệ tốt-nghiệp trung học cao nhất nước.

Báo Lao Động ngày 5 Tháng Mười Hai 2006 thông tin: 30% số học sinh khối lớp 6 ở trường trung học cơ sở Thủy Thanh, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên-trình-độ đọc và viết mới ngang lớp 3. Tuy nhiên một sự thật đau lòng hơn là: Không chỉ đọc chậm, viết chậm, một số em thậm-chí không đánh vần được. Các báo trong lòng chế-độ như các báo Thanh Niên, Tiền Phong, Sài Gòn Giải phóng, Người Lao Động đã phải loan các tin về thành-quả giáo-dục từ Kiên Giang tới Cà Mau, Kontum, Phú Yên, Lâm Đồng... bằng những dòng chữ : *Học sinh lớp 6 ở Bạc Liêu chưa biết đọc; học sinh lớp 7 nhưng đọc chưa thạo; Kontum có 18 học sinh lớp 6 ở một trường chưa đọc thông viết thạo; 26 học sinh lớp 6 ở một trường tỉnh Phú Yên chưa đọc chưa viết được chữ quốc ngữ và chưa biết làm 4 phép tính cơ bản; 23 trong số 25 “học sinh tiên-tiến” lớp 6 ở một trường tại tỉnh Lâm Đồng không làm được con tính đơn giản 1005 chia cho 5! Khi thi viết chính tả, một bài có 39 chữ thì tất cả đều viết sai...*

Các nhà giáo dục trong nước đã đổ lỗi tại “bệnh thành-tích.” Mỗi xã, mỗi huyện, mỗi tỉnh hàng năm phải bá-cáo con số học-sinh lên lớp sao cho “đạt chỉ-tiêu”. Như vậy, nhà trường chỉ cần con số để bá-cáo, học-sinh học được đến đâu không cần biết. Nhưng Giáo Sư Hoàng Tụy ở Hà Nội nói: “Bệnh thành-tích” không phải là nguyên-nhân mà “cái gốc của nó là thói gian-trá.” Cám ơn ông giáo-sư đã nói lên một sự thật. Sự thật ấy được nhà báo Ngô Nhân

Dụng (California) quảng-diễn:

Trong chế-độ cộng-sản, không những người ta nuôi-dưỡng thói gian-trá, mà ai không biết học thói gian-trá thì không thể sống nổi. Đó là một mô-hình xã-hội tất-yếu của chế-độ cộng-sản. Đó là “Ai cũng có việc làm mà không ai làm việc; không ai làm việc mà ai cũng lãnh lương; ai cũng lãnh lương nhưng lương không đủ sống; lương không đủ sống nhưng ai cũng cứ sống.” Hiển nhiên là người ta phải sống giả-dối, giả-dối từ một hành-động kinh-tế căn-bản là làm việc để kiếm sống, phải giả-dối hàng ngày, giả-dối trong từng lời nói, từng công việc, bất cứ việc gì. Không giả-dối không sống được. Nhưng chế-độ cộng-sản không chỉ tàn nhẫn như thế đâu. Mỗi người không những phải giả dối mà còn phải chấp nhận sự gian trá của người khác, từ trên xuống dưới, không ai thấy như thế là kỳ-lạ! Người ta phải tập sống bên ngoài các quy-tắc đạo-lý. Đó là tấm bi-kịch của cả đất nước chứ không riêng gì ngành giáo dục.

Cũng về chuyện giáo-dục, nhưng ở ngay trung-tâm thành-phố Sài-gòn. Trước áp-lực của công-luận và báo-chí, ngày 11/9 bà Trần Thanh Vân hiệu-trưởng và bà Nguyễn Thị Quế Hương hiệu-phó trường phổ-thông trung-học Lê Quý Đôn bị đình-chỉ chức-vụ sau khi báo-chí bật mí vụ mỗi học-sinh phải chi 2 ngàn đô dưới gầm bàn để được nhận học.

Giáo-viên Thu Hòa là người bị tố-cáo nhận tiền nhưng công-luận cho rằng giáo-viên Thu Hòa chỉ là một mắt xích trong đường dây chạy trường, trong khi sở giáo-dục đào-tạo TP.HCM lại tỏ ra chậm-chạp trong xử-lý. (Báo Thanh Niên)

Nền-tảng văn-hóa, giáo-dục và nếp sống trọng luân-thường đạo-lí của dân-tộc được xây-dựng

từ hàng ngàn năm bị Hồ Chí Minh và các đồng-chí của ông ta rước chủ-nghĩa cộng-sản vào để phá-hủy đến tận gốc, tróc tận rễ. Con người của xã-hội chủ-nghĩa Việt Nam hôm nay không phải chỉ bị trấn-lột ở thể-xác, ở nếp sống mà còn bị nhiễm độc, bị ung-thư cả tâm-hồn. Và khi tẩm lương-tri đã bị phá-hủy một cách có hệ-thống, sự bóc-lột của thể-xác lại bị hành-hạ thêm khi không có gì để bảo-vệ. Sự bóc lột đi theo hình tròn ốc đến mức tự hủy.

Nước Mỹ có 300 triệu dân, vài người ăn rau cải bị đau bụng, một người chết, cả nước xôn-xao, rau cải bị loại bỏ khỏi các chợ, hăng rau cải bị đóng cửa để tìm nguyên-nhân. Nhưng 80 triệu dân của xã-hội chủ-nghĩa Việt Nam thì không tuần nào không có tin hàng chục, hàng trăm công-nhân của hãng này, hãng nọ sau khi ăn cơm trưa bị nhiễm-độc. Thịt đã phân-hủy thì có thuốc ướp để xăn và đồ lại như thịt tươi. Một thúng đậu đẹp được xịt một loại thuốc, qua một đêm phồng lên xanh mơn-mởn thành một đồng to. Xin bạn đọc một bản tin tiêu-biểu sau đây.

Tối 9 Tháng Mười Hai 2006, nhà hàng Hoa Viên Hạnh Phúc (38 đường Lý Thường Kiệt, phường 11, quận Tân Bình, Sài Gòn), có gần 300 khách được mời dự đám cưới tại lầu 3. Điều hy hữu đã xảy ra là có khá đông thực khách bị nôn ọe ngay tại bàn tiệc, phải bỏ về sớm.

Hồi giữa Tháng Bảy vừa qua, 71 người dự tiệc cưới ở huyện Tân Kỳ tỉnh Nghệ An đã phải vào bệnh viện cấp cứu vì bị ngộ độc thực phẩm. Theo thống kê của Cục An Toàn Thực Phẩm tại Việt Nam, chỉ riêng từ năm 2001 đến năm 2005, cả nước đã có 23,190 vụ ngộ độc thực phẩm làm 263 người thiệt mạng. Con số thực xảy ra tại cộng

đồng còn cao gấp chục lần, vì chưa có hệ thống giám sát và chế độ thống kê báo cáo đầy đủ. (Báo Lao Động)

Đã nhiều lần chúng ta nói tới những con số được báo-chí trong nước nói về các thiếu-nữ đi “lấy chồng” Đài-Loan, Hàn quốc, hoặc bán mình ở các xứ láng giềng với con số hàng chục ngàn. Nhưng cảnh đau-thương đó không phải là duy-nhất, chỉ khác là con người của chế-độ vô-nhân đó vẫn còn chịu đau-thương khi ở bên ngoài Quê Hương. Hôm nay chúng ta nói tới những cảnh sống cùng-cực đến mức khó tin ở xã-hội loài người, trong thời-đại văn-minh vi-tính này. Từ đó người ta không cần đặt câu hỏi tại sao hàng ngàn thiếu nữ Việt Nam tự-nguyện bán mình làm nô-lệ trong thời-đại mới.

Nhà văn nữ dân-thân Trần Khải Thanh Thủy tường-thuật từ trong nước cho chúng ta: *Hàng nghìn người, lúa đã làm đòng, trĩu bông, phơi hạt, còn khoảng chục ngày là thu hoạch, bị xe của xã tràn vào giày xéo, để lấy đất bán cho công ty nước ngoài... Người lấy thân mình chặn bánh ô tô, không cho xe cát tràn vào đồ xuống ô ruộng của mình (vì tiền đền bù không có) bị ô tô cán nát!*

Bao nhiêu nỗi thống khổ của bà con, “tiếng oan dậy đất, án ngờ loà mây” mà chính quyền không giải quyết, còn bày đặt đủ mọi trò để đàn áp, lừa bịp dân, nào không tiếp, nào hoạn học mắng nhiếc, chửi bới, lăng mạ, dùng công an để đàn áp hết lần này lần khác, dùng xe tù thu gom, xúc hót như người ta xúc đi một đồ vật ...

Nếu hình-ảnh Tết ngày xưa là bầu trời xanh ôm lấy xóm làng rộn-rã, ruộng vườn tươi-xinh, thì ngày nay Tết trên quê-hương xã-hội chủ-nghĩa là bầu trời âm-u, không-khí, đất-đai và nước uống

đều nhiễm độc. Con người Việt Nam bị tàn-phá cả thể-xác lẫn tinh-thần. Tuy nhiên, như một mẫu-nhiệm, sau hơn ba mươi năm cạn-kiệt, mảnh đất ấy có những dấu-hiệu hồi-sinh mạnh-mẽ. Người dân oan không phải chịu uất-ức riêng lẻ, nhưng đã kết-hợp với nhau thành “*hội dân oan Việt Nam để những mảnh đời oan trái cùng tìm về tụ hội dưới mái nhà chung của hội là liên minh thống nhất Việt Nam để đảng không dễ gì thò bàn tay bạch tuộc vào đàn áp... Từ những cây lẻ, bà con sẽ tạo thành vườn cây, rừng cây đông đúc, từ những chiếc đũa rời rạc, yếu ớt, sâu mọt, thành một bó đũa chắc chắn cùng đoàn kết một lòng, chống lại sự o ép, kìm nén, đánh đập của lũ chó giữ nhà cấu kết cùng chủ là đảng CSVN.*” (TKTT)

Người cộng-sản có thể làm nhiễm độc đất và nước, hành-hạ thể-xác và tinh-thần của con người Việt Nam, nhưng họ không dập tắt được những tấm lương-tri đang vươn lên rục-rỡ.

Cô Nhi viện Thiên Bình, Long Thành, tỉnh Đồng Nai được khai-phá vào năm 1968 khi còn là rừng rậm, muỗi, vắt và thú dữ. Sơ Lucia Nguyễn Thị Toàn, năm nay đã ngoài 70, là người đầu-tiên đến mảnh đất Long Thành này cùng với hai nữ tu khác được nhà dòng Dòng Nữ Tỳ Chúa Kitô trao cho trách-nhiệm xây-dựng một cô-nhi viện. Sau gần 40 năm, nơi đây là mái ấm tình-thương của các em bị bỏ rơi. Hiện giờ có 153 em, có hai mươi mấy cụ già, 37 em tâm-thần. Đã có biết bao nhiêu các em được các sơ dựng vợ gả chồng. Nhưng khó-khăn là, Sơ Toàn cho biết: “Cho đến bây giờ thì họ vẫn không cấp giấy để mà nuôi cô-nhi cho hợp-pháp hoá... Các em ở đây không bao giờ được cấp giấy khai-sinh. Có những em 19, 20, học

xong, muốn đi thi lấy bằng cấp cũng không đi thi được. Muốn có thể chứng-minh nhân-dân để đi làm cũng không được...”

Mảnh đất 10 mẫu khai-phá do mồ-hôi nước mắt của các nữ-tu để trồng-trọt và nuôi gia-súc để có nguồn lợi nuôi sống các em thì từ hơn 30 năm qua đang bị cướp mất, thu hẹp lại vì lòng tham của cán bộ. Tuy nhiên mảnh đất ấy không những đã nở những bông hoa tình-thương, mà còn nảy sinh ra một đóa tình-thương kỳ-diệu là Sơ Anne Sumalle thuộc dòng-dõi hoàng-gia Thái lan.

Vào năm 1972, một thiếu-nữ hoàng-gia Thái Lan đến Việt Nam làm việc, rồi xin gia-nhập Dòng Nữ Tỳ Chúa Kitô. Đến năm 1975 sơ bị trục-xuất về nước, dù với giọng miền Nam đặc-sệt, khó ai có thể biết sơ là người Thái Lan. Khi nhắc đến dòng-dõi hoàng-gia của mình, sơ cười và nói: “*Bây giờ tôi là một người nghèo thôi, cái đó đã qua rồi, tôi chỉ là một tu-sĩ nghèo...*” Sơ Anne Sumalle, hay còn gọi là Sơ Bảy trở lại Việt Nam năm 1992. “*Khi trở về tôi phải sửa nhà cửa lại hết, một số tiền tôi có đem theo, một số khác thì nhờ vào chăn-nuôi, trồng-trọt...*” Với sự giúp-đỡ của Sơ Anne Sumalle, cô-nhi viện dần dần được khôi-phục và mở-mang thêm. Mỗi lần hết hạn visa, trở về xứ, Sơ lại nhờ anh chị em trong gia-đình giúp-đỡ thêm tiền-bạc hầu có thêm phương-tiện giúp nuôi các em mồ-côi. Sơ cho biết: “*Chúng tôi chăn nuôi bò, heo, gà, vịt ...đủ thứ hết, nuôi cả chó, cá và trồng trọt, làm vườn, trồng cây ăn trái Thái lan sang, và vài nước lân-cận sang...rồi cũng làm bánh bán, khâu may, thêu, đan len, dạy học thêm...*”

Khi hỏi thăm sơ đã nhận các em cô nhi như thế nào, sơ cho hay:

"Người ta đem bỏ trước cửa cũng có, hay ở bệnh-viện đem lên, hay người ta bỏ ngoài đường lộ, rừng cao su, hay để trong đống rác trong chợ...cũng một phần người ta đem cho hẳn hoi." (RFA)

Thêm một sự-kiện đất không nở hoa nhân-ái. Nhà anh Tống Phước Phúc, ở 56/3 Phương Sài, thành phố Nha Trang là một tổ ấm tràn đầy nhân-ái và đầy tiếng bi-bô của những em bé. Trong gian phòng nhỏ, ngổn-ngang tới gần chục chiếc nôi của các em bé sơ-sinh. Trong 11 em bé anh Phúc đang nuôi dưỡng, có 2 bé đang bị bệnh nặng. Tống Phước Rắc Vinh 4 tháng tuổi bị bệnh tim bẩm sinh, không có hậu-môn, Tống Phúc Diên Vinh bị đau lách. Các bé đau-đớn đêm ngày, cần có được chăm-sóc đặc-biệt. Bé Hoài Nam con anh Phúc 5 tuổi bế ẵm em bé 1 tuổi vào lòng nựng-nịu: "Anh Hai cho em bú sữa nha..."

Anh Phúc kể: "Mọi việc bắt đầu từ khi vợ tui sinh đứa con đầu lòng. Bả sinh khó, đau hai ngày mới ra con. Mấy ngày tui trực bệnh-viện, cứ cầu Chúa cho vợ tui mẹ tròn con vuông, thấy các bà mẹ sinh được đứa con sao khó-khẩn đau-đớn quá. Rồi tui thấy cảnh những cô gái trẻ người non dạ, lỡ-lầm mang thai rồi đành đoạn bỏ thai. Và tui chứng-kiến có cô gái sinh đứa con xong rồi bỏ con lại bệnh-viện đi mất. Thấy xót xa trong lòng... Tui cầu Chúa và tâm nguyện, vợ tui sinh con khỏe mạnh, từ nay hai vợ chồng sẽ giúp cho các sinh linh bé bỏng ấy có nơi chốn yên nghỉ đàng hoàng"...

Vậy là với số tiền bao năm chất bóp, anh Phúc mua một mảnh đất trên triền núi, gọi là Hòn Thơm ở thôn Xuân Ngọc, xã Vĩnh Ngọc thành phố Nha Trang. Anh thuê người bạt núi, mở đường đi lên, và một nghĩa trang nho nhỏ

được hình thành. Một ngày giữa năm 2004, anh Phúc đã đặt thai-nhi đầu tiên xuống nghĩa-trang này. Từ bấy đến nay, đã hơn 2 năm trôi qua, nghĩa trang đã đầy lên với trên 5000 ngôi mộ. Hàng hàng lớp lớp những ngôi mộ nhỏ xíu, với những cành hoa cắm trên đầu, nằm yên-bình dưới rừng phi-lao rì-rào gió. Nhiều người mẹ biết ơn chú Phúc đã chôn cất con mình, lâu lâu lên thắp hương cho con...

Anh kể: "Những cô gái thường ở những xóm nghèo, tuổi bé nhất là 14 tuổi, lớn nhất là 28. Từ tháng 12/2004 đến nay tui đã nuôi đến 25 bà mẹ, hiện bây giờ còn 6 bà mẹ chưa sinh. Phải thuyết phục tui nó ghê lắm tui nó mới chịu giữ lại đó"

Anh kể, có nhiều lúc trong nhà anh nuôi dưỡng tới 5 bà bầu. Lúc này, trong nhà đang nuôi một cô gái mới sinh con được 11 ngày, rồi một cô gái ở Vạn Ninh, mới 18 tuổi và đang có bầu 6 tháng... Ngôi nhà của 2 vợ chồng anh bây giờ dành cho các em bé và các bà bầu.

Nghĩa trang của anh xây nên, chính-quyền xã không công-nhận, nói đó chỉ là nơi chôn những phế thải của bệnh-viện. Người ta không có ý định gìn-giữ nơi đó cho anh, cho những sinh-linh bé-nhỏ an-nghỉ. Hiện nay anh Phúc phải đem thiêu những hài-nhi đã tượng-hình, bỏ vào hũ sành đem đi gửi ở nhà thờ.

Anh hiện đang nuôi 11 đứa con không cha không mẹ, đã là con nuôi của anh. Con số chắc chắn sẽ không dừng lại ở đó, nguồn tài-chính nuôi-dưỡng đều từ tấm lòng hảo-tâm của bà con cô bác. Anh Phúc ngày ngày cứ xoay như chong-chóng, hết sữa cho con, rồi thuốc-men cho mẹ... Anh tâm sự: "Có lúc cũng tự hỏi, mình làm như thế chẳng khác gì nối giáo cho

giặc? Lắm lúc tui nhận nuôi con, mà giận người mẹ, tui nói tui nó nếu không sống cho đàng-hoàng, đừng bao giờ quay trở lại gặp chú, gặp con. Làm giấy khai-sinh cũng vất-vả, chính-quyền bắt tìm mẹ tui nó tới, đồng ý cho con thì tui mới được nhận con nuôi, mà đôi khi nói mẹ tui nó tới làm việc đó đâu phải dễ." (World Life Foundation)

Theo cái nhìn về mặt chính-trị của Đoàn Thanh Liêm (MLNQVN), anh viết: "Đây là một niềm vui lớn thêm vào với sự phấn khởi, hào hứng của trên 80 triệu người Việt Nam chúng ta, trong suốt năm 2006, đã liên tục đấu tranh chống lại độc tài áp bức, chống lại tham nhũng đồi bại, để xây dựng một nước Việt Nam công bằng hơn, nhân ái hơn và tôn trọng phẩm giá con người hơn mãi. Sự ra đời của khối 8406, của Đảng Dân Chủ XXI, của Đảng Thăng Tiến, Đảng Dân Chủ Nhân Dân, của Công Đoàn Đoàn Độc lập, của Liên Minh Dân Chủ Nhân Quyền, của Hiệp Hội Đoàn Kết Công Nhân và Nông Dân, của Hội Ái Hữu cựu Tù Nhân Chính Trị & Tôn Giáo vv..."

Đích thực, các bạn trẻ của chúng ta đã bắt đầu vượt qua được nỗi sợ hãi, do chế độ độc tài đảng trị vốn xưa nay đã áp đặt lên đầu lên cổ người dân thấp cổ bé miệng. Những tấm gương can đảm kiên cường của nhà báo Trần Khải Thanh Thủy, của luật sư Lê Thị Công Nhân, của luật sư Nguyễn Văn Đài, của kỹ sư Đỗ Nam Hải, nhà giáo Nguyễn Khắc Toàn, Bác sĩ Phạm Hồng Sơn vv... là một biểu hiện bất khuất, sáng ngời của dân tộc Việt Nam chúng ta vào đầu thế kỷ XXI, mà sau này lịch sử sẽ ghi lại với những nét son tươi đẹp, chứa chan niềm hy vọng cho thế hệ con cháu mãi mãi tiếp nối sự nghiệp anh hùng truyền thống do

cha ông chúng ta để lại.”

Một sự-kiện mang tầm-vóc quốc-tế xảy đến cho Việt Nam là sự gia-nhập vào tổ-chức Mậu-Dịch Thế-giới. Đây là một ao-ước của chế-độ cộng-sản Việt Nam để cứu-vãn chế-độ trước thúc-đẩy đổi mới kinh-tế để chạy theo các nước Á-Châu. Tuy nhiên khi gia-nhập vào tổ-chức Mậu-Dịch Thế-giới, qui-luật kinh-tế thị-trường sẽ bắt-buộc Việt Nam phải thay-đổi, mà dưới con mắt của nhiều người nhận-định, đó là chiếc thông-lọng xiết cổ chế-độ cộng-sản hay xã-hội chủ-nghĩa Việt Nam. Xin trích phần nhận-định của BS. Nguyễn Đan Quế, nhà đấu-tranh từ trong nước.

“Bây giờ gia nhập Tổ Chức Mậu Dịch Thế Giới (WTO), nhu cầu thay đổi chính trị này lại càng trở nên cấp bách hơn bao giờ hết, vì luật chơi của tổ chức này: Việt Nam phải đối xử công bằng với các công ty nước ngoài đến Việt Nam làm ăn (kể cả xuất-nhập khẩu) giống như các công ty bản địa. Ngược lại, Việt Nam

cũng có quyền như vậy ở bất cứ nước hội viên nào trong WTO. Hàng rào quan thuế giữa các nước sẽ bỏ dần. Tự do cạnh tranh với qui luật kinh tế thị trường sẽ quyết định. Dù muốn hay không, Cộng-sản Việt Nam phải dứt khoát từ bỏ kinh tế chỉ huy và chuyển sang kinh tế thị trường. Đây là chuyện rất khó khăn cho nhà cầm quyền Hà Nội và cho đảng Cộng-sản VN, nhưng lại là cơ hội ngàn năm một thừa cho toàn dân Việt Nam và cho tổ quốc Việt Nam: Bằng vào Sức Mạnh Quân Chúng đánh đòn chí tử vào đúng thời điểm này, chúng ta sẽ mang lại dân chủ cho dân tộc ta.”

Như buổi bình-minh rực lên ngàn tia sáng xã-hội, văn-hóa, kinh-tế, chính-trị và nhân-ái trên Quê Hương, tôi xin mượn lời của nhà văn đấu-tranh Trần Khải Thanh Thủy để nói về bầu trời xuân ngày Tết chúng ta đang trông-đợi: “Những chú gà của năm 2007 đang chuẩn bị gáy sáng rồi đấy. Ma quỷ nào cũng phải lùi vào bóng đêm trước khi ánh mặt trời soi rọi.” ●

Mái Ấm Thiên Ân cảm Ơn

Dịp Giáng Sinh và năm mới, MATA đã nhận được các món quà:

Chị Chu T Kim Khanh, San Jose, CA	100.00 US\$
AC Nguyễn Thái Tuấn & Phương, Abington, MA	100.00 US\$
AC Nguyễn Hoàng & Ngọc Anh, Geneva	50.00 US\$

Thầy trò mù của MATA xin ghi ơn sự chia-sẻ tình yêu-thương của quý Cụ, Ông Bà, Anh Chị, các Em, các Cháu và anh chị Làng Văn như ánh-sáng êm-dịu soi trong cuộc đời của thầy trò MATA. Tết đến, xin kính chúc quý ân-nhân và quý độc-giả của báo Làng Văn một năm an-khang, thịnh-vượng, may-mắn và nhiều điều như ý.

chiêm bao chớp mắt



Thân em như hạt mưa sa
Phất phơ giữa chợ
biết là về đâu?

Đầu năm,
em đi lấy chồng
Cuối năm,
em bế em bồng con thơ!

Em không còn như
giọt mưa
Gió thổi không thổi
để đưa em bay...

Buồn tình,
anh ngửa bàn tay
Mưa trên núi Bắc
mà đây sông Nam!

Buồn tình,
anh đi lang thang
Đường xưa. Đêm
ánh đèn vàng hắt hiu...

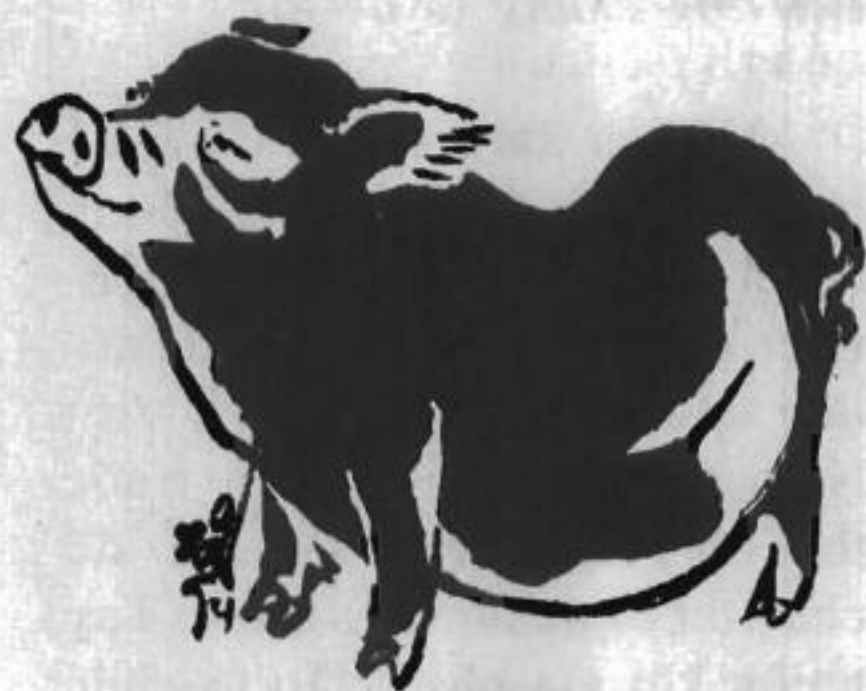
Tuổi Xuân
một sớm đã chiều
Còn đây chi mảnh
khăn điều
vắt vai...

Trăm năm
cứ tưởng là dài
Chiêm bao
chớp mắt xa ngoài chân mây!

trần vấn lệ

Những Biến Chuyển Trên Thế Giới Qua Các Năm Hợi

Mường Giang



Từ khi loài người chính thức xuất hiện trên trái đất, lịch sử ghi nhận chỉ có chừng 300 năm không có chiến tranh, cho dù các dân tộc đã hấp thụ được văn minh và chế độ dân chủ. Nguyên do vì nhân loại đã coi chiến tranh, qua bất cứ một hình thức nào, như là một trong những sự thực của lịch sử, một phương tiện để con người giành đua, phát triển, đào thải và tồn tại. Bởi vậy Hòa Bình, chỉ là một sự thăng bằng không bền vững, vì nó chỉ có thể tồn tại lâu hay mau, tất cả đều tùy thuộc vào ưu thế của lực lượng hai phía. Tóm lại qua những bài học của lịch sử, ta thấy đạo đức con người, ảnh hưởng của tôn giáo, xã hội, nền giáo dục... đã gần như bất lực, vì không ngăn cản nổi bản năng thủ đắc, tính hiếu chiến, lòng tự phụ và sự tham lam vô bờ bến của con người.

Lịch sử cũng đã lệ thuộc vào địa chất học một cách sâu đậm vì dưới sự thao túng của thiên nhiên, thì địa cầu nơi con người đang sinh sống, cũng chẳng qua chỉ là một Dịch Thể, khiến cho con người càng lúc càng bất an trước những thiên tai không báo trước như động đất, sóng thần, núi lửa và sự thay đổi qua các hiện tượng xâm thực.

Ai cũng nói lịch sử có tính cách mơ hồ, nhưng ít ra nhờ nó mà chúng ta ngày nay phần nào

biết được những diễn tiến, của các biến cố của lịch sử nhân loại nói chung và các năm Hợi nói riêng, cho dù đó cũng chỉ là những khoảnh khắc của thời gian và không gian. Chỉ còn không bao lâu nữa, nhân loại lại bước vào chu kỳ của năm con Heo, với bao hiểm họa dồn dập, từ thiên nhiên cho tới chiến tranh hủy diệt, hiện do các tổ chức võ trang khủng bố thuộc Nhóm Hồi Giáo cực đoan, các nước Ba Tư, Bắc Hàn.. được Trung Cộng, Nga Sô giật dây, nên không ai có thể biết trước được điều gì sẽ xảy ra.

+ Tân Hợi (51): Phật Giáo từ Bắc Ấn Độ truyền vào Trung Hoa.

+ Quý Hợi (63): Đế Quốc La Mã sau khi chiếm được Ai Cập tại Châu Phi, đã thám hiểm sông Nil tới tận nước Sudan.

+ Quý Hợi (303): Hoàng đế La Mã Diocletian, ra lệnh tàn sát dã man những tín đồ Cơ Đốc Giáo trên khắp lãnh thổ của đế quốc. Sự kiện này tới năm 313, thời Hoàng đế Constantine I mới chấm dứt, khi nhà vua ban bố sắc lệnh Milan, công nhận đạo này là quốc giáo. Đồng thời triệu tập Đại Hội Cơ Đốc Giáo đầu tiên vào năm 325 rất qui mô trong lịch sử.

+ Tân Hợi (711): Lãnh tụ Hồi Giáo Tarik thuộc sắc dân Berber, xâm lăng đô hộ Tây Ban Nha, tới năm 1492 mới chấm dứt.

+ Quý Hợi (843): Sau khi Đại Đế Louis Le Pieux mất, Đế Quốc Pháp bị các hoàng tử giành giết, nên đã chia thành ba nước, dựa theo tinh thần Hòa Ước Verdun. Đó là Vương Quốc Pháp của Charles Le Chauve, Vương Quốc Phổ của Louis Le German và Vương Quốc Ý Đại Lợi của Lothaire.

+ Đinh Hợi (1227): Tây Ban Nha khởi công xây dựng nhà thờ Teledo, theo kiểu Gothike.

+ Đinh Hợi (1347): Bệnh dịch hạch làm chết 30 % dân số Châu Âu và hàng triệu người Châu Á.

+ Kỷ Hợi (1479): Vì không chịu theo đạo Thiên Chúa, nên người Do Thái bị trục xuất ra khỏi Bồ Đào Nha..

+ Tân Hợi (1551): Trường Đại Học San Marcos, được thành lập tại thủ đô Lima của Peru, một quốc gia Nam Mỹ Latin.

+ Quý Hợi (1623): Ngày sinh của nhà bác học Blaise Pascal người Pháp. Ông là một người thông thái, vừa là văn sĩ, giáo sư, toán học và vật lý gia. Đã tìm ra định luật Pascal về áp suất tĩnh và lý thuyết xác suất vẫn được ứng dụng trong toán học cho tới ngày nay.

+ Đinh Hợi (1647): Ngày 18-10, lãnh tụ J.Liburn người Anh, tuyên bố cương lĩnh của Đảng Dân Chủ, đòi quyền tuyển cử phổ thông, ứng cử Nghị viên thành

phố, thành lập chế độ cộng hòa, cùng với những quyền tự do căn bản của con người như tín ngưỡng, kinh doanh. Đảng đòi hỏi mọi công bằng xã hội, xóa bỏ đặc quyền đặc lợi dành cho các đẳng cấp đương quyền. Đảng được hầu hết mọi thành phần xã hội, trong đó có quân đội ủng hộ.

+ Ất Hợi (1755): Một trận động đất lớn nhất trong lịch sử nhân loại, đã xảy ra lúc 9 giờ 30 sáng ngày 1/11/1755, bắt đầu bằng ba tiếng động, làm rung chuyển cả thủ đô Lisbon của Bồ Đào Nha. Trận động đất trên đã làm sụp đổ hầu hết lâu đài nhà cửa trong thành phố, biến thành đồng gạch vụn. Nước sông Tage dâng cao nhận chìm hải cảng trong làn nước bạc, tiếp theo là các đám cháy lớn kéo dài suốt đêm tới sáng. Cuối cùng một cơn sóng thần cao như núi đã ập vào đất liền, cuốn trôi tất cả những gì còn lại trong thành phố Lisbon, kể cả nước sông Tage cũng cạn hết. Theo sử liệu, thì số người chết lên tới 60.000 người, hơn 25.000 căn nhà bị sụp đổ, 4000 căn nhà khác bị vùi sâu trong lòng đất. Tuy nhiên không phải chỉ Lisbon bị tàn phá nặng nề vì là trung tâm

của trận động đất, mà còn lan tận Maroc, Pháp, Tây Ban Nha, Đức... cho tới bờ biển phía tây Châu Mỹ.

+ Tân Hợi (1791): Toussaint Louverture, lãnh tụ người da đen tại đảo Haiti, một thuộc địa của Pháp, cầm đầu cuộc khởi nghĩa, đòi thực dân phải bãi bỏ chế độ nô lệ và ban bố quyền bình đẳng cho mọi người.

Ngày 27/8: Giáo Hoàng Leopold II và Vua nước Phổ là F.Wilhelm II, ký hiệp ước liên minh quân sự, chống lại cuộc cách mạng tư sản tại Pháp.

Ngày 13-9: Pháp công bố hiến pháp sau cuộc cách mạng 1789, thiết lập chế độ dân chủ lập hiến, ban hành quyền tuyển cử nhưng với điều kiện hạn chế, nên vẫn chưa đáp ứng được đòi hỏi của mọi người.

+ Quý Hợi (1803): Richard Trevithik người Anh, đã sáng chế được chiếc xe lửa đầu tiên, chạy thử nghiệm trên đoạn đường ray dài 15 km, mất 4 giờ 3 phút.

+ Ất Hợi (1815): Sir Humphry Davy, người Anh đã chế ra đèn an toàn cho thợ mỏ.

Ngày 26/2 Napoléon Bonaparte từ đảo Elbe, đem quân về chiếm kinh đô Paris, cầm quyền nước Pháp nhưng chỉ vỏn vẹn có 100 ngày (tháng 3-1815 tới tháng 6-1815).

Ngày 9/6: Các nước Âu Châu đã thắng trong chiến tranh Napoléon I, ký kết hiệp ước Wien, nhằm ngăn chặn sự phục hồi của nước Pháp. Đồng thời xác định lại biên giới của nước này như tình trạng năm 1792, chia lại Châu Âu và các thuộc địa..

Ngày 18/6: Pháp bị đại bại tại Waterloo, chấm dứt cuộc chiến tại Châu Âu. Napoléon bị bắt và đày ra đảo Saint Hélène ở Đại Tây Dương, chết ở đó năm 1821.

Ngày 26/9: Các nước theo

đạo Thiên Chúa gồm Nga, Áo, Phổ ký kết hiệp ước quân sự, do Bộ trưởng ngoại giao Áo là Metternich cầm đầu. Liên minh này nhằm chống lại các phong trào cách mạng tư sản và giải phóng Châu Âu.

Tháng 11/1815: Lại thành lập Liên minh tứ cường gồm Anh, Nga, Phổ, Áo nhằm mục đích chống lại sự hồi phục của đế chế Napoléon, cũng như các cuộc cách mạng giải phóng các nước nhược tiểu tại Châu Âu.

+ Đinh Hợi (1827): Niépoe người Pháp, thực hiện tấm hình đầu tiên qua máy chụp ảnh.

+ Kỷ Hợi (1939): Tháng 2 Đại hội Hiến Chương lần 2 được nhóm họp tại Luân Đôn, có 53 đại biểu do công nhân bầu ra, mục đích tranh đấu đòi quyền bầu cử.

Tháng 5: Cao điểm của đại hội trên, là đệ trình lại bản kiến nghị có 1.125.000 chữ ký của công nhân, đã bị Nghị Viện Anh bác bỏ trong kỳ Đại Hội 1 (1836-1839).

Tháng 6: Lâm Tắc Từ, Tổng đốc Quảng Đông kiêm Khâm sai Đại thần Nhà Thanh, ra lệnh tịch thu toàn bộ số thuốc phiện hơn 2 vạn hòm, trên các tàu buôn ngoại quốc tại Quảng Châu, đem tiêu hủy để ngăn chặn tình trạng nghiện hút đang tràn ngập nước Tàu. Đó là lý do xảy ra cuộc Chiến tranh Nha phiến, giữa các nước Tây Phương và Trung Hoa.

+ Tân Hợi (1851): Ngày 1/1 Hồng Tú Toàn tuyên bố thành lập Thái Bình Thiên Quốc và Lực lượng Thái Bình Quân, chống lại nhà Mãn Thanh tại tỉnh Quảng Tây.

Tháng 4: Mongkut làm vua Xiêm La, xưng hiệu Rama IV, trị vì được 17 năm (1851-1868), với chính sách canh tân, mở cửa tiếp



Mương Giang

nhận các nước vào làm ăm buôn bán. Nhờ vậy đã giúp Xiêm La thoát được nạn vong quốc như các lân bang, trong đó có VN.

+ Quý Hợi (1863): Ngày 1/1 Tổng thống Hiệp Chúng Quốc A. Lincoln tuyên bố chính sách giải phóng dân nô lệ da đen tại khắp các tiểu bang nước Mỹ, được sống tự do bình đẳng như người bản xứ và da trắng Tây Phương.

Tháng 2: Các chiến hạm của Liên quân Anh-Pháp, tấn chiếm hải cảng Yokohama của Nhật Bản, để làm quân cảng từ 1863-1875.

Tháng 5: Lãnh tụ Ferdinand Lassalle thành lập Tổng Liên Đoàn Công Nhân Đức Quốc.

+ Ất Hợi (1875): Nhà Thanh và Anh ký Hòa ước Yên Đài, theo đó Anh được vào buôn bán tại các tỉnh phía tây nước Tàu như Vân Nam, Tứ Xuyên, Tây Tạng, Thanh Hải và Cam Túc.

+ Kỷ Hợi (1899): Đảng Cộng Sản Đức xuất bản quyển *Tiền đề của Xã hội Chủ nghĩa*.

Ngoại trưởng Mỹ John Hay kêu gọi Nhà Mãn Thanh chấm dứt chính sách bế quan tỏa cảng, để mọi nước có thể vào đất Tàu buôn bán. Đồng thời Mỹ cũng cảnh cáo các nước Tây Phương kể cả Nhật, không được xâm xé xâm chiếm lãnh thổ Trung Hoa như đã làm tại các Châu lục khác.

Nhân loại phát minh ra tàu ngầm

+ Tân Hợi (1911): F.Pregl (Áo) đã chứng minh được các phương pháp phân tích các chất hữu cơ. Ông đem áp dụng vào việc chế tạo các thiết bị dành cho ngành hóa học hữu cơ.

H.Onces (Hà Lan) đã phát minh ra chất dẫn trong các thí nghiệm về thủy ngân (Hg), được đem áp dụng vào các ngành năng lượng nguyên tử, điện kỹ thuật,

phương tiện giao thông vận tải, kỹ thuật y-sinh vật học..

Ngày 10/10 đánh dấu cuộc khởi nghĩa lật đổ nhà Mãn Thanh thành công tại Vũ Xương, nhanh chóng lan ra nhiều tỉnh thành khác khắp nước Tàu, bẽ gãy xiềng xích đô hộ của người Mãn suốt mấy trăm năm qua. Đó là cuộc cách mạng Tân Hợi, do Tôn Dật Tiên cầm đầu.

Tổng thống Diaz của Mexico bị lật đổ.

Tân Tây Lan (New Zealand) ban hành chính sách huấn luyện quân sự khắp nước.

+ Quý Hợi (1923): Bronsted (Đan Mạch) và Loury (Anh) đã tìm ra căn bản của thuyết Proton tức Acid-Baze, bổ sung cho thuyết của Arrenius trước đó. Cùng lúc, J.Lewis (Hoa Kỳ) cũng đưa ra quan niệm về thuyết trên, để thống nhất các thuyết đã có từ trước nhưng vẫn có nhược điểm là không giải quyết được cường độ của acid-baze như thuyết của Bronsted-Loury.

Mustapha Kemal cầm đầu cuộc đảo chánh tại Thổ Nhĩ Kỳ, lật đổ vua Ottoman tuyên bố thành lập nước Cộng hòa, được dân bầu làm Tổng thống, dẹp bỏ chế độ phong kiến có từ thời đế quốc. Đồng thời từ chối thi hành

những điều kiện bất bình đẳng mà Thổ phải ký vì thua trận tại Hòa ước Sèvre năm 1920.

Ethiopia xin gia nhập Hội Quốc Liên.

+ Ất Hợi (1935): Nhân Loại phát minh ra hệ thống Rada. Những sợi Polyamide và Nylon được W.H Carothers phát minh tại Mỹ.

Đức Quốc Xã ban hành chủ nghĩa bài Do Thái, tước đoạt quyền làm công dân và đánh đuổi họ ra khỏi nước.

Ý Đại Lợi trở thành một nước phát xít trong liên minh Đức-Ý-Áo, do Mussolini làm thủ tướng từ 1922, xua quân chiếm Ethiopia ở đông bắc Châu Phi làm thuộc địa.

Trước tinh thần chống đối càng lúc càng mãnh liệt của người dân Ấn Độ, thực dân Anh đã phải ban hành một đạo luật mới, chấp nhận sự tự trị của quốc gia này và cho lập chính quyền riêng tại các tỉnh vào năm 1937.

Cuộc chiến Chaco giữa Bolivia và Paraguay vì tranh giành vùng đất hoang rộng 250.000 km², bắt đầu từ 1932 và kết thúc năm 1935, giết hại nhiều người của cả hai phía. Kết quả một hiệp ước được ký kết năm 1938 chia hai vùng Chaco cho hai nước nhưng Paraguay được nhận phần đất lớn



Mustapha Kemal



Mussolini

hơn Bolivia.

Hợp Chúng Quốc ban hành đạo luật An Sinh Xã Hội, được coi như là bước đầu xây dựng chế độ có liên quan tới phúc lợi của dân chúng trong nước.

+ Đình Hối (1947): W.F.Lippy (Hoa Kỳ) đã tìm ra được phương pháp dùng Carbon Phóng xạ, để xác định niên đại của vật chất. Ngày nay phương pháp C.14 được ứng dụng rộng rãi trong lãnh vực khảo cổ, địa chất, sinh học, y học..

Các nước tư bản ký kết Hiệp định chung, về thuế quan và mậu dịch, viết tắt là GATT (General Agreement on Tariffs and Trade).

Ngày 12/3 Tổng thống Hoa Kỳ H.Truman đệ trình Quốc Hội, chính sách đối ngoại của nước Mỹ sau Thế chiến II, được chấp thuận. Chính sách trên còn được gọi là Chủ Thuyết Truman, mở đầu cuộc chiến lạnh giữa hai khối tư bản và cộng sản sau này.

Từ ngày 22/3 tới 2/4: Hội nghị các nước Châu Á lần đầu tiên, được tổ chức tại Thủ đô Tân Đề Ly của Ấn Độ, lên án và chống lại chủ nghĩa thực dân của bọn da trắng Tây Phương.

Ngày 5/6: tại Đại học Havard (Hoa Kỳ), Ngoại trưởng Mỹ là Marshall trình bày kế hoạch trợ giúp tái thiết các nước Tây Phương cũng như Nhật Bản, bị tàn phá

sau Thế chiến II, sau này được gọi là Kế hoạch Marsall.

Ngày 26/7: Danh từ "Chiến tranh lạnh" của nhà bác học nguyên tử Mỹ Beruit, lần đầu tiên được phổ biến trên báo chí Hoa Kỳ.

Ngày 14/8: Thực dân Anh chấp nhận trả lại nền độc lập cho bán đảo Ấn Độ sau nhiều năm chiếm đóng đô hộ. Nhưng cũng từ đó, Ấn Độ vì tôn giáo, lại phải phân chia thành ba nước riêng rẽ thù nghịch: Ấn Độ theo Bà La Môn (Hindu), Pakistan theo Hồi giáo (Islam) và Tích Lan theo Phật giáo.

Ngày 15/8: Tại thủ đô Tân Đề Ly, Nehru lãnh tụ Đảng Quốc Đại, được bầu làm Thủ tướng Liên bang Ấn Độ, mở đầu cho trang sử mới của quốc gia đông dân thứ hai trên thế giới. Trong khi đó ngày 14/8 Pakistan cũng trở thành nước Cộng Hòa Hồi giáo độc lập đối với Ấn Độ, tuy rằng cả hai cùng chung huyết thống, tập quán, phong tục và một giòng sông lịch sử cha ông gây dựng nước hơn mấy ngàn năm về trước.

Ngày 5/10: Đệ tam Cộng sản quốc tế, họp tại Ba Lan, thành lập Cục Thông tin Quốc tế, viết tắt là KOMINFORM. Cục này hoạt động tới tháng 4-1956 mới chấm dứt.

Ngày 29/11: Hội đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc quyết định chia Palestine thành hai quốc gia riêng biệt: Israel của người Do Thái và Palestine thuộc sắc dân Ả Rập theo Hồi giáo. Thánh địa Jerusalem dành chung cho hai nước, do LHQ kiểm soát quản trị.

+ Kỷ Hối (1959): Các nước ký hiệp ước hạn chế sự khai thác tại Nam Bán Cầu.

Ngày 1/1: Fidel Castro lật đổ chính phủ tự do Batista, thiết lập chế độ Cộng sản trên đảo Cuba

thuộc Trung Mỹ, nằm sát nách Hoa Kỳ, đối diện với Tiểu bang Florida.

Ngày 12/3: Quần đảo Hawaii nằm giữa Thái Bình Dương, được Mỹ mua lại của các thế lực tư bản, chính thức trở thành Tiểu bang thứ 50 của Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ, có diện tích 16.760 km², dân số 1.115.274 người, gồm 9 đảo lớn nhỏ, thủ đô đặt tại thành phố Honolulu, trên đảo Oahu.

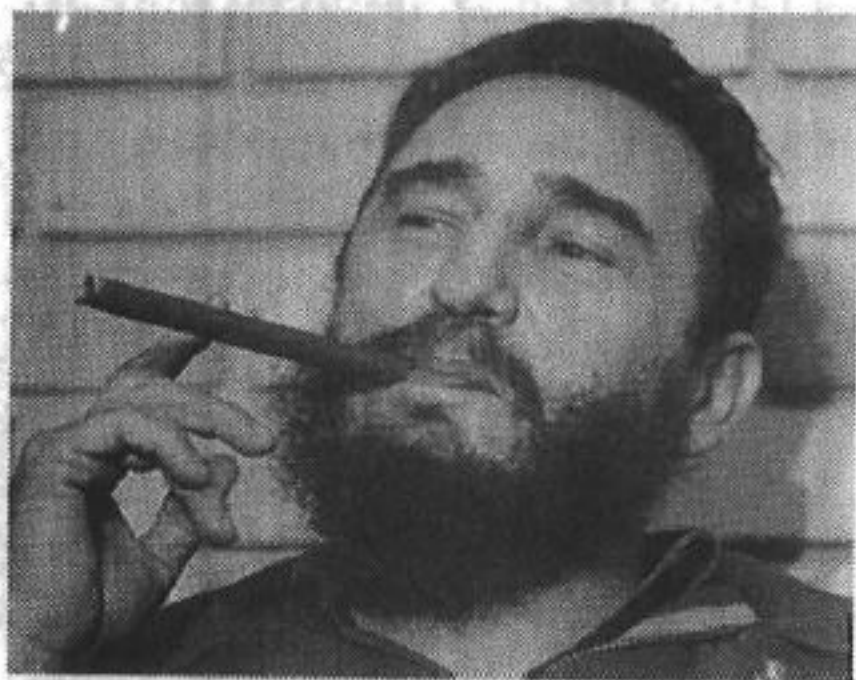
+ Tân Hối (1971): Thành lập Khối Quân Sự ANZUK, gồm các nước cũ trong Liên Hiệp Anh như Anh, Úc, Tân Tây Lan, Mã Lai Á và Tân Gia Ba.

Ngày 25/1: Lúc 4 giờ sáng, cựu tướng Nhật là Tomoyuki Yamashita, đã tìm được con đường hầm, dẫn tới kho châu báu của quân phiệt Phù Tang cất giấu từ năm 1945, tại thung lũng Lo-O ở Phi Luật Tân. Nhờ vậy đã tìm được nhiều vàng ngọc châu báu, trong đó có một pho tượng Phật, đúc bằng vàng ròng cao 71,12 cm, trị giá tới 5 triệu đô la. Nhưng cả người lẫn tượng Phật đã bị Tổng thống Philippine là Ferdinand Marcos bắt giữ vào ngày 3-4-1971.

Ngày 27/1: Hội nghị cấp Ngoại trưởng các nước Đông Nam Á tại Thủ đô Kuala-Lumpur (Mã Lai), tuyên bố thành lập Khối Thịnh Vượng Chung Châu Á, viết tắt là ZOPEAN (Zone of Peace and Neutrality) .

Ngày 26/3: Sau khi đánh bại Pakistan tại Đông Hồi, Ấn Độ giúp thành lập nước Bangladesh theo chế độ Cộng Hòa, Hồi giáo, có diện tích 142.776 km², dân số lúc đó trên 100 triệu người, thủ đô là Dhaka. Nước này nằm trên vịnh Bengal, giữa Ấn Độ, Nepal, Bhutan và Miến Điện.

Ngày 17-6: Mỹ ký hiệp ước, trả lại đảo Okinawa cho Nhật



Fidel Castro

ngày 15-5-1972 nhưng vẫn được lưu lại các căn cứ quân sự, theo lời yêu cầu của Chính phủ Nhật.

Ngày 25/10: Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan) bị đuổi ra khỏi Hội đồng Bảo An LHQ dưới áp lực của Liên Xô, Pháp kể cả Hoa Kỳ, để cho Trung Cộng vào trám chỗ.

+ Quý Hợi (1983): Ngày 22/2 Hội nghị ba nước Cộng Sản Đông Dương (Việt, Miên, Lào) tại Vientiane, bàn về việc Hà Nội rút quân khỏi Kampuchia vì áp lực của quốc tế.

Ngày 23/3: Tổng thống Hoa Kỳ R.Reagan đưa ra kế hoạch phòng thủ chiến lược, gọi tắt là SDI hay "Chiến tranh giữa các vì sao", chi phí lên tới 1.000 tỷ đô la. Cũng do sự kiện này mà Liên Xô vì phải chạy đua, thi đua vũ khí với Hoa Kỳ nên đã cạn tiền, trống kho sập tiệm vào đầu năm 1990, khiến cho gần hết thiên đàng xã nghĩa trong đó có Liên Bang Sô Viết, Đông Âu, Đông Đức ... tan rã.

Ngày 21/8: Benigno Aquino, một thượng nghị sĩ đối lập tại Phi luật tân, cũng là ứng viên tranh cử tổng thống, bị ám sát tại phi trường Manila, ngay khi từ Mỹ về nước.

Ngày 25/10: Quân Mỹ đổ bộ vào thủ đô George's của nước Cộng Hòa Grenada, để dập tắt âm mưu theo cộng sản Cu Ba. Đây là một đảo nhỏ thuộc Trung Mỹ, nằm gần hải phận nước Venezuela, có diện tích 344 km², dân số trên 100.000 người.

Xung đột chủng tộc tại Sudan, một nước ở Châu Phi, làm cho hàng triệu người bị sát hại và chết đói.

+ Ất Hợi (1995): Ngày 24/1, một trận động đất 7,2 độ Richter, xảy ra tại thành phố Kobé (Nhật, làm 5400 người chết, 50.000 nhà

bị sập, thiệt hại 100 tỷ USD.

Hơi độc hóa học Sarin chứa trong 5 hộp đựng thức ăn, phát ra trong đường hầm xe điện ngầm tại Tokyo, làm 10 người chết, 5000 người bị thương. Đây là biến cố gây kinh hoàng lớn nhất cho người Nhật sau Đệ nhị thế chiến. Thủ phạm là giáo chủ Asahara của giáo phái Aum Shinrikyo. Đương sự đã nhận tội và bị truy tố khủng bố.

Tháng 5: Tòa Cao ốc của Chính phủ Liên Bang tại Oklahoma City, bị đặt bom làm chết hơn 150 người. Thủ phạm là Tim McVeigh 27 tuổi, một cựu quân nhân Mỹ, khai rằng vì bất mãn với chính quyền Mỹ nên hành động.

Tháng 6: Lúc 19 giờ 32 ' (giờ GMT), phi thuyền Atlantis của Mỹ, được phóng lên từ mũi Canaveral (Florida), để thực hiện cuộc hội ngộ lịch sử với tàu vũ trụ, còn được gọi là Trạm Không Gian Mir của Nga, đang bay cách trái đất 395 km.

Tháng 7: Tổng thống Mỹ Bill Clinton ban hành quyết định "Bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt-Nam". Ngoại trưởng Mỹ Warren Christopher thăm Bắc Bộ Phủ.

Tháng 8: Một trái bom gài trong xe điện ngầm, đã nổ tại ga trung ương Paris làm 7 người chết và 84 người khác bị thương. Đây là vụ khủng bố đầu tiên tại Pháp, do nhóm khủng bố Hồi giáo vũ trang gây ra, để phản đối nước này ủng hộ chính phủ độc tài đang cai trị Algérie.

Thủ tướng Do Thái Yitzhak Rabin, đã bị một sinh viên cực hữu Do Thái 27 tuổi bắn chết, vì ông ta chủ trương giải quyết hòa bình không bạo lực với Palestine.

Tháng 12: Ký kết hòa bình tại bán đảo Balkan, giữa ba nước

thuộc Nam Tư cũ là Serbia, Bosnia và Croatia, được tổ chức ở Paris (Pháp). Lực lượng khối Nato gồm Anh, Pháp và Mỹ được giao phó nhiệm vụ giữ gìn hòa bình tại ba nước trên.

Ủy Ban Năng Lương Thế Giới (CEA) phát minh ra phương pháp giải quyết các chất phế thải từ các Lò Nguyên Tử bằng kỹ thuật dùng chất Silice hỗn hợp, trộn với các chất thải nguyên tử, rồi đem nung ở nhiệt độ 1400 độ. Tất cả sẽ biến thành một khối thủy tinh cứng có sức chịu đựng hàng triệu năm, sẽ không còn lo sợ chất độc của phóng xạ nguyên tử thoát ra ngoài.

Hãng Mitsubishi Materials của Nhật đã tung ra thị trường một loại vàng dẻo như đất sét, được chế tạo bằng bột vàng, nước và chất keo dính bí truyền. Nhờ loại vàng dẻo này, từ nay thợ kim hoàn có thể tạo hình các loại nữ trang theo ý muốn của khách hàng rất dễ dàng. Cuối cùng chỉ đem mẫu nữ trang vàng dẻo, nung ở nhiệt độ 1000 độ C, làm cho nước và chất keo thoát hơi biến mất, chỉ còn lại vàng ròng mà thôi.

Tóm lại nhìn qua các biến chuyển của lịch sử đã xảy ra trong các năm Hợi, ta thấy nhân loại đã phải hứng chịu nhiều thiệt hại về nhân mạng và sự mất mát vật chất tài sản, phần lớn do chiến tranh, dịch bệnh và thiên tai gây ra. Theo chu kỳ của trời đất, chúng ta lại sắp bước vào một năm Hợi 2007, với nhiều hứa hẹn của một cuộc thế chiến Nguyên Tử, mà lò lửa chiến tranh đã bắt đầu lộ dạng tại nhiều điểm nóng trên thế giới nhưng nguy hiểm nhất cũng vẫn là hai điểm nóng Trung Đông và Đông Á, do hai nước Ba Tư và Bắc Hàn chằm ngoi.

Sơ Lược Về Hát Cải Lương

Đào Đức Chương



Căn cứ vào ngữ nghĩa, chữ “cải lương” là sửa đổi cho tốt hơn, nói cách khác, làm sao cho những cái dở, kém, thiếu sót trở thành hoàn hảo và thích hợp hơn. Cho nên hát cải lương, không phải là một nghệ thuật trình diễn hoàn toàn sáng tạo, mà trái lại được thoát thai và cải tiến từ bộ môn hát bội. Nói rộng ra, cải lương đã tổng hợp những tinh hoa nghệ thuật của các bộ môn khác như: ca, kịch, nhạc, thi, vũ. Vậy hát cải lương là gì, quá trình hình thành phát triển ra sao, sự khác nhau giữa hát bội và cải lương, tính chất điệu hát, sự phân chia dòng phái, đặc điểm nhạc cụ, các tác gia kịch bản, và vai trò của bộ môn nghệ thuật này như thế nào?

HÁT CẢI LƯƠNG LÀ GÌ

Cải lương là bộ môn nghệ thuật vừa diễn, vừa ca ra bộ, tức điệu bộ phù hợp với lời ca. Từ trước, nước ta đã có hát chèo và hát bội, đến năm 1917, một mô hình nghệ thuật nữa ra đời, đúng hơn biến thể từ hát bội và theo âm nhạc miền Nam, với màu sắc mới mẻ, điệu hát tân tiến, giọng ca mùi mẫn, tạo sự hấp dẫn hơn hai bộ môn trước, nên đặt tên là Cải lương.

Nghệ thuật cải lương hướng về tả thực, diễn xuất giống như ngoài đời, người nghệ sĩ cần phải từng trải để thấu hiểu tâm lý nhân vật mà nhập vai, từ cách ăn nói, phong thái, xử sự. Vì vậy, điệu bộ và màu mè lấy vẻ tự nhiên làm yếu tố quan trọng, không nên gia tăng, cường điệu và cao giọng hét lớn như hát bội.

Về kỹ thuật trình diễn lại khác xa, hát bội hướng về tượng trưng và ước lệ, trong lúc cải lương là tả chân. Cho nên, lối dàn cảnh ở cải lương thật công phu, phải giống hết khung cảnh ngoài thiên nhiên, cần nhiều phong màn tranh cảnh khác nhau, thay đổi cho hợp tình tiết vở diễn. Y phục, hóa trang không cần lộng lẫy mà phải ăn mặc y như cách sống nhân vật, đúng vào thời đại nhân vật. Chẳng hạn diễn tuồng Mông Cổ nhà Nguyên, không thể dùng y phục của triều đại Mãn Thanh.

Về điệu hát, cải lương và hát bội đều sử dụng loại nhạc tuồng, nhưng cải lương không có *xướng, bạch, hường, tán, ban...*; các giọng khác vay mượn từ hát bội cũng biến thể rất nhiều và cải lương còn phát triển những điệu ca mới hợp với tiếng đồn tài tử. Như vậy, cải lương lấy âm nhạc làm chủ, diễn viên nhả chữ nhả câu phải

hòa với tiếng đàn, giọng ca theo sát từng giai điệu và tiết tấu của điệu nhạc. Trong khi hát bội câu ca không gò bó bởi âm nhạc, miễn sao đúng với nhịp chính là được, nên diễn viên có thể tự do phối bày hết sở trường của mình.

SỰ HÌNH THÀNH VÀ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

1 - **Giai đoạn tiền thân:** Đờn ca tài tử

Từ khi Nguyễn Hoàng di cư vào miền Trung, lập nên triều đại ở Thuận Hóa, những đợt Nam tiến không ngừng đưa người dân Xứ Đàng Trong vượt đèo Cù Mông lấn chiếm Chiêm Thành rồi đến Thủy Chân Lạp. Định cư ở miền đất Lục tỉnh xa xôi, từ nỗi buồn ly hương, những nghệ sĩ với ít nhiều vốn liếng nhã nhạc cung đình, đã phát sinh ra dòng nhạc đờn ca tài tử miền Nam, thể hiện một nỗi nhớ nhung với vợ. Ban đờn ca tài tử, tụ họp lại thành nhóm, có rải rác khắp miền Lục tỉnh, sinh hoạt trong các cuộc lễ tại tư gia như hôn quan tang tế. Các tài tử ca độc thoại, các bài như: *Bình bán chấn, Lưu thủy trường, Nam ai, Nam xuân, Tứ đại cảnh, Xuân tình...* Theo Trần Văn Khải, *Nghệ thuật sân khấu Việt Nam*, ông tổ

của dòng nhạc này là Nguyễn Quang Đại, thường gọi là ông Ba Đợi, hiện dân chúng còn thờ phượng ở đình làng Vạn Phước, huyện Cần Đức, tỉnh Long An.

2 - Giai đoạn phôi thai: Ca trên sân khấu

Lúc bấy giờ, năm 1910, nhóm đờn ca tài tử nổi tiếng nhất miền Lục tỉnh có Ban hát của Nguyễn Tống Triều, người xứ Cái Thia, từng được mời đi Pháp trình diễn ca cổ nhạc. Tư Triều phụ trách đờn kìm, Chín Quán khảy độc huyền cầm, Bảy Võ đờn cò, cô Hai Nhiều đờn tranh (đàn thập lục), Mười Lý thổi tiêu, cô Ba Đắc chánh ca và cô Hai Nhiều phụ ca.

Nguyễn Tống Triều là người đầu tiên có sáng kiến trình diễn ban ca nhạc trước công chúng. Năm 1911, Trần Chánh Chiếu chủ nhà hàng Minh Tân ở Mỹ Tho (nay là thành phố của tỉnh Tiền Giang) mời ban nhạc của Tư Triều ra mắt thực khách, được hoan nghênh nồng nhiệt. Thấy thế, ông Hộ, chủ rạp hát bóng Casino, cũng ở Mỹ Tho, mời ban nhạc Tư Triều phụ diễn hằng tuần vào tối thứ tư

và thứ bảy, trước khi chiếu phim. Diễn hình có bản *Tứ Đại oán* (kể truyện tích *Lục Vân Tiên*, đoạn Bùi Kiệm thi hỏng) được khán giả ưa chuộng, tuy đã có đối đáp giữa Bùi Ông và Bùi Kiệm, nhưng chỉ một người diễn ca và chưa ra bộ.

3 - Giai đoạn hình thành: Ca kịch cải lương

Tiến trình này có những dấu ấn đáng ghi nhớ:

a/ Bước mở đầu: Ca ra bộ

Năm 1915, Tống Hữu Định (1869-1932) thường gọi là Phó Mười Hai, Trần Quang Quờn (hay Huờn, Huyền ?) quen gọi Kinh lịch Quờn và Phạm Đăng Đảng (gốc miền Trung), cả ba đều ở Vĩnh Long, lập ban ca kịch tài tử, trình diễn bản *Tứ Đại Oán* trên sân khấu, có đào kép đóng vai Bùi Ông, Bùi Kiệm, Nguyệt Nga, vừa ca vừa ra bộ.

Năm 1916, ở thị xã Sadec (nay thuộc tỉnh Đồng Tháp), có gánh xiếc của ông Lê Văn Thận (André Thận), kèm theo phụ diễn vài tiết mục ca ra bộ do kép Bảy Thông, Tám Cang, đào Hai Cúc đảm nhận.

Nghệ thuật ca ra bộ là lối trình diễn trên sân khấu mà điệu bộ phù hợp với lời ca; nhưng còn ảnh hưởng nhiều lối đờn ca tài tử, vì thế hát là chánh, ra bộ là phụ. Diễn viên cần giọng hát cho thật mùi để diễn đạt tình cảm của bài ca, còn bộ tịch chỉ là để minh họa cho lời ca.

b/ Điểm mốc định hình:

Năm 1917, ông Pierre Châu Văn Tú, tên thường gọi là Thầy Năm Tú, người Mỹ Tho, sang lại gánh hát của André Thận, lập ra gánh cải lương đầu tiên, có nhà hát riêng, đào kép được hóa trang, sắm y phục thích hợp với nhân vật, sân khấu có phông màn, có vẽ cảnh và trang trí phù hợp với

nội dung vở diễn như *Hạnh Nguyên cống Hồ* (dựa vào truyện *Nhị Độ Mai*), *Trang Tử cổ bốn ca* (từ *Nam Hoa kinh*).

Xét về nghệ thuật, hát cải lương mang tính ca diễn nên giọng hát và điệu bộ trong không gian sân khấu phải được coi trọng như nhau. Ở ca ra bộ đòi hỏi diễn viên có giọng hát thật hay, thì với hát cải lương nếu giọng ca tương đối nhưng diễn xuất hay vẫn được liệt vào hạng đào kép giỏi.

c/ Quê hương của cải lương:

Mỹ Tho còn là chiếc nôi của cải lương, liền sau đó cũng tại nơi đây, ba ban hát nữa đua nhau thành lập, đó là “Đồng Bào Ban” của cô Tư Sự, “Nam Đồng Ban” của thợ kim hoàn Hai Cu, và “Tái Đồng Ban” cũng của ông bầu Hai Cu. Có thể nói, đây là bốn gánh hát cải lương đầu tiên, quy tụ nhiều diễn viên danh tiếng, về đào có các cô Ba Liên, Ba Nhân, Hai Quờn (kết hôn với Ba Du), Năm Phỉ, Tư Sang; kép như Ba Du (Phan Văn Hai), Hai Bông, Hai Giỏi, Năm Châu, Năm Long, Năm Ty, Tám Mẹo, Tư Chơi, Tư Út, Từ Anh... Soạn giả lớp tiên phong, sau Trương Duy Toàn có: Giáo Hiến, Nguyễn Công Mạnh, và Trần Phong Sắc.

Theo Trần Văn Khải, *Nghệ thuật sân khấu Việt Nam*, nhà văn Trương Duy Toàn đã soạn những kịch bản cải lương cho gánh hát Thầy Năm Tú. Nếu vậy, năm 1917, bộ môn cải lương mới thực sự chào đời và Mỹ Tho là nơi chôn nhau cắt rốn. Từ đấy, cải lương trình diễn độc lập, không còn mang tính phụ diễn nữa và Trương Duy Toàn là người đầu tiên soạn thành kịch bản.

d/ Nghệ sĩ tiêu biểu:

Năm Phỉ (1907-1954), tên thật Lê Thị Phỉ; người làng Điều Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho,



Viêt Thao Đào Đức Chương

nay là tỉnh Tiền Giang. Năm 1917, bà bắt đầu diễn xuất cho gánh Đồng Bào Ban, sau đó lập gia đình với nghệ sĩ Hai Giỏi. Năm 1924, chồng mất, bà hát cho gánh Phước Cường, rồi tái giá với Nguyễn Ngọc Cương, tức ông bầu Cương, chủ nhân của đoàn hát này. Từ đó tên tuổi bà càng ngày càng vang dội qua tài diễn xuất độc đáo. Vương Hồng Sển viết: “Cô đã tạo được nhiều kịch phẩm bất hủ. Về ai oán não nùng, trong *Tơ vương đến thác*, *Lan và Diệp*, *Bàng Quý Phi*; đường bệ, trang hoàng, đài các, như *Túy Hoa vương nữ*, bà huyện trong *Vì đâu nên nổi?*; lả lướt quyến rũ, đắm say như trong *Sắc giết người*, *Phụng Nghi Đình*; và thông minh ngộ ngẩn như vai Mọi trong *Đóa hoa rừng*” [2]. Bà được tuyển đi trình diễn ở Pháp, Thái Lan.

4 - Giai đoạn phát triển, từ 1917 đến 1922

Ca kịch cải lương không những được trình diễn ở Mỹ Tho và Sài Gòn, mà nhanh chóng được phổ biến khắp miền Lục tỉnh. Ở Sài Gòn có gánh Tân Thịnh của Trương Văn Thông, lập năm 1920, dùng danh hiệu Đoàn hát cải lương; Chợ Lớn có gánh Văn Hí Ban của Huỳnh Kim Vui, Tập Ích Ban (1921) chuyên diễn tuồng Tàu, Long Xuyên có gánh Sĩ Đồng Ban của ông Bảy Sô, Vĩnh Long có gánh Kỳ Lân Ban của bà Huyện Xây ở Vũng Liêm, Sóc Trăng có gánh Tân Phước Nam của Bác sĩ Trần Văn Minh.

a/ Soạn giả và kịch bản:

Các kịch tác gia nổi tiếng có Đào Châu, Ngô Vĩnh Khang, Mộc Quán Nguyễn Trọng Quyền, Trần Phong Sắc, Trương Duy Toàn... Số lượng tuồng hát tăng khá nhanh, nhưng các đề tài vẫn còn ảnh hưởng hát bội, nên không

thoát khỏi các truyện, tích xưa và lịch sử; tạm chia làm hai nhóm: Nguồn gốc Việt có: *Cao Hoàng phục quốc*, *Kim Vân Kiều*, *Lâm Sanh Xuân Nương*, *Lê Lai cứu chúa*, *Lê Lợi khởi nghĩa*, *Nữ Vương Trưng Trắc*, *Thạch Sanh Lý Thông*, *Thoại Khanh Châu Tuấn*, *Trần Đại Lang Xướng Tử Ca*, *Triệu Ai Vương với bà Cù Thị*, *Trọng Thủy Mỹ Châu*, *Vân Tiên Nguyệt Nga*... Nguồn gốc Tàu có các kịch bản tiêu biểu như: *Anh hùng náo*, *Đơn Hùng Tín*, *Hoàng Phi Hổ đầu Châu* (của Nguyễn Công Mạnh), *Phụng Nghi Đình* của Trương Quang Tiền [3], *Thôi Tử thí Tề Quân*, *Tống Tửu*, *Xử bá đao Từ Hải Thọ*...

b/ Đội ngũ nghệ sĩ:

Ngoài các diễn viên xuất hiện ngay thuở đầu tiên (1917) đang sung sức, còn có nhiều nghệ sĩ mới gia nhập. Về đào có các cô: Ba Hui, Ba Nhân, Bảy Ngọc, Hai Cúc, Hai Vui, Hai Phụng, Hai Xiêm, Mười Nhường, Tư Mão... Về kép có Bảy Thông, Bộ Thế, Hai Bông, Hai Quán, Mười Mùi, Sáu Cụt, Tám Cang, Tư Thạch...

5 - Giai đoạn cực thịnh, từ 1923 đến 1945.

Thấy bộ môn cải lương thu hút nhiều khán giả, các gánh hát đều khăm khá, nhiều người đầu tư vào bộ môn này. Thời ấy có những gánh hát nổi tiếng như: Hậu Tấn, Hề Lập, Huỳnh Kỳ, Kim Thoa, Mộng Vân, Nam Phi, Nhạn Trắng, Năm Châu, Phụng Hảo, Phước Cường, Sao Mai, Tân Hí Ban, Tân Thịnh, Tập Ích Ban, Trần Đắc, Việt Kịch, Võ Hí Ban... Cải lương không chỉ phổ biến ở Nam Kỳ, mà còn có triển vọng lan rộng đến Trung và Bắc Kỳ.

a/ Kịch tác gia: nổi tiếng có Đặng Công Danh, Huỳnh Thư Trung (thường gọi là Tư Chơi), Lê

Hoài Nở, Lê Văn Tiếng, Mộng Vân, Ngô Vĩnh Khang, Nguyễn Công Mạnh, Nguyễn Thành Châu, Trần Duy Lân, Trần Hữu Trang (1906-1966, người Mỹ Tho).

b/ Về kịch bản, giai đoạn này rất phong phú cả lượng và phẩm, có đủ 5 loại đề tài:

- Tuồng lịch sử như: *Gia Long tẩu quốc*, *Gương liệt nữ* (Bà Triệu), *Hận nước thù chồng* (Trưng Vương), *Tam đồng trung liệt* (1925, của Trương Ngọc Thới), *Võ Tánh tử tiết*...

- Tuồng truyện: *Giọt máu chung tình* (truyện Võ Đông Sơ và Bạch Thu Hà)...

- Tuồng Tàu: *Dự Nhượng dả long bào* (của Nguyễn Thành Long), *Đường Hoài Ân bị tình trù*, *Huê Dung đạo*, *Lưu Kim Đính giải giá thọ Châu* (của Lâm Hoài Nghĩa), *Mạnh Lệ Quân thoát hải*, *Mộc Quế Anh dâng cây*, *Quan Công tẩu mạch thành*, *Quần anh kiệt*, *Tranh Châu Mộng Hồ Diệp*, *Trường hận* (tuồng Dương Quý Phi), *Xử án Bàng Quý Phi* (của Lê Văn Tiếng), *Xử án Quách Hoè*.

- Tuồng tôn giáo hầu hết là Phật giáo: *Bố thí bất nghịch ý*, *Quan Âm Thị Kính*, *Thích Ca đắc đạo*, *Tiền thân Phật Tổ*, *Trần Huyền Trang (Tây du ký)*...

- Tuồng xã hội, còn gọi là tuồng Tây xuất hiện và phát triển nhanh chóng, tiêu biểu có: *Áo người quân tử*, *Cánh lan phương tử*, *Duyên chị tình em*, *Đoạn tuyệt*, *Đời cô Lựu*, *Giá trị và danh dự*, *Giấc mộng cô đào*; *Gió ngược chiều* (phóng tác theo *Ruy Blas*), *Hai khối tình Hàm Lê*, *Hồn bướm mơ tiên*; *Khi người điên biết yêu* (Lê Hoài Nở, Nguyễn Thành Châu, Trần Hữu Trang hợp soạn), *Khúc oan vô lượng* và *Tội của ai* (đều của Huỳnh Thủ Trung), *Lan và Diệp*, *Lỡ tay trót đã nhúng chàm*, *Men rượu hương tình*, *Tham*

phú phụ bản; Tiếng nhạn kêu sương (của Lê Hoài Nở), *Tiếng nói trái tim, Tình trường nham hiểm, Tô Ánh Nguyệt; Tô vương đến thác* (tức *Trà Hoa Nữ*, soạn giả Ngô Vĩnh Khang), *Trọn tiết với chồng; Túy Hoa Vương nữ* (phóng tác theo *Marie Tudor* của Victor Hugo), *Tứ đổ tường* (của Đặng Công Danh), *Vì nghĩa liều mình; Vó ngựa truy phong* (của Lê Hoài Nở)...

c/ Diễn viên tiêu biểu:

Đội ngũ nghệ sĩ phát triển khá nhanh, về đào có Bảy Lựu, Bảy Nam (1913-2004, người làng Điều Hạ, tỉnh Mỹ Tho), Bích Thuận, Chín Bia, Chín Lê, Hai Đăng, Kim Cúc, Kim Lan, Kim Thoa, Mười Truyền, Năm Phỉ, Năm Sadec, Ngọc Xứng, Phùng Há (tên thật là Trương Phụng Hảo, sinh năm 1911 tại làng Điều Hòa, huyện Châu Thành, Mỹ Tho, vào nghề từ lúc 13 tuổi), Thanh Loan, Thanh Tùng, Tư Kỳ, Tư Sang...

Các kép có Ba Thâu, Ba Vân, Bảy Nhiêu, Duy Lân, Hai Hoàn, Hai Thiêng, Hai Tiên, Mười Bửu, Năm Định, Năm Nở, Năm Châu, Tám Danh, Tám Mẹo, Tư Chơi, Tư Út, Từ Anh, Văn Ngân...

6 - Giai đoạn bão hòa, từ 1946 đến 1975.

Cuộc chiến lan tràn trên đất nước ta, ban đêm thường giới nghiêm, việc hát xướng cũng bị ảnh hưởng. Nhiều đoàn cải lương được thành lập, trong sự cạnh tranh không ít gánh hát tăm tiếng vẫn bị tan rã, như đoàn Hoa Sen. Tuy vậy, cũng có những đoàn hát vượt qua sự khó khăn để tồn tại và phát triển. Ngoài ra, cải lương còn sinh sôi nảy nở ngoài miền Lục tỉnh, lập căn cứ vững chắc ở Bắc Kỳ, rồi biến cố năm 1954, theo một triệu người di cư vào Nam tìm tự do, đó là đoàn Kim

Chung.

Tuy có những trở ngại trên, nhưng sân khấu cải lương trong giai đoạn này, nhất là những năm từ 1954 đến 1975, là thời vàng son qua tính đa dạng và phong phú.

a/ Về kịch đoàn:

Các gánh Cải lương nổi tiếng trong giai đoạn này có: Ánh Chiêu Dương, Bạch Lan Thành Được, Dạ Lý Hương, Hoa Sen, Hoa Thủy Tiên, Hương Mùa Thu, Kim Chung, Kim Chưởng, Phước Chung, Sao Ngân Phương, Thanh Hương, Thanh Minh Thanh Nga, Thanh Tao, Thống Nhất, Thủ Đô, Trăng Mùa Thu, Tuấn Kiệt... Ngoài ra còn những gánh nhỏ lưu diễn ở các tỉnh, không tính hết.

b/ Về tác gia và kịch bản:

- Anh Tuấn có vở *Trăng rụng bến Từ Châu* (tuồng Tàu, hợp soạn với Nhị Kiều)

- Anh Phương có kịch bản *Vó ngựa đêm trăng* (hợp soạn với Thu An).

- Bá Chi có *Bích văn cung kỳ án* (tuồng Tàu, hợp soạn với Phương Hà)

- Bạch Diệp có vở *Chiều con non Thái* (tuồng xã hội, hợp soạn với Minh Nguyên).

- Châu Sơn Dũng có tuồng *Đồng xanh cát trắng* (hợp soạn với Quy Sắc).

- Hà Triều Hoa Phượng là hai người. Hà Triều (1931-?), tên thật là Đặng Ngươn Chúc, người xã Vĩnh Tuy, huyện Gò Quao, tỉnh Rạch Giá nhưng sống ở Sài Gòn từ năm 1955. Hoa Phượng (1933-1984), tên thật là Lương Kế Nghiệp, sinh tại núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Sau năm 1954, ông lên Sài Gòn sinh sống, gặp Hà Triều và kết thân. Hai người hợp soạn vở đầu tay là *Vì quê hương*, tiếp đến vở *Con gió lốc*, vẫn chưa gây được tiếng vang. Vở thứ ba là *Lối vào cung cấm*,

đổi tên *Khi hoa Anh đào nở*, đoàn Thanh Minh Thanh Nga trình diễn liên tục bốn tuần mà vẫn có người xem, làm chấn động kịch trường ở thủ đô Sài Gòn lúc bấy giờ. Hà Triều Hoa Phượng đã đóng góp rất lớn cho bộ môn cải lương với trên 60 kịch bản, tuồng xã hội có: *Bụi mờ ải nhạn* (hợp soạn với Tuấn Khanh), *Con gái chị Hằng*, *Đêm vĩnh biệt*, *Nỗi buồn con gái*, *Nửa đời hương phấn*, *Rồi 30 năm sau*, *Sương mù trên non*, *Tấm lòng cửa biển*; tuồng Tàu có: *Anh hùng xạ điêu*, *Cô gái Đồ Long*, *Khởi sóng Tiêu Tương* (soạn chung với Cô Nguyệt), *Vô Kỵ Triệu Minh*; tuồng Nhứt có *Nỗi buồn thu thảo*, *Khi hoa anh đào nở*; tuồng hương xa có *Mưa rừng*.

- Hoài Hương với kịch bản *Lương Sơn Bá Chúc Anh Đài* (hợp soạn cùng Ngọc Văn).

- Hoài Nhân với vở *Nối quãng đường tình*.

- Hoài Sơn soạn *Thuyền về Bến Ngự*.

- Hoài Thanh có *Đồ Long Dao*

- Hoàng Khâm soạn các tuồng xã hội như: *Bông hồng cài áo*, *Cô giáo Hiền*, *Hắc y nữ hiệp*, *Lữ Bức sang ngang* (hợp soạn với Thu An), *Vàng sáu bạc mười*, *Vụ án song hôn*. Ông cũng soạn tuồng Tàu như: *Người đẹp Bạch Hoa Thôn*, *Một trang tình sử*.

- Hoàng Quân có kịch bản *Qua mùa phượng vĩ* (tuồng xã hội, hợp soạn với Phương Hà).

- Hoàng Tiên Thúy có vở *Mây trái hương* (tuồng xã hội, hợp soạn với Thái Thụy Phong).

- Kiên Giang, tên thật là Trương Khương Trinh, sinh năm 1927, tại Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Ông vừa là nhà thơ, nhà báo, soạn giả với các kịch bản *Áo cưới trước cổng chùa*, *Mây chiều xuyên nguyệt thôn* (hợp soạn với Hà Triều Hoa Phượng), *Người đẹp*

bán tơ (tuồng dã sử), *Ngưu Lang Chức Nữ*, *Sơn nữ pha trà*...

- Mộc Linh với kịch bản *Tiếng sét nửa đêm* (tuồng xã hội).

- Lê Khanh có kịch bản *Bên hào Lạc Thủy* (tuồng dã sử, hợp soạn với Lê Minh Hùng và Thái Sơn)

- Lê Minh Hùng có vở *Bên hào Lạc Thủy* (tuồng dã sử, hợp soạn với Lê Khanh và Thái Sơn)

- Lê Tri có kịch bản *Gươm ngũ đế và Trống hoàng hôn* (đều hợp soạn với Thu An)

- Minh Nguyên, tuồng xã hội có *Chiều con non Thái* (hợp soạn với Bạch Diệp).

- Mộc Linh với các kịch bản *Người gọi đò bên sông*, *Quý Bảo*, *Nhà sư và tướng cướp*.

- Ngọc Diệp có vở *Hoa Thơm phong nhụy* (hợp soạn với Trần Hà).

- Ngọc Huyền Lan, các tuồng Tàu có *Tình nở Đào Hoa Thôn* và

Hoa Mộc Lan (đều hợp soạn với Viễn Châu)

- Ngọc Huyền Quân có kịch bản *Đêm buồn tàn thu* (hợp soạn với Vạn Lý), *Tiếng hát trên sông Loa* (hợp soạn với Thanh Cao)

- Ngọc Văn có kịch bản *Anh hùng Lã Phụng Tiên*, *Nụ cười Bao Tự*, *Rừng thẳm giao duyên*; *Lương Sơn Bá Chúc Anh Đài* (hợp soạn với Hoài Hương)

- Nguyễn Huỳnh soạn vở *Hoa đào trước gió*.

- Nguyễn Phương, tên thật là Nguyễn Văn Hòa, sinh năm 1922 tại Mỹ Tho. Ông là nhà soạn tuồng cải lương, theo lời tác giả, có 13 năm cộng tác với đoàn Thanh Minh Thanh Nga và 8 năm với đoàn Dạ Lý Hương, tốc độ viết trung bình 3 tháng xong một vở. Vào khoảng năm 1955-1956, đoàn trả lương soạn tuồng mỗi tháng 6000 đồng, trong lúc giá vàng 3800 đồng 1 lượng, ngoài ra còn được hưởng tác quyền 6% tiền lợi tức của mỗi xuất hát. Ông là tác giả hơn 100 kịch bản, về tuồng xã hội tiêu biểu có *Bóng chim tăm cá*, *Bọt biển*, *Đôi mắt người xưa*, *Ngã rẽ tâm tình*, *Người tình của biển*, *Tiền rừng bạc biển*...; tuồng hương xa có *Mộng đẹp nửa đời hoa*... Ra hải ngoại, ông còn soạn tuồng *Giấc mộng trường sinh*, trình diễn tại Toronto năm 1990.

- Nguyễn Thành Châu, trong giai đoạn này có các vở tiêu biểu: *Sân khấu về khuya*, *Chàng đi theo nước*, *Người kếp hát già*...

- Nhị Kiều, loại tuồng Tàu có *Tình nở hoa xuân* (hợp soạn với Thanh Xuân), *Trần Thế Mỹ*, *Trăng rụng bến Từ Châu* (hợp soạn với Anh Tuấn); tuồng Nhựt có *Giấc mộng Vương Phi*; tuồng Hương xa có *Phượng Dung Hoàng Hậu* (hợp soạn với Trường Xuân Trúc).

- Phan Khương viết kịch bản

Người anh khác mẹ (hợp soạn với Thu An).

- Phong Anh có vở *Thuyền ra cửa biển* (hợp soạn với Yên Trang)

- Phương Hà có *Bích Vân cung kỳ án* (tuồng Tàu, hợp soạn với Bá Chi), *Trăng rừng vẫn sáng* (tuồng hương xa, hợp soạn với Trang Khanh),

- Phương Ngọc với kịch bản *Võ Tắc Thiên* (tuồng Tàu).

- Phương Hà viết vở *Qua mùa phượng vĩ* (tuồng xã hội, hợp soạn với Hoàng Quân).

- Quy Sắc có các kịch bản *Đồng xanh cát trắng* (hợp soạn với Châu Sơn Dũng), *Hoa nở cuối mùa*, *Khi rừng núi mới sang thu*.

- Thái Sơn có vở *Bên hào Lạc Thủy* (tuồng dã sử, hợp soạn với Lê Khanh và Lê Minh Hùng).

- Thái Thụy Phong soạn các tuồng xã hội như: *Hai nàng dâu trẻ* (hợp soạn với Trần Đình), *Mây trái hướng* (hợp soạn với Hoàng Tiên Thúy), *Hai chuyến xe hoa*...

- Thanh Cao có kịch bản *Lối mộng vào tim*, *Sầu qua mấy nhịp cầu duyên*, *Tiếng hát trên sông Loa* (hợp soạn với Ngọc Huyền Quân).

- Thanh Xuân có vở *Tình nở hoa xuân* (tuồng Tàu, hợp soạn với Nhị Kiều).

- Thiếu Linh soạn các tuồng: *Người đao phủ*, *Người không mẹ*, *Sầu Quan ải* (hợp soạn với Thu An), *Thành Cát Tư Hãn*, *Võ Tòng sát tẩu*.

- Thu An có các kịch bản: *Bà Chúa ăn mày*, *Châu Bích Lệ*, *Chiều lạnh tuyết băng sơn*, *Gươm ngũ đế* (hợp soạn với Lê Tri), *Hai chiều ly biệt*, *Lá của rừng xanh*, *Lữ bước sang ngang* (hợp soạn với Hoàng Khâm), *Người anh khác mẹ* (hợp soạn với Phan Khương), *Nước ngược dòng*, *Quán ma*, *Sầu Quan ải* (hợp soạn với Thiếu Linh), *Tiếng súng một giờ khuya*, *Tiếng*



trống sang canh, Trống hoàng hôn (hợp soạn với Lê Tri), *Vó ngựa đêm trăng* (hợp soạn với Anh Phương), *Xác áo bên cầu gỗ*.

- Trang Khanh với vở *Trăng rừng vẫn sáng* (tuồng hương xa).

- Trần Duy Lâu soạn *Đoạn tuyệt* (tuồng xã hội).

- Trần Đình có vở *Hai nàng dâu trẻ* (tuồng xã hội, hợp soạn với Thái Thụy Phong),

- Trần Hà với kịch bản *Hoa thơm phong nhụy* (hợp soạn với Ngọc Diệp)

- Trọng Diệp soạn vở *Mộng giai nhân* (tuồng Tàu).

- Trương Vũ có vở *Dương Quý Phi* (tuồng Tàu).

- Trường Xuân Trúc viết *Phượng Dung Hoàng Hậu* (tuồng hương xa, hợp soạn với Nhị Kiều)

- Tuấn Khanh soạn *Hận tình Vương nữ* (tuồng hương xa), *Mặt trời đêm*.

- Vạn Lý có kịch bản: *Cánh hồng tả tơi, Đêm buồn tàn thu* (hợp soạn với Ngọc Huyền Quân), *Thượng phương bảo kiếm*.

- Viễn Châu, tên thật Huỳnh Trí Bá, thường gọi là Bảy Bá. Ông sinh năm 1924, người xã Đôn Châu, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh; hiện ở Sài Gòn. Về sự nghiệp sáng tác, ông đã đóng góp cho bộ môn cải lương hơn 70 kịch bản, tiêu biểu có vở: *Nát cánh hoa rừng* (tác phẩm đầu tay), *Duyên nợ của ai*, *Đời Cô Nga*, *Đường ra biên ải*, *Người mẹ mù*, *Tình mẫu tử*, *Viên ngọc rắn thần*; *Tình nở Đào Hoa thôn* và *Hoa Mộc Lan* (là hai tuồng Tàu và hợp soạn với Ngọc Huyền Lan), *Con gái Hoa Mộc Lan*... Và hơn 2000 bài vọng cổ, người đời tặng danh hiệu "Vua soạn Vọng Cổ", bài *Tình anh bán chiếu* (soạn năm 1961) là tác phẩm để đời. Năm 1959, ông cho ra đời loại vọng cổ hài và tổ ra sở trường với hình thức này, tiêu

biểu có bản: *Ba chàng rể quý*, *Ba Râu đi Chợ Lớn*, *Tâm sự Văn Hường*, *Tôi đi làm rể*, *Tư Ếch đi Sài Gòn*, *Văn Hường nể vợ*, *Vợ tôi nói tiếng Tây*, *Vợ tôi tôi sợ*... Ông cũng là cha đẻ của *Tân cổ giao duyên*, là một thể bài hát pha trộn tân nhạc vào bài vọng cổ, được khai sinh năm 1964; dường như có phép lạ tạo cuộc hôn nhân êm đẹp giữa hai loại hình âm nhạc tưởng chừng đối nghịch nhau.

- Yên Lang có kịch bản *Mảnh áo quê nghèo*, *Tình hận trên băng hồ*, *Trời lạnh sương khuya*.

- Yên Trang có vở *Thuyền ra cửa biển* (hợp soạn với Phong Anh)

- Yến Linh Hoa Phượng có soạn *Mây bốn phương trời* (tuồng dã sử).

c/ Đội ngũ nghệ sĩ và các đoàn hát nổi tiếng:

Các nghệ sĩ có thể thay đổi đoàn hát khi mãn hợp đồng, như cô Ngọc Giàu đầu tiên hát cho đoàn Kim Chưởng, rồi sang đoàn Thanh Minh Thanh Nga, xong lại cộng tác với đoàn Bạch Lan Thành Được. Tuy nhiên, vẫn có trường hợp chuyển đổi bất thường như Đề Nhất danh ca Út Trà Ôn đang thời hạn với đoàn Thanh Minh, nhưng buồn lòng với bà bầu Nguyễn Thị Thơ, đã bồi hoàn tiền hợp đồng, về với bầu Ba Bản để lập ra đoàn Thủ Đô (1959).

Thời kỳ này, tiêu biểu có các đoàn hát với những nghệ sĩ cộng tác sau đây:

- Đoàn Dạ lý Hương, nguyên có tên là Hoa Mùa Xuân, năm 1964 đổi tên. Thành phần diễn viên, về đào có: Bạch Tuyết (giải Thanh Tâm triển vọng năm 1963, HCV năm 1965), Hồng Nga, Kim Ngọc, Mai Lan, Như Ngọc...; về kép có Ba Xây, Hoàng Long, Minh Đức, Minh Tấn, Tấn Tài (Huy chương vàng, giải Thanh

Tâm năm 1963), Thanh Sang (HCV giải Thanh Tâm năm 1964), Tư Rơm...

- Đoàn Hương Mùa Thu, về đào có: Bạch Lê, Bạch Liên, Bo Bo Hoàng, Hoài Mỹ, Ngọc Hương (HCV giải Thanh Tâm năm 1962)...; về kép có: Bảy Xê, Công Khanh, Hề Minh, Hoàng Kim Bằng, Huỳnh Minh (HCV giải Thanh Tâm năm 1959), Minh Đạt, Thanh An, Út Hiền, Văn Khoe... Đặc biệt Hương Mùa Thu chỉ trình diễn các kịch bản của Thu An, ông vừa soạn giả hữu danh, vừa là Giám đốc của đoàn, vừa là đạo diễn có tài, nên đoàn có nhiều khởi sắc.

- Đoàn Kim Chung được tổ chức quy mô thành một công ty kinh doanh ngành Cải Lương, quy tụ nhiều nghệ sĩ nổi tiếng, lập nên bốn đoàn hát. Thành phần diễn viên, về đào có: Ái Lan, Ánh Hồng (HCV giải Thanh Tâm năm 1962), Bích Hợp, Diệu Hiền, Hà Mỹ Xuân, Kiều Lễ Tâm, Kim Chung, Lệ Thủy (HCV giải Thanh Tâm năm 1964), Mỹ Châu, Thu Hương, Thúy Liễu; về kép có: Hề Ba Hội, Hề Văn Hường, Hề Tư Vững, Hùng Cường, Huỳnh Thái, Kim Nguyên, Minh Cảnh, Ngọc Ấn, Phước Hậu, Quan Hữu, Thanh Hải, Thanh Nhân, Thanh Phương, Út Hậu...

- Kim Chưởng là đoàn hát hàng đầu về địa bàn lưu diễn và có tuổi đời cao nhất của giai đoạn này. Thành phần diễn viên, về đào có: Kim Nền, Mộng Thu, Phượng Liên, Thanh Nguyệt, Thanh Nhân, Trương Ánh Loan (HCV giải Thanh Tâm năm 1963)...; về kép có: Diệp Lang (HCV giải Thanh Tâm năm 1962), Dũng Thanh Lâm (1944- 2004), Hề Chơn Tâm, Hề Vui, Hữu Nhiêu, Phi Hùng, Phương Quang, Trường Xuân, Vũ Phương Giang...

- Bạch Lan-Thành Được là đoàn cải lương hợp lực của hai nghệ sĩ lừng danh là Thành Được và Út Bạch Lan, lại thêm các diễn viên, về đào có: Hoàng Vân, Kim Huệ, Ngọc Giàu (HCV giải Thanh Tâm năm 1960), Thanh Thanh Hoa (HCV giải Thanh Tâm năm 1961), Thanh Thanh Nga...; về kép có: Ba Vân, Nam Hùng, Thanh Kỳ, Thanh Sơn, Út Nhị, Văn Chung, Văn Nga, Văn Sa...

- Đoàn Thanh Minh Thanh Nga, về đào có: Bé Hương Lan, Kim Giác, Kim Loan (HCV giải Thanh Tâm năm 1963), Kim Nga, Ngọc Nuôi (kết hôn với Việt Hùng), Phương Ánh, Thanh Lệ, Thanh Nga (sinh 1942, mất 1978, HCV giải Thanh Tâm đầu tiên, năm 1958) ...; về kép có Ba Nghĩa, Bảo Quốc, Chí Hiếu, Hoàng Đức, Hoàng Giang, Hương Huyền, Hữu Phước (người Sóc Trăng, HCV giải Thanh Tâm năm 1960), Kim Quang, Minh Điển, Tám Vân, Thanh Tú (HCV giải Thanh Tâm năm 1963), Việt Hùng (1923-2001, tên thật là Nguyễn Hữu Hùng).

- Đoàn Thống Nhất, về đào có: Kim Hà, Mỹ Ngọc, Ngọc Bích, Ngọc Kim, Thanh Xuân, Thu Vân...; về kép có: Chơn Tâm, Minh Châu, Hoàng Liêm, Hoàng Sương, Ngọc Trai, Quang Hiền, Quốc Việt, Văn Núi, Yến Đạt...

- Đoàn Thủ Đô, thành lập năm 1959, tổ chức hiện đại, đạo cụ tân tiến, trang phục dỗi đào, có đoàn xe riêng khi di chuyển, với thành phần diễn viên, về đào có: Hồng Hoa, Huỳnh Hoa, Mỹ Quyên Chi, Phương Lan Y, Tô Kiều Lan; về kép có: Hà Trúc Phương, Hữu Hạnh, Minh Quang, Phương Thảo, Sáu Nhỏ, Thanh Hiền, Tường Lân, Út Trà Ôn (1918- 2001, tên thật là Nguyễn Thành Út, người quận Trà Ôn tỉnh Vĩnh Long), Văn Sa...

Tám đoàn hát kể trên, với 128 nghệ sĩ (51 đào, 77 kép), và hậu trường có 53 kịch tác gia, chưa phải là con số tổng kết, vì còn nhiều đoàn hát ở các tỉnh chưa thống kê được. Ngoài ra, còn các nghệ sĩ chuyên nghiệp, diễn lời trên đài phát thanh Sài Gòn (thời Việt Nam Cộng Hòa) không lên sân khấu, về đào có Bạch Huệ, Cô Ba Bến Tre, Cô Ba Trà Vinh, Cô Năm Cần Thơ, Hạnh Ngộ, Hương Xuân, Ngọc Ánh, Lê Liễu, Thanh Hoa...; về kép có: Ba Ngươn, Bảy Quới, Chín Sớm, Năm Bửu, Năm Phổi, Sáu Thoàn, Sáu Vị, Tám Bằng, Tám Thưa, Thành Công...

7 - Cải lương ngày nay:

Ngày xưa, sân khấu rạp đã đưa cải lương đến cực thịnh. Ngày nay, cải lương có sân khấu truyền hình, chấp cánh cho bộ môn nghệ thuật này bay vút trời xanh. Để đáp ứng nhu cầu phim ảnh, cải lương truyền hình ra đời, tức là diễn xuất ngoài thiên nhiên phù hợp với tình tiết kịch bản. Tất nhiên, không phải để khán giả thưởng thức trực tiếp như trong rạp, mà vở diễn được quay thành phim, sản xuất bản sao hàng loạt, phát hành rộng rãi. Bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu, khán giả cũng có thể xem cải lương video trên màn ảnh nhỏ, và lưu trữ phim với thời gian. Tiêu biểu có các vở: *Ái tình hay ngôi báu* (tuồng Tàu) soạn giả Viên Hoàng, đạo diễn Lê Lộc; *Bể hận mênh mông* của Nhị Kiều, phóng tác theo tiểu thuyết *Lá ngọc cành vàng*; *Bỏ vợ* của Hoa Trang Nhã, đạo diễn Xuân Phước; *Cạn nguồn suối lệ* của Thới Lai, đạo diễn Lê Lộc; *Đi biển* của Hoa Phượng, đạo diễn Xuân Phước; *Giọt máu oan khiên* của Anh thư, đạo diễn Phượng Hoàng; *Lạc loài* của Yên Ba, đạo

diễn Hoàng Dũ; *Nối lại tình xưa* của Đức Hiền và Thiên Kiều, đạo diễn Xuân Phước; *Sóng gió làng chài* của Mỹ An, đạo diễn Xuân Phước; *Trời cao nhỏ lệ* của Viên Hoàng, đạo diễn Hoàng Dũ.

Một kịch bản cải lương muốn thực hiện thành phim, ngoài số diễn viên đóng các vai, còn có những nhân sự khác tuy không thấy mặt trên sân khấu truyền hình, nhưng lại quan trọng không kém, gồm: Chủ nhiệm (bầu gánh), Đạo diễn, Biên tập, Trợ lý đạo diễn, Thư ký, Quay phim, Phụ quay phim, Kỹ thuật, Ca khúc trong phim, Âm thanh, Ánh sáng, Cổ nhạc, Tân nhạc, Hóa trang, Đạo cụ, Đồ họa vi tính, Nhắc tuồng, Thiết kế, Thực hiện chương trình. Các khâu công việc và số nhân sự có thể gia giảm tùy theo kịch bản.

Ngày nay, ngoài số nghệ sĩ quen thuộc của thế hệ trước tiếp tục sinh hoạt, còn có rất nhiều diễn viên trẻ nổi tiếng và không ít những mầm non đầy hứa hẹn. Cả ba thế hệ đều có mặt trên sân khấu cải lương, và dưới đây là vài khuôn mặt nghệ sĩ tiêu biểu của thời đại:

Về đào có: Ngọc Huyền (sở trường đào thương), Tài Linh (tên thật là Huỳnh Thị Phú Nhuận, sinh năm 1957, nguyên quán ở Bình Định), Thanh Ngân (chuyên đào thương, HCV Hội diễn Sân khấu Cải lương chuyên nghiệp toàn quốc năm 2005), Thoại Mỹ (HCV, Hội diễn sân khấu 2005), Trinh Trinh (HCV giải Trần Hữu Trang năm 1995)...

Về kép có: Bảo Chung (hài), Kim Tiểu Long (tên thật là Trương Hoàng Kép, sinh năm 1975, người Vĩnh Long, HCV Hội diễn Sân khấu Cải lương 2005), Kim Tử Long (tên thật là Hoàng Kim Long, sinh năm 1966 tại Sài Gòn,

vào nghề 1982, HCV giải Trần Hữu Trang 1992), Linh Tâm, Vũ Linh (tên thật là Võ Văn Ngoan, sinh năm 1958 tại Chợ Lớn, vào nghề 1972, HCV giải Trần Hữu Trang 1991)...

GIỌNG HÁT CẢI LƯƠNG

Có nhiều người cho rằng, chỉ cần luyện cho thật mùi sáu câu Vọng cổ là có thể hát cải lương. Và ngay cả những chủ đoàn hát đôi khi cũng căn cứ vào ca Vọng cổ của mỗi diễn viên để xếp hạng đào kép. Thật ra hát cải lương có đến sáu giọng: Bắc, Nam, Oán, Thán, Lý, Bình, Ngâm; mỗi giọng đều có tiết điệu riêng, khác biệt nhau. Nhưng Vọng cổ là một điệu rất quan trọng và độc đáo của bộ môn này. Đúng vậy, trong vở cải lương, bất buộc mỗi màn phải có ít nhất một bài Vọng cổ. Và mối tương quan nồng thắm, cải lương nhờ Vọng cổ đã vươn lên đến tuyệt đỉnh, còn Vọng cổ cũng nhờ cải lương mà trở thành bất tử trong lòng người dân Việt.

1 - Vậy Vọng cổ là gì?

Nhạc sĩ Cao Văn Lầu (1890-1976), tục gọi là Sáu Lầu, sinh ở xóm Cái Cui, làng Chí Mỹ, sau sát nhập với làng Thuận Lễ thành xã Thuận Mỹ, huyện Vàm Cỏ, tỉnh Tân An, nay thuộc tỉnh Long An. Năm 1901, ông theo cha mẹ đến Bạc Liêu lập nghiệp và ở luôn đấy. Năm 1920 (có sách ghi năm 1918 hay 1919), Sáu Lầu lập gia đình đã mười năm mà chưa có con, phải vâng lệnh cha mẹ cưới vợ khác để nối dòng. Vì thương người vợ trước, ông cảm tác ra bản nhạc *Hoài lang* (nhớ người tình) gồm 20 câu, nói lên nỗi lòng của vợ và đồn cho ông Trần Xuân Thơ, thầy tuồng gánh Tân Minh Kế, nghe. Cảm tiếng đồn, ông Thơ viết lời ca và đề nghị lấy tên

Dạ cổ hoài lang (nghe trống canh khuya nhớ chồng). Trời đất không phụ người có nghĩa, liền sau đó vợ ông mang thai và chuyện gia đình được thu xếp ổn thỏa. Bài ca trước cũng được đổi tên lần nữa là *Vọng cổ hoài lang* (trông chuyện xưa nhớ đến chồng), rồi gọi tắt là *Vọng cổ* (tưởng đến chuyện dĩ vãng).

Bài Vọng cổ nguyên thủy ca giọng Bắc, nhịp hai, bản đồn: *Hồ liu xang xế cồng, Lầu cồng lầu cồng xê xang, Xừ xang xê hò lầu cồng xê xang hò, Lầu xế xang xừ xế xang lầu hò...* Lời ca: *Từ là từ phu tướng, Bửu kiếm sắc phong lên đàn, Vào ra luống trông tin chàng, Đêm năm canh mơ màng...* (trích 4/20 câu đầu).

Vọng cổ không dừng lại ở trạng thái ban đầu mà biến chuyển không ngừng để đáp ứng nhu cầu nghệ thuật ngày càng cao và thị hiếu của quần chúng. Vọng cổ, từ giọng Bắc chuyển dần sang Nam có pha điệu Oán và từ nhịp hai không đủ chỗ để viết lời nên tăng dần đến nhịp 128. Nhưng rồi, rốt cuộc nhịp 32 vẫn được mọi người tán đồng và giữ mãi cho đến ngày nay. Theo Trần Văn Khải, *Nghệ thuật sân khấu Việt nam*, Vọng cổ

có 6 thời kỳ tăng nhịp và mỗi thời kỳ chia làm hai: đợt nhất lời ca hơi ít chữ, đợt nhì ca nhiều chữ hơn, nhưng vẫn giữ y nhịp:

Thời kỳ 1: từ 1920- 1926, Vọng cổ nhịp 2 nguyên thủy có 20 câu, được đón nhận nồng nhiệt và dần dần thay thế cho bài *Tứ đại oán*. Đợt đầu, có bản *Vọng cổ hoài lang*; đợt hai, điển hình có bản Vọng cổ trong tuồng *Tham phú phụ bản* diễn năm 1926 tại Biên Hòa, do các nhân vật Ái Châu (nữ) và Huỳnh Kỳ Thoại (nam) ca đối đáp.

Thời kỳ 2: từ 1927-1935, Vọng cổ tăng lên nhịp 4, lời ca có nhiều chữ hơn, giọng kéo dài ngân nga, nên phải chuyển sang điệu Nam cho thích hợp và bài ca chỉ còn 12 câu. Đợt đầu, tiêu biểu có bản *Giá trị danh dự* do Tư Chơi ca chuyển điệu Nam, trong vở *Giá Trị và danh dự* của Nguyễn Thành Châu. Đợt hai, điển hình có bản vọng cổ do Phùng Há đơn ca, trong vở *Khúc Oán vô lượng* của Huỳnh Thư Trung.

Thời kỳ 3: từ 1936-1945, Vọng cổ tăng lên nhịp 8, nhưng bài chỉ còn 6 câu, với điệu ca chậm rãi, ngân nga và xuống giọng ở cuối câu. Đợt đầu, tiêu biểu có bản

ôi! xuân tết

*Tết nơi đây chẳng pháo
Xuân nơi đây chẳng mai
Nghinh tân, trà một ấm
Tống cựu, thơ đôi bài.*

*Xuân đây thực hay ảo?
Tết đây có hay không?
Con cháu đi làm hết
Ta rượu mừng... ngồi trông.*



*ôi! nửa đời Xuân Tết
Cõi còn khôn mang mang
Giật mình nghe ai nói
Ăn Tết về Việt-Nam!*

phạm cây trâm

Gánh nặng tình đời của Lữ Hoài Nghĩa, tức Năm Nghĩa ca. Đợt hai, điển hình là bản *Vọng cổ* do Tư Út ca, trong vở tuồng *Tô Ánh Nguyệt* của Trần Hữu Trang.

Thời kỳ 4: từ 1946-1954, *Vọng cổ* tăng lên nhịp 16, bài vẫn 6 câu, với lối ca buông nhịp mới mẻ. Đợt đầu, tiêu biểu có bản *Tôn Tẫn giả điên* do Út Trà Ôn tên thật là Nguyễn Thành Út đơn ca trên đĩa hãng Asia; đợt hai, điển hình có bản *Xử án Bàng Quý Phi*.

Thời kỳ 5: từ 1955-1964, *Vọng cổ* tăng lên nhịp 32, bài vẫn 6 câu. Đợt đầu, tiêu biểu có bản *Đội gạo đường xa* (gương hiếu thảo của thầy Tử Lộ) soạn giả Viễn Châu, do Hữu Phước đơn ca, thu vào đĩa hát hãng Lam Sơn. Đợt hai, điển hình có bản *Nguyệt Kiều xuất gia*, cũng của Viễn Châu, do Thanh Nga đơn ca thu vào đĩa hãng Hồng Hoa.

Thời kỳ 6: từ 1965 đến nay, *vọng cổ* tăng nhịp 64, rồi nhịp 128, bài vẫn sáu câu. Tiêu biểu cho nhịp 64 có bản *Ba râu đi Chợ Lớn* của Viễn Châu, do Văn Hường đơn ca trên đĩa hát hãng Hồng Hoa. Nhưng vì chế nhịp nhiều quá, không “ăn khách”, khiến *vọng cổ* lại trở về nhịp 32, và dừng lại ở trạng thái viên mãn này.

Từ năm 1964, một cải tiến quan trọng, nghệ sĩ Viễn Châu đưa tân nhạc vào *vọng cổ*, tạo thành mô hình “tân cổ giao duyên”. *Vọng cổ* ở trường hợp này, chỉ còn 4 câu thay vì 6 câu thông thường.

Ngoài việc đem *vọng cổ* vào kịch bản cải lương, trong đờn ca tài tử, điệu ca này còn được khai thác tối đa trên các đĩa nhạc đủ loại đề tài như: đạo hạnh, hiệp sĩ, luân lý, nhân vật lịch sử, sự tích, tâm lý, tình cảm, truyện Tàu, xã hội... Đó là đặc điểm của *Vọng cổ*

mang tính đa dạng có khả năng biến thái của bài hát theo lời ca.

2 - Ca Bắc

Thường là văn vắn, diễn trong tình tiết vui, ca Bắc được dùng để tả cảnh vật, bày tỏ cái chí khí của đấng nam nhi, cái tiết tháo của kẻ sĩ, hoặc nói lên cái ý hướng của mình. Đôi khi ca Bắc cũng dùng tả cảnh sinh ly tử biệt nhưng đượm vẻ hào hùng. Tuy là ca Bắc nhưng hoàn toàn ngôn từ Việt Nam, rất phổ biến trong cải lương, và không như hát Khách (hát Bắc) của hát bội nặng nề chữ Hán.

3 - Ca Nam

Cũng như nói Lối ai, ca Nam là giọng buồn thảm nhất trong các điệu cải lương. Ca Nam thường dùng văn vắn để có thanh bằng trắc, giọng trầm bổng, ca mới nghe được và tùy theo mức độ bi ai, điệu ca này chia làm 5 loại:

- Nam xuân có 8 lớp, mỗi lớp gieo một vần cho cả 8 câu. Giọng Nam xuân buồn nhẹ, dịu hòa.

- Nam ai gồm 14 lớp, mỗi lớp có 8 câu và gieo một vần, ca nhịp lời nên giọng buồn thảm thê lương nhất.

- Nam bình còn gọi là Trường tương tư, chữ cuối câu gieo một vần và đều thanh bằng, giọng buồn miên man. Điệu ca này gốc ở miền Trung, mới gia nhập vào cải lương khoảng đầu thập niên 1930.

- Nam chạy trong cải lương cũng giống như Nam tẩu trong hát bội, dùng khi bị rượt đuổi, vừa chạy vừa ca nhịp thúc để phù hợp với điệu bộ chạy giặc. Bài Nam chạy cũng gồm nhiều lớp, mỗi lớp có 8 câu và thường xen nói lối giữa hai lớp.

- Nam Đảo ngũ cung là bài Nam gồm 8 lớp, mỗi lớp có tám câu một vần, và thường mang thanh trắc nghe chói tai xóc động, tạo âm điệu độc đáo trong cổ

nhạc Việt Nam.

4 - Ca Bắc biến thể giọng Nam, gồm 3 điệu:

- Hành vân hơi Nam: nguyên Hành vân là bản ca Bắc, được biến thể chuyển qua ca Nam, nhịp lời và ngân nga, để diễn tả tâm sự buồn của nhân vật.

- Chuẩn chuẩn hơi Nam: nguyên Chuẩn chuẩn là bản ca Bắc, được biến thể chuyển qua ca Nam và vô *Vọng cổ* khi vai tuồng diễn cảnh gặp cơn hoạn nạn.

- *Vọng cổ* cũng là bản Bắc chuyển sang giọng Nam, nhưng là một điệu ca quan trọng nên có chỗ đứng riêng.

5 - Nói lối:

Nói lối trong cải lương thường là những câu văn vắn, mỗi câu từ 4 đến 9 chữ, có thể dài hơn, đôi khi có văn xuôi, và chia làm ba loại:

- Lối Bắc, nói chậm từng tiếng, rõ ràng và nghiêm trang, không có đàn đưa hơi. Diễn viên nói lối Bắc xong, thì tiếp đến ca Bắc.

- Lối Ai (tức lối Nam), nói chậm, giọng buồn náo ruột, có đàn đưa hơi qua bản Xuân nữ; và xong lối Ai thì tiếp đến ca Nam.

- Lối giặm, khi diễn viên ca *vọng cổ*, vừa dứt một câu, đàn nổi lên, trong thời gian chờ diễn viên ca tiếp, nhân vật đối thoại xen vào câu Lối giặm, không nhất thiết là phải văn vắn, để trám khoảng trống và tránh bị ngơ tuồng. Vậy Lối giặm phải gọn, không được dài dòng, làm loãng bài *Vọng cổ*.

6 - Nói thường: dùng để xen giữa các câu nói lối, nên diễn viên phát ngôn bình thường, tự nhiên như kịch nói.

7 - Oán:

Giọng oán thể hiện nỗi đau khổ buồn giận nhưng mang tính bi hùng chứ không ủy mị thê lương.

Tuy là vậy, các tính chất trên cũng gia giảm tùy theo từng bài. Có bốn bài oán chính: Tứ đại oán (trong tuồng *Vì nghĩa liễu mình*), Giang Nam (thích hợp cho những tuồng có nhân vật nữ trong cô phòng than thân tủi phận), Phụng cầu (trong tuồng *Lưu Kim Đính giải giá thọ Châu*), Phụng hoàng (tính chất oán nhẹ nhàng hơn các bản khác); và bốn bài oán phụ: Văn Thiên Tường (ca trong lúc vợ chồng quyến luyến trước cảnh chia ly), Bình sa lạc nhận, Bộc thủy Ly Tao, Thanh dạ đề quyền.

8 - Bình

Bài Bình bằng thơ lục bát và nói rõ ràng từng câu, từng điệu. Bình cũng gần như Bạch trong hát bội, nhưng Bạch nói lên cái chí hướng của nhân vật còn Bình tả cái gia cảnh của vai tuồng.

9 - Ngâm:

Cải lương và hát bội đều có ngâm, tức là đọc thông thả bài thơ với giọng tha thiết diễn cảm qua âm điệu trầm bổng ngân dài, nhưng không theo khuôn nhịp cố định. Ngâm trong cải lương thường là thể thất ngôn tứ tuyệt, thơ tám chữ bốn câu, cũng có thể dùng lục bát hay song thất lục bát.

0 - Nói thơ, tức là không ngâm mà chỉ đọc thơ với giọng rõ ràng, thông thả.

11 - Thán:

Điệu thán trong cải lương nhất định phải là thơ thất ngôn tứ tuyệt, có đờn đệm đưa hơi, với giọng náo nức; chẳng hạn như than khóc người thân lìa đời.

12 - Lý:

Lý là điệu hát ngắn, gọn, tính nhạc phong phú, rất phổ biến trong dân gian. Cải lương thường dùng các điệu Lý sau đây:

- Lý giao duyên dành cho đào hát trong lúc cô đơn, khi trông nhớ chồng, con đi xa lâu về.

- Lý Ngựa ô căn cứ vào nguồn

gốc có hai loại: điệu Lý Bắc hát nhanh nhịp 1, điệu Lý Nam hát chậm và nhịp tư lơi.

- Lý Huế cũng hát chậm với nhịp tư lơi và giọng dịu dàng.

- Lý con sáo tức Lý Tam thất, có hơi ca Nam.

- Lý thập tình.

- Lý chuẩn chuẩn.

13 - Hồ:

Hồ là điệu hát dân gian có giọng cất cao, to và dài hơi, đồng ca trong khi làm việc cho quên mệt nhọc, hay để hợp sức cùng làm một việc gì. Trong cải lương thường thấy hồ cấy lúa, hồ chèo ghe, hồ đưa đò...

CÁC DÒNG PHÁI CẢI LƯƠNG

1 - Khuynh hướng cải lương tuồng Tàu:

Bộ môn cải lương lúc mới ra đời (1917) thường diễn tuồng Tàu, vì các soạn giả là lớp người cựu học, họ xem sách truyện tích Tàu để soạn tuồng, hay là chuyển thể từ các kịch bản hát bội viết bằng chữ Hán và Nôm.

Đầu tiên có Trương Duy Toàn (1885- 1957), soạn tuồng và dạy con hát cho gánh Thầy Năm Tú. Ông là một kịch tác gia, tự Mạnh Tự, bút hiệu Đồng Hồ; người huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Ông tham gia các tổ chức chống Pháp rồi xuất dương sang Nhật. Năm 1908, ông cùng với Cường Để sang Châu Âu. Sau năm 1914, ông bị Pháp bắt, dẫn độ về Sài Gòn, bị nhốt một thời gian rồi được thả. Từ ấy, ông soạn vở cải lương và là một thầy tuồng (đạo diễn) nổi tiếng nhất vào những năm thập niên 1920. Các tuồng cải lương của ông đều phóng tác theo truyện tích Tàu, như vở *Hạnh Nguyên cống Hồ*, *Trang Châu mộng hồ điệp*, *Trang Tử cổ bồn*

ca, *Lưu Yến Ngọc cứu cha đại hiếu* (1930)...và tuy cốt truyện có nguồn gốc Tàu nhưng chưa đem nghệ thuật Tàu vào kịch bản.

Người kế tiếp là Mộc Quán Nguyễn Trọng Quyền (1876-1953), bút hiệu Mộc Quán (hai chữ Mộc và Quán, viết ra chữ Hán và ghép lại thành chữ Quyền). Ông người làng Thạnh Hòa, xã Trung Nhứt, huyện Thốt Nốt, tỉnh Long Xuyên (nay thuộc tỉnh Cần Thơ). Ông gia nhập làng báo, viết cho tờ *Nông Cổ mín đàm*, *Lục Tỉnh tân văn*. Từ năm 1920, ông trở thành nhà soạn tuồng cải lương nổi tiếng cho các gánh hát lớn đương thời suốt trong 33 năm với chừng 85 kịch bản. Theo Nguyễn Phương [1] “Ông là người khai sinh ra dòng nghệ thuật sân khấu tuồng Tàu. Ông đã viết lời Việt và sửa cách phát âm theo lối Việt một số bản nhạc của sân khấu hát Tiều, hát Quảng để dùng trong các tuồng Tàu do ông sáng tác. Các bài bản đó đến nay trở thành cổ nhạc Việt Nam tuy vẫn còn giữ cái tên của nhạc Tiều hay nhạc Quảng cũ như: Ú liu Ú xáng, Xang xừ liú, Xáng xáng liú, Xách xủi, Tân xái phí, Bạc cấm lòng, Dì phảnh, Mành bản...” Và ngay cả nghệ thuật cải lương cũng bắt tả chân để pha trộn cái tượng trưng và ước lệ của hát bội với lối hát Tiều và Hí khúc của nhà Nguyên làm thành một mô hình cải lương tuồng Tàu với động tác được vũ điệu hóa, lời thoại được âm nhạc hóa, và ca diễn tiết tấu được cường điệu hóa. Nhưng lối pha trộn này không ăn khách vì xa rời dân tộc tính, nên không phát triển mà người đời quen gọi là cải lương Hồ Quảng.

2 - Khuynh hướng cải lương tuồng Tây:

Từ năm 1923, bộ môn cải

lương phát sinh một dòng phái nữa có tên là tuồng Tây và sau này còn gọi là tuồng xã hội. Năm ấy, nghệ sĩ Năm Châu cộng tác gánh Trần Đắc, soạn tuồng cải lương *Nghĩa bộc thủ phần* và *Tiên biệt phu* là hai kịch bản cải lương đầu tiên thuộc hệ phái này.

Nguyễn Thành Châu (1906-1978), thường gọi là Năm Châu, quán làng Điều Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho, nay là Tiền Giang. Ông bước vào nghệ thuật cải lương từ lúc 15 tuổi, là một kịch tác gia kiêm đạo diễn vừa là diễn viên, với lãnh vực nào cũng tỏ ra xuất sắc. Ông đã đóng góp không nhỏ cho bộ môn này qua 50 kịch bản. Phần lớn tuồng của ông phóng tác từ các truyện của Pháp, các vở kịch cổ điển của Tây phương, soạn thành vở cải lương, tiêu biểu như: *Áo người quân tử* (theo *L'homme en habit*), *Bằng hữu binh nhung* (theo *Les trois mousquetaires*), *Giá trị và danh dự* (Le Cid của Corneille)...

Cuối thập niên 1930 có Huỳnh Thư Trung (thường gọi là Tư Chơi) soạn tuồng cải lương mà cốt truyện hoàn toàn sáng tác, không phỏng theo tiểu thuyết Tây, Tàu hay Việt. Ông cũng là soạn giả đầu tiên dùng nhạc Pháp lời Việt trong các kịch bản cải lương.

Nói chung tuồng Tây khác với tuồng Tàu ở phong cách diễn xuất, vì tuồng Tây gần với tự nhiên và cuộc sống thực.

CÁC LOẠI NHẠC CỤ

Đặc biệt âm nhạc cải lương chỉ dùng đàn; không dùng trống, đồng la, chập chĩa, và kèn nên không rộn rã như hát bội. Các loại nhạc cụ cải lương có:

- Đờn kìm, còn gọi là nguyệt cầm vì bầu cộng hưởng (bụng đàn, thùng đàn) tròn như mặt trăng rằm,

đường kính chừng 40 cm, dày không quá 8 cm, bít kín không có lỗ thoát âm. Cần đàn dài chừng 85 đến 90 cm, gắn 8 phím lõm cách nhau không đều, có hai dây tơ (nay là dây nylon) nối từ con quay ở đầu cần đến cuối bụng đàn mắc trên một cái thú (ngựa đàn). Đờn kìm tiếng không trong và thanh như đờn tranh hay lục huyền cầm, nhưng với âm hưởng trầm hòa với cây tranh, thật tuyệt vời. Trong nền âm nhạc cổ điển Việt Nam, cây kìm là đàn chánh, không thể thiếu. Và trong cải lương, người phụ trách đờn kìm được coi như trưởng ban nhạc, ngồi ở vị trí góc ra sân khấu để điều khiển giàn nhạc vừa theo dõi diễn viên giọng cao thấp thế nào mà đờn thay đổi năm bậc, từ Hồ (hồ nhứt), Xự (hồ nhì), Xang (hồ ba), Xê (hồ tư), Cống (hồ năm). Ở vị thế nhạc cụ chủ, đờn kìm giữ nhịp song loan, các cây đàn khác phải so dây theo và diễn viên cũng lấy hơi ca theo nhịp cây kìm.

- Đờn cò, còn gọi là đờn nhị, gồm ống đàn (bầu cộng hưởng) mặt bít da, cần đàn dài không phiếm và có hai dây tơ căng thẳng trượt trên dây của cung đờn, phát ra âm thanh dịu dàng như tiếng đàn Violon của Tây phương. Đờn cò rất phổ biến trong âm nhạc cổ Việt Nam, ở vị thứ hai và có mặt trong tất cả các bộ môn nghệ thuật truyền thống.

- Đờn sến có hai hay ba dây tơ, bụng đàn hình hoa thị, cần đàn dài hơn đờn kìm và có 13 phím.

- Đờn tranh còn gọi là Thập lục vì có 16 dây bằng kim loại và khảy cũng bằng móng kim nên tiếng ngân dài, luyến láy già dặn và có được ba âm giai: thượng, trung, hạ. Lại nhờ đôi tay tài nghệ của nhạc công nhấn và rung trên phím tạo âm thanh mùi mẫn, quyến rũ, đi vào lòng người nghe.

- Đờn lục huyền, tức Guitare hay Tây Ban cầm, nguyên có 6 dây kim loại và từ Tây Ban Nha nhập vào Việt Nam khoảng cuối thập niên 1930 đầu thập niên 40. Rồi nhạc sĩ Jean Tịnh là người có sáng kiến đưa cây Guitare và Violon gia nhập vào giàn nhạc cải lương và được cải biến thành đàn 5 dây với phím móc lõm sâu. Tây Ban cầm khi đàn bậc cao tiếng thanh như đờn Tranh.

- Vĩ cầm tức Violon, gốc từ Tây phương, có 4 dây tơ dùng cung kéo phát ra âm thanh như đờn cò nhưng tiếng lớn hơn làm át cả các đàn khác, cho nên những nhạc công bảo thủ không ưa thích. Tuy vậy, hai cây đàn này được xem như nhóm nhạc cụ cổ điển Việt Nam.

- Cây cuốn, giống như cây kèn, đầu gốc có gắn lưới gà để thổi ở vị thế cầm dọc, đầu ngọn suông không có loa nên âm thanh phát ra nhỏ hơn tiếng kèn và không vang xa.

- Ống sáo hay ống tiêu làm bằng một lóng cây trúc, dài độ 30 cm, đường kính chừng 1 cm 5, có khoét một lỗ lớn để thổi ở vị thế cầm ngang, và 6 lỗ nhỏ thoát hơi (sáo cải tiến có 10 lỗ bấm) tạo ra âm thanh trầm bổng trong các cung bậc của âm nhạc.

TÂM ẢNH HƯỞNG

Văn cải lương dùng quốc âm, gần với ngôn ngữ đời sống hằng ngày, nếu có chữ Hán cũng chỉ xen lẫn với Nôm và cấu trúc theo Việt văn, ngoại trừ có bài *Bình bán vắn* (22 câu) và *Du xuân Hành vân khúc* (21 câu) là hoàn toàn chữ Hán. Chính vì ưu điểm đó, mà cải lương gần gũi với quần chúng, dễ đi vào lòng dân tộc.

Cải lương ra đời ở miền Nam, giọng ca điệu hát hoàn toàn thích

hợp với phát âm của người Nam, tưởng không bao giờ vượt khỏi biên giới miền Lục tỉnh. Có ai ngờ, chỉ ba năm sau, bắt đầu từ năm 1920, nhiều gánh cải lương ở Nam Kỳ ra miền Bắc trình diễn như An Lạc Ban, Phúc Lộc Ban, Tân Lập Ban... với những diễn viên nổi tiếng như đào Năm Phỉ, Phùng Há, Tư Sang..., kép Năm Châu, Tư Chơi, Tư Út... được khán giả giới tân thời ở Hà Nội đón nhận nồng nhiệt.

Năm 1921, nhóm sinh viên Nam Kỳ ra Hà Nội học trường Cao Đẳng, nhớ đến cải lương, đã trình diễn vở *Tối độc phụ nhân tâm* (Lòng người đàn bà hết sức độc ác) do Phạm Công Bình soạn và Mộc Quán Nguyễn Trọng Quyền nhuận sắc. Rồi ngay người Bắc cũng lập gánh hát cải lương tại Hà Nội để đáp ứng với lượng khán giả ngày càng nhiều, như các gánh Kim Chung, Huỳnh Lan Anh.

Diễn hình là đoàn Kim Chung của Bầu Long. Ông Trần Viết Long sinh năm 1922 tại Hà Nội, du học ở Pháp và Đức về, cùng vợ là Kim Chung lập gánh cải lương, lấy tên vợ đặt tên cho gánh hát, với những diễn viên người Bắc như Anh Đệ, Huỳnh Thái, Kim Chung, Lan Phượng. Sau đó, Bầu Long còn hợp tác với Phạm Thọ Minh lập một đoàn Kim Chung nữa (Tiếng chuông vàng thứ 2) ở Hải Phòng. Năm 1954, Kim Chung di cư vào Nam, trụ tại Sài Gòn và phát triển thành bốn đoàn.

Với miền Trung, có lẽ vì quê hương của hát bội nên cải lương xâm nhập chậm hơn, nhưng không kém phần sôi nổi. Theo Trần Văn Chi, *Tìm hiểu cải lương*, vào thập niên năm 1930, tại bến Thương Bạc ở kinh thành Huế, có ông Tuấn phủ lập gánh cải lương Đồng Hỷ Ban, rồi mở rạp Đồng Xuân

Lâu sinh hoạt thường trực và tên gánh hát đổi thành đoàn Đồng Xuân. Gia đình ông Phủ cũng mê cải lương, cả ba thế hệ đều tham gia đoàn hát này và duy trì cho đến năm 1945. Ngoài ra, có những người miền Trung vào Nam theo nghiệp cải lương đã thành danh như nghệ sĩ Thanh Tuấn, Việt Hùng và ông bầu Trương Gia Kỳ.

Ngày nay, cải lương là bộ môn nghệ thuật rất phổ biến cho cả nước, từ thành thị đến miền quê, từ giới trí thức đến lớp bình dân, đều thích xem cải lương, không những ghiền giọng mùi mẫn của Vọng cổ, còn thưởng thức các điệu khác, dàn nhạc không ồn ào, cốt truyện phản ánh nếp sống thường ngày, với tầm vóc ngành ca kịch xã hội, mang tính dân tộc nên được cả nước ưa chuộng.

*

* *

Tóm lại, cải lương là bộ môn kịch nghệ vốn thích nghi với cái mới, dễ thanh lọc và cũng dễ tiếp thu. Nói cách khác, cải lương có sự tiếp nhận, chọn lựa và đổi mới; đúng nghĩa với tên gọi của nó. Thật vậy, cải lương mới ra đời 89 năm mà cải tiến không ngừng. Chỉ riêng có vọng cổ, cũng biến chuyển từ nhịp 2 đến nhịp 128. Nhạc cải lương cũng không ngớt bổ sung đáp ứng với nhu cầu nghệ thuật, hai loại đàn Tây phương được đón nhận vào dàn nhạc cổ điển, rồi mô hình tân cổ giao duyên, tiếp đến Hồ Quảng cũng được Việt hóa để làm phong phú cho bộ môn này. Vâng, tiếp thu mà không bị lai căng, vẫn giữ được bản chất Việt Nam, vẫn đi vào lòng dân tộc từ Nam ra Bắc. Đó là đặc tính ưu việt, bộ môn Cải lương sẽ mãi trường tồn và không bị lỗi thời.

GHI CHÚ

[1] Tập san *Nghiên cứu Văn hóa Đồng Nai Cửu Long*; Santa Ana, Tả quân Lê Văn Duyệt Foundation ấn hành, tháng 7 năm 2006, số 4, trang 255.

[2] Vương Hồng Sển; *Hồi ký 50 năm mê hát* (Sài Gòn, Nam Chi tùng thư, 1968); trang 105.

[3] Vở cải lương *Phụng Nghi Đình*, các tài liệu ghi không đồng nhất về soạn giả: Nguyễn Q. Thắng, *Từ điển tác gia Văn hóa Việt Nam*, trang 955, chép soạn giả là Nguyễn Trọng Quyền; Trần Văn Chi, *Tìm hiểu Cải lương*, trang 28, cho rằng Trương Quang Tiền là soạn giả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đỗ Đức Hiếu; *Từ điển Văn học*, bộ mới; không đề nơi, nxb Thế Giới, 2004.

- Hoàng Như Mai, *Sân khấu cải lương*; "Địa chí Văn hóa TP/HCM" tập III- Nghệ thuật, nhóm chủ biên Trần văn Giàu; Sài Gòn, nxb Thành phố, 1990; trang 119- 161.

- Nguyễn Phương, *Nghệ thuật sân khấu Cải lương - 80 năm... Những chặng đường*; tập san Nghiên cứu Văn hóa Đồng Nai Cửu Long (Cali), số 4 tháng 7 - 2006, trang 246- 271.

- Nguyễn Q. Thắng; *Từ điển tác gia Văn hóa Việt Nam*; Hà Nội, nxb Văn Hóa Thông Tin, 1999.

- Thảo luận Cải lương; *Phỏng vấn của LB với GS Trần Quang Hải*; tài liệu từ Internet.

- Trần Văn Khải; *Nghệ thuật sân khấu*; Sài Gòn, Khai Trí, 1970.

- Trần Văn Chi; *Tìm hiểu Cải lương*; Gardena (CA), Văn Mới xuất bản, 2005.

- Triều Giang, *Chủ nhân các đoàn Kim Chung nói về Cải lương Bắc và Cải lương Nam*; Nhật báo Người Việt (Westminster, CA), số 7486, thứ 3 ngày 6- 6- 2006, trang B 6 và B10.

- Vương Hồng Sển; *Hồi ký 50 năm mê hát*; Sài Gòn, Cơ sở Phạm Quang Khai xuất bản, 1968.

- Xem nhiều tuồng cải lương đã trình chiếu trên đài truyền hình SBTN trong tháng 7 và 8 năm 2006.

Như Thân Gỗ Mực

Ngọc Anh



Có thể vợ chồng thằng con và lũ cháu sẽ qua thăm ông. Ông nhìn quanh căn phòng với chiếc giường đôi trống trải nằm ở giữa căn phòng và một chiếc bàn nhỏ ở góc phòng mà lòng hé mở tia hy vọng. Dầu gì Tết năm nay cũng rơi vào ngày cuối tuần, lũ cháu sẽ không đi học, hai vợ chồng thằng con cũng được nghỉ làm, nên biết đâu chừng chúng chẳng nhớ đến truyền thống ngày Tết mà đến thăm ông.

Hôm qua ông cũng nhớ đến bà, đã điện thoại về Việt Nam chúc Tết bà và lũ con ở bên đó,

một phần do thói quen, phần khác cũng vì nhớ bà. Hồi mới qua đây, tuy chân ướt chân ráo thiệt, nhưng còn có vợ có chồng để chia sẻ vui buồn, còn bây giờ!.. Ông nghĩ rồi chép miệng.

Từ hôm bà về bên đó đến giờ, ông đã gọi bà nhiều lần để nghe giọng nói quen thuộc. Giọng nói mà trong đời ông, có lúc cũng bức mình khi hai vợ chồng gây gổ với nhau, nhưng thường ông vẫn thích khơi chuyện để nghe bà nói, để thấy căn nhà ấm hân lên với ý tưởng có người vợ bên cạnh.

Lúc bà mới về lại Việt Nam,

ông dùng điện thoại nhà, bấm số điện thoại của một trong những đứa con tương đối khá nhứt đủ sức có được một đường dây điện thoại để tiện liên lạc, ông gọi ở đó với hy vọng được nói chuyện với bà. Ông gọi năm lần bảy lượt mới gặp được bà một lần, vì bà luôn luôn di chuyển hết ở nhà đứa con này đến đứa con khác, nên lần nói chuyện với bà thì ít mà nói chuyện với lũ cháu thì nhiều. Ông gọi nhiều lần, chừng cuối tháng nhận tờ hoá đơn, nhìn con số ba trăm hai mươi chín đô, ông tá hoả. Sau đó học khôn, ông mua tấm thẻ điện thoại giá mười đô, mỗi lần gọi về, nếu có nói chuyện nhiều thì cũng chỉ tốn mỗi lần mười đô mà thôi.

Thời gian đó tính đến giờ, tưởng như mới ngày hôm qua vậy mà đã ba cái Tết lần lượt trôi qua ông tập làm quen với cảnh vò vò một mình. Nói là làm quen nhưng ông cũng khó tránh những giây phút chợt cảm nhận được nỗi buồn da diết khi nghĩ đến sự cô độc của mình. Những lúc như vậy ông thường tự hỏi, trong cảnh chia cách này của hai ông bà, ông không biết người nào đã có quyết định đúng?

Nghĩ cho cùng, việc bà rời khỏi nước Mỹ để trở về Việt Nam sống cùng con cái ở bên đó không thể xem là đáng trách. Với một đám con cháu đông đảo tối ngày vây quanh, bà có khác chi con cá gặp nước tha hồ vùng vẫy. Giá như ông còn ở lại bên đó, ông nào khác gì bà, chắc cũng sống động như vậy. Nghĩ đến đó, lòng ông thấy rưng rức, nhất là vào những ngày cuối năm như thế này. Ông nhớ câu gì ông từng nghe hay đọc, “Mình soi bóng mình” để thấy rõ ông đang tự mình soi bóng, cho dầu ông tìm niềm vui qua bạn bè ở đây, hay đến vợ

chồng thằng Hai ăn cơm với vợ chồng nó và lũ cháu vào cuối tuần, thì hằng ngày sau giờ làm việc trở về căn phòng nhỏ, nhìn quanh nhìn quẩn cũng chỉ còn lại một mình ông, với sáng cơm chỉ*, chiều cơm chỉ, bữa nào chán cơm đường cháo chợ lăm thì tự một mình vô bếp luộc đại miếng rau, chiên nhanh cái trứng để ăn cho rồi bữa.

Với một người chuộng cuộc sống gia đình, chưa từng một lần trong đời lừa dối vợ, và không bao giờ mang ý nghĩ có một ngày nào đó trong đời buộc phải xa cách vợ ngoại trừ phải lâm vào trường hợp bất khả kháng, thì làm sao ông thoát được nỗi buồn khi phải sống một thân một mình. Những lúc như vậy, dầu không muốn trách bà, ông vẫn mang trong lòng cảm giác hờn giận, tự hỏi sao bà không cùng ở lại chia sẻ ngọt bùi với ông mà chọn con đường về bên đó. Tại sao bà không chịu nghĩ sâu hơn chút nữa để hiểu rằng sự chọn lựa ở lại của ông cũng chính là nguyên nhân đưa đến nỗi khổ tâm của ông, của một người đứng trước ngã ba đường, một bên muốn thỏa mãn những đòi hỏi của bản thân, một

bên là trách nhiệm đến từ lòng thương yêu người thân của mình.

Ông xé đi tờ lịch, tay cầm nó mà thần thờ. Mới đó mà đã hơn ba năm ở Mỹ. Ông đâu ngờ ông dính chặt chân ở Mỹ lâu như vậy. Mà phải chi lòng ông thật sự muốn sang ở nước Mỹ này. Ông nhớ trước khi bước chân đến Mỹ, nhận được giấy tờ bảo lãnh của thằng Hai, thằng con lớn của ông, ông nhìn qua rồi để đó. Dầu gì ông cũng đã già rồi, còn qua đó làm gì để rồi biết đâu chừng không gởi nắm xương nơi xứ người. Ông nói với bà:

- Ở bên có một mình thằng Hai, bên này mình tới mấy đứa, vợ chồng mình không ở yên còn muốn đi làm gì?

- Nhưng mà mấy đứa ở đây nghèo quá. Em nghe nói mấy người già ở bên có chính phủ lo...

Ông nhìn bà lắc đầu:

- Thôi anh không đi. Mỗi tháng mình có hai trăm đô thằng Hai gởi về, đâu thiếu thốn gì mà phải đi.

- Đồng ý, nhưng chẳng lẽ bắt thằng Hai gởi tiền hết năm này sang năm nọ. Lỡ mình không chịu đi, vợ chồng thằng Hai giận không thêm gởi tiền nữa rồi anh tính sao? Hơn nữa anh không thấy cái nhà ở đầu xóm à, của anh chị Sáu Tới đó. Cảnh nhà của anh chị cũng giống như mình. Được con gái bảo lãnh. Ảnh chỉ qua bên có mấy năm mà nhà của mấy đứa con ở bên này của ảnh chỉ đều coi lâu, kể cả căn nhà xập xệ của ảnh chỉ hồi trước, còn nghe nói ảnh chỉ sắp về đây ở luôn đó.

Những câu nói này giữa hai ông bà được lặp đi lặp lại hằng bao nhiêu lần kể từ ngày nhận được tấm giấy bảo lãnh của thằng con trai lớn. Bà nói ý bà, ông nói ý ông, ông không muốn đi thì cứ để mặc đóng giấy tờ, phớt lờ

chuyện làm đơn ở bên này, không cần nói với con về ý định không muốn qua đó, lâu quá không đi được, con có hỏi thì đổ thừa vô con rùa hành chánh là xong.

Ý ông thì vậy, bà lại khác. Bà nôn nóng muốn đi Mỹ. Chuyện đi Mỹ đâu phải ai muốn cũng được. Bao người lao động chân tay, trả cho môi giới biết bao tiền mà có đặt chân được tới nước Mỹ đâu. Đằng này tiền dịch vụ của hai ông bà giỏi lắm là một hai trăm đô, lại được chính thức tới Mỹ, có sao ông lại xem thường. Bà cũng tin chắc hai vợ chồng ông thuộc dạng người già, chỉ cần đặt chân tới Mỹ là được hưởng tiền, nhờ đó sẽ giúp ích được lũ con cháu ở bên này. Làm mẹ làm bà, làm sao bà không đau lòng khi nhìn thấy con hay cháu phải chịu khổ nên mấy lần tính mở lời xin thêm thằng Hai, nhưng dừng lại được vì sợ vợ thằng Hai hiểu lầm. Bây giờ được dịp qua đó, được dịp thấy mặt thằng Hai, mấy đứa cháu nội và vợ của nó, lại có thể giúp đỡ được con cái, có gì lại không chịu đi. Bao năm rồi, từ ngày thằng Hai một mình vượt biên đi Mỹ, đến ngày nó lấy vợ cho đến giờ, hai vợ chồng ông đâu có dịp gặp nó nói gì vợ con nó. Bà nói:

- Cháu nào cũng là cháu. Mình không qua đó, vợ chồng thằng Hai cũng không về đây, sợ đến chết cũng không được gặp con gặp cháu.

Cái áp lực của bà đã nặng. Nào đã hết, mấy đứa con ông ở đây cũng nói vô, thúc giục ông làm giấy tờ, sợ lỡ để lâu giấy bảo lãnh sẽ hết hiệu lực. Hết con rồi đến cháu, nhất là mấy đứa sắp lên đại học không ngớt tỉ tê:

- Hồng phải tụi con muốn xa nội, nhưng nội đi được, thì tụi con mới có cơ hội được đi Mỹ du học



Ngọc Anh

không tốn tiền. Nội biết không, đi kiểu bảo lãnh còn hơn gấp trăm lần được chính thức du học ở Mỹ.

- Con nghe nói ông qua Mỹ vài năm là có thể bảo lãnh cho ba má và tụi con qua bên. Tụi con đi được thì đâu cần xin thêm ngoại tiền học hay tiền mua sách vở, phải không ngoại?

Vợ ông nôn nóng. Tụi cháu ngoại, nội nôn nóng. Ông thấy ông không đi không được. Thăng Hai lâu lâu gọi điện thoại về giục hỏi ba má đã làm xong giấy tờ chưa. Hằng tháng thăng Hai vẫn gửi hai trăm đô, nhưng có gì bảo đảm số tiền đó sẽ tiếp tục mãi. Phải chi nó đừng bảo lãnh, cứ đều đặn gửi hai trăm đô về cho hai ông bà, và nếu ông bà không nặng nợ con cháu ở Việt Nam thì với số tiền đó, vợ chồng ông xài sao hết. Nhưng con ông đông quá, tới bảy tám đứa mà đứa nào đứa nấy cũng năm ba mặt con, lại nghèo xơ nghèo xác thì hai trăm đô đó chia sẻ nào thấm gì. Ông nghe nói nước Mỹ là thiên đường, không ai bên đó bị đói, già có chính phủ lo, trẻ thì công ăn việc làm không thiếu, nên người nào ở bên biết tận tiện, tháng tháng cũng dành được vài trăm đô giúp người thân. Nếu đúng như vậy, mà ông cứ lơ không chịu đi, sẽ bị con cháu trách, và nếu vì chuyện ông quyết định ở lại mà con cháu ông mất đi cơ hội góc đầu lên thì lỗi của ông nặng biết chừng nào!

Đầu ông bị dằn xé tới lui cái vụ nên đi hay nên ở. Cuối cùng cũng phải nghe theo vợ, cũng ký giấy tờ, cũng bỏ tiền chạy chọt, cũng đi khám sức khỏe và cũng hồi hộp chờ đợi kết quả mặc dầu trong lòng không muốn rời khỏi nơi chốn ông kéo dài cuộc sống đã sáu chục năm trường. Vợ ông lại khác, nơi bà, rõ ràng có sự náo nức chờ đợi, dường như bà sẵn

sàng bỏ lại sau lưng quá khứ và hiện tại để dành tất cả cho tương lai, mà theo bà là rất xán lạn. Bà luôn miệng nói đến chuyện ra đi. Bà tính chuyện sắm sửa, may mặc, lo chuẩn bị nhà cửa giao căn nhà lại cho thăng con thứ ba đứng tên. Bà tổ vẽ quan trọng:

- Đi Mỹ chứ ít sao. Nước người ta văn minh tiến bộ, mình cũng không thể xuề xòa, con vợ thăng Hai nó cười cho.

Ngày ông lên Sài Gòn, ngồi chờ đợi máy bay ở phi trường Tân Sơn Nhất để qua Mỹ lòng ông buồn xo. Ông nghĩ ngợi, sợ đi rồi biết bao giờ trở lại! Nghĩ tới đó lòng ông thấy rung rức. Trong khi ông buồn não ruột thì bà hoàn toàn trái ngược. Bà háo hức chuyện trò với những đứa con đứa cháu, với người quen đi theo đưa tiễn hai vợ chồng ông, vẽ ra cảnh thiên đường nơi trần thế. Hết chuyện trò với những người đó, bà quay sang nhìn bộ mặt ủ rũ của ông, vẻ giận dữ:

- Ông đi gặp con cháu mà mặt mày ông như đi đưa đám vậy.

- Nước Mỹ xa lắc xa lơ. Em tưởng ở Mỹ rồi, muốn đi muốn về cũng dễ như từ tỉnh về Sài Gòn hay sao chứ. Anh sợ lần đi này khó về lại, nên lòng không buồn sao được.

- Thiết tình em không hiểu anh. Thấy người nào đi Mỹ cũng vui, có mình anh là khác thiên hạ. Em nói thiết, cách gì khi anh gặp vợ chồng thăng Hai với mấy đứa con của nó, anh phải cất cái mặt buồn xo của anh đi, hổng thôi tụi nó buồn giận cho là mình không biết công lao khó nhọc của tụi nó lo cho mình qua Mỹ.

Ông nhớ như in sự háo hức như thế nào của vợ. Vậy mà chỉ qua Mỹ hơn tháng, bà bắt đầu nói nhớ nhà đòi về. Những gì bà nói tốt cho nước Mỹ, giờ bà lấy lại

hết. Những đứa cháu nội con của thăng Hai, ngày nào bà nói, "cháu nào cũng là cháu" giờ bà chê đủ điều. Nói tụi nó không lễ phép với bà như lũ cháu ở bên. Con cháu gì mà hỗn hào, gặp bà tụi nó nó nói "'hi' bài nội", bà tính mở miệng hỏi tụi nó vài câu nhưng chưa kịp nói tụi nó đã lật đật bỏ đi, tưởng như sợ phải trả lời thêm những câu hỏi không đúng tần số với tụi nó của bà nội. Chưa hết, bà chê nhà gì mà suốt ngày vắng như chùa bà Đanh. Sáng vợ chồng thăng Hai ra khỏi nhà thì lũ cháu cũng lật đật đi học, nên từ sáng đến chiều chỉ còn ông với bà lui tới trong nhà; chẳng bù ở Việt Nam, lúc nào trong nhà cũng đầy người. Sau giờ học, tưởng tụi cháu về ngay nhà, chẳng ngờ hết đứa ở lại trường chơi banh, đứa khác phải đi học lớp đờn dương cầm đến chiều tối mới về. Đến giờ cơm, ông bà chưa ăn xong, tụi nó đã bỏ đĩa chui vô phòng, nói là lo làm bài vở. Thành ra, tiếng là nhà năm bảy người, rốt cuộc chỉ có hai ông bà thui thủi.

Không thể vui với con cháu, bà tính chuyện nấu nướng cho qua ngày, nhưng ở bên này bếp núc khác, cách nấu nướng của vợ thăng Hai cũng khác, cái gì là spaghetti, cái gì là lasagna, bà không hiểu những món đó là món gì, vì khác hẳn với món cá kho thịt kho của bà, nên bà không dám rờ mó gì bếp núc của nhà thăng Hai. Thành ra tối ngày bà hết ra rồi vô, hơn tháng ở trong nhà vợ chồng thăng Hai bà than buồn, bắt đầu ca cẩm với ông đòi ông nói với thăng Hai cho hai vợ chồng ông quay về Việt Nam.

Mặc cho bà mè nheo, ông nhất định không nói với con. Dầu gì ông cũng khác bà. Trước kia ông không muốn đi, nhưng đã đi

rồi ông chấp nhận cuộc sống mới đầu cuộc sống đó như thế nào. Qua Mỹ ông chỉ mới sáu mươi tuổi. Quá sớm để lãnh được tiền già, lại quá già để kiếm việc làm. Nhìn đời sống tất bật của vợ chồng thằng Hai từ sáng đến chiều, với hết đồng bills này đến đồng bills khác gửi về đến chóng mặt, thì ông hiểu số tiền hai trăm hàng tháng con ông gửi về quả thực là một cố gắng hết sức của vợ chồng tụi nó. Có đâu như hồi còn ở bến, ông tưởng hai trăm đô tụi nó gửi tựa như hột muối bỏ biển, đâu ăn thua gì. Hiểu được lòng hiếu thảo của tụi nó, ông thấy áy náy và thật lòng thương tụi nó.

Ông nghĩ, ở đâu cũng vậy, tiền bạc cũng không thể lượm mà có, tất cả đều xuất phát từ sức lao động của con người. Ở nhà thằng Hai được gần hai tháng, ông nói với thằng Hai ông muốn đi kiếm việc làm. Đầu tiên thằng Hai và con vợ nó phản đối, tụi nó nói:

- Ba má mới qua đây, đâu biết gì nước Mỹ mà tính chuyện đi làm. Thôi ba cứ ở nhà thêm một thời gian nữa rồi tính.

Mặc vợ con nói thế nào, khi ông rời khỏi Việt Nam ra đi, ông đã tự đặt mình vào vai trò khác, hoàn cảnh khác. Và khi tới xứ Mỹ, ông liên lạc ngay với những bạn bè đã qua trước ở đây, hỏi han về đời sống mới nên phần nào hiểu được cuộc sống ở Mỹ. Chưa kể ông quan sát con ông, vợ nó và mấy đứa cháu, thấy chúng lúc nào cũng tất bật, tự làm lấy những gì có thể làm được, ngay cả chuyện rửa chén, thằng con ông cũng phụ giúp vợ, điều đó làm ông nhận thức là xã hội ở đây tập cho con người đức tính tự lập, không ỷ lại người khác như nhiều người ở tuổi ông hay trẻ hơn ông còn ở Việt Nam. Ông suy

nghĩ và hiểu được điều đó và cố tập để quen dần với lối sống ở đây. Phải mà, ngày ông quyết định lo giấy tờ để ra đi, lúc đó ông đã tự hứa là phải chấp nhận cuộc đời mới, bây giờ sang đây rồi, lẽ nào mới bắt đầu bước đến ngưỡng cửa cuộc đời mới lại ngại khó mà quay bước.

Hai tháng ở Mỹ không đủ dài để ông hiểu rõ được nước Mỹ, nhưng ông cũng hiểu được giá trị của sự làm việc. Hiểu ông cần làm gì để đừng bị rớt ra ngoài như lời bạn bè kể về một số người già qua đây theo diện bảo lãnh của con cái. Họ nói với ông,

- Anh muốn khỏi bị lệ thuộc, trước tiên anh phải biết lái xe, sau đó tìm việc làm. Ở đâu cũng vậy, tuổi trẻ dễ kiếm việc làm hơn, nhưng ở tuổi tui mình, nếu chịu khó cũng kiếm được việc đủ nuôi thân để khỏi nhờ vả ai đâu là nhờ vả con cái.

Ông nhờ thằng con dạy lái xe. Thằng con dụ dụ:

- Ba mới qua, cứ để từ từ rồi con tính. Với lại ở tuổi này ba lại không rành tiếng Mỹ cho lắm con sợ ba thi rớt bằng lái xe.

- Đừng lo, cứ dạy ba lái xe rồi sau đó tự mình ba lo liệu.

Ông trấn an thằng con.

Dầu gì ông cũng từng lái xe Jeep số tay khi còn ở trong quân đội, nên tin tưởng việc học lấy bằng lái xe sẽ không khó khăn lắm đối với ông. Ông còn nghe nói ở California ông có thể học bằng tiếng Việt rồi thi viết bằng tiếng Việt. Còn tiếng Mỹ của ông tuy còn bập bẹ, nhưng ông tin với nỗ lực của mình, trong thời gian ngắn ôn lại tiếng Mỹ, chắc chắn vốn liếng tiếng Mỹ của ông sẽ khá hơn.

Thằng con dạy lái xe được vài lần, ông thấy việc lấy bằng lái xe ở Mỹ tương đối không khó. Ngày

thi lái, mặc dầu ông cố gắng, cũng bị đánh rớt vì một lỗi rất nhỏ. Thằng con nhìn số điểm, nói với ông:

- Ba mới thi lần đầu như vậy là khá. Con nghĩ ba thi lại lần nữa chắc đậu.

Nghe con nói, tuy buồn vì thi rớt, ông cũng thấy chút tin tưởng vào lần thi sau. Đúng như lời thằng con nói, sau khi dợt lái xe với thằng con thêm vài lần nữa, ông trở lại văn phòng DMV và lần này ông lấy được bằng lái.

Ông thấy cần gấp rút tìm việc làm. Nhưng tìm được việc làm và làm việc gì là điều ông vẫn canh cánh bên lòng. "Chắc phải nhờ đến bạn bè" - Ông nghĩ như vậy. Thằng con bỏ tiền mua cho ông chiếc xe cũ, nói ông lái xe chở bà đi đây đi đó cho bà bớt buồn. Còn ông, ông chỉ muốn dùng chiếc xe như phương tiện để kiếm việc làm, để có thể tự lo thân và lo cho bà hầu bớt làm bận lòng con trai cũng như con dâu. Ông hỏi thăm bạn bè, đến nơi giúp tìm việc. Sau vài tuần lễ, ông kiếm được chân chất hàng trong một siêu thị bán đồ rẻ tiền với giá bảy đô một giờ, nơi có nhiều người Mỹ với vốn



tiếng Anh cũng bập bẹ như ông. Công việc làm tuy đòi hỏi một số khiêng vác, nhưng không quá vất vả so với thời gian ông còn bôn ba tìm sống ở Việt Nam.

Đầu ông làm con tính, bảy nhân với tám tiếng đồng hồ, mỗi ngày vị chỉ được năm mươi sáu đô, trừ thuế má bảo hiểm cũng còn lại khoảng bốn mươi đô. Bốn mươi đô nhân với năm ngày, tính ra được hai trăm một tuần. Bốn tuần một tháng, được lãnh tám trăm. Nếu ông bà chịu tiện tặn, mỗi tháng cũng dư được ba trăm đô.

Trong khi ông đưa mình vào những tính toán mà ông cho là cần thiết và hữu lý, và còn là niềm vui; thì ngược lại, bà lấy làm chướng mắt khi thằng con lớn của bà vô bếp hay rửa mấy cái chén, chướng tai khi mấy đứa cháu chào bà với tiếng “hi”, nên bà thường xuyên bất mãn với vợ của thằng Hai, bất mãn với mấy đứa cháu và bất mãn lây sang thằng con lớn của hai ông bà. Bà bất mãn, bà vẫn không dám nói với thằng con hay vợ con của nó, bà tiếp tục rót vào tai ông, ngày hôm nay than bực mình, ngày mai than chán và nặng nề phải về lại Việt Nam. Lúc đầu những lời than buồn, đòi về chỉ mình ông nghe, dần dần lời than của bà không chỉ rót vào tai ông, mà tới tai thằng Hai, rồi tai vợ nó. Ông thấy vợ thằng Hai bắt đầu có thái độ kém vui khi thấy mặt bà.

Không có việc làm thì thôi, đã kiếm được việc làm rồi, dầu gì ông cũng nên nghĩ đến chuyện ra riêng để khỏi sứt mẻ tình cảm giữa cha mẹ và con cái. Ông đề nghị việc kiếm phòng để ở riêng với thằng Hai. Đầu tiên thằng Hai kịch liệt phản đối. Nhưng hằng ngày nhìn thái độ của mẹ và vợ, cuối cùng đồng ý:

- Nếu ba nhứt định như vậy thì để con kiếm nhà người quen cho ba má share, rồi mỗi tháng con phụ đóng tiền nhà cho ba má.

- Ba thấy ba lo được. Để ba tự lo liệu lấy. - Ông nói với thằng Hai.

- Nếu con để ba tự lo liệu, rồi đây thế nào anh chị con cũng trách là đem ba má qua đây rồi không lo cho ba má.

Thằng Hai nói đi nói lại, cuối cùng ông đồng ý nhận hai trăm đô mỗi tháng như hồi ông bà còn ở lại Việt Nam để phụ vô tiền mướn phòng mỗi tháng bốn trăm đô.

Ông tưởng khi hai vợ chồng dọn ra riêng, vợ ông sẽ khá hơn, sẽ dần quên đi những ngày còn ở Việt Nam để hội nhập vô đời sống mới ở Mỹ. Nhưng không, tối ngày bà ru rú trong phòng. Ông hết lời năn nỉ bà ráng đi đây đi đó để gặp người này người nọ với hy vọng bà quên chuyện đòi về. Nhưng mặc cho ông nói thế nào bà cũng không chịu rời khỏi căn phòng để đi ra ngoài. Mà căn phòng nào lớn gì cho cam, chỉ rộng độ hơn trăm bộ vuông, không quá nhỏ để tạo cảm giác tù túng nếu chỉ dành làm chỗ ngủ. Đằng này tối cũng như sáng bà cứ quanh quẩn trong đó, thì người có lạc quan cách mấy chẳng mấy lúc sẽ trở thành kẻ bi quan.

Ngày qua ngày, ông cố nói, cố năn nỉ để bà chịu đi ra ngoài cho giãn chân giãn cốt. Nể ông, bà cũng chỉ bước đi được vài ba chục bước ra khoảng sân trước đứng ngó mông lúc gần giờ ông đi làm về hay trong khoảnh khắc nào đó rồi lại quay trở về phòng. Cũng có lúc bà xuống căn bếp cùng xài chung với chủ, vịn lên bếp ga để nấu một món canh, món mặn hay món xào đợi ông về cùng ăn. Nhưng thường bà ít khi

làm chuyện này, vì trên đường đi làm về, nhiều lúc ông đã ghé ngang một tiệm bán những thức ăn nấu sẵn mua một phần ăn khoảng bốn đồng bạc để hai vợ chồng cùng ăn. Và ngày này qua ngày khác bà không rời chiếc phòng ngủ để nếu không xem tivi với thứ tiếng Anh bà không thể hiểu, lại nằm xuống ngủ hết giấc này đến giấc khác cho đến lúc ông Hai từ chỗ làm trở về cùng nhau ăn nhanh buổi cơm chiều.

Ông Hai nhìn lối sống thiếu vệ sinh của vợ, ông cố gắng giúp vợ nguôi ngoai nỗi nhớ nhà bằng cách đề nghị chở bà ra khu Phước Lộc Thọ để bà có cơ hội gặp những người đồng hương ở tuổi ông bà, nói dăm ba câu chuyện vui vẻ để đầu óc được thư giãn, thế mà lần nào như lần nấy bà đều lắc đầu. Vợ không nghe, ông cũng không nản lòng, tiếp tục khuyên bà chịu khó đi bộ vòng quanh nhà và nếu có thể chịu khó tập đi xe buýt đi đây đi đó lúc ông đi làm để biết đời sống ở xứ Mỹ với người ta, thì bà cũng lại ngoe nguẩy:

- Em chừng này tuổi mà biểu đi bộ mấy khúc đường mới tới được chuyển buýt. Thôi thà ở trong nhà còn hơn đi xe buýt kiểu đó.

Nói hoài vợ không nghe, hằng ngày còn nghe mãi điệp khúc đòi về riết rồi ông cũng thấy mệt. Vừa giận vợ cũng vừa thương vợ. Cũng tại bà mà hai vợ chồng qua đây. Nếu bà đừng thúc giục thì hai vợ chồng đã sống yên ổn ở bên đó rồi, bà đâu có dịp than buồn than khổ như bây giờ. Ông chếp miệng, “Thiệt hết hiểu nổi.” Như ông đây, trước khi qua đây ông đã suy nghĩ về đời sống mới nơi xứ lạ quê người nên đã có ý không muốn đi. Bà đã giục ông đi cho bằng được. Đến khi chấp

nhận vì con và cháu mà phải rời khỏi nơi chốn thân quen, tại sao bây giờ lại đổi ý?

Giận vợ nhưng xét đến nỗi nhớ quê hương của mình, ông thông cảm cho vợ. Thử hỏi một người đã sống ở một nơi chốn quen thuộc sáu chục năm dài với kỷ niệm vui và buồn, và cho dầu nỗi buồn nỗi lo do những điều bất cập thường khi xảy đến, thì nơi chốn được xem là quê hương đó, con người bao giờ cũng lưu giữ những kỷ niệm đẹp trong tâm tưởng; huống gì ở nơi đó ông bà còn có những đứa con và những đứa cháu. Có điều ông vẫn thắc mắc, tại sao bà không thể trấn áp điều đó, cứ để tình cảm lấn áp mà quên đi những điều tốt đẹp ông bà có thể xây dựng cho con cháu trong một tương lai lâu dài. Tại sao bà có thể quên được ý nghĩ trước kia khi cho rằng nước Mỹ là một thiên đàng lúc mới nhận được tờ giấy bảo lãnh của con gửi về? Hay bà thuộc về hạng người chỉ những lúc thiếu thốn mới nuôi dưỡng được sự mơ ước?

Dầu sao bà cũng đã trở về Việt Nam và như vậy nước Mỹ không còn là thiên đường của bà. Còn ông, bao giờ cũng biết an phận. Vì an phận ông đã không muốn rời khỏi Việt Nam. Cũng vì muốn được an phận, ông đã đến Mỹ, ông chấp nhận những gì nước Mỹ đã cho ông. Hiện giờ ông đã có việc làm, ông không sợ ngày hôm nay đói, ngày mai đau yếu không đủ tiền uống thuốc. Ở một nơi không phải lo những điều cơ bản nhất thì có gì ông không thấy nơi đó là thiên đường. Không kể ngoài việc lo cho bản thân mình, còn lo thêm được cho người thân của mình, còn nơi nào hơn nơi này. Cho nên mặc dầu nhớ thương nơi chốn ông đã từng sống, ông cũng không thể quên được những

ngày tháng cũ, có biết bao ngày ông và cả gia đình chịu đựng sự nghèo khổ, nhìn sự thiếu thốn của con cái mà lo lắng, đau khổ, mãi cho đến lúc thằng Hai vượt biên được để hằng tháng gửi tiền về cho ông bà, chừng đó đời sống của ông bà mới tạm yên. Vậy có gì ông lại muốn quay về nơi có thể chứa đựng những bấp bênh cho bản thân ông và gia đình ông.

Ông nhớ bà, nhưng làm sao ông có thể quay về khi tháng tháng ông có thể tiện tặn ba trăm đô để gửi cho bà và con cháu ở bên đó. Chưa kể nếu ông ráng chịu đựng thêm hai năm nữa, thì cơ hội bảo lãnh cho những đứa con, những đứa cháu để tụi nó tìm được cuộc sống tốt đẹp hơn cũng đâu phải là điều mơ ước xa vời.

Thôi thì ông chấp nhận làm thân gỗ mục, nhưng là thân gỗ mục giữa một môi trường thích hợp để những cành hoa lan có được cơ hội đâm chồi trên thân mình ông, rồi một ngày nào những cánh hoa lan rực rỡ xinh đẹp sẽ có dịp được nở rộ. Bởi vậy khi thấy bà không ngớt buồn bã, ông không đành lòng được đã đề nghị với bà:

- Thôi thì đành nào mình cũng cần một người ở lại để vô dân Mỹ. Anh đang có việc làm và anh muốn chuyển đi của mình cũng không thể trở thành vô ích. Anh mua vé để em về ở với mấy đứa nhỏ. Còn anh ráng thêm vài năm nữa để lãnh được tiền già, đỡ dần được con cái và biết đâu chừng lo được cho vài đứa qua đây cho tụi nó có được cơ hội học hành cũng không chừng. Lúc đó anh có về sống lại ở Việt Nam cũng không uổng công qua đây.

Ông nói mà lòng hy vọng bà sẽ vì ông mà tập quen dần cuộc sống ở đây để quên đi chuyện trở về. Nào ngờ bà lộ rõ sự mừng rỡ,

lại háo hức chuyện trở về như ngày nào háo hức sang đây.

Nghĩ đến đó ông bất giác buông rơi tờ lịch và chột giật mình. Đêm nay đã là đêm giao thừa. Ông sẽ đốt vào nén nhang dành cho đêm giao thừa. Sau đó sẽ lên giường ngủ và một ngày mới lại bắt đầu. Bất giác ông chép miệng, "Cũng may mình luôn luôn bận rộn với công việc làm, ráng thêm một năm nữa cũng không lâu lắm gì!"

Những tờ giấy bảo lãnh gia đình đưa con gái và thằng con trai đã làm xong. Thằng Hai thương em đã chịu ký giấy tờ cam kết lo phần bảo lãnh tài chánh khi anh em nó qua đây. Chỉ cần một năm nữa ông vô dân Mỹ sẽ bổ túc lại hồ sơ, chừng đó biết đâu chừng ông lại sum họp với mấy đứa con, đứa cháu. Ừ, biết đâu chừng vợ ông lại đổi ý muốn theo tụi nó qua đây, hay ông thấy đã tròn bốn phần mà quay về đó ở luôn với bà, chừng đó ông hay bà đâu còn thắc mắc nhiều chuyện về hay ở.

Ông cúi xuống lượm tờ lịch và chột cười với ý nghĩ mình như thân gỗ mục. Đã là thân gỗ mục thì còn xá gì thân. Ngày mai này nếu vợ chồng thằng Hai nhớ đó là ngày Tết để dất mấy đứa cháu đến thăm ông chắc ông sẽ thấy vui, nhưng nếu lỡ tụi nó quên, thì có gì ông phải chấp nhất. Vui buồn tự tâm mà. Con người thay đổi với thời gian thì ý nghĩ cũng không thể bất di bất dịch. Ông chột lằm thắm trong miệng: "Mình là cha là ông. Nếu tụi nó quên thăm mình thì mình qua thăm tụi nó, ai thăm ai cũng vậy, có gì đáng buồn đâu mà phải suy nghĩ cho thêm mệt!"

* Tiệm bán thức ăn nấu sẵn, mua món nào chỉ món đó.

Nghe Lạnh Về Nhớ Một Bàn Tay

Phạm Ngũ Yên



Lần đầu tiên tôi nhận ra chính mình trong lá thư của Quỳnh viết. Những ngày đông đầy mưa, chỉ có tôi và nàng trong chiếc quán quen thuộc. Ngụm cà phê nóng làm nàng suýt xoa. Chiếc bàn mica mát lạnh hai chỗ ngồi và khung trời tạnh khô màu tro như được vẽ bằng mực tàu pha loãng.

Những lời trong thư của nàng mang một giá trị của một cời than còn nóng, thấp cháy những đoạn đường xưa, nơi thành phố buồn lạnh như dòng sông chảy qua đời

nhau lặng lẽ. Khi tôi nhớ về Quỳnh, là tôi muốn nhớ về một màu son trên môi giống như một màu phượng cháy. Tôi từng có một lần ra đi để không bao giờ trở về Đà Lạt. Những góc phố ướt mưa vẫn nằm im không trăn trở. Tôi nhớ đến con đường Đào Duy Từ chạy ngang qua nhà nàng, mùa này sừng sốt tiếng chuông. Những tam cấp lặng lẽ dẫn xuống một bến xe đò huyền ảo và rực rỡ mộng giang hồ. Lúc nào cũng vậy, khi nhìn thấy những cơn mưa vắt ngang qua một bến xe đò là

lòng tôi thôi thúc một chuyến đi. Không biết đi đâu. Chỉ biết trèo lên ngồi ở băng ghế, nhìn xuống những vật cỏ chạy lùi lại phía sau, những cột mốc lấm lũi bên đường, lòng thấy vô cùng hạnh phúc. Tôi không biết nơi chặng dừng chân phía trước có bao nhiêu niềm vui hay nỗi buồn đón đợi, và trái tim sẽ ủ được bao nhiêu hương sắc của đời?

Những ngày như vậy, tôi nhớ vô cùng tiếng cười trong veo của nàng. Như một giọt mực xanh rụng xuống lòng giấy trắng. Nàng không yêu tôi nhiều như tôi tưởng. Nhưng tôi vẫn nghe chát trong lồng ngực một bếp lửa mùa đông. Nàng tồn tại trong trái tim non yếu của tôi như một đóa hoa tồn tại bên ngoài cửa sổ. Đôi khi tôi thấy Quỳnh là một nửa tìm kiếm của tôi, đôi khi nàng không là cái gì hết. Nàng yêu tôi giống như người ta làm văn nghệ và giống như mây trời. Nghĩa là tùy hứng và nếu có thì cũng không dài lâu. Đâu có ai giữ được mây trời và cũng không ai bắt một trái tim mãi rung lên những nhịp đập sắt son trong lồng ngực.

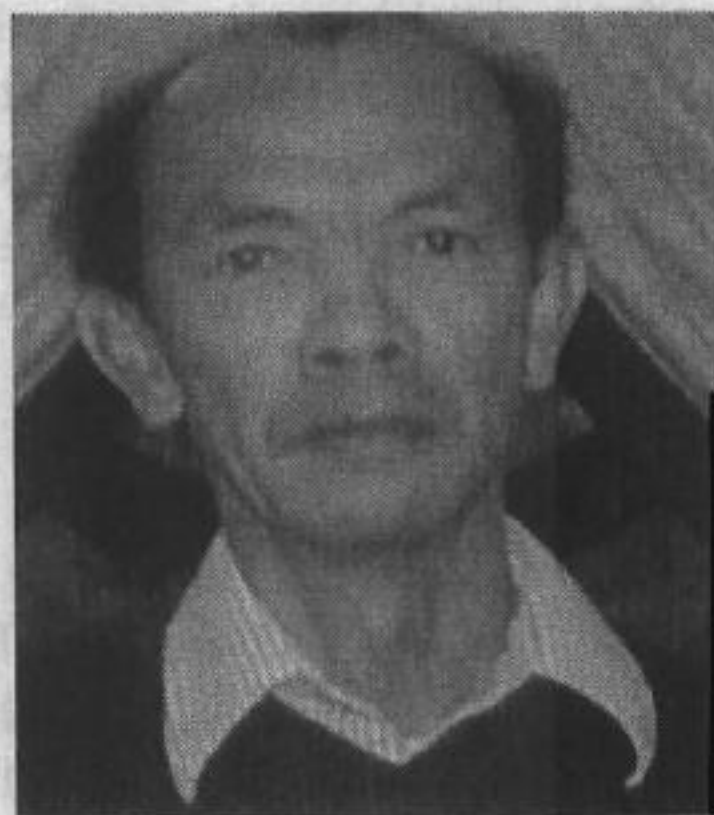
Nhưng tôi vẫn không thể thiếu nàng. Tôi luôn khao khát nhìn thấy nàng từ phía xa, trong đám sương mù lãng đãng. Màu tím của chiếc áo len bao quanh thân hình mảnh dẻ và mái tóc lúc nào cũng ướt át mưa phùn. Nàng sẽ nhìn quanh quất tìm kiếm dấu vết tôi, trước khi nhìn ra chiếc bàn tròn khắp khiểng thời gian và lạnh buốt đường nào. “Hôm nay anh không đi làm sao?” Nàng hỏi và khép nép ngồi xuống. “Anh có làm nhưng bỏ ra đây uống cà phê.” “Ngộ quá. Để nhìn ông đi qua bà đi lại?”. “Không có. Để nhìn em đấy chứ...” “Xạo ghê. Nhìn em?” Nàng chống tay lên cằm nhìn tôi đắm đắm như nhìn

một món đồ bày trong tủ kính. Tôi cũng nhìn nàng không kém vẻ nồng nhiệt. Mái tóc Quỳnh đã không còn ướt nhiều vì chỗ ngồi tạnh khô, có vài ngọn rũ xuống trán. Tôi nhìn kỹ những viền xanh mờ nhạt dưới mí mắt nàng. Nó gây cho người đối diện một nỗi phấn khởi được hôn lên đó. Nhưng tôi dần xuống và thán phục những công ty làm ra những mỹ phẩm ác liệt.

Buổi sáng có biết bao màu sắc hiện ra trên con đường trước mặt. Qua vai nàng, tôi cảm nhận được đời sống đang tuôn chảy những nhịp đời hối hả, trong khi tình yêu đọng xuống như giọt cà phê. Những cây ngô run rẩy dưới một khung tường nhìn từ xa tôi tưởng chừng như chúng vừa được vớt lên từ một khúc sông nào đó. Những mái ngói đỏ màu gạch nung ngửa mặt lên trời để hứng sương mù. Những vệt nắng không thể xuyên qua các tàn nhánh mùa đông, chính vì vậy mà tia nhìn của nàng bớt thấy chông chênh.

Đôi lúc tiếng cười của nàng như một chiếc lá khô rơi xuống mặt đường tĩnh lặng. Và nỗi buồn chạy đuổi theo từng tiếng chân mưa vượt ngã ngoài kia.

Có lúc nào đó tôi sẽ xa nàng. Như một điều tự nhiên. Từ khi tôi



Phạm Ngũ Yên

quen nàng, những mầm mống của tan vỡ đang thành hình. Tôi không thể hiểu được trong tâm hồn đơn sơ của nàng có bao nhiêu chỗ để dành cho tôi. Có bao nhiêu chỗ để dành cho người khác. Đã có một thời tôi uống say tiếng cười nàng. Trong khi sự mâu thuẫn về một tình yêu va vào đời nhau tê điếng.

Tôi là một người lính trẻ xa nhà. Không có nhiều tài năng để phô trương với nàng ngoài một trái tim tươi rói hồng huyết cầu. Mỗi ngày tôi đi đến đơn vị để làm việc. Căn phòng truyền tin có những máy móc kèn cựa nhau. Những công điện được nhận và được gửi đi qua chiếc máy viễn ấn, qua những ngón tay thoăn thoắt của người nữ quân nhân. Tiếng run rẩy của bàn phím và tiếng tín hiệu của máy siêu tần số là những âm thanh duy nhất trong phòng. Công việc của một trưởng ban Truyền Tin đòi hỏi tôi phải có mặt mỗi ngày, nhưng không ràng buộc tôi phải tham dự vào những giờ giấc hành chánh. Tôi có nhiều đêm cặm cụi thức khuya để giải quyết cho xong một hệ thống viễn liên bị giao thoa, hay một trở chứng nào đó của chiếc máy viễn ấn tự. Cũng như có nhiều buổi sáng nhàn nhã không biết phải làm gì cho hết giờ. Tôi xoay ra viết văn làm thơ gửi đăng trên các báo Sài Gòn. Vài mối tình đầu xuống trên những trang giấy từ bàn máy đánh chữ của đơn vị, tưởng chừng như những cánh bướm. Chúng có khả năng bốc hơi hoặc bay đi bất cứ lúc nào. Ký ức sẽ trở thành mưa để bay qua những vai đời thâm lặng.

Khi tôi biết Quỳnh, một cô gái mảnh mai làm việc ở bưu điện Đà Lạt, những tác phẩm của tôi đang có chiều hướng quen thuộc với một số độc giả - trong đó có

nàng. Những cuộc hẹn hò nơi quán cà phê bên hông nhà bưu điện hay những lúc theo chân nàng về nhà, đã nuôi dưỡng tình yêu tôi khôn lớn mỗi ngày.

Nhà nàng ở dốc Hai Bà Trưng, khi đi làm nàng phải băng qua một đoạn đường tắt màu đất đỏ và khu bệnh viện nằm mơ màng dưới một rừng thông. Tôi nghe tiếng chim trên đầu như nghe những giọt đắng đọng xuống lòng mình lúc nào không biết.

Một lần nàng hỏi tôi: "Nhân vật Nhó là ai trong truyện ngắn anh vừa mới viết...?" Tôi trả lời đó là em gái của tôi ở Vũng Tàu. Nàng có vẻ không tin. Nhưng thấy vẻ mặt thành khẩn của tôi nàng không hỏi thêm. Người đàn bà có nhiều điều ngộ nghĩnh trong đầu. Họ thường nghi ngờ những gì mà người đàn ông nói thật, nhưng lại rất tin tưởng những gì người đàn ông nói dối. Và từ đó, dĩ nhiên kéo theo những thảm kịch.

Một đêm tôi trở về từ căn phòng làm việc trong đơn vị. Những ngày kề cận với cái Tết Việt Nam. Tháng giêng rét mướt những đóa dã quỳ bên vệ đường. Tôi đi qua chiếc quán cà phê của tôi và nàng đã từng có thời ngồi với nhau. Nàng gọi tên đó là "quán tình nhân" và tôi đã từng nghe ở đó tiếng cười trong veo của nàng. Chiếc quán khuya có màu đèn thoi thóp trên những bàn gỗ hai chỗ ngồi. Bó cấm cúc cấm trong bình sứ màu trắng như bơi trong không khí ướt lạnh.

Đà Lạt đang chìm đắm trong màn đêm và tiếng gió làm rung những tấm bạt làm bằng vải dù che trước quán. Đường phố mang một hơi thở mùa xuân. Đường phố đó đang nói với tôi sự cô đơn luôn là một cứu cánh của đời sống. Cô gái lớn con của ông chủ

ngồi ở quầy tiền luôn vốn và với mọi người bước vào quán. Trong khi cô gái nhỏ hơn chạy tới chạy lui hỏi thăm coi khách hàng uống thức gì và đi vào trong bếp. Một vài phút sẽ trôi qua và người ta sẽ không cảm thấy lạc lõng khi bắt gặp cái nhìn kín đáo của cô gái lớn. Đó đây trên vách tường được dán bằng giấy hoa, những bức tranh của vài họa sĩ thời thượng nhìn xuống những vũng tối. Điều này khiến cho bức tranh mang một sự thốn thức rời rã và mùi vị của cà phê sẽ trở nên ngậy ngất hơn.

Rất ít khi tôi thấy ông chủ quán. Ông là một người đàn ông độc thân lúc nào cũng ngậm một ống vố trong miệng. Nghe nói ông cũng là một nhạc sĩ có thời có những tác phẩm cầu chứng với đời. Ông thường về Sài Gòn để rong chơi với bạn bè tại đó, lâu lâu trở về thành phố núi để lấy thêm tiền tiêu xài. Tôi không nhớ tôi có được nghe bài nhạc nào của ông chưa, nhưng hình như trong một vài đoạn băng nào đó có bài của ông - cô gái nhỏ của ông tiết lộ với sự hãnh diện pha lẫn sự thần phục. Đôi khi tôi cũng cảm giác được sự thần phục trong mắt cô khi nhìn tôi. Nhưng chắc sẽ không tràn trề hơn những gì mà ly cà phê chứa đựng.

Những bài thơ và những truyện ngắn của tôi mang hơi hám từ một quán cà phê như vậy. Nó sẽ ít khi có một kết thúc sáng sủa nhưng chấp chờn những bóng tối. Nó sẽ dừng lại nửa chừng khi đôi tình nhân lìa nhau vội vàng. Và nó đen sạm màu sắc của đau khổ trong khi khói thuốc nồng nàn đậu xuống từng đêm.

Có thể những gì nàng bày tỏ trong lá thư nàng gửi cho tôi qua cô con gái nhỏ kia đã soi rọi trong tôi một ngõ ngách tâm hồn nàng.

Như một bến đời lạnh căm không có mùa xuân quá vắng.

Những hương hoa bên ngoài vội vàng bay đi như tình yêu giữa tôi và nàng, không hề đọng lại một chút gì, tôi nghĩ. Chỉ có sự khắc khoải và nhớ mong.

Ai đó đã từng nói rằng trong tình yêu không có phép trừ. Và chỉ có yêu nhau người ta mới nhận lên sự đau khổ. Không phải vì ngăn sông hay cách núi, nhưng bởi vì sự hiểu biết về nhau mãnh mai như thân thể của tôi và nàng.

Tôi không nhớ hết những điều gì tôi đã làm cho nàng. Tôi cũng không nhớ hết có bao nhiêu ly cà phê mà tôi và nàng từng chia sẻ với nhau. Nhưng tôi nhớ những cay đắng và những ngọt bùi nàng dành cho tôi. Chúng có khả năng làm tăng thêm mùi vị những giọt cà phê, như muối làm tăng gia vị cuộc đời.

Tôi yêu mến nàng xiết bao. Ngay cả những mạnh mẽ cùng những yếu đuối làm nên con người nàng.

Tôi nhớ một lần tôi mua cho Quỳnh hộp Band Aid vì nàng bị đứt tay. Có tất cả 50 miếng băng ni-lông có màu trùng hợp với màu da, xinh xắn như một món đồ mẫu. Chúng không đáng để tôi viết ra đây nhưng nàng coi đó như một sự tha thiết. Nàng chỉ dùng có hai lần là vết thương lành hẳn. "Thịt của em hiền". Nàng sôi nổi khi gặp tôi. "Giống như con người của em vậy". Tôi cũng sôi nổi đáp. Cho tới khi lìa xa, hình như nàng vẫn còn giữ 48 miếng còn lại trên bàn làm việc của nàng.

Một lần khác sinh nhật nàng... Dĩ nhiên có rất đông người tham dự. Tôi ghen với những câu nói bông đùa của những người đàn ông làm chung sở với nàng. Gối quà tôi mua tặng nàng nặng trĩu trên tay khi tôi đưa cho nàng.

Nặng đến nỗi tôi vụng về khi trao cho nàng và không nói được rõ ràng một lời chúc. Nàng không giận tôi vì nghĩ rằng không sự ngăn cách nào có thể làm cho chúng tôi quay mặt với nhau.

Mùa xuân năm đó tôi chia tay với nàng. Khó lòng để người ta phải nói lên một lời như vậy mà không vấp phải sự thương tổn.

Có những tình yêu tự nó ủ mùi vị của chia ly như dòng sông rời bỏ bờ khô để ôm nỗi đau về biển.

Ở cương vị của tôi, tôi không trách nàng. Hai ngày trước giao thừa nàng nói với tôi sẽ về thăm lại Bảo Lộc. Và ở lại ăn tết vài hôm cùng gia đình. Cha mẹ nàng có một gian hàng bán trà tại đó. "Mấy năm qua em không có ăn Tết cùng gia đình". Nàng tâm sự.

Buổi trưa cuối năm se lạnh nhưng thời tiết khô ráo. Buổi sáng có sương mù bay quanh quần ngoài mặt hồ. Tôi đi bộ với nàng một quãng đường, trước khi trở lại bến xe. Rạp Ngọc Lan nằm phía trên con dốc. Những cây anh đào mảnh dẻ trồng trong lưới sắt, chạy dài lên khu Hòa Bình. Bên ngoài có đề hàng chữ: "Cây không chết, xin đừng bẻ cành".

Những thêm đá vuông giấu trong lòng nó tiếng đế, khi chúng tôi đi qua. Tiếng đế làm nhớ lại trong ngăn bàn ủ ê một thời đi học. Một buổi sáng nào tôi nhìn thấy trong một góc bàn lem lút vết mực, con đế nhỏ lạc loài nhìn ra. Chiếc đầu đen bóng của nó chuyển động không tỏ vẻ sợ hãi tôi và hai sợi râu rung rung thách thức. Tôi cũng nhớ về một hình ảnh khác, lúc tan trường về tôi không về ngay nhà mà băng qua một cánh đồng hoang để vạch tìm những con đế đá trong bụi cỏ, trong những lon sữa bò. Cánh đồng đó bây giờ biến mất nơi

thành phố biển của tôi không nhớ từ bao giờ. Có những kỷ niệm và những giấc mộng đẹp trong đời một đứa trẻ. Nhưng chúng sẽ tàn phai mau chóng không đợi ngày trưởng thành.

Mọi người vội vã mua sắm cho mình những bánh mứt, hoa kiểng. Không khí chật đầy tiếng động của xe cộ vút qua. Tiếng cười nói, vời vỉnh đời mua quà của trẻ nhỏ sau lưng. Tiếng nhạc rơi nghiêng trên mặt đường trong veo như tiếng gió.

Cuối cùng tôi thấy nàng ngồi gọn gàng trong lòng xe. Những quang gánh chất chồng trên mui, nhiều đến nỗi người ta có cảm giác đồ đạc như muốn chôn vùi chiếc xe và người lơ lửng khúc cây dưới bánh xe sau. Hai tay hấn vỗ ầm ầm vào thùng xe: "Tôi luôn bác tài". Xe chồm lên cuống quít, để lại sau lưng nó những ngum khói, mệt mỏi...

Tết đó Cộng sản tấn công hầu hết các tỉnh thành phía Nam và tràn ngập biển người ở nhiều thành phố miền Trung, trong đó có Huế, Đà Lạt. Riêng Sài Gòn tưởng chừng như không còn khi một số cơ sở quan trọng trong đó có đài phát thanh, đài truyền hình bị chiếm. Sau vài ngày, quân đội Việt Nam Cộng Hòa bắt đầu phản công và lần lượt giành lại những vùng bị mất. Vài sư đoàn thiện chiến của cộng sản bị xóa sổ trong thời gian này vì sự chủ quan của những kẻ cầm đầu Bắc Bộ Phủ. Một phần khác do những bộ đội chính qui miền Bắc không nắm rõ địa hình các thành phố miền Nam, sau khi những kẻ nằm vùng dẫn đường bị chết hoặc bị sa lưới. Sau một khoảng thời gian ngắn hốt hoảng, dân chúng Sài Gòn bình tâm trở lại và chứng kiến từng toán Bắc quân bị lạc trong

những ngõ ngách quanh co của thành phố không tìm thấy hướng ra. Chúng trà trộn trong nhà dân để cố thủ, cho đến khi bị lùng diệt.

Những ngày biến động Mậu Thân, tôi bị cấm trại một trăm phần trăm trong đơn vị. Ngày đêm ứng chiến và cùng với nhân viên túc trực cả ba ca. Hệ thống siêu tần số hoạt động hết công suất và các công điện thu phát triển miên trên các máy viễn ấn. Những giấc ngủ bị ngắt đi nửa đêm về sáng theo tín hiệu réo rất của máy PRC 25, những tài liệu mã hóa cần phải chuyển qua phòng dịch trong vòng vài phút để gửi về phòng hành quân Tiểu Khu. Những tiếng súng vang dội đó đây thay cho tiếng pháo giao thừa và ánh hỏa châu bùng lên ngoài lô cốt như soi rọi một cõi đời mộng thực.

Đêm khan những tiếng nhạc mùa xuân muôn màng được phát đi trên chiếc máy truyền hình trong phòng ngủ độc thân. Đêm cũng ngỡ ngàng khi nghe tiếng phone rung lên không một lời nhắn gọi. Những bước chân xào xạc một lần đi.

Đà Lạt trống vắng như chưa từng.

Một tuần lễ trôi qua Quỳnh không trở lại làm việc. Con đường nối liền Đà Lạt và Blao bị tắc nghẽn giữa cầu Đại Quay và một phần ở Đức Trọng. Nghe nói giao tranh vẫn còn và công binh đang cố gắng nối lại vài nhịp cầu đã gãy. Trong hoàn cảnh như vậy, không ai tiên đoán được bao giờ thì giao thông sẽ thông suốt.

Sự chờ đợi bao giờ cũng làm người ta cảm thấy thời gian qua lâu từng bước. Tôi nhớ nàng vô cùng. Những đường mưa ướt nhò nhòa giá rét khi tôi trở về trại độc thân. Những khao khát bốc hơi trên

mấy đầu ngón tay như khói thuốc đêm tàn. Làm sao để giải thích rằng đêm bao la nhưng lòng căng chặt một nỗi buồn?

Một đêm cuối tuần xả trại. Một số người độc thân trong khu gia binh có ai đó đề nghị nên có một buổi tiệc nhỏ mừng "chiến thắng". Và tất cả đều đồng ý sẽ "gây" một độ nhậu lai rai coi như ăn Tết muộn màng. Vị Thiếu Úy Trung Tâm Trưởng hào phóng cho chúng tôi một số tiền và hai chai "ông già đi bộ" (Johny Walker). Đó là loại rượu Mỹ cao cấp trong thời đại khó khăn. Phần còn lại hoa lá cành chúng tôi sẽ tùy cơ ứng biến.

Ngay từ buổi trưa người hạ sĩ hỏa đầu vụ đã đem về một con cừu nhỏ bằng phân nửa số tiền mà vị Trung Tâm Trưởng đã cho. Ông cột con cừu bằng sợi dây và chúng tôi thay phiên nhau dẫn nó chạy vòng vòng trong khu trại. "Cho nó ra mồ hôi trước khi làm thịt. Nó sẽ không còn mùi hôi". Ông chỉ dẫn như vậy. Một người lính khác lo phần xẻ thịt và cô con gái của ông Thượng Sĩ thường vụ sẽ giúp phần nấu nướng. Một cái bếp dã chiến được làm ra bằng những khúc gỗ thông lấy từ rừng và lên lửa từ chiều. Trên bếp là hai cái chạc bắt chéo và con cừu được làm sạch sẽ đặt nằm xuyên ngang. Trong vị trí này, thịt sẽ chín đều mọi phía và người ta chỉ có việc dùng dao xẻ ra từng phần theo ý mình.

Chưa gì đã có vài khuôn mặt đỏ kè vì chưa quen với rượu Mỹ. Mái tóc họ lướt thướt sương mù và mùi thịt nướng bay khắp mọi góc nhà. Những chiếc jacket không cài khuy nhốt trong lòng nó những cơn gió xuân thì.

Đêm của cao nguyên thiếu vắng ngọn đèn đô thị, nhưng hình như không cần thiết vì những vì

sao trên trời đang nhìn xuống. Chúng lấp lánh trên đầu các ngọn thông, trên những đóa quỳ vàng lạnh ngoài sân. Chúng còn lấp lánh trên mắt của ai, đang nhìn chúng tôi. Cô con gái của người Thượng Sĩ ngồi ở cuối phòng, bên cạnh những đồ đạc linh kính dùng cho bữa tiệc. Vài cái bắp cải. Vài trái cà chua. Những ly chén cũng phơi phơi khi bàn tay của nàng chạm đến.

Những người lính xa nhà khao khát một bếp lửa gia đình ngày Tết. Họ đang mở lòng chờ đợi một cảnh mai đã không đến kịp giao thừa. Họ cũng không kịp nhìn thấy chiếc lá cuối cùng rơi để tiễn chân mùa cũ. Nên chỉ còn một cách là ôm vào lòng màu mắt long lanh và đôi má hồng đào đang ngồi kia. Trong khi ngọn lửa mơn man theo tiếng gió như âm phách một cung đàn xưa.

Tôi không biết có bao nhiêu tiếng chân mưa từng đi qua một đêm dài, nhưng đêm nay tôi biết tôi đã buồn vô hạn vì trái tim vừa chạm đến một rách nát.

Những cánh tay giờ ra chỉ để cầm chắc ly rượu, như sợ tuổi trẻ vượt mất trong bàn tay. Họ mời nhau uống cạn trăm phần trăm với đôi mắt cũng long lanh không kém đôi mắt của cô gái. Một vài người suồng sã gọi ông Thượng Sĩ bằng bố: "Bố uống với con một ly đi bố". Người khác, sôi nổi hơn: "Tháng này con lãnh lương gởi hết cho bố. Để bố dành nuôi em con ăn học". Một người khác tỏ vẻ hiểu biết: "Xưa rồi ông ơi, con của Thượng Sĩ đâu còn học tại đây nữa đâu, mà ông còn mơ màng đòi gởi tiền nuôi em ăn học. Bây giờ em đang làm việc ở Sài Gòn."

Người lính già nhìn nhanh về đứa con gái, lòng phân vân giữa hư cấu và thực. Giữa cho đi và lấy

về. Và nếu phải chọn lựa, ông không biết phải chọn lựa ai. Ngày xưa chỉ có Sơn Tinh và Thủy Tinh giành giật một Mị Nương mà đã chiến tranh dữ dội. Bây giờ nhiều quá. Cuối cùng, để khóa lấp sự lúng túng bất ngờ, ông cũng làm bộ bông đùa: "Tụi bây nói năng bạt mạng, coi chừng tao phạt hít đất bây giờ..."

Đứa con gái của ông Thượng Sĩ thường vịn ngồi nhìn những gã con trai ồn ào bằng đôi mắt ấm như hai đốm than hồng. Nàng có cái tên mà mới nghe tưởng như được lấy từ trong một tuồng hát cải lương nào đó. "Hoa Chúc".

Cái tên ngộ nghĩnh và dễ gây cho người ta những ấn tượng. Cái tên đôi khi dính dáng đến một số phận và đẩy người mang nó trôi theo dòng đời. Tôi nghe nói cách đây vài năm nàng có một mối tình sâu đậm đến nỗi bỏ học, theo người yêu về Sài Gòn. Nhưng hình như người đàn ông may mắn kia đã thôi không còn đeo đuổi nàng từ một mùa đông năm nào. Những cánh bướm luôn chập chờn không đậu lâu trên một đài hoa, như một hơi gió ruổi dong bên cuộc đời phẳng lặng.

Khi Hoa Chúc đem thêm cho mọi người bình nước đá và mấy chai soda, chiếc áo len màu đen khít khao thân thể của nàng trở thành một nỗi ám ảnh dịu dàng trong lòng mấy gã đàn ông. Như một dòng sông chảy sững sờ vô biên, nàng đang chảy qua đời nhân gian bằng nụ cười mà bất cứ ai cũng không thể nào tỉnh táo được. Cho nên chai rượu cạn tới giọt cuối cùng chỉ trong một thời gian ngắn. Trong lúc tiếng ồn ào có chiều hướng gia tăng. Mọi người, kể cả tôi, không muốn chạy trốn nỗi khát khao trong đó được sở hữu tiếng nói của nàng. Một điều mà lý trí thầm thì lên

tiếng gần như cáo trách trong tôi, rằng trái tim đã từng bỏ ngõ nhưng không thể cùng một lúc chứa hai người đàn bà.

Đêm có tiếng mưa từ núi rừng dội về. Tôi không biết có phải uống nhiều rượu hay vì cơ thể yếu đuối mà tôi có cảm giác khó chịu. Tôi phải ra ngoài gục đầu dưới trụ ăng ten cho ra hết những thức ăn trong bao tử. Tôi thấy mệt mỏi như một người chạy đua chưa đến đích mà đã bị vọt bẻ. Với một nghĩa nào đó, bên đám đông đang chộn rộn trong kia, tôi là người đầu tiên thua cuộc. Tôi vừa nôn thốc nôn tháo, vừa hình dung ra dáng đi của Hoa Chúc. Hình dung ra nụ cười ban phát đồng đều cho mọi người của nàng mà lòng thấy thương tổn. Tôi đứng bên ngoài dưới một bầu trời đen trôi mất những vì sao, và nỗi buồn thăm lặng.

Tôi nhớ Quỳnh. Hình ảnh nàng cuốn hút mạnh mẽ những mê đắm dưởng nào. Bảo Lộc xa gần một trăm cây số không phải là lý do để nàng không thể về được với tôi. Tôi nghĩ thầm. Tôi khổ sở khi không biết tin tức nàng, ngày mai tôi sẽ tìm cách hỏi cho ra hoàn cảnh nàng. Còn bây giờ, tôi phải trở vào để tiếp tục bữa tiệc nửa đêm về sáng. Tôi sẽ nhìn những bước chân qua lại ẻo lả của Hoa Chúc, đôi khi đến gần chỗ chúng tôi để đem thêm mỗi màng. Nàng bỏ ngoài tai những lời bóng gió của đám đàn ông đang ngật ngưỡng say, như những tên lại cái lên đồng. Tôi nghe những tiếng nói bắt đầu bị tắt nghẹn trong thanh quản mà ngán ngấm về phận mình. Mọi lăm liết rồi sẽ đi qua, tôi biết chắc như vậy.

Tôi uống nhiều rượu đến nỗi say nằm gục ngay trong bàn tiệc. Tôi không nhớ làm sao để lê lét

được tắm thân tàn vào trong giường mình. Tôi chỉ nhớ mang máng có ai đó lên tiếng báo động rằng có thể tôi bị trúng gió. “Có ai biết cạo gió không?...” Có tiếng cười rên rĩ, từ một người khác, nghe như ủ bằng sương mù và rượu: “Gió Đà Lạt coi bộ không độc bằng gió Sài Gòn...”

Giữa một mẻ của thân xác và giữa lảng lảng của chất rượu, tôi có cảm giác ai đó lật lưng tôi ra cạo gió. Mùi dầu chạm qua mũi và chất lỏng nóng rập trên lưng. Những đường kéo mạnh dạn trên da như những đường cày. Đôi lúc dứt khoát. Đôi lúc trì miết, mơn trớn. Vết dầu xanh run rẩy dưới mười đầu ngón tay có móng nhọn để từ đó tôi nghe biết một cảm giác ấm áp ủa về như cời than cháy bùng lên trong lò. Những buốt giá ban đầu vượt mất. Tôi biết mình sống sót thêm được một... “mùa trăng”.

Gần trưa hôm sau tôi tỉnh dậy. Tôi chưa nhớ hết hẳn mọi sự kiện đêm trước, nhưng tôi biết nó rất tồi tệ. Vì ngồi ở cạnh giường là Quỳnh. Nàng về lại từ đêm qua, như một cơn mưa bay ngang qua đường chiều mịt mù. “Em đi đâu mà lâu quá”. Tôi ngượng ngùng muốn nắm bàn tay của nàng. Nhưng nàng duỗi ra. “Đừng đụng vào em”. Nàng nhìn ra khung cửa. Không có nắng để xiên màu mật vàng tươi trên mái tóc mệt mỏi của nàng. “Em có chuyện gì vui không?” Tôi xuống nước nhỏ. “Chắc không vui bằng anh đâu. Vừa nhậu thoải mái vừa... có người đẹp cạo gió”. Tôi ngạc nhiên: “Người đẹp nào đâu?” “Ai mà biết bụng đàn ông các anh. Hở ra là bay bướm”. Tôi cố gắng nhớ lại những gì xảy ra đêm trước. Những hình ảnh chấp vá, khúc khuỷu từ giây phút tôi mê muội không còn biết gì,

ngoại trừ biết có ai đó cạo gió cho mình. “Một người đàn bà?” Tôi không dám nghĩ thêm ai khác. Nhưng tia nhìn quyết tâm của Quỳnh đang đậu xuống trên trán tôi, tôi biết người đã cạo gió cho tôi không ai ngoài Hoa Chúc.

Có lẽ nào tai nạn đến dễ dàng như vậy, bởi một duyên cớ tầm thường xen giữa tình yêu của hai chúng tôi làm cho sự gắn bó về nhau không còn. Giống như một hòn sỏi vu vơ lọt vào giữa đường rãnh bánh xe làm cho vòng quay khắp khiểng. Nhưng điều đó đã xảy ra và Quỳnh thản nhiên dứt bỏ mối tình. “Trong chuyện này quả nhiên là em có sự ngộ nhận, hãy để anh bày tỏ”. “Có cần thiết nữa không?”. Nàng cương quyết. “Nếu em đã không muốn nghe thì cũng xin em đừng nói lên những lời như dao cắt”. Tôi nói với nàng như vậy. “Trong vấn đề này thì ai đau hơn ai? Chắc là em rồi”. Nàng giận dữ. Một người đàn bà giận dữ luôn làm cho người đàn ông trở nên yếu đuối, mù lòa.

Những chiếc lá rụng xuống ngoài sân trại gia binh. Giống như tình yêu của tôi bây giờ. Vì nó không còn xanh thì nó phải rơi. Sau cùng nàng bỏ ra về. Buổi trưa mát lạnh trong veo một hồi chuông. Tôi nghĩ nàng giận tôi lúc đó rồi sẽ hồi tâm lại vì câu chuyện mang tính cách vô lý và rõ ràng không phải lỗi ở tôi. Nhưng tôi đã không biết giải thích đúng đáp số của một bài toán.

Riêng Hoa Chúc thì tôi không gặp lại nàng sau lần tai nạn đó. Tôi biết nàng quanh quẩn trong thành phố và chưa về Sài Gòn. Vài lần tôi muốn tìm gặp nàng và bày tỏ vấn đề theo chiều hướng trung thực và muốn nhờ nàng giải thích với Quỳnh. Nhưng chưa kịp gặp nàng thì đã xảy ra vài công việc trong đơn vị khiến tôi không

ra khỏi trại. Trong khi bên ngoài lại có những tin đồn sai lạc. Mãi về sau này khi xa nhau hoàn toàn, tôi mới biết rõ.

Có một người làm việc chung với Quỳnh tại bưu điện - tôi không nói tên ra đây - Người này yêu Quỳnh tha thiết giống như tôi. Anh ta lớn hơn Quỳnh 10 tuổi và săn đuổi nàng nồng nhiệt. Một lần tôi gặp anh ta trong dịp sinh nhật nàng và tôi không đánh giá đúng mức người đàn ông này.

Trong khi tôi rong chơi và giản đơn hóa tình cảm tôi với Quỳnh thì anh ta đã xông xáo trên từng ngõ ngách quanh co để dẫn đến tình yêu nàng. Thậm chí những ngày Tết vừa qua anh ta đã đột ngột đến thăm gia đình Quỳnh tại Bảo Lộc và dĩ nhiên có quà Tết nồng hậu từng người. Quỳnh không nói tôi biết chuyện như vậy. Tôi biết do sự tìm hiểu. Có lẽ nàng không cảm giác được đó là chuyện quan trọng đối với tôi và coi việc một đồng nghiệp làm chung sở đến thăm gia đình mình mang ý nghĩa bình thường. Anh ta có một người bà con đi lính chung đơn vị với tôi. Những tin đồn mang ẩn ý ly gián tôi và Quỳnh một phần do người này. Quỳnh ở bên ngoài có nghe biết về một người đàn bà có tên là Hoa Chúc thường ghé chơi trong trại của tôi. Những gán ghép mơ hồ với tôi và Hoa Chúc nhiều khi vô tình, nhiều khi cố ý. Những câu nói lơ lửng gây đầy ngộ nhận đến tai Quỳnh làm nàng bị chao động. Càng chao động, Quỳnh càng giấu kín không bày tỏ với tôi. Tôi chợt nhớ trong đêm tôi uống say, có một câu nói tôi nghe loáng thoáng mà không hiểu rõ nghĩa: “Gió Đà Lạt không độc bằng gió Sài Gòn...” Mới nghe qua tưởng là một câu nói đùa có duyên. Giờ thì tôi đã thông suốt.

Tôi không có khả năng đem tình yêu của tôi và Quỳnh đặt lên bàn cân. Nhưng tôi biết nếu có làm điều đó, thì cán cân sẽ nghiêng về phía tôi.

Tôi không biết phải nói làm sao cho Quỳnh biết rằng tình yêu, không phải là một giấc mơ. Trong đó hai người yêu nhau sẽ nhìn thấy người kia trong suốt như nhìn qua một tờ giấy bóng. Và trong giấc mơ đó, hai người sẽ bay được qua mọi bão giông và đáp xuống an bình.

Có những giấc mơ cháy hết và lụn tàn như sáp nến, nhưng con người trong giấc mơ không bao giờ hiện ra. Có nhiều buổi tối tôi thao thức nhìn ra bên ngoài trại gia binh. Căn phòng độc thân trống trải gió mùa... Đêm đêm có tiếng súng vọng về từ xa, heo hút. Tôi nhớ đến đôi môi nàng lúc nào cũng cháy hồng thắm kêu gọi môi tôi, khi tôi ngồi bên cạnh nàng. Tôi nhớ đến những trang bản thảo tôi viết chưa kịp gửi đi nàng đã đọc trước và phê bình: "Tại sao anh để cho cô ta chết trong khi còn có thể chữa được căn bệnh nan y đó? Thời bây giờ thiếu gì máy móc tối tân...?" "Tại sao người đàn ông không thổ lộ lên tình yêu của mình mà cứ im lặng?...". Có quá nhiều câu hỏi tại sao trong tác phẩm của tôi. Quả nhiên tôi không biết hư cấu tác phẩm của tôi như cuộc đời thường hư cấu.

Tôi không biết Quỳnh bây giờ hạnh phúc hay không.

Cuối năm đó tôi có lệnh đổi ra Trung Tâm Truyền Tin Quảng Đức. Khi chiếc máy bay quân sự đáp xuống và xúc tôi nằm gọn trong lòng của nó, tôi vẫn yêu nàng vô cùng. Tôi yêu mà tưởng chừng có thể sẽ không sống được nếu không có nàng bên cạnh.

Nhiều mùa xuân đi qua tôi cũng từng đi qua biết bao nẻo đường. Nhưng sao lòng vẫn mênh mông tiếng cười của nàng ngày trước.

Một lần có dịp công tác về Đà Lạt, đi qua con đường nhà Chung để nhìn sang Bưu Điện. Không có dấu vết gì chứng tỏ Quỳnh còn làm việc tại đó. Mùa đông khóm đã quỳ run rẩy trong một lòng đá nâu sậm. Người hành khách già ngồi co mình trong một góc ngoặt, chỗ giao nhau của quán cà phê và con đường Đào Duy Từ. Ông xin tôi một miếng thuốc và cầm khúm núm trong bàn tay. Vòng khói bay quanh co, nhưng cuối cùng đậu xuống cuộc đời cơ hàn để vinh danh một hạnh phúc dè sẻn. Miếng thuốc, nếu có một hồn riêng, chắc nó sẽ tự hỏi đã cho đời thêm bao nhiêu nỗi nhớ.

Con đường phong phú màu xanh của cỏ. Và khát vọng mùa xuân. Những bước chân tìm về từ một người vừa bỏ quên thành phố. Thời gian qua rất khẽ. Tôi đi lại con đường xưa, nơi mà chiếc quán tình nhân của tôi và Quỳnh đã ngồi. Tiếng một con chim đêm cất đôi con đường mịt mù phía trước. Nỗi nhớ dường như không bao giờ dịu xuống.

Những thân anh đào vươn nhánh đợi chờ bão giông. Đài khí tượng loan tin chiều hôm nay có bão. Tôi nhớ những cây anh đào còn non như vậy cách đây mấy năm, được người ta rào chung quanh bằng lưới sắt. Khi đó chúng chưa có nụ và ra lá. Tôi cũng nhớ đến tấm bảng chú thích bên dưới: "Cây không chết, xin đừng bẻ cành". Ngày đó nàng thơ đại biết bao. Tình yêu của chúng tôi cũng mang một dáng vẻ xanh xao như vậy. Tình yêu lúc đó chưa đậm chồi nảy lộc, nhưng tôi nghĩ khó có mưa nắng nào làm hạnh phúc

tình xuân

*Em là nụ xuân hồng
Môi anh tình nguyên đán
Đôi ta cạn nỗi lòng
Hôn nhau hoài không chán.*

*Em nhả hương ngào ngạt
Anh thu giấu đầy tim
Môi trâm dâng bát ngát
Mắt trữ tình lim dim.*

*Hồn nương mây ngàn dậm
Tình lượn gió muôn phương
Ôi xuân hồng say đắm
Theo tơ lòng vấn vương.*

*Đời ta là mùa xuân
Tình ta là hoa bướm
Quyện nhau mãi không ngừng
Giữa mùi hương nồng thắm.*

phan long yên

chúng tôi ử rữ.

Nhưng tôi đã lầm. Tôi không biết che chắn một trái tim để đừng cho bụi bặm làm hoen ố. Những bài học luôn mới mẻ trong đời sống. Bài học về tình yêu lại càng mới mẻ hơn. Tiếng cười của nàng xuyên suốt tâm hồn tôi dạo nào, bây giờ nghe thắm xa nghìn trùng. Tôi tưởng tôi trưởng thành vì sự đau khổ làm già hóp trái tim. Nhưng mỗi ngày trôi qua tôi thấy tôi càng ngây thơ, khờ khạo.

Mọi vết mực lấm lem sẽ không bao giờ xóa được trên cõi lòng thủy chung. Những dấu chân của nàng dẫm nát đời tôi cũng hằn lên như vậy. Đám đông và phù hoa đời này đã cuốn nàng xa rời tôi. Tôi muốn hóa thân thành ngọn gió để bay ngược về con đường em đi. Tôi chờ mong một phép lạ.. ●

Con Gà Xám Chõng

Phùng Nhân



Khi mùa gió chướng thổi già, làm mấy đám rầy dưa hấu đất Giồng Kiến bờ được nửa giồng, thì ông Cả Hiển lo đi mượn thợ đan bội về nhà đốn tre gai xuống rồi trải măt đem ngâm. Độ chừng một tháng sau cho vả chất nước chát ra, thì ông bắt chẻ ra thành những sợi nan mỏng, để chuẩn bị đương bội úp gà nòi. Đó là cái thú tiêu khiển của người giàu có, lâu dần thành thói quen.

Kiến nhà của ông Cả thật là sầm uất, chung quanh có một hàng tre gai dày bít chẳng thấy mặt người. Còn ở sau nhà thì có mấy cây mù u có nụ măt khăng khiu, tuy bị theo nên thân cây không lớn lắm, nhưng ước chừng 40 tuổi là ít... Xéo xuống phía dưới là một cái chuồng trâu, cùng với một dãy nhà lá để nhốt gà nòi, thêm một cái nhà ngang để cho mấy đứa giữ trâu, và những người tá điền họ ngủ.

Ông Cả Hiển giàu có nhưt nhì làng này, mà tánh tình của ông lại xởi lởi với bà con, nên chòm xóm ở đây ai cũng quý. Nhưng cái việc gì thì ông cũng có thể giúp đỡ xóm chòm, từ việc cho mượn mấy dây đất trũg gieo mạ cấy để kiếm cơm, tới việc cho mượn lúa ăn mỗi khi mùa màng thất bát; chớ còn việc bốn gà nòi Xám gạch của ông, đừng có ai mong hỏi được một con. Bởi vì ông sợ một khi giống gà bốn của ông mà bị thất bốn truyền ra thì sau này không còn danh tiếng.

Nhờ thời tiết năm nay dễ chịu, nên ông đã lựa tuyển lại được 15 con trống vậy vì không chỗ nào chê; cùng với 3 con gà độ, mà năm ngoái đã ăn mấy cái ở dưới trường Bình Đại, cùng với hai con đã ăn ở hội chợ Bến tre, càng làm cho giống gà của ông thêm nức tiếng.

Khi gà bắt đầu tới mùa úp bội,

thì ông phân cử cho nó ăn mỗi ngày hai chung thóc lúa hạt tiêu. Trước khi cho ăn, ông biểu thằng đệ tử là thằng Tửng chuyên môn phụ trách nuôi gà, đem phơi khô rồi giế cho sạch. Sau đó ngâm thêm một ngày nữa trong cái hũ nước thần, mà ông đã khổ công đi tìm học được ở miệt Hóc Môn. Đó là mấy món thuốc bắc như: thực địa, táo tàu, đơn quy, đỗ trọng. Chỉ có vậy mà gà của ông Cả ăn vô chừng nửa tháng, thì vóc dáng của nó sẽ thấy khác liền. Bởi tướng mạo nhìn thấy thiệt sung, còn cặp cựa thì sắc thép ngời ra xanh lét...

Ngày nào cũng vậy, ông Cả bắt thằng đệ tử ngồi ôm gà, để cho ông hốt tĩa cát lông. Vì con gà nòi trông có hùng dũng hay không, cũng còn nhờ bộ lông của nó. Nhưng riêng giàn gà ông Cả, ông không bao giờ cắt trống cặp đùi, mà ông chỉ hốt có mấy hàng lông yếm ở dưới nách cho dễ tắm rửa mà thôi. Còn hàng lông đùi, thì ông cứ để nguyên như vậy, cho muối khỏi cắn sần da. Vì ở cái xứ Giồng Kiến này, đêm đêm muối kêu như sáo thổi chớ có ít gì...

Ngày nào cũng vậy; khi mặt trời vừa mọc lên được vài sào, ánh nắng xiên khoai rọi qua hàng tre dày lỗ chỗ; thì ông Cả với thằng đệ tử đã tắm xong 20 con gà. Nhìn bọn chúng đứng mần lông mần cựa trong bội cũng vui, nên ông Cả nở nụ cười chúm chím. Rồi day qua thằng đệ tử nói:

- Tửng. Một chút nữa có rảnh. Mầy xách cuốc đi ra miệt đất Chà Đò, kiếm mấy hang chuột cơm đùn mà mít, ráng đào bắt cho tao một mớ chuột con. Lửa ở nào chưa mở mắt hãy bắt, còn ở nào có mọc lông thì thôi. Khi đi nhớ đem theo một mớ rơm mục, độn dưới đáy giỏ dùng để nó chết. Buổi chiều mầy thả cho mỗi con

ăn đúng hai con chuột mà thôi, còn lại bao nhiêu rộng để dành ngày mai, đừng cho ăn nhiều mà nó mập...

Thằng đệ tử vâng dạ xong, rồi nó lo đi làm phận sự của một thằng ở đợ. Nhưng với thằng này thì nó lại vui, vì nó được tin cây nên ông Cả sai bảo tối ngày. Có nhiều khi ông còn bắt nó tán sỏi thuốc phiện ra, cho mấy con gà nòi này uống nữa.

Cơn nắng tháng mười hăm, hập tấp xuống trên đầu, tiếng mo nang tre bị bung ra khỏi thân cây rơi xuống nghe xào xạc. Tiếng cu đất bo mỗi hòa lẫn với tiếng gà nòi gáy cầm canh vang lên từng chập, đã tạo ra một không gian lạnh ngắt trên đất Giồng Kiến này. Bởi cuộc đất ở đây nó độc lập với những làng kế bên, vì chỉ có một con Giồng Cát từ chỗ đầu lộ đá bên Giồng Giữa xã Tân Định chạy ngay vô, còn phía trước là một cánh đồng năng mọc dài bất tận chạy đặng xuống tới Ao Vuông, còn phía sau là dãy đất của Chà Đò. Đi ra hết con Giồng, là tới đầu Lộ Mới. Bước ra khỏi Lộ Mới, là tới con kinh Kiến Vàng. Chính vì thế mà cuộc đất này đã biệt lập với bốn mặt chung quanh, chỉ có con Giồng Cát này quanh năm trồng dưa hấu, đậu phộng, khoai lang và măng cầu ta sai trái. Nhưng đất cát ở vùng này thì rất nhiều, người ta chỉ khoét lỗ cấy ở cặp mé kinh. Ở trong sâu một chút thì bào sâu nước đọng, nhờ vậy mà cá rô, cá lóc, cá trê sanh sản rất nhiều. Bước qua tới đầu tháng mười, khi ngọn gió chướng thổi khan đồng, thì người ta đi xây hầm ở dọc bờ kinh. Tới sáng đi bắt cá nhảy hầm, có khi cả gánh, cả rộng mang muốn xệ vai. Đời sống tuy dễ dàng như vậy, mà người dân cũng cứ nghèo. Chỉ có những gia đình ông Cả, ông Chủ, ông

Bồi, ông Bái cố cựu ở đây thì mới khá. Ngoài số lượng trâu bầy, người nào người nấy cấy ruộng lúa mùa cũng tới cả chục mẫu tây. Vì thế mà nhà của họ lợp ngói tây hực hỡ, quần áo thì ăn mặc toàn vải lụa lèo, còn vải ta thì chỉ có mặc khi đi ra thăm ruộng...

Ông Cả Hiển chấp tay sau đít đi ra tự nãy giờ để tính nhẩm trong đầu, coi năm nay tới ngày khai trường gà bên xã Tân Định ông sẽ ôm con nào ra trận trước đây. Nếu ôm mấy con gà ế độ hôm năm rồi, thì sợ không có đặng. Còn ôm mấy con gà tơ năm nay, sợ nó bị thua rồi xui xẻo suốt một năm. Chính vì vậy mà ông còn đang lưỡng lự.

Rồi ông đi vòng ra sau hè, bước lại cái bội con gà ô Bông Bèo, thấy nó đang mần cặp cựa chất thép ánh ngời. Tới lúc đó thì ông mới mím miệng cười thầm, chắc phải ôm con ô này đi đá trước. Sau một hồi ngồi coi vậy, thì ông mới nhớ ra là con ô này chưa có xổ. Nên ông bèn bước vô nhà lấy đồ bịt cựa đem ra, sau vài phút đồng hồ hai bàn tay thành thạo của ông đã bịt xong, rồi thả hai con gà ra đá xổ.

Phải nói bốn gà của ông Cả danh bất hư truyền, qua giàn nẹp vừa xong thì hai con xâu vô ghệt lông dây cắn đá một chum cho mấy cái. Những cú đá mạnh như roi tróc, vậy mà hai con gà cứ lẩn xả vào để cắn với nhau. Sau đó thì lòn vô nách, đá mấy cái đĩa như trời giáng xuống, làm lông lá trên chóp cánh bay ra lả tả khắp mặt sân. Trong khi đó thì mấy con gà đang nhốt trong bội ở gần, hăng máu đồng thanh cất vang tiếng gáy.

Phàm mấy tay đá gà chuyên môn như ông Cả, thì những buổi xổ gà như vậy chẳng để ai coi. Vì cấp độ đá gà cũng như võ sĩ sắp

sửa thượng đài, nếu để đối phương biết được tẩy của mình, thế nào họ cũng tìm ra món võ khắc tinh để mà trừ lại.

Sau một hồi xô cho tới nước, ông Cả rất là vừa bụng với con ô Bông Bèo, còn con Xám Ướt giàn nập tuy có hỗn hơn nhưng khi vô gay, nó thường chạy dưới. Đó là một điểm bất lợi cho mấy con gà mồng trích, còn con nào đầu đội mào kim khôi, thì vô gay nó cứ ghệt vai mà đá xuống...

Sau khi tắm rửa con Xám Ướt bỏ vô bội nhốt xong, thì ông Cả mới ôm con ô Bông Bèo ra đi tắm. Tiếng vỗ nhót mồm hen nghe lách chách một hồi, thì ông lại ẵm con gà lên coi vẩy tiếp. Có lẽ nhờ tắm rửa sạch sẽ mà mấy vẩy ẩn của con gà lộ ra, nên ông rất phân vân khi nhìn thấy dưới gối của nó có bể biên nội. Theo như sách đá gà của ông Lê Văn Duyệt thì cái vẩy đó vô hại, nếu ngay chỗ cựa có vẩy khai đao thì thuộc hàng đại tướng. Còn sách gà ở bên Tàu, thì cho đó là gà thịt chẳng nên nuôi. Vì bể nội có khác nào mở sẵn cửa thành, để chờ cho quân giặc tràn vào chém giết. Nhưng đến khi ông

vạch ngón thối ra coi, thì đã thấy một cái yếm son nằm vắt ngang qua rất kín. Đích thị đây là con gà chiến chớ chẳng phải chơi, vì trên đã có xuyên đao, còn dưới thì có ngay phủ địa.

Ông Cả còn đang khoan khoái trong lòng, vì con gà nầy coi vẩy mà vẩy vi rất là khó kiếm n. Nên ông định bụng để dành ôm đi đá trong ngày khai trường bên Tân Định, mà thầy cai tổng Lộc đã viết giấy mời ông mấy tháng qua. Còn hai con điều mật, tuy lông lá phụng vĩ, mặt mày lạnh lợi nhưng nát hậu, chỉ có thể ăn được độ đầu thì ông đem lên xã Vang Quới biếu cho ông Trường Tiền. Bởi đó là chỗ hàm ơn, mà năm nào ông cũng tuyển lựa biếu một cặp gà nòi gần như là thông lệ.

Còn chừng một tháng nữa thì tới ngày trường gà Tân Định khai trường, ông Cả với thằng đệ tử phải thức sớm hơn thường lệ. Sau một màn quần sương, ông phun nước trà nóng vào hai bên nách gà để cho săn chắc thịt da rồi thả con gà ra quần, cho nó quào móng dưới đất để hai bắp đùi nở nang.

Trong lúc ông Cả còn đang sáng khoái tinh thần, khi thấy tiếng tục mái của con ô Bông Bèo rang rang như tiếng thét của viên tướng giữa trận tiền, thì bất ngờ có con Xám trụi từ trên chạc cây mù u, sà xuống đá nghe cái rột. Con gà nầy đã ngủ trên đó từ lâu, hình tích thì xấu, mà bộ lông đuôi lại quăn. Đã nhiều lần ông Cả định làm thịt nhậu, nhưng chưa có dịp để làm, vì trong nhà lúc nào cũng cá mắm thiếu chi, nên con gà nầy mới còn sống sót.

Ông Cả giận thầm trong bụng, nên ông thả cựa cho xô tiếp luôn. Nếu con gà nầy có chết, thì cho mấy đứa ở nấu cà ri ăn nhậu. Nhưng ông không ngờ, con Xám trụi khi xáp trận thật khôn. Nó chỉ

đứng thủ thế ở vòng ngoài, đợi con ô Bông Bèo sơ hở, thì quăng cặp chum tạt vào như trời giáng.

Khi qua khỏi giàn nập, thì con ô Bông Bèo bị đá tới bởi. Mặc dù cặp cựa đã dài hơn người ta, vẩy mà cũng không đâm được cựa nào cho con Xám trụi xuống nước. Nhưng khi con ô Bông Bèo lúi vào, thì con Xám trụi bình tĩnh chặn lại đá mấy cái lông dây. Trong lúc con ô Bông Bèo còn đang xững vững, thì nó lại chụp chớp sỏ đá bồi mấy cái như búa bổ.

Trước mắt ông Cả, con ô Bông Bèo chạy cạm đầu ra tới giống mì, rồi dấy đành đập lông cánh lông đuôi xù ra. Tới lúc đó thì ông mới bước lại ôm lên, để nhìn xem coi chuyện gì, thì con ô Bông Bèo đã gãy chết trên tay ông, vì đã bị đá mấy đòn làm cho gãy lìa cần cổ.

Giận quá ông Cả chạy lại thộp cổ con Xám trụi lên định đập vào gốc cây mù u, nhưng ông chợt dừng tay lại rồi nhìn con gà dường như trách móc. Sau đó ông ôm nó đi nhốt vào trong bội, rồi ông đi lại săn sóc con ô Bông Bèo. Nhưng nó đã chết tươi, vì cái cổ đã gãy lìa thì còn mong gì cứu nữa...

Ông Cả Hiển biếu thằng Tăng xách con gà đem chôn, còn ông thì đứng thần thờ bên mấy cái bội gà. Đây là lần đầu tiên ông chứng kiến cái cảnh đá đòn mà làm gãy cổ con gà chiến của ông, nên hút thêm mấy hơi thuốc nữa rồi ông ôm con Xám trụi lên đi lại sà nước ngồi vỗ hen mồm nhót.

Sau một hồi tắm rửa con gà sạch sẽ, ông mới bồng lên coi. Thì trước mắt ông ba hàng vẩy son xô thẳng xuống như ba lần gạch, trên sát gối có một vẩy áng thiên, còn ở dưới chỗ cặp cựa thì lại có vẩy xuyên đao. Đây quả thật là một



Phùng Nhân

con gà chiến, mà từ trước tới giờ ông đã bỏ nó ngủ trên cây, ngày hôm nay tình cờ phát hiện...

Ông Cả mần xuống đất gà, thì quả thật nó tới hai cái phao câu, với ba cọng lông voi xoắn vào như cái ruột gà, khi nắm kéo ra thì nó dài chừng hai tấc. Còn ở hàng lông yếm trên cánh, có một cặp lông thép bén ngót như dao. Chỉ cần hai cọng lông này thôi, thì khi đá cũng đâm đối phương mù mắt. Tuy trong bụng thì mừng như vậy, nhưng ông Cả vẫn nhớ tới con ô Bông Bèo, nên khi thả nó vào trong bội, ông nói nhỏ:

- Nếu quả thật đây là viên tướng, thì tao sẽ nuôi mày thật kỹ đem đá độ khai trường. Mày phải giết đối phương, như mày đã giết con ô Bông Bèo hồi nãy...

Nói xong với con Xám trụi những lời như vậy, ông Cả tiếp tục thả ra quần mấy con kia. Tiếng gà gáy vang lên như một khúc nhạc dạo đầu trong buổi sáng bình minh nơi thôn dã, làm cho cuộc đất Giồng Kiến như biết cự mình. Ngoài rẫy dưa hấu trái chín nằm phơi mình dưới nắng ban mai, để đợi mối lái từ mấy ghe thương hồ đi vào trả giá.

Theo thói quen từ trước tới giờ, sau khi tắt đèn đi ngủ một giấc đầu hôm, thì ông Cả thức dậy bùng đèn chong đi rọi từng cái bội gà. Coi giấc ngủ của nó ra sao, bãi cứt của nó hiện thời khô hay ướt; vì ông sợ để tới sáng thì nó sẽ rút xuống nền đất cát hết trơn, tới chừng đó nhìn thì thấy vậy chớ không làm sao phân định. Bởi theo lẽ thông thường con gà gần ra trường khi ỉa cứt phải khô, chớ còn ướt là con gà đang bị bệnh. Nhưng ông Cả Hiển quá đỗi ngạc nhiên, khi ông nhìn thấy con Xám Khô nằm ngủ mà cái cần cổ ngay đơ, chớ không có đứt đầu vào trong cánh như cách ngủ của gà

thường mà từ trước tới giờ ai cũng biết.

Trong giây phút bàng hoàng đó, ông mới chợt nhớ ra rằng đó là tướng ngủ của con gà tử mị hoặc gà linh, nên tay ông bùng chong đèn mà run lên từng chập. Ông đứng nhìn con gà thêm một hồi nữa, rồi chợt thốt lên. "Con Xám Chõng đây mà, vậy mà hôm mùa rồi tôi đã bỏ quên..."

Rồi ngày khai trường cũng tới, khắp các nẻo đường gà cất tiếng gáy vang rân. Từ bên Gò Công, Rạch Cầu, Tân Thới dân đá gà cũng chèo ghe qua tấp nập. Mỗi con gà nòi đi theo ít nhất cũng ba người. Bởi vì đi đá độ ở xa, nên những con gà này thuộc hàng danh tướng.

Còn bên Xã Châu Bình, Bình Khương, Bảo Thạnh, Tân Xuân phía bên kia sông Ba Lai; khi mặt trời mọc lên khỏi ngọn cây mù u, thì đã thấy họ cặp ghe xuống ở đầu con Lộ Mới. Rồi họ đi bộ ra chợ Tân Định từng đoàn, từng giở gà được họ mang trên vai, mà nét mặt trông rất là hăm hở. Có lẽ ai nấy cũng nghĩ rằng, con gà của mình thuộc loại linh kê, nên bữa nay hể đụng trận là lấy tiền đem về nhà cái chắc...

Ông Cả Hiển sau khi uống cạn tách trà, đi vô buồng lấy gói tiền bỏ vào trong túi áo bà ba. Sau đó ông giở bội thò tay vô bông con Xám Chõng lên coi thử, thì quả thật cái lực của con gà đã thể hiện xuống bàn tay. Vì khi bông lên hai cặp giò của nó thẳng băng, còn khi lúc lắc thì cặp gối của nó không nhúc nhích. Mặc dầu con Xám Chõng này mới vô bội chỉ có một tháng nay, nếu nuôi kỹ thêm một chút nữa thì lực của nó phải biết...

Từ nơi Giồng Kiến, ông Cả Hiển bao luôn một cỗ xe ngựa của ông Biện Lành nên tiếng xe ngựa

chạy lóc cộc tới đâu, người ta nhìn theo tới đó. Ấu đó cũng là một cái thói phong lưu của những người giàu, còn người nghèo trong mấy tháng này thì phải dậy sớm thức khuya. Lốp đánh trâu cộ lúa, hoặc đốt đuốc đi ra ngoài đồng bắt cá nhảy hằm chớ đâu có rảnh.

Trường gà Tân Định năm nay ở ngay nhà ông Bảy Hạnh, xung quanh là một vườn cây vú sữa mát mẻ suốt ngày cho nên mấy người có máu bán buôn, họ đã chuẩn bị sẵn nào bắp luộc, khoai lang, dưa hấu bày ra từng xề khi gà tụ lại. Có người còn bán cà phê, trà đá, xi rô, đá bào, cà rem cây nữa.

Trường gà năm nay người ta đề cử ông Hai Ngày làm biện trường vì ông này phân xử rất công minh, và còn đề xuất ra những luật lệ công bằng, cho cuộc chơi không cãi vã. Từng dãy bội được úp dưới tàn cây, những con gà được ôm đến đây, phần đông là những con gà đều có độ nên con nào mặt mũi trông cũng lanh lẹ dữ dằn. Đặc biệt có gà miệt Vang Quới, Thới Lai, Châu Hưng, Phú Thuận thì phụng vĩ thấy mê. Bởi gà ở miệt vườn nước ngọt, nên tụi nó bay nhảy từ hồi mới đẻ cho tới khi úp bội... Còn gà bên miệt Tân Thới, Gò Công, Cồn Bà nước mặn nên lông lá hơi còi. Nhưng bù lại giống gà bốn Tân Thới đã nổi tiếng từ trước tới nay, khi cấp độ làm cho người ta kiêng mặt.

Trong lúc chờ đợi cấp độ đầu tiên đá khai trường, thì ông biện trường lo lấy mấy cây nhang ra khất dấu làm nước. Rồi lấy mấy đồng xu có lỗ xỏ chỉ màu cột khoen lên treo, khi thả gà thì đốt cho nhang cháy. Tới khi nó đứt sợi chỉ rớt xuống mâm thau nghe cái keng, thì ông hô lớn "bắt gà". Liền lập tức hai ông bông nước nhào vô, mạnh ai nấy bắt. Bởi có

nhiều độ gà, chỉ cần chờ tới nước dâng bông nước vỗ hen, vì nó đang bị cựa nghệt nếu chậm thêm vài phút đồng hồ nữa thì bỏ chạy.

Trong khi đó thì thầy cai tổng Lộc lo đi sắp đặt lại cái bàn quan, để cho mấy ông chủ gà ngồi cấp độ. Còn người phụ giúp việc thì khệ nệ bưng một cái khay, có hai chai rượu sâm banh của Pháp chánh hiệu con nai vàng, để phát thưởng cho con gà nào đá độ khai trường giựt giải. Trên bàn quan còn có một bình bông tươi, tất cả khung cảnh đó càng làm cho trường gà thêm phần long trọng.

Rồi thầy cai tổng bước vô đứng chính giữa trường gà, gật đầu chào tất cả bà con, nói mấy lời diễn văn theo thông lệ. Sau diễn văn của thầy, thì tuyên bố khai mạc trường gà, và yêu cầu ông Cả Hiến ôm gà vô cấp trước...

Người ta lần lượt ôm gà vô ngồi chồm hổm, để cái mỏ con gà gác vào kẹt nách, chỉ chờ có cái đuôi của nó ra ngoài. Tuy vậy mà ông Cả Hiến liếc mắt một vòng thì đã biết hết trơn, trong số gà đang ôm vô ngồi cấp đó, ông đã nhìn thấy con ô ướm của thầy Hai Đến trên xã Lộc Thuận là ông kết nhứt. Bởi cái mặt con gà này coi lạnh lẽ, nhưng không phải mặt chịu đòn. Chỉ cần vài cú đá lông dây, thì nó làm sao chịu nổi.

Sao một hồi khích tướng. Ông biện trường ôm con ô ướm của thầy Hai Đến đưa ra, rồi ngó ngay ông Cả Hiến nói:

- Đâu ông Cả coi thử chạng gà này đi, hai con này làm sao mà chạy được.

Tuy đã mừng thầm trong bụng, nhưng ông Cả cũng làm bộ mại hơi, nói lớn:

- Gà của tôi thiếu phụng vĩ, thì làm sao coi tới con ướm đó lận ông...

Nhưng ông Hai Ngày lại đẩy

con ô ướm qua, nói lớn:

- Ấy ... ông Cả cứ coi thử một cái đi. Nếu phải chạng thì mình làm sổ đá khai trường, chớ chạng này làm sao mà chạy được. Con Xám của ông tuy không phụng vĩ, nhưng bù lại nó đã nặng gác tới hai chấm gà. Còn cựa thì lại bằng nhau, nếu ông không chịu, thì tôi phải kéo qua chạng khác...

Ông Cả Hiến nhìn con gà một chút, rồi lòn tay vô bợ con ô ướm lên cân. Sau đó đẩy con Xám Chông của ông ra trước mặt, nói:

- Con Xám của tôi đây. Thầy Hai cứ vô tay thử lần nữa đi. Nếu chịu thì mình đá tiền sổ đúng theo quy trường, chớ đá lớn nữa thì chạng này không có cửa.

Thầy Hai Đến là một tay chơi gà từ trước tới nay nổi tiếng. Hề chịu là đá liền, chớ không có dày mỏng như mấy ông kia. Nên thầy nhìn qua ông chánh quán Song, hỏi:

- Sao chạng này có đụng, thầy chánh hương quán có phụ đá sổ với tôi không?

Ông quán Song cười hề hề, rồi nói:

- Thầy Hai cho tôi đá nửa sổ, chớ chạng này phóng bắt không kịp nữa đâu. Bởi cặp song đao của con ô ướm này, chưa hết giàn nập thì con Xám kia đã chết...

Cả trường gà cười lên phụ họa, rồi họ ôm gà ra ngồi dưới gốc cây để lấy dao, miếng chai ra chuốt cựa Trong lúc đó thì ông Cả Hiến nhìn thấy dân Giồng Kiến đi coi đá gà cũng đông, nên ông nhìn họ nói nhỏ:

- Độ gà này ai có muốn kiếm tiền về may đồ tết cho con, thì cứ việc ghi sổ trước đi. Còn ai muốn bắt bắt, thì một lát nữa gà của mình sẽ bị phóng xuống ăn tám là ít...

Quả thật lời tiên đoán của ông Cả không sai, khi con ô ướm làm

cựa trước ẵm vô thả trong trường quần chừn, thì tướng đi của nó trông hùng dũng, cặp cựa thì ánh thép sáng ngời, nên mấy tay đá hàng sáo đưa tay lên kiểm người phóng bắt.

Tuy vậy ông Cả Hiến chỉ mỉm cười, rồi ông ôm con Xám Chông bước vô, thả xuống mé bội rồi lấy cái khăn làm nước vắt vai. Còn cái khăn nhiễu đỏ, thì ông bịt khít đầu riu như thông lệ.

Ông Cả đứng trụ chừn áng lại, cho hai con gà đứng nhìn thấy mặt nhau. Đợi cho tiếng phóng bắt bên ngoài hơi lắng xuống, ông mới ngó ông biện trường, nói lớn:

- Nếu có ai quăng bạt rẻ ăn tám, chú bắt hết ghi sổ giùm tôi, hề bên nào ăn thì chịu cho chú một phen cho nó dễ...

Ông Hai Ngày tay cầm cuốn sổ đi giáp trường gà, để ghi sổ số người phóng bắt càng tăng. Rồi ông ta đứng lại, ngó ông Cả hỏi:

- Thưa ông Cả. Tiền quăng ăn tám, tôi bắt lên tới 150 đồng rồi. Ông còn muốn mất nữa hôn, nếu thôi thì mình lo nhử để thả gà cho sớm...

Ông Cả cũng là một tay chơi nổi tiếng, nên ông đâu có sợ gì. Ông bèn đáp lại:

- Chú Hai cứ việc cầm sổ đi bắt tiếp, chừng nào hết phóng thì thôi. Chớ còn không thì họ nói tôi nhát gan, chơi không được đẹp...

Trước câu nói khích tướng khôn ngoan của ông Cả, thầy Hai Đến với ông chánh quán Song, mỗi người phải phóng thêm năm chục nữa, làm cho không khí trường gà nóng máu trở lên, khi đá độ khai trường mà hai bên đá lớn.

Ông Hai Ngày khóa sổ lại, đút vào trong túi áo bà ba. Sau đó ông bước vào đứng giữa lần gạch, rồi nói lên những lời giao kết mà trường gà nào cũng bắt buộc áp

dụng giống nhau, nên hai ông thả gà nghe xong đều gật đầu tỏ ra am hiểu...

Sau ba lần nhử gà cho xung. Ông Hai Ngày đưa tay lên chém xuống. Tiếng thả ... lại vang lên, thì lập tức hai ông thả gà liền búng cái đuôi, hai con gà nòi bước lên thủ thế. Bất ngờ, con ô ướm đá dứ một đòn rồi thuận chồm nhảy lên nấp nghe cái rẹt, nhưng con Xám Chõng thụt lại rồi né qua. Đợi con ô ướm vừa rút chồm xuống, thì nó quăng một đòn tạt ngang như trời giáng...

Qua mấy cái đòn nấp, hai con lại vô gay. Từng cú đá vỗ xuống đầu nghe bôm bốp. Nhưng con nào cũng dứ, cũng ráng chịu đòn. Khi người ta thấy con Xám Chõng bị đòn cần, máu bắt đầu chảy ra có giọt, thì họ quăng bạc rớt xuống ăn bầy nghe rần rờ...

Ông Cả Hiển dạy qua, nhìn ông Hai Ngày nói lớn:

- Chú Hai bắt giùm tôi một trăm bạc nữa coi. Để tới nước, coi con Xám Chõng của tôi xử đẹp...

Hai con gà tiếp tục đem hết thần lực của mình ra để hạ đối phương, nhưng con ô ướm coi mỗi thấm mệt. Có lẽ nó đã bị cựa nòi rất nhiều, nên chồm xây của nó không còn lạnh lẽo nữa. Trong lúc đó cây nhang cũng cháy gần hết hiệp đầu, thì con Xám Chõng lại cần lông dây. Rồi đá đòn sở mấy cái kêu nghe bực bực. Con ô ướm không còn chịu nổi, bê ra tới tận vách chuồng định chạy thì tiếng keng đồng tiền rớt xuống mâm thau, nhờ vậy mà hai người cho nước gà mới nhào vô bắt ôm ra khỏi trường làm nước...

Mọi người trong trường gà bắt đầu bàn tán. Khi thấy con ô ướm đã bị mấy đòn độc mặt dáo dác muốn bay, thì họ bắt đầu dần bạc trở lại để mong thủ huề nhưng không còn kịp. Bởi phe bên ông

Cả Hiển họ đã nhìn thấy điều đó quá chắc chắn, khi ông Cả bỗng nước con gà chỉ cần vỗ hen cho uống vô một chút nước thì nó khoẻ. Còn cái cựa ở cần chỉ có lều da, may một mũi thì không còn ra máu nữa.

Khi hai con gà ôm vô thả quần chồm một chút. Ông Hai Ngày biểu ôm lại thả xuống lần mức như quy định ở đây. Cánh tay của ông đưa lên cao, rồi chém mạnh xuống, hô tiếng thả gà thật lớn... Hai con gà lại xâu vào, từng đòn đá được tung ra bất kể. Nhưng con Xám Chõng lại bị thêm một cựa nữa trên chóp mòng, máu bắt đầu tuông ra xối xả. Thấy vậy ông Cả Hiển liền nói:

- Xám Chõng bộ chờ chết hả con. Hãy đá đòn hồi mã thương Đơn Hùng Tín, để kết thúc trận đấu cho rồi...

Quả thật là một con gà tử mị chẳng hổ danh, nên vừa dứt lời ông Cả Hiển thì nó ghệt lông dây đá sở nghe rắc rắc. Con ô ướm cầm đầu chạy ra tới bờ chuồng. Con Xám Chõng rượt theo, nắm mồi lưng đá xuống ghim cho hai cựa. Con ô ướm té xuống, hai cái chồm cứ chồm đập liên hồi, còn cần cổ thì cứ cựa đơ. Hai con hờ vai, hờ mỏ. Nên ông Hai Ngày hô.. bắt. Tức thì hai ông thả gà nhào vô bắt, đi lại ngồi xuống lần mức của mình. Ông Hai Ngày lại hô "thả gà" vang lên. Con Xám Chõng gờm gờm bước tới từng bước, rồi bất ngờ quăng chồm không vô như trời giáng. Con ô ướm lại sụm xuống, đầu quẹo ngang, hai cái chồm chồm chồm chồm không đứng được. Ông Hai Ngày cho phép bắt thả ba lần không đứng dậy, liền xử con ô ướm thua giữa tiếng reo hò tỏ mở tại trường gà...

Ông Cả Hiển sau khi rửa mặt cho sạch sẽ, rồi bước vô trường gà nhận cặp rượu rất vinh quang. Vì

trong đời chơi gà nòi ai cũng có mong một ngày như vậy. Rồi trường gà cứ tiếp tục cấp hết độ nầy tới độ kia, khi gà ông Cả Hiển đựng thì ông cho dân Giồng Kiến theo đá cho hết số.

Ông Cả Hiển hôm nay ôm 4 con ra trường, đựng được ba con đều ăn hết, nên tiếng tám gà bốn của ông họ đồn ra vang dội. Đến xế chiều thì ông nghe trong mình hơi mệt, biểu thằng Tửng đi ra chỗ triền giồng ngoắt ông Biện Lành đi lại thắng cỗ xe, để chở ông Cả đi về giữa tiếng cười vui rộn rã.

Khi ăn Tết vừa hạ nêu xong, thì ông Cả nhận được giấy mời bên trường gà Châu Bình; kêu đích danh với ông là có con điều bông muốn đá với con Xám Chõng. Thế là ông Cả Hiển phải bận rộn liền tay, lớp lo tiếp khách mỗi ngày, lớp lo tắm rửa con gà chớ không thể giao cho thằng Tửng. Như vậy thì con Xám Chõng nầy đã ăn tới 4 độ trong ba tháng vừa qua, đây là một con gà tử mị nên mới có thể làm được một điều phi thường đó.

Nhưng lần nầy ông Bộ Lễ kiêm chức trưởng đầu lân cúng đình, lại đi đến nhà ông Cả để bàn. Là chòm xóm ở đây từ hôm tháng 10 âm lịch đến nay, đã nhờ con Xám Chõng nầy mà sắm được quần áo tết, và mua thịt heo, dưa hấu để ăn ba ngày tết. Như vậy thì kể từ nay ôm con Xám Chõng đi đá ở trường nào, thì phải múa lân để mà vinh danh chiến công của nó. Còn khi nó ca khúc khải hoàn mang chiến thắng trở về, cũng phải múa lân để rước nó về chuồng trong niềm vui của mọi người mới được.

Trước những lời lẽ chân tình của ông Bộ Lễ, ông Cả Hiển cũng nghe theo, để rồi từ đó về sau đã trở thành thông lệ. Hễ mỗi lần con Xám Chõng ra trường, thì lại có

đánh trống múa lân, để cho bà con chòm xóm trong đất Giồng Kiến này, tom góp hết tiền bạc trong nhà gởi theo đá kiếm chác... Nhờ vậy mà có những cuộc ăn nhậu long trời, vì khi con gà Xám Chõng chém tịch đối phương, thì dân đi theo ăn có đá gà, người dạn tay cũng dám ăn lên bạc trăm chỗ đâu có ít...

Trong mấy ngày nay xã Giồng Kiến lại xôn xao, khi họ biết rõ tin là đúng ngày rằm tháng giêng này, ông Cả sẽ ôm con Xám Chõng đi qua thách đá bên trường gà Châu Bình. Có người đem cầm cố ruộng nương; có người kêu lái đi lại nhà để bán heo, bán trâu, bán bò để cầm tiền theo đá; có người còn đi hỏi vay bạc góp bạc ngày còn không sợ... vì họ nghĩ đã quá chắc ăn.

Khuya nay con nước lớn đầy mà vừa đúng lúc gà gáy canh ba, ông Cả và thằng Tửng dậy sớm để còn lo tắm rửa con Xám Chõng đem ra trận, đi lần này này ông cũng ôm theo con điều mật, với con ô đuôi lau. Nhưng nếu có dụng cũng chỉ đá rập bầu chớ không đá lớn, vì bao nhiêu tiền bạc phải đợi tới độ con Xám Chõng này, mà ai này cũng quá chắc ăn. Chỉ cần làm sổ xong, thì đưa tay ra lượm bạc.

Từ ngoài đầu giồng chỗ cây trâm chạy vô tới nhà ông Cả Hiến, từng ngọn đuốc bập bùng cháy rực giữa đêm khuya. Họ đi lại nhà ông Bộ Lễ, để nhập với đoàn lân rồi đi lại nhà ông Cả. Từng bình nước trà đặc uống cạn thân tình, họ cười nói râm ran chớ không cần giữ kẽ. Còn ông Cả sau khi đi vô buồng giở rương trong cái giường học ra, lấy gói tiền cầm lên nhét vội vào trong túi áo bà ba rất lẹ.

Thằng Tửng sau một hồi chộn rộn, thì nó cũng thay bộ đồ vía mà

ông bà Cả mới may cho. Khi mặc vô nó đứng thọt tay vô túi quần trông rất quau, đây là lần đầu tiên nó mới mặc được cái quần tây, nhờ con Xám Chõng đã ăn liền 4 độ. Chờ còn từ trước tới nay, nó chỉ độc nhứt bận quần tiêu, với một cái quần dài đáy ngã tư, để dành mỗi khi đi đâu ra chợ mới dám xỏ vào. Vì là đồ chiến nếu không tới ngày quan trọng, thì làm sao dám bận...

Một hồi trống giục, con lân phủ phục trước sân. Sau đó đứng dậy nó múa theo kiểu lăng ba vi bộ. Rồi từ nơi cửa trước, nó múa tới dãy nhà ngang, để rước con Xám Chõng đi lần ra con lộ đất. Chạy đằng trước xa xa một chút, là ông địa cầm quạt ba tiêu phe phẩy dọn đường. Vừa vò cái bụng bự độn gối rơm, vừa cười bành hai gò má ra coi rất tếu.

Trường gà xã Châu Bình nằm trong con rạch hơi sâu, nhưng bù lại mở trường gà ở đây rất ấm. Ngoài gà ở Bến Tre qua, gà Long An, Tầm Vu, Gò Công họ cũng tụ về. Vì vậy mà tiền độ ở đây rất lớn...

Anh hùng hội lại gặp nhau, tiếng gà gáy vang lên không dứt. Tiếng người la hét, mỗi khi con gà bị cựa sặc máu họng hay bị gãy đùi. Tiếng phóng bắt khích tướng lồng lộng cãi vã với nhau, thiệt là một quang cảnh ở đây không có cảnh vui chơi nào sánh kịp.

Phải đợi tới gần đúng buổi trưa, thì trong trường gà họ mới ôm con điều bông ngũ sắc ra, kêu đích danh ngay con Xám Chõng. Ông Cả Hiến sai thằng Tửng đi ra ôm vô trường cho ông cầm chạng, nhưng đến khi ông nhìn tướng mạo của con điều thì ông hơi nhợn. Bởi mình bông ngũ sắc, mà mòng chóc thì nó phải chạy trên, và cặp cựa lại một trắng một đen,

đúng là cặp cựa nhứt nguyệt nầy rất quý.

Hai bên chủ gà cứ dòm qua né lại, không bên nào dám chịu trước hết trơn. Bởi đây là độ lớn, nên bên nào cũng cấp rất là kỹ lưỡng. Cuối cùng thì ông biện trường, bước vô đứng giữa sân nói lớn:

- Đây là độ gà danh tiếng từ trước tới nay. Như con Xám Chõng của ông Cả, đã từng chém tịch hết mấy con giầy chết tại trường. Còn con điều bông này đã ăn mấy cái ở trường Giồng Trôm lưng lầy. Ngừng lại một chút, rồi ông ta nói tiếp:

- Như con Xám Chõng, thì thiếu bộ lông. Để bù lại, thì nó hơn một chạng...

Ông ta bỏ lửng nửa chừng, rồi day qua chủ con gà điều bông nói tiếp:

- Còn con điều bông của thầy Bảy Quới, mặt mũi sáng sủa lông lá phụng vĩ tươi tốt hơn. Theo tôi; thì trận này tùy hai ông xem lại rồi mình quyết định.

Vừa dứt lời ông biện trường, thì tiếng sầm xì to nhỏ cất lên. Ai cũng biết độ này thì phải đá. Nhưng một lát nữa phóng bắt ở bên nào, bởi một đảng tám lạng, một đảng cũng nửa cân. Thiệt chạng gà nầy, rất là gay cấn...

Ông Cả Hiến sau một hồi suy nghĩ, rồi ông ngược lên nói lớn:

- Bên tui thì chịu đá rồi đó. Vậy thầy Bảy cứ việc vô tay coi kỹ lại đi. Chờ dân biết chơi gà, thì ông biện trường kéo chạng như vậy làm sao tôi chạy được.

Thầy Bảy Quới chỉ chờ có vậy, nên thầy làm bộ mại hơi. Rồi lòn tay xuống bụng con Xám Chõng lên để xuống, nói:

- Rồi tui cũng chịu đá với con Xám Chõng của ông Cả đó...

Hai bên đều bông ra khỏi trường, để lo đi làm sổ. Nhưng đến khi dân đi theo đá hàng xáo

quá đông, ông Cả sai một người chạy vô ông biện trường hỏi lại. Coi đá bao nhiêu mới được...

Chừng một lát sau, thì người đó chạy ra nói lớn:

- Là họ nói cho bên mình đá thả sổ luôn. Vậy tui con làm sổ ngay bây giờ ghen ông Cả?

Ông Cả Hiển thương con dân trong xã này một cách thật tình, nên ông biểu họ có bao nhiêu tiền cứ việc đá hết đi. Độ này phải qua tới nước nhang hai, con Xám Chõng của mình mới xử tịch con điều bông này được.

Từng gói tiền giấu trong bụng lần lượt được móc ra, kể thì năm mười đồng. người nào đá lớn thì vài chục. Sau đó họ cộng lại, rồi nói với ông Cả Hiển:

- Thưa ông Cả. Tui con theo sổ tổng cộng được 200 đồng...

Ông Cả ngược lên mỉm cười, rồi nói:

- Như vậy thì tui bây đá cũng khá dữ đó hả. Thôi ghi tao 300 nữa; cho chẵn năm trăm đi. Độ gà này một lát nữa, họ phóng bạc rẻ mặc tình mà bắt...

Bởi đã nghĩ trước như vậy, nên ông Cả Hiển làm bộ chần chờ, đợi bên phía con điều bông ôm vô bỏ quần chửi trước một hồi, rồi ông mới ôm con Xám Chõng bước vô. Sau đó ông lấy cái khăn làm nước ra nhúng nước, rồi vắt lên vai với lòng tự tin khi con Xám Chõng này ra trận. Còn phía bên kia thì họ bắt đầu chỉ trở xầm xì. Một lúc sau thì có người nói lớn:

- Con điều bông phóng bạc ăn chín, một trăm đồng. Sao có ai dám bắt với tui hôn?

Tiếng cười nói với nhau như bây ong vỡ to, nhưng chẳng thấy ai dám ngoéo tay. Bởi họ đã nhìn thấy con điều bông chửi đứng trụ bộ trông thật là hùng dũng, còn con Xám Chõng thì đứng coi bộ

rất bình thường. Nó chẳng tục mái, mà cũng chẳng nghinh ngó đối phương. Chỉ mở mắt thật lớn ra, để nhìn quang cảnh xung quanh ồn ào náo nhiệt...

Rồi có một người đầu đội nón nỉ xám, bận quần tây trắng, áo sơ mi trắng trông rất giàu có ở đây, đưa tay lên phóng tiếp:

- Con điều bông phóng ăn tám hai trăm đồng. Sao có ai dám bắt cá với tui hôn?

Ông Cả Hiển quay lại nói:

- Tôi bắt. Nhưng phải nhờ biện trường ở đây ghi sổ chịu trách nhiệm. Nếu ai ăn thì chịu sâu một phân lời như quy định.

Tức thời người kia vui vẻ trả lời:

- Ông Cả tính cẩn thận như vậy cũng được. Vậy ông biện trường ghi sổ giùm tôi...

Kể từ lúc đó, thì tiếng phóng bắt la lên vang dội. Dân xã Giồng Kiến đi theo ba chiếc ghe hồi sáng, họ đã ngoéo bắt hết tiền. Tới chừng đó ông Cả Hiển mới chịu ôm con gà đi lại ngồi nơi lán gạch.

Tay biện trường này là một tay chơi nổi tiếng, nên ông ta chỉ cần nói vắn tắt thêm những điều lệ đã có dán sẵn trường gà. Vì những độ gà độ dữ như vậy, thì phải chết một con. Chớ không có cái cảnh đá tới nước khuya, hai con đều hờ hỏ cánh rồi sanh ra cãi lộn...

Khi ông biện trường đưa cánh tay lên cao chặt xuống. Hô thả một tiếng lớn, thì người ta đã thấy tay cho nước con gà điều bông, lại nắm cai đuôi con gà giựt về một chút; rồi đẩy mạnh con gà bước tới. Vì đã có đề phòng trước nên ông Cả Hiển chỉ mỉm cười, rồi thả con gà Xám Chõng bước ra nghinh chiến. Quả thật con Xám Chõng chẳng hổ danh, nó liền lạng qua lạng lại một hồi. Rồi quăng cẳng

tạt ngang nghe cái rột, nhờ lệ mắt mà con gà điều hụp xuống kịp nên tránh đòn này. Chớ còn không, thì chắc là bị cựa...

Hai con gà chiến bắt đầu bỏ nạp, xông vào nhau cắn đá những cú thần sầu. Tiếng vỗ tay nghe vang như sấm, có tiếng một ông nào đó nói:

- Khai vựa lúa của nó cho tao...

Vừa dứt lời của ông ta, thì dân ở xứ Giồng Kiến cũng đâu vừa. Nên ông Tám Thất la lên đáp trả:

- Xám Chõng, nắm mô lưng của nó mà đá song phi đi con. Hạ nó cho sớm để còn về cho kịp nước...

Tiếng vỗ tay, tiếng la ó vang dội cả một góc trời. Khi hai con gà đầu cổ tả tới, vì bị cựa nên máu tuôn ra xối xả. Tuy vậy nếu nhìn kỹ, thì con Xám Chõng chỉ có bị cựa cần. Còn con điều bông đã bị cựa đùi, nên hai chũn dường như bị phá không còn lạnh lẽo như lúc trước.

Bởi vì đây là hai con gà dữ, nên nó đá toàn là thế độc với nhau. Chũn nhẩy tới đâu, thì cựa đem theo tới đó. Nhìn con Xám Chõng máu nhỏ rùng rùng, làm cho ông Cả cũng hơi lo, trông cho mau tới nước đặng còn may vá. Thì đồng tiền đứt chỉ rớt xuống mâm thau, một tiếng keng vang lên lảnh lớt. Hai ông cho nước gà nhào vô thật lệ. Rồi họ nhanh nhẩu bước ra sân, kèm theo một đám người đi theo phụ tá. Kể cho nước, người vỗ hen, kẻ vò nóng hai bàn tay, rồi vuốt cần cho nó tỉnh.

Sau vài lần như vậy, mấy cục máu đọng chỗ yết hầu chạy xuống bên trong, nét mặt con Xám Chõng bắt đầu tươi tỉnh. Ông Cả ôm con gà cặp vào trong nách, để cho ông Mười Ấn phụ may mấy mũi ở cần. Tuy mấy cựa đó không

sâu, nhưng sợ một lát nữa rồi máu ra làm mờ mắt.

May vá con Xám Chõng xong, thì ông Cả nói:

- Tới nước nhè này thì nó phải chém chết con điều đó thôi. Bởi nó đã bị cựa đùi rồi, thì qua nước nhang này làm sao chịu nổi.

Quả thật khi hai bên ngồi xuống mức thả gà ra, thì con điều bông bắt đầu thăm cựa. Bị con Xám Chõng dẫn một tăng, mấy người đá gà cơm gạo họ bắt đầu lội nước ngược. Họ nắm con Xám Chõng phóng ngược trở lại ăn sáu, ăn năm. Cũng có người ham bạc rẻ đưa tay ra ngoéo. Nhưng con Xám Chõng này từ trước tới nay là vậy, hễ đá đối phương gục xuống, thì nó lấy đòn độc ra triệt triệt mau. Chỉ vài cái nắm lông dây đá sỏ, thì con điều mặt bị văng con mắt ra ngoài. Tiếp theo sau là một đòn chí tử, rồi một cựa nữa ghim lút ở cổ cần, tiếp theo là một cựa ngay sỏ sao, nên con điều ngã xuống rồi gãy chết liền tại trận...

Ông Cả Hiến ôm con gà đi ra sau nhà múc mấy gáo nước ra tắm rửa, giữa tiếng trầm trồ của thiên hạ cho rằng con Xám Chõng là gà linh. Khi trừ tiền sâu xong, ông móc cho ông biện trưởng mười lăm đồng bạc. Thấy trời cũng ngả về chiều, sợ chơi trễ nữa rồi ngược nước chèo xuống về không nổi, ông Cả liền từ giã với chủ trường, cùng tất cả bà con ở đây; hẹn có dịp khác sẽ ôm gà tới đây đá nữa.

Con sông Ba Lai nước ròng chảy mạnh, mấy tay chèo cứ bẻ lái thả trôi. Nhờ vậy mà rảnh rang họ nói chuyện giỡn cười rất là vui vẻ. Khi ghe đi ngang qua Bình Khương thì ông Cả Hiến nói:

- Hồi này khi con Xám Chõng của mình bị cựa cần, tao thấy máu ra nhiều quá sợ bị thua, chùng bắt

ra cho nước thì mới biết cựa đó không sâu, nên không còn lo nữa. Còn con điều bông, nó đã bị chém đùi khi vừa mới vô gay. Nhưng vì gà dữ mà nó đeo đá rất, gà của mình mới bị thêm những vết thương nữa chớ.

Có người vọt miệng hỏi:

- Sao con thấy lần nào cũng vậy. Hễ con Xám Chõng bị cựa rớt máu, thì nó mới khai đao. Bộ gà linh thì như vậy đó hả ông Cả?

Ông Cả Hiến quay lại cười hề hề, rồi nói lớn:

- Nó chém tịch mấy con rồi thì toàn là như vậy không. Tụi bây để ý kỹ thì thấy, khi nó bị cựa trước rồi nó mới ra tay. Tới chừng đó nó mới lấy đòn độc ra xử trảm...

Tiếng cười nói vang lên lồng lộng giữa mặt sông, khi về tới vàm kinh Kiến Vàng thì nước cũng vừa nhữn lớn. Sau một hồi chèo chống, qua mấy doi đất ông cha, thì ba chiếc ghe đá gà cũng về tới bến. Một hồi trống giục nổi lên, con lân bắt đầu múa điệu mừng tài lộc. Sau đó nó cúi rạp xuống rước giỏ gà, mà con Xám Chõng đã bỏ ở bên trong. Thì bất ngờ nó cất tiếng gáy vang lên lồng lộng...

Trên đường từ đầu Lộ Mới về nhà, người ta đứng đầy ra hai bên lộ để coi. Người nào có chồng đi đá gà về thì mặt mày hớn hởi. còn người nào có gởi tiền theo, thì họ đang kiếm người thân để mà lấy lại. Khi về tới nhà thì ông Cả rộng rãi, cho đội lân hết mười lăm đồng, biểu đem về chia đều ra mười đồng. Còn lại năm đồng, thì để lại hùn với nhau ăn nhậu một bữa cho vui...

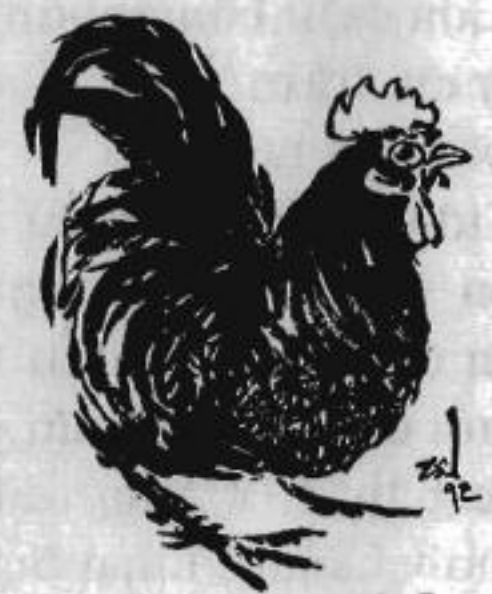
Chừng một tháng sau thì ông Cả xỏ lại con Xám Chõng thêm một lần, nhưng ông thấy nó đá không được mạnh chùn. Còn mấy đòn độc như nắm lông dây không còn nhanh lẹ. Tuy vậy ông cũng rất an lòng, bởi ông đã nghĩ mấy

con gà tử mị thì nó đá phải đủ thế võ hết trơn. Hơn nữa khi xỏ với con Xám Chuối kỳ này không cân xứng.

Rồi trường gà ở bên xã Tân Xuân, huyện Ba tri tỉnh Bến Tre gởi giấy qua mời. Họ còn kêu đích danh ôm con Xám Chõng qua cho phục hận. Trước những lời mời khiêu khích đó, ông Cả cũng không biết phải làm sao. Nếu không ôm con Xám Chõng đi, thì thiên hạ nói ông chết nhất. Còn nếu hễ ôm nó đi rồi thì trong ruột lại rung; bởi ông đã có ý nhốt nó lại để cản mái kiếm vài bầy con. Chớ còn cứ mỗi tháng ôm đá như vậy, thì da sắt mình đồng nào mà chịu nổi.

Nhưng rồi ông suy nghĩ lại, thôi cứ nhận lời tới bữa đó mình cứ việc ôm qua. Gặp chàng ngon thì đá, còn không thì ôm về cản mái. Sau đó nếu ai có rủ, thì ông cứ nói là tại nó đổ lông, vì con nào nuôi đá sớm thì tới tháng 3 âm lịch lông con đều nhóm hết...

Cái tin con Xám Chõng sắp sửa đi đá bên trường gà Tân Xuân, nó xôn xao qua tới bên xã Tân Định, Bình Trung, Lộc Thuận. Cho nên có nhiều người mon men đi xuống Giồng Kiến để bắt bồ, tới ngày đó đi theo đá kiếm tiền về xài cho đỡ giắc. Chớ họ có biết đâu anh hùng nào mà chẳng thọ thương, trong lúc đó thì thiên hạ kẻ thực đất, người thực vườn. Có người lại bán trâu, để lấy tiền đem theo đá độ gà này mới hả lòng hả dạ.



Suốt đêm nay ông Cả Hiển không ngủ được, dường như linh tính báo trước một điều gì đó sắp xảy ra. Nhưng với bản tánh của ông, một khi đã hứa với ai điều gì rồi thì phải giữ. Cho nên khi gà vừa gáy canh hai thì ông đã thức dậy nấu bình trà, một mình ngồi uống cho tới canh ba, thì ông mới đi lại lắc giò kêu thằng Tửng dậy. Hai ông cháu một già một trẻ lục đục lo cụ bị đồ nghề, nào miếng chai, giấy nhám, dao kéo, kim chỉ để vá may phòng khi bị cựa.

Xong xuôi đâu đó thì đầu lân của ông Hương Giáo đã tới cửa cười nói um sùm. Người ta đi theo đá độ này lên tới cả mấy chục người, nên ông Cả hối thằng Tửng lo nấu nước pha trà ngồi uống chơi một lát. Khi mây ngang đăm ở cuối chân trời, thì ông Cả Hiển cũng chuẩn bị cất quân, đầu lân liền múa theo thế võ tiến anh hùng ra mặt trận...

Trời bắt đầu sáng tỏ, tiếng người cười nói xôn xao. Khi ông Cả mang cái giỏ có đựng con Xám Chõng bước xuống ghe, thì một hồi trống giục gióng lên nghe giòn giã. Con lân tiếp tục múa theo thế võ nhịp nhàng, mấy chiếc ghe tam bản từ từ rẽ nước trôi xuôi, rồi khuất qua mấy khúc vịnh để hướng về sông cái.

Vừa ra tới đầu vàm, ông Cả biểu mấy người chèo ghe băng lẹ qua sông, rồi cặp theo mé thả trôi lần về phía biển. Từ trên vàm Kiến Vàng đi xuống xã Tân Xuân hơi xa, nhờ xuôi nước xuôi gió, nên mấy chiếc xuồng này đi cũng ngọt...

Khi tới nơi người ta bu lại để nhìn con Xám Chõng cho biết mặt, nên ông Cả cất đặt tới năm người ngồi đó để canh chừng. Còn ông mắc bận đi vô ngồi chỗ cái ghế bàng quan, để mà xã giao

thiên hạ. Khi mặt trời lên được vài sào, thì đã cấp được hai độ rồi. Nhưng vì gà đá lót trường, nó đá tới nhang ba, nhang tư mới phân thắng bại. Trong lòng ông Cả tự dưng sao lo lắng, ông cảm thấy không vui nên biểu thằng Tửng đi mua cho ông trái bắp cạp cho vui, vì từ sáng tới giờ ông hút cả năm điếu thuốc rồi, nên trong miệng của ông hơi lạt.

Khi ông cạp chưa xong trái bắp, thì tay biện trường bỗng con điều mật bước vô. Rồi ông ta ngó ngay ông Cả nói:

- Bữa nay con điều mật này, muốn kéo chàng với con Xám Chõng tử mị của ông đây. Vậy ông sai đệ tử bỗng vô để rồi cạp chàng...

Ông Cả Hiển bèn ra lệnh, thằng Tửng bỗng con Xám Chõng bước vô, rồi nó đứng lơ ngơ kể bên để chờ sai bảo. Người ta lập tức bu vào, mặc dầu tay biện trường này cái miệng cứ nói bô bô. Bà con ai không phận sự ở trường, xin mời bước ra ngoài đứng để cho chủ gà người ta phân định. Sau mấy câu lệnh lạt, thì người ta có kẻ bước ra, người khác động tánh hiếu kỳ lại bước vào lơ ngơ.

Ông Cả ngồi ôm con Xám Chõng vào lòng, đưa cái đuôi còi cộc ra mà không nói. Bên chủ con gà điều mật là một gã mặt dài, dường như ở đâu bên Giồng Trôm ôm nó tới đây, nên nha trảo đứng bu bên ngoài đông lắm. Thấy vậy ông Cả nói:

- Con Xám Chõng của tôi đây. Ông cứ vô tay coi trước nó đi, rồi tôi coi lại gà ông sau thì mình kéo chàng...

Hai con này là gà cuối chàng nhì, nên sức nặng cũng ngang nhau. Nhưng ngặt nỗi con điều mật thì quá sức là tươi tốt. Còn con Xám Chõng tuy danh tiếng

lấy lừng, mà cặp cựa thì lại thiếu chừng nửa hạt gạo nang thơm. Nên ông Cả Hiển ngó chủ gà kia nói:

- Gà của bên tôi thiếu chàng, vậy ông cứ ra điều kiện trước đi...

Ông chủ gà điều mật cũng biết trước ông Cả Hiển này không phải tay vừa, nên ông ta vô tay lần nữa, rồi nói:

- Đá đồng thì tôi đá. Chớ còn có điều kiện thì không. Bởi con Xám Chõng của ông đã chém tịch hết mấy con gà chiến tại trường. Còn con điều mật của tôi, lông lá phụng vĩ có tươi tốt hơn, cựa nỏ có nhích hơn nhưng lại thấp hơn một cái vai, đá độ này cũng ngặt cho con điều của tôi dữ lắm...

Hai ông chủ gà tìm cách khích tướng với nhau một hồi, thì ông biện trường bước vô nói lớn:

- Theo tôi chàng này thì hai ông khó chạy với nhau. Con Xám Chõng hơn một cái vai, lại bị thiếu hình tích lông lá và mũi cựa. Chàng này phải đá đồng, chớ không thể chấp tiền, hay chấp cựa một bên chuốc bên chừa. Vì đây là trận gà dữ, mà hai ông đã biết...

Quả thật lời nói của ông biện trường có lý, nên hai chủ gà lại nhìn nhau. Rồi ông Cả Hiển gật đầu, nói:

- Đá đồng. Vậy bên đó định đá sổ bao nhiêu, cho biết trước để bên tôi còn liệu định...

Nhưng ông chủ gà điều mật lại nói cứng:

- Đá sổ năm trăm, chớ còn dưới thì bên tôi không thể...

Ông Cả bèn gật đầu, nói lớn:

- Được, làm sổ năm trăm. Nếu bên ông có thêm, thì bên tôi cũng ráng...

Khi làm cựa xong, thì ông Cả Hiển nhìn dân Giồng Kiến nói:

- Bây giờ ai muốn đá bao nhiêu thì cứ việc vô sổ hết đi. Còn bao nhiêu thì ông bao chót...

Trải qua chừng nửa giờ đồng hồ căng thẳng, thì dân Giồng Kiến gom lại làm sổ được hai trăm. Còn lại ba trăm thì ghi cho ông Cả. Tuy gà chưa thả mà bên con điều mật lại phóng bạc ăn chín rần rần. Nhìn cảnh đó ông Cả ngửa mặt lẩm nhẩm ông đã dần lại. Lờ qua tiếng lại khiêu khích một hồi thì bạc xuống ăn tám, không thấy ai bắt bên phe điều mật đã xuống ăn bảy liên hồi. Nóng máu ông Cả Hiễn day qua ông biện trưởng, nói:

- Chú biện. Coi bắt bạc ăn bảy cho tôi ba trăm (ba tờ giấy bộ lư thời nầy không phải nhỏ).

Cả trưởng gà lại lạng trang, khi thấy ông Cả ôm con Xám Chõng lên phun nước hậu thêm một lần nữa, rồi ôm lại lần gạch ngồi chờ. Sau tiếng hô thả gà của ông biện trưởng vang lên, thì hai con gà chiến bay vô giàn nạp. Từng nù lông yếm bay lả tả xuống trường gà, tuy vậy mà máu chưa rơi. Bởi gà chiến; nó đá với nhau toàn là miếng, thế. Như mấy ông võ nghệ cao cường, họ chỉ đánh những đòn chí tử mà thôi. Chớ không có đánh đòn tạt, nên người thường không có võ nhìn vào không biết được.

Qua khỏi giàn nạp. Hai con xâu vô ghệt đá những đòn độc long trời. Nhưng con gà điều mật chạy dưới thật khôn, làm con Xám Chõng không thể nào nắm lông dây để mà đá sỏ. Nhìn cảnh đó ông Cả lo âu trong bụng, nếu như vậy thì trật bến con Xám Chõng nầy rồi. Vừa lúc đó thì con điều mật lại lòn ra tuốt sau đuôi, rồi chồm lên ghệt lông kỵ con Xám Chõng đá cho mấy phát. Hai mũi cựa đã ghim xuống mô lưng, con Xám Chõng đã xuống sức liền, nên chân xây bắt đầu xệu xạo.

Bên phe điều mật vỗ tay la ó rùm trời. Bạc rút xuống ăn sáu, ăn

năm. Nhưng dân Giồng Kiến không còn ai dám bắt. Con Xám Chõng đứng canh mô lưng mổ trật mấy lần, thì bị con điều mật cắn đĩa tối đá lên, ghim thêm một cựa đùi nữa máu sa xuống đất.

Con Xám Chõng bắt đầu yếu sức, sục dần vô tới mé bồ để đợi thời cơ. Ông Cả nhìn thấy cảnh đó, ruột gan như lửa đốt. Ông mong cho tới nước, đặt ôm con Xám vô hen, rồi khâu lại mấy vết thương đùi, nếu để trễ nữa thì chắc là nguy lắm!

Vừa lúc đó thì con điều mật, lại rút đầu ra thật lẹ. Nắm trúng lông dây, giữ mấy phát liên hồi, cặp cựa ghim ngay chóp sỏ. Con Xám Chõng quay mòng mòng một hồi vì mũi cựa. Thấy vậy con điều mật xông vô tấp trúng mô lưng, giữ thêm mấy cái nữa thì hai mũi cựa ghim ngay vô nách phụng bông. Con Xám Chõng giẫy tê tê mất trợn ngược lên trời, lông cánh, lông đuôi xù ra như lông nhím. Ông biện trưởng ra lệnh bắt thả ba lần, con Xám Chõng nằm gục tại trường nên bị xử thua theo quy định...

Ông Cả Hiễn mặt mày tái nhợt, khi ôm con gà ra mé mương mút máu mong cứu sống lại để đập mái sau nầy. Nhưng con Xám Chõng đã giẫy chết trên tay, làm cho dân Giồng Kiến sụt sùi tiếng khóc. Vì thua độ nầy thì phải trắng tay, không biết vài tháng nữa khi sa mưa xuống, lấy cái gì ăn để đi dọn đất cày bừa đây nữa!

Một cơn gió thoảng thật buồn, để xót thương cho con Xám Chõng sa cơ, thà chết tại trường để đền ơn nuôi dưỡng. Tội nghiệp thằng Tửng; nó cứ ôm con gà mút máu hoài mà nó có sống lại đâu, tới chừng ông Cả biểu nó bỏ vô giỏ đi con thì mới chịu...

Khi nước vừa nhữn lớn, ông Cả buồn bã bước xuống ghe.

Cùng mấy chiếc kia cặm mấy tàu lá dừa nước thả trôi về bến. Khi tới vàm Kiến Vàng thì nước cũng đầy mà, từ ngoài mé sông đã nghe tiếng cười nói giòn giã của bà con. Có lẽ họ đang tụ lại chỗ bến đất Chà Đò để cho đầu lân mừng đón. Chớ đâu có ai ngờ con Xám Chõng đã chết tại trận tiền, bây giờ về tới đây chỉ có cái xác cứng đơ. Nghĩ tới cảnh đó chừng nào, ruột gan của ông Cả càng thêm quặn thắt!

Khi ghe vừa cặm mũi lên bờ đất, thì ông Cả nhảy vọt lên trước. Gỡ chiếc khăn rằn quấn cổ xuống, quơ qua quơ lại nói:

- Con Xám Chõng đá trận nầy đã thua, chết tại trường Tân Xuân rồi bà con ơi.

Nói chỉ có bao nhiêu đó thôi, rồi ông đưa tay lên chặm mắt!

Ngoài sông Ba Lai có tiếng sóng vỗ bãi vọng lại rất buồn, dân Giồng Kiến bắt đầu cất lên tiếng khóc. Có người quỵ xuống kêu trời đất ơi. Như vậy thì làm sao tôi trả nợ!

Tiếng khóc cứ lớn dần từ ngoài đầu Lộ Mới đi vào trong tới cây trâm. Còn đầu lân hôm nay cũng bước đi lạng lẽ âm thầm, chớ không còn nhảy múa. Thì ra cuộc chơi cờ bạc, đá gà, hốt me, xóc đĩa, xì phé nào cũng vậy. Hề thắng thì được vinh quang, còn thua thì điều tàn trong ngõ hẹp. Nhưng con gà Xám Chõng nầy đã để lại huyền thoại cho đời. Mấy chục năm sau rồi ma, tiếng tăm của nó vẫn còn vang động.

Trong xóm mỗi khi có đám giỗ, hay đám nhóm họ tiệc tùng, thì người ta hay bàn tới chuyện đá gà, con Xám Chõng lúc nào cũng được người ta nhắc tới đầy vẻ tiếc thương. Như nhắc một người bạn tri âm trong một thời nghèo khổ, chớ không có oán hận vì nó mà phải mắc nợ nần...

Không Có Tết Giữa Mùa Xuân

Hoàng Nga



Mẹ bảo Ngự mang năm ký nếp, ít thịt mỡ và bao đậu xanh nhỏ sang nhà mẹ để mẹ gói bánh. Ngự vừa định hỏi mẹ có cần phải mang đi ngay hay không vì Ngự muốn làm vài việc vặt khác cho mình, nhưng khi nghe mẹ than thở đồ đạc hàng hóa đắt đỏ, khan hiếm, rồi tính tới tính lui, đoán đi đoán lại, nhắm xem với chừng ấy nếp, chừng ấy đậu sẽ ra được bao nhiêu bánh, Ngự bỗng nghe chán ngán đến độ chẳng còn muốn làm bất cứ điều gì nữa. Cái chi li không cần thiết của mẹ làm Ngự chững lại như giòng nước đang chảy bị tắt nghẽn ở đâu đó.

Ngự thờ người ngồi im. Hờ hững nhìn ra ngoài. Lòng không hề bận tâm đến chung quanh.

Nắng mưa, thời tiết, quang cảnh, con người..., đều như đang ngừng lại trong mắt Ngự. Đầu óc Ngự cứ lẫn lộn, loanh quanh mãi một thứ cảm giác nặng nề, khó chịu. Ngự thấy ngộp thở. Toàn thân rã rời mỗi một đến độ như không thể nhắc được cả cánh tay, bàn chân lên. Nhiều phút liền, trong một tư thế buông thõng người, Ngự cứ ngồi bất động như vậy, lơ mơ cái ước muốn duy nhất, rằng phải chi mình có thể tan biến được vào một cõi hư không vô hình nào đó để khỏi phải đối phó với những điều không muốn nghe, không muốn thấy đang diễn biến chung quanh và hàng ngày.

Ngự ngồi im lặng như tượng. Bất động như tượng. Chẳng biết

là bao lâu. Cũng chẳng biết mẹ đang làm gì cạnh đó. Nhưng khi thỉnh thoảng nghe tiếng của mẹ vang lên, nhắc nhở Ngự phải nói với mẹ thế này thế khác về những điều mà mẹ đã căn đi dặn lại trước đó nhiều lần, thì hết như một giọt nước làm tràn ly, Ngự phải gắng hết sức lắm mới không bật tung dậy và hét lên một tiếng thật náo nê. Ngự thì người xuống ghế thêm tí nữa, môi mím lại thật chặt, đôi bàn tay nắm cứng vào với nhau như đang cố vận dụng mọi sức lực còn lại giữ cho mình khỏi bật ra một thái độ khác thường nào đó trước mặt mẹ.

Tuy nhiên, cuối cùng vẫn chịu không nổi, Ngự lật đật bỏ chỗ đang ngồi một cách rất vội vã, mắt chăm chăm nhìn xuống đất, hai mày cau lại khó chịu, tiến đến mở đồ đạc để trên bàn, dùng cả hai tay tóm gọn tất cả lại thành một túi. Ngự nhấn mặt cột vào yên sau xe đạp với những cơn sóng giận dữ không cưỡng được tiếp tục tràn lên trong lòng. Và rồi không hề kiểm soát lại xem mình đã buột mọi thứ kỹ lưỡng chưa như thói quen, cũng chẳng ngoái đầu lại, Ngự nói với mẹ có thể Ngự sẽ về trễ, lòng như đang tan nát ra làm nhiều mảnh, Ngự đẩy xe ra đường.

Rời ra khỏi nhà cách vội vàng như vậy, nhưng ra đến đường, thay vì leo lên xe đạp đi ngay, Ngự lại dặt cách xa khỏi hàng hiên một đoạn khá xa, đứng bần thần đưa mắt nhìn người qua lại, tới lui. Cứ như chính Ngự không biết mình đang làm gì. Thần trí Ngự hỗn loạn, bối rối, chập choạng trong một trạng thái không bình thường. Thật sự, Ngự chẳng hề cảm thấy phiền lòng, thậm chí cũng chẳng phải vì muốn từ chối công việc mẹ mới vừa giao, nhưng nỗi bức bối cứ tràn lên liên

tục trong Ngự. Ngự nghĩ mãi đến những chuyện mà trước đây chẳng hề làm bất cứ ai trong nhà Ngự bận tâm, kể cả chị người làm, hướng hồ gì với mẹ với Ngự, vậy mà bỗng chốc đã trở nên quan trọng - quan trọng đến độ mẹ phải lập đi lập lại nhiều lần, và đến độ Ngự phải cố lắm mới không bần gất lên với mẹ như vậy. Ngự nhăn mặt. Sự khó chịu đưa lên.

Ngự thở dài, nhìn quanh. Đặc quánh trong đầu những ý nghĩ buồn bã. Ngự cay đắng tự hỏi, không lẽ chút bánh mứt, vài ba ký nếp đậu, dăm miếng thịt mỡ, toàn những thứ tầm thường, những thứ nếu không có trong đời sống, thậm chí không có trong những ngày lễ lộc, Tết nhất, cũng chẳng thể nào làm chết được ai, vậy mà gần như nó đã nhảy xồng xộc vào được trong trí, chế ngự được cả một suy nghĩ nào đó mẹ. Ngự thấy đau đớn, không hiểu nổi vì sao mẹ lại có thể để tâm nghĩ ngợi mớ Ngự, có thể sợ em dâu mình xén bớt, giấu bớt đi dăm ba thứ vật vãnh, tồi tệ như vậy.

Nước mắt Ngự, bất thần không ngăn được, ứa ra chạy vòng quanh mi. Ngự nhận ra những lời



Hoàng Nga

dặn dò của mẹ, cái lo lắng mà Ngự không dám nghĩ đến hai chữ, nhỏ mọn, mà mẹ đã để lộ ra trong lời nói, làm Ngự mất hết cả những nghĩ suy bình thường. Ngự không muốn chất vấn mình, chưa chắc hẳn hiểu nổi mẹ đang suy tư đến điều gì, trong tâm mẹ còn có thêm bao nhiêu ý nghĩ không tốt lành. Bởi Ngự nghĩ nếu như thật sự mợ Ngự có ý định giấu bớt đi dăm ba thứ, mợ có lấy bớt đi chút đỉnh đồ đạc mẹ đưa, thì cùng lắm cũng chỉ dành cho những đứa em họ của Ngự, những đứa cháu của mẹ, những con của em trai mẹ chứ có cho ai xa lạ! Vậy mà mẹ...

Ngự bỏ lửng điều đang nghĩ. Trái tim Ngự thất lại. Như nghìn nghìn mũi kim nhọn đâm vào da thịt Ngự. Ngự nhận ra dấu có cố gắng đến cách mấy đi chẳng nữa, Ngự vẫn không thể nào không nhìn thấy sự thay đổi của mẹ. Nhưng đau đớn hơn thế nữa, Ngự biết sự thiếu kính trọng của mình đối với mẹ đã bắt đầu có chiều hướng gia tăng, tỷ lệ thuận với sự suy bại trong xã hội đang càng ngày càng trở nên nhiều thêm lên. Ngự hiểu rằng khó khăn đang mỗi lúc một chất chồng, nặng trĩu hơn trên đời sống của hầu hết mọi gia đình Miền Nam, nhưng với con số ít ỏi vốn vụn chỉ có ba người của nhà Ngự, và dấu sao ba mẹ Ngự cũng còn có thể chạy vạy đáp đối qua ngày, vẫn có thể gọi là còn sống được, tồn tại được, thì những khó khăn về vật chất vẫn chưa đủ để tạo nên sự biến đổi tư cách của các thành viên trong gia đình Ngự được.

Ngự lặng người. Thầm hỏi, vậy thì những điều tầm thường, những nhỏ nhen ích kỷ, phải chăng vốn đã nằm sẵn trong tâm của con người, chỉ chờ đúng dịp

là sẽ bùng lên, ngang nhiên trở thành một nếp nghĩ hằng ngày, nên do đó mẹ đã bật ra những ứng xử như vậy, hay bởi còn điều gì đó khác mà Ngự chưa thể nào hiểu cạn?

Hoang mang, Ngự dất xe xuống lề đường. Những khuôn mặt người nhón nhác, lảng lo, vượt qua mặt Ngự như một đoạn phim cận cảnh, dán sát vào mặt Ngự khiến Ngự hoa mắt. Ngự buồn rầu. Không biết với kiểu cách đón Tết - cái Tết đầu tiên kể từ ngày Miền Nam mất - thị xã Ngự hoàn toàn không có chợ hoa, pháo Tết, không không khí hân hoan, mà chỉ còn vang lên những thanh âm sắt máu phát ra từ các loa cộng cộng, với những bài hát, bài viết, nhận định..., chào mừng đại thắng mùa xuân, những bài báo ca tụng "chiến công lẫy lừng của quân và dân ta" tràn ngập trên các tạp chí, nhật báo hằng ngày như vậy, thì những con người đang tới lui, qua lại trước mặt Ngự, đã và đang hòa nhập, đã và đang cam tâm, chấp nhận được những gì. Không biết có bao nhiêu phần trăm trong số những con người ấy còn có được suy nghĩ giống như những ngày thành phố mới vừa thất thủ. Còn có bao nhiêu trái tim, trí óc vẫn cảm thấy đau đớn trước thứ không khí lễ lộc kỳ quặc, lạ đời đang phủ trùm khắp nơi nơi như vậy!

Ngự nhìn lên rồi nhìn xuống giòng người nhón nhác, hối hả ngược xuôi, bỗng thấy mình lạc lõng vô cùng giữa những sinh hoạt của cái xã hội kỳ quái như vậy. Và đứng không trong mớ nghĩ suy lan man hỗn độn, Ngự bất chợt nhận ra chừng như càng tạo được sự lạnh lẽo, ghê rợn trong mùa Giáng Sinh vừa qua bao nhiêu, thì những người lãnh đạo phương bắc càng cố làm Tết

Nguyên Đán sắp đến trở nên xôn xao, âm ỉ bấy nhiêu. Hằng ngày ngoài đài phát thanh, ngoài báo chí, ngoài loa công cộng, đã đầy đầy các bích chương, biểu ngữ ngợi tụng hoan hô giảng hàng hàng lớp lớp đầu đường cuối phố. Bên cạnh đó, âm ỉ hơn, sát máu hơn là những trống chiêng cổ vũ hận thù. Đỏ như màu máu ở mọi ngõ ngách, đường phố, song song với các “đời đời nhớ ơn”, các “chào mừng đại thắng”, là những “càn quét tàn dư”, “cương quyết tiêu diệt”, “đập vỡ âm mưu”... Ngự rung mình. Một nỗi sợ hãi dù rất mơ hồ, nhưng cũng đủ làm gây lạnh sống lưng Ngự.

Ngự nghĩ có lẽ ngày nào ra đường, mà thoát được ra khỏi những bữa vầy ghê rợn ấy, có lẽ sẽ là ngày hạnh phúc nhất cuộc đời của người dân trong thị xã. Bởi càng cố không nhìn, không thấy, không nghe chừng nào, lũ bạch tuộc, rắn rít ấy càng bám chặt, càng đổ ập vào mắt vào tai chừng ấy.

Đứng mãi một hồi, Ngự thần thờ leo lên xe, đạp theo giòng người trên đường. Bầu trời tháng chạp mù nhạt, u ám với những đám mây xuống thật thấp, và gió lạnh se trên vai làm câu hát “trời sắp Tết hay lòng mình đang Tết” bùi ngùi về trong Ngự. Ngự se bàn tay trên ghi đông. Đã sắp Tết, đã gần hết năm, nhưng cả Tết lẫn ngày thường, đều hoàn toàn giống hệt nhau trong một cuộc sống chẳng hề có hứa hẹn, cũng chẳng niềm vui nào có thể hiện đến như thế, thật Ngự chẳng biết mình nên chờ đợi gì ở ngày mai. Đã có vô số lúc Ngự có cảm tưởng còn sống được, còn tồn tại, đã là một điều khó tưởng tượng nổi, huống gì sự hy vọng ở một tương lai nào đó.

Ngự nhớ đến lá thư với lời

hứa sẽ về thăm thị xã Hiến viết cho Ngự mấy tháng trước. Lòng càng thêm âu sầu. Ngay từ ở những giây phút đầu tiên, khi đọc những giòng chữ đầu tiên, là Ngự đã có ý nghĩ rằng Hiến sẽ chẳng cách gì có thể thực hiện được những điều anh hứa hẹn. Dưới sự kiểm soát chặt chẽ từ kinh tế đến phương tiện đi lại, cộng thêm những thứ giấy phép di chuyển của chính quyền đang ngày càng trở nên khó khăn hơn, chỉ cần ở cách xa nhau độ vài ba chục cây số thôi, là đã vô cùng đoạn trường cay đắng trong việc gặp gỡ, đoàn tụ, hàng nghìn cây số như Ngự và Hiến, mơ thôi, cũng đủ não lòng.

Ngự nghe đau ở đâu đó trong dạ. Cái cảm giác bầu dưng khí chừng như đang vón cục lại đến độ không thể nào lọt được vào buồng phổi mình được làm Ngự nghẹn thở. Nước mắt đọng vòng quanh mi, Ngự cay đắng nhớ đến những điều đã đọc trước đây về lứa tuổi sắp bước xuống cuộc đời như mình từ các thế hệ đi trước, bực tức tự hỏi không hiểu tại sao gần như chẳng hề có một người nào trong số các bậc đàn anh, đàn chị ấy viết ra những điều có thể giúp ích được cho bọn Ngự trong hoàn cảnh này. Gần như chẳng có ai cảnh báo, chẳng có ai chịu khó chuẩn bị cho lớp trẻ dăm ba chút kiến thức chính trị tối thiểu, để có thể biết cách ứng phó, hay chí ít là cũng biết phải đối diện trước một cuộc diện thế thảm hiện tại. Ngự nhớ mình được nghe trước ngày mất nước về các cuộc kháng chiến chống Pháp, đặc biệt là khoảng thời gian từ 45 đến 54, đã chẳng khác gì những câu chuyện cổ tích, huyền thoại trong đó không biết bao nhiêu hình ảnh lãng mạn, mộng mơ đã được vẽ lại. Mọi thực tế, mặt trái mặt phải

xấu xa của chính trị, của quyền lực, dường như không ai muốn nhắc đến thì đã đành, mà sự thật về con người cộng sản, sự thật về sự lọc lừa, gian trá lẽ ra phải được viết lại cách cặn kẽ để hậu thế tránh rơi vào nhầm lẫn, những kẻ từng tham gia kháng chiến, từng thấu đáo cộng sản là thế nào, lại giấu kín mít như bưng. Hiếm hoi lắm mới có vài bài viết, dăm cuốn sách mô tả lại không khí thời bấy giờ nhưng không thu hút được sự chú ý của giới trẻ bởi lối viết hoặc quá “hiền lành”, hòa hoãn hoặc quá cường điệu. Ngự có cảm tưởng như người lớn không muốn giở lại trang sử, không muốn làm cho mình bị mất uy tín bởi vì họ đã bị đánh lừa.

Vô hình trung, những lớp đàn em, con cháu như Ngự, những thế hệ càng trẻ bao nhiêu, càng gây thơ chừng nào, càng bị đẩy lạc vào những lối mê cung bấy nhiêu. Ở độ tuổi hơn Ngự chừng vài ba năm, trong suốt thời gian đất nước chiến tranh, có không biết bao nhiêu người ngu ngơ, bao nhiêu người nhìn cuộc đời qua lăng kính lãng mạn mà người lớn điểm tô đủ loại sắc màu như thế từ cả hai phía chiến tuyến, vô tình đã tự biến mình trở thành những công cụ, vật hy sinh, tế thần, làm lợi cho người cộng sản nhưng vẫn tưởng mình hy sinh vì tổ quốc, vì dân tộc. Ngự nhớ đến những đêm không ngủ, những lần xuống đường của sinh viên đã gây ồn ào, náo loạn thủ đô, nhớ những tiếng vang bất lợi họ đã tạo ra cho chính phủ Cộng Hòa. Ngự tự hỏi, có người lớn nào nghĩ rằng mình phải chịu phần nào trách nhiệm trước những hành động của lớp người trẻ như thế hay không. Hay sẽ có người nói rằng không thể đổ lỗi cho họ bởi chính bản thân họ cũng đã không được hưởng

dẫn đúng đắn, cũng như không hề có lớp đàn anh nào đi trước họ chịu nhận trách nhiệm về việc đã để họ nổi trôi, và rồi bị đẩy chìm vào những cơn lốc chính trị của đất nước.

Ngự buồn bã ấn pedal, chạy theo những người ở phía trước. Đầu óc đầy dẫy những ý nghĩ thăm nảo và đôn đau khi thấy lẽ ra giờ này, với lứa tuổi Ngự đang mang trên người, là Ngự phải hớn hở vui mừng lắm, phải nhí nhảnh điệu dàng, thanh thoi sung sướng lắm, bởi Ngự đang có một người để mong nhớ, mà biết chắc người ấy cũng mong nhớ mình, chứ có đâu như một mụ nạ giồng lạng lẽ nhìn cuộc đời trôi như vậy. Lẽ ra cô thiếu nữ là Ngự ấy, phải vô cùng hạnh phúc, phải tươi tắn hân hoan lắm với niềm vui đôi lứa tràn ngập chung quanh mình. Lẽ ra, lẽ ra...

Hai môi mím thật chặt, mắt mở ra thật lớn, Ngự đắm đắm nhìn về phía trước như đang chăm chú lắm, nhưng dường như chẳng một quang cảnh nào đọng lại trong trí Ngự. Nhiều lần ra đường, Ngự vẫn tâm tâm niệm niệm, vẫn nhủ lòng phải cố gắng hết sức để hình ảnh hồ hào, biểu ngữ tuyên truyền càng ít rơi rớt vào mắt mình chừng nào, càng tốt chừng ấy. Bởi chỉ cần một thời gian rất ngắn sống dưới chế độ rập khuôn, Ngự đã vỡ ra một điều, rằng cứ ngày qua ngày, nghe và nhìn mãi một thứ, một kiểu cách, con người ta dần dà sẽ đâm ra quen mắt, quen tai, sau đó sẽ từ từ thỏa hiệp, cuối cùng là chấp nhận một cách rất dễ dàng. Tương tự như những chữ dùng mà ban đầu gần như người Miền Nam nào nghe cũng cảm thấy khó chịu, nhưng đến một lúc nào đó, chúng bỗng ngang nhiên nằm trên môi miệng của nhiều người. Chính bản thân

Ngự, cũng đã có vô số lần giật mình và xấu hổ đến đỏ mặt khi tình cờ nhận ra mình đang sử dụng những thứ từ ngữ quái đản mà người Miền Bắc mang vào một cách hết sức tự nhiên.

Ngự lắc đầu, thở hắt ra một hơi dài, đạp chậm chậm lại để chuẩn bị rẽ sang ngã khác về nhà mẹ. Bất thần Ngự nhận ra dáng rất quen của một người con trai đang ở ngay trước mặt mình. Do đó thay vì rẽ phải, Ngự vội vã nhấn mạnh pedal, rướn người đạp thẳng lên phía trước. Lúc đã gần đuổi kịp, Ngự kêu lên mấy tiếng lớn. Người con trai, đang đi ngon trớn bỗng chừng hơi ngỡ ngợ. Ngự nhận ra điều đó trên sự ngập ngừng nửa như muốn quay lại nửa muốn đi luôn, nên Ngự quyết định cất tiếng gọi thêm một một lần nữa.

Lần này người con trai quay lại thật. Vẻ hơi ngơ ngác hiện lên, nhưng chỉ một vài giây sau đó thôi, khi nhìn thấy và nhận ra Ngự, một nụ cười hiền khẽ nở ra trên khuôn mặt đầy nam tính ấy. Ngự đạp mạnh thêm một vòng cho bắt kịp bạn và rồi không ngừng lại thở để lấy sức, Ngự ngạc nhiên hỏi ngay:

- Toàn đi đâu đây?

Toàn lúc ấy đã xuống khỏi xe, dắt hẳn lên phía trong lề. Thấy vậy, Ngự cũng làm theo. Toàn vẫn giữ nụ cười trên môi:

- Toàn đi công chuyện.

- Chuyện gì?

Ngự hỏi vội vã như một phản ứng tự nhiên mà không kịp nghĩ ngợi điều gì khác, nên khi vừa dứt câu hỏi, bỗng nhận mình khá kỳ cục và tò mò, Ngự bèn bật cười, sửa lại:

- Có chuyện gì mà Toàn xuống tới tận nơi này?

Toàn im vài giây. Mắt dõi về phía cuối đường như dò chừng

mình còn phải đi bao xa nữa. Sau đó không biết có phải vì muốn tránh câu trả lời hay không mà quay lại nhìn Ngự:

- Còn Ngự thì đi đâu mà cũng đến tận đây?

Ngự kể phải mang nếp đậu cho mẹ gói bánh. Ngự than mệt. Toàn mỉm cười trêu:

- Vẫn thịt mỡ dưa hành, vẫn bánh chưng xanh trong ba ngày Tết, tư sản vậy còn than thở nỗi gì nữa hở Ngự?

Ngự cười. Thoáng nhớ đến chuyện bức bối lúc nãy ở nhà với mẹ, nhưng nhủ lòng phải quên ngay đi, kéo cằm lòng không đậu, lại mang ra kể lể với bạn. Ngự đùa lại:

- Nhà Ngự chỉ là tiểu thương, buôn bán trái phép thôi, chứ chưa được "nâng cấp" lên hạng tư sản đâu!

Toàn cười theo Ngự. Nhưng trong tiếng cười của Toàn, bỗng dừng làm Ngự có cảm giác dường như chẳng hề có chút gì vui. Nếu không muốn nói ngược lại là đang khác. Một chuỗi âm thanh ùng ùng, đứt quãng nhiều lần, thêm vẻ chua chát lộ lộ hiện trên gương mặt dầu dàu, và ánh mắt đắm chiều của người con trai khiến Ngự chùng lòng xuống. Ngự chợt nhớ ngay đến những điều Phước và Ngự đã nói với nhau cách đây không lâu. Câu trả lời nhát gừng ban nãy của Toàn làm Ngự tự hỏi Toàn đang "đi công chuyện", một loại chuyện nào đó có thuộc về những thứ gọi là chuyện nhà như Ngự đang bị bắt buộc phải làm, hoặc thứ chuyện riêng tư tình cảm, hay là Toàn đang thực hiện một loại công chuyện mà có chắc đến chín mươi phần trăm Ngự sẽ không dám tham dự vào. Ngự khe khẽ nhìn lại bạn. Lắng lo. Toàn đang làm một mình hay Toàn làm với

anh của Phước, hay với nhiều người trong ca đoàn mà Phước đã nhắc đến? Có thể nào Toàn sẽ thành công. Hay Toàn sẽ...

Ngự không dám nhìn gương mặt u sầu của bạn lâu hơn. Trong thoáng chốc, Ngự bỗng hiểu ra rằng nỗi u sầu này hoàn toàn không giới hạn trong những vụn vặt, trở trăn hàng ngày, và càng hiểu rõ hơn rằng mình sẽ khó lòng được bạn xẻ chia, gửi gắm những điều suy tư riêng mang ấy. Tự dưng Ngự thấy buồn. Thấy mình như một kẻ đứng bên lề. Ngự chặc lưỡi:

- Thời buổi này, Tết nhất, nghe buồn.

Toàn quay đi nhìn ra ngoài lộ:

- Đối với gia đình Toàn lúc này, Tết nhất như nghe chuyện bá vợ bá vắn nào đó. Cả nhà chẳng có ai buồn nghĩ đến, nên chẳng bánh chẳng mứt gì cả Ngự ạ.

Ngự im. Ngự nghĩ ngay đến tình cảnh của bố Toàn, nhưng không dám hỏi thêm điều gì. Vì Ngự biết chắc chắn câu trả lời của Toàn sẽ rất ảm đạm, thê thiết. Qua mợ, Ngự đã biết hầu như chưa có ai nhận được bất cứ tin tức, thư từ gì của người bị bắt đi cải tạo. Đã biết bao nhiêu lần mợ Ngự khăn gói ngược xuôi theo những đoàn người có chồng con đi trình diện cùng lần với cậu, đến nhiều nơi nhiều chốn, nhưng lần nào rồi cũng trở về với những nỗi thất vọng ê chề.

Ngự buồn rầu chuyển đề tài:

- Anh Hiến có về không hở Toàn?

Toàn quay nhìn Ngự thật nhanh. Hai mắt hơi mở lớn hơn với vẻ ngạc nhiên vì câu hỏi bất ngờ của Ngự. Sự điềm tĩnh, không bối rối hay ngượng ngập gì cả của Ngự khiến Toàn có vẻ không mấy tin mình vừa nghe đúng. Toàn im im một lúc, như thể xác nhận lại

lần nữa và để tìm ra câu trả lời cho Ngự khỏi buồn. Cuối cùng Toàn lắc đầu:

- Toàn không rõ lắm Ngự ạ, nhưng chắc có lẽ anh ấy không thể về được...

Ngự làm thinh. Hai bàn tay trên ghi đông xe rịn ra chút mồ hôi. Điều Ngự vẫn nghĩ đến, vẫn đoán sẽ là như thế, nhưng khi nghe câu trả lời hết một sự sự khẳng định từ phía Toàn, Ngự cũng nghe lòng mình chao lên. Không gian chung quanh Ngự bỗng dưng như trở nên u ám, nặng nề thêm.

Suốt những ngày Tết, Ngự trùm chần nằm dài trên lều. Mỗi bận nhà có người đến thăm, Ngự uể oải dậy rót nước, pha trà. Có khi Ngự trốn hẳn ra sau hành lang để khỏi nghe mừng tuổi, chúc Tết. Đôi khi cũng để khỏi phải trả lời những câu thăm hỏi nghe hết sức khách sáo của khách về lớp trưởng, về bản thân Ngự.

Lòng Ngự tái tê, tối xám một màu. Lắm lúc Ngự đã mong một điều hết sức mâu thuẫn và quái gở mà dường như kể từ khi thị xã mất đến lúc ấy chưa bao giờ Ngự nghĩ đến hướng hồ gì mỗi mong, là ngày giờ sẽ chóng qua mau, thời gian sẽ lao đi nhanh hơn để Ngự được đến trường trở lại.

Ngự nhận ra càng lẻ lợc, Ngự càng thấy mình cô đơn. Bầu không khí khác ngày thường nhiều chừng nào, Ngự càng rơi vào trống vắng chừng ấy. Như thể sự cam chịu lặng lẽ, ngày qua ngày đã thấm vào Ngự, trở thành một nếp sống nào đó, đến nỗi những sôi sổi xôn xao ngoài xã hội, ngoài đường phố chẳng những chỉ đem lại cho Ngự nỗi bức dọc, khó chịu mà còn làm Ngự rơi rớt xuống tận đáy vực thăm. Nhiều lúc Ngự cứ nằm úp mặt vào tường, chảy nước mắt gọi tên

Tiểu Khê với nỗi cô đơn cùng cực. Ngự đã ước ao nếu phải đánh đổi những gì tốt nhất hiện tại chỉ để có được một ngày như thuở trước với bạn, Ngự cũng cam lòng. Tuy nhiên ngay sau đó, khi đắng cay nghĩ đến cuộc sống hiện tại của chính bản thân Ngự và gia đình, thì Ngự lại ê chề, cay đắng nghĩ với cuộc sống hiện tại như vậy, thì làm sao Ngự có được điều nào tốt đẹp, điều nào đáng kể là có giá trị, để có thể đánh đổi.

Một tối, chừng thấy Ngự ủ ê quá, mẹ Ngự hỏi sao Ngự không xuống phố, không ghé thăm bạn bè hay đi chúc Tết thầy cô. Ngự lắc đầu. Mẹ ái ngại:

- Hay đi coi văn nghệ một chút đi con. Nghe nói có đoàn hát Liên Xô gì đó.

Ngự cười:

- Coi múa vũ điệu Thiên Nga hay nghe hát Tình Ca Kachiusa hả mẹ?

Mẹ bật cười theo Ngự. Chưa đầy một năm mất Miền Nam, mà gần như ai cũng biết tới loại văn chương nghệ thuật trên cả nước, lẫn quần tới lui chỉ dăm ba vở kịch, một hai vở tuồng và hát múa chỉ chừng ấy tiết mục. Ngự nhớ hôm tất niên, trường Ngự tổ chức văn nghệ mà hai ba lớp đã cãi vã nhau đến suýt đánh nhau chỉ vì lớp này dành bài hát này, lớp kia tranh bài hát nọ. Tết, nghe *An Phú Đông*, nhớ “những chiến binh trầm thây trên máu hồng”, nghe *Chiêu Hồn Tử Sĩ*, nghe “anh đi trước đoàn quân tiến về giải phóng nông thôn tiến về thành phố thân yêu đạp trên xác thù”, nghe “anh đang hành quân ra tiền tuyến mang theo tình yêu giai cấp trong tim...” thật khó có thể nhìn được cười. Nhưng với cái kiểu cách văn nghệ theo đường lối của Đảng như vậy, không chiêu hồn, không giải phóng nông thôn, thật

chẳng ai biết mình sẽ làm gì! Ngày ngày đài phát thanh giải phóng vẫn ngậy ngô đòi "lúa ngô ta gặt trồng sườn non cho tới bờ sông, nếu ta chưa ấm lòng thay mía ta trồng bông", sau đó lại ca ngợi "anh Ba Hưng vừa mới được huân chương", "cô gái vót chông...", muốn hay không, người dân cả nước cũng phải vỗ lòng ra mà hiểu rằng sống dưới chế độ độc tài, văn hóa nghệ thuật chỉ có chừng ấy.

Đám bạn Ngự vào lớp, hết đêm âm u ai đánh đu trên nóc nhà, lại nhại "cô gái Sài Gòn đi tải đạn" bằng mấy câu "xe tăng bốc cháy, xe tăng bằng giấy, đồ chơi con nít", có đứa bạo gan hơn còn "như có bác Hồ trong nhà thương Chợ Quán, vừa bước ra bị xe cán đập đầu" làm cả bọn cứ khúc khích cười. Đến nỗi có lần cả đám đã bị cô giáo Việt văn mắng, đòi đuổi ra khỏi lớp.

Hai mẹ con ngồi im lặng một lát rất lâu, chừng thấy Ngự tỏ ý không muốn nói gì, mẹ Ngự chép miệng:

- Mấy đứa bạn con coi bộ cũng không có nhu cầu đi đâu hay sao mà chẳng thấy đứa nào ghé lại nhà mình vậy con?

Ngự cười buồn, bạn con đâu còn đứa nào. Vừa đáp lời mẹ, Ngự vừa nghĩ đến Phước, Toàn, rồi Hiến. Không biết làm sao để mẹ đừng thấy mình quá buồn rầu, Ngự tiếp:

- Mà tụi con cũng đâu còn chỗ nào nữa để đi hở mẹ.

Mẹ thở dài. Bỗng thành linh mẹ lại cất tiếng:

- Con không có tin tức gì của Tiểu Khê sao?

Ngự lặng người. Rồi lắc đầu. Ngự quay đi tránh nhìn mẹ bởi biết trên mặt mình vừa hiện ra vẻ không vui. Thật lòng Ngự đã muốn nói với mẹ câu gì đó cho

mẹ an tâm, nhưng không làm sao cất được ra lời. Tháng Giêng, Tết, mùa xuân ngoài nỗi buồn ra, Ngự đâu còn điều gì nữa. Hôm gặp Toàn trên đường đến nhà mợ, dầu vẫn biết rằng Hiến sẽ không về, và vẫn dặn lòng đừng ngóng trông nhưng với câu trả lời khẳng định của Toàn như vậy, Ngự không thể nào thoát được tâm trạng ủ dột.

Ngự tê tái căn môi. Sự ân cần chừng như đã lâu lắm mới thấy mẹ thể hiện, làm Ngự bỗng có cảm giác như mình đang vụn vỡ ra từng mảnh vụn. Lòng Ngự tàn hoang. Loay hoay mãi để tìm ra một câu nói vui vẻ, nhưng mọi âm thanh đều tắt nghẽn ngay từ trong cổ họng, Ngự buồn bã quay đi. Mẹ Ngự cũng buồn bã quay đi. Bầu không khí giữa hai mẹ con bỗng trở nên thê thiết. Ngự đoán có lẽ mẹ bối rối và lo âu vì chẳng những đã không làm cho Ngự cảm thấy vui hơn, nhẹ lòng ra, mà còn càng làm tăng thêm sự ủ dột nơi Ngự.

Ngự cúi xuống, tựa đầu trên đôi cánh tay đang ôm vòng quanh gối. Hai mắt Ngự nhắm lại như không muốn để mẹ thấy thêm nỗi lòng mình. Và cứ thế, hai mẹ con ngồi im lặng rất lâu cho đến lúc như thể mẹ chịu không nổi nữa, bèn ra ngoài.

Còn lại một mình, cố gắng lắm nhưng vẫn không cách gì ghìm được những giọt nước mắt đổ tràn xuống má, Ngự buông người xuống giường, mặt úp vào gối khóc vùi. Tối đến Ngự cũng chẳng buồn trở dậy ra ngoài ăn cơm. Còn mẹ biết Ngự không vui nên cũng thôi không hỏi han hay thúc dục.

Ngự nằm một buổi chiều, một tối, đến trưa hôm sau, đầu đau như có ai đâm vỡ, Ngự vùng dậy, ra ngoài lấy xe đạp cuồng điên

xuống phố. Ngự lang thang qua nhiều con đường. Lang thang qua nhiều ngõ ngách của thị xã. Ngự đi như đi lạc. Càng xa, phố xá càng vắng. Càng xa, hàng quán, chợ búa, kể từ tháng ba năm trước vốn teo tóp, càng ít đi. Càng đi lòng Ngự càng mòn mỏi.

Bầu không khí buồn bã lẽ không ra lẽ, Tết không ra Tết, muốn hay không, cường độ đau hiu cũng tăng lên. Những tấm panneaux, kiểu vui xuân nhưng không quên nhiệm vụ, người người đón Tết, nhà nhà đón Tết..., với một thứ màu sắc đỏ quạch, quê mùa, nằm vô duyên trên những ngã tư, ngã ba, dữ dội đập vào mắt Ngự. Ngự rùng rợn không một ước muốn, một khát khao nào chạy qua trong trí, chỉ trừ câu hỏi không lẽ chưa đầy hai mươi, mà cuộc sống cứ héo hon rũ rượi như vậy với Ngự sao!

Ngự lòng vòng băng qua nhiều ngõ phố một hồi, bất chợt nhận ra con đường mình đang chạy, dẫn xuống mé biển. Ngự hơi ngạc nhiên khi nhớ ra chừng như đã lâu lắm rồi, ngoài đường đến trường, hoặc một vài chỗ phải đi công chuyện cho mẹ, thì con đường này là con đường duy nhất Ngự tới lui, là con đường Ngự còn cảm thấy chút thân quen, bởi còn được vài người Ngự có thể tin tưởng, nói chuyện.

Ngự đắn đo một hồi, chẳng biết có nên ghé tạt qua nhà Phước hay không. Ngự chạy một vòng xuống con đường dọc theo bờ biển. Cuối cùng, Ngự quyết định trở về. Tự dưng Ngự sợ phải nghe, phải chứng kiến thêm những điều mình không muốn.

Tết, đã qua đi như thế với Ngự. Cái Tết, mùa xuân đầu tiên trong cuộc đời Ngự không hề lượt là áo lụa, không vàng thắm hoa mai, không rộn ràng xuân thì... ●

Thằng Linh, Thằng Lượm

Nguyễn Trung Tây



Chuyện kể rằng tại một vương quốc kia, có một thời lòng người ly tán khiến trẻ thơ mồ côi, không thân nhân, không nhà cửa...

Nhận ra lon sắt đồ hộp méo mó nằm lẫn lóc trên đường đi, tiên đạo Lượm bậm môi, cong người, giơ chân sút mạnh. Năm đầu ngón chân của tiên đạo sừng sỏ của đội banh thiếu nhi Hùng

Vương chụm lại, đá mạnh tới, từ dưới mặt đất đỏ ngầu như đất núi lửa, lon sắt rỉ sét vươn mình bốc cao bay vèo vèo ngang qua những nhánh cây trướng cá trước mặt căn nhà màu trắng đục. Lon sắt xoáy tròn tiếp tục lao tới đập thẳng vào khung cửa sổ bằng kiếng thủy tinh của căn nhà xây theo kiểu tiền chế hình hộp vuông. Thủy

tinh vỡ vụn chập chờn khuôn mặt hốt hoảng và nhịp chân nhanh nhanh của người đàn bà mập tròn trong căn nhà. Đẩy mạnh cánh cửa bằng nhôm của căn nhà hộp sang một bên, người đàn bà cúi xuống nhìn những miếng kiếng cửa sổ vỡ vụn tung toé trên mặt đất. Ngó nhìn quanh quẩn tìm kiếm, ánh mắt của người đàn bà dừng lại, rồi rớt xuống trên hai khuôn mặt tái xanh của thằng Lượm và thằng Linh. Sấn cao tay áo, bà ta chìa những ngón tay to tròn và ngắn ngùn vào mặt hai thằng nhóc đang đứng chết trân như cây khô đen đũi khẳng khiu giữa trưa nắng nhiệt đới của ngày Ba Mười Tết trong trại tỵ nạn,

- Quân mất dạy. Bà truyền đời cho chúng bay biết cơm không muốn ăn lại muốn ăn cám thì bà sẽ cho tụi bay ngay chiều hôm nay khỏi đón Giao Thừa nhưng được xách xô đi chùi cầu tiêu, rửa chuồng lợn!

Người đàn bà phóng tới,

- Bắt hai thằng đó mang lên Ban Trật Tự. Bắt nó! Đó, đó, hai cái thằng mặc áo thun đó. Bắt nó...

Tiếng hét giật giọng của người đàn bà kêu mời những bước chân đang chuyển động nhanh nhanh theo hình chữ A trên con đường đất đỏ dừng một nhịp bước, quay đầu nhìn theo bốn bàn chân thiếu niên mốc meo vừa quay lui bỏ chạy. Bốn cẳng chân khẳng khiu cháy nắng nhiệt đới quây đở bụi đường ngay tại một góc đường của trại tỵ nạn Sungai Besi vào buổi trưa của ngày Ba Mười Tết khiến nhiều người bịt mũi, có người nhăn mặt khó chịu, có người che mũi ất xì, có người mở miệng lẩm bẩm chửi thề, nhưng không ai làm theo lời của người đàn bà. Ngó nhìn quanh quẩn, không thấy ai hưởng ứng lời kêu

gọi của mình, người đàn bà mập béo thoảng về thẹn thùng. Bà ta dừng lại những bước chân, thôi không đuổi. Một tay ôm ngực, người đàn bà thở hắt ra những tiếng thở đứt quãng và ồ ồ, hờ! hờ! hờ! Tay còn lại, người đàn bà chống lên eo nhìn theo bóng dáng của hai thằng nhỏ đang dần dần mờ tan rồi mất hút ngay khúc quẹo của khu nhà long house dẫn về khu Âu Cơ.

Hôm nay Ba Mươi Tết. Chỉ còn mười mấy tiếng nữa, không gian chuyển mình khoác vào người tà áo xuân của ngày Mừng Một Tết. Nhưng trong trại tỵ nạn, không khí Tết nhạt nhẽo như nước ốc nổi trôi vật vờ dăm ba con ốc ốm đói. Ngày Ba Mươi Tết, nhưng cảnh sát Mã cấm đốt pháo, cấm người tỵ nạn nổi lửa nấu bánh chưng. Ngày Tết của người Việt, không phải của người Mã, cho nên trại tỵ nạn vẫn sinh hoạt bình thường. Ngoại trừ lễ Giao Thừa chỉ được phép tổ chức đơn giản trong phạm vi của nhà chùa và nhà thờ sau giờ cơm chiều, ngày Ba Mươi Tết nhưng trại tỵ nạn vẫn sinh hoạt như mọi ngày bình

thường. Thịt heo vẫn bị cấm. Người vi phạm kỷ luật trong trại vẫn xách xô nước đi chùi rửa từng căn nhà vệ sinh trong trại tỵ nạn. Hoạt động duy nhất trong trại khơi dậy không khí rộn ràng của ngày Tết xảy ra nơi hội trường lãnh thư nằm bên cạnh văn phòng trại, bởi ngày Ba Mươi Tết của người tỵ nạn năm nay rơi đúng vào ngày thứ Ba trong tuần là ngày Hội Trăng Lưỡi Liềm Mã Lai ghé vào trại phát thư.

Trời vào xuân, nhưng nắng xích đạo vẫn đập hầm hập vào làn da mặt. Trời đã quá trưa, mặt trời Mã Lai vẫn đều đặn hít vào khè ra lửa đỏ đốt cháy loang loáng làn da cháy đen của hai thằng nhỏ mồ côi. Tiền đạo của đội banh tiểu học Hùng Vương, thằng Lượm đổi hướng. Thay vì chạy về khu nhà Âu Cơ dành cho thiếu niên không thân nhân họ hàng, nó quẹo tay trái chạy thẳng tới sân trường tiểu học Hùng Vương của trại tỵ nạn. Thủ quân của đội banh Hùng Vương, thằng Linh chạy theo sau khoảng một sải chân, miệng hét to,

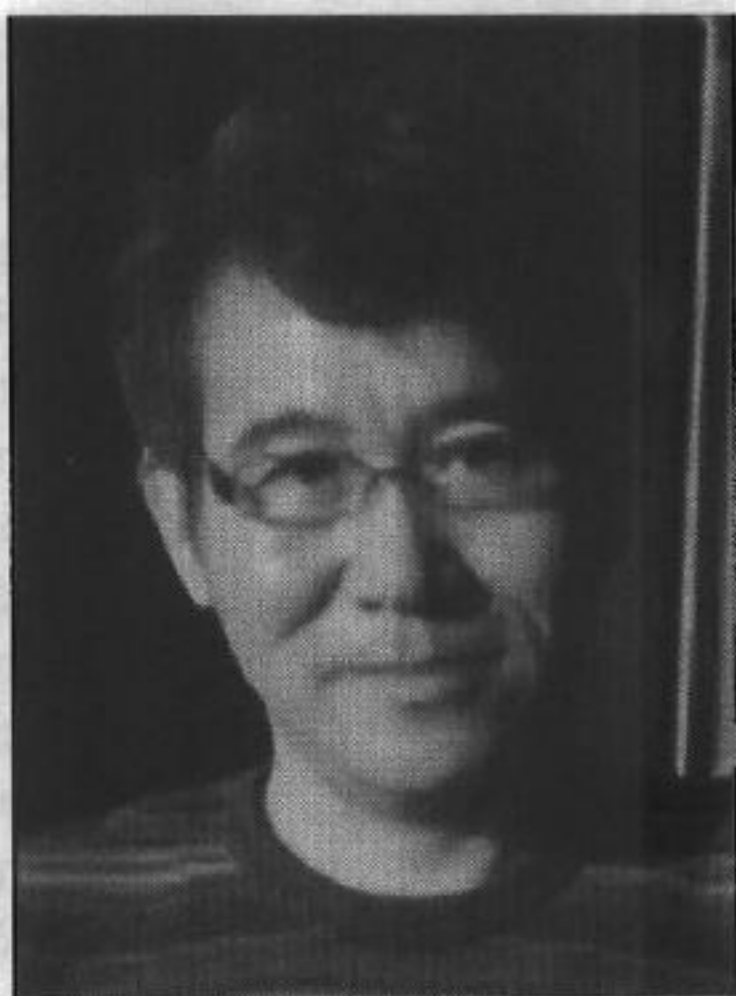
- Đợi tao với! Lượm, đợi tao với!

Thằng Lượm không trả lời. Nó tiếp tục phóng chạy, nhưng nhịp chân có vẻ buông lơi chậm dần. Thằng Linh gồng người vượt lên, bắt theo kịp bạn. Phóng lên thêm gạch xi măng của sân trường, cả hai ngồi xuống bậc thềm dẫn vô cửa lớp Năm của hai đứa, hơi thở hỗn hển và nặng nhọc. Lưng dựa sát cánh cửa gỗ sơn màu xanh lá cây, cả hai tiếp tục thở, hơi thở ngắt quãng và dồn dập. Trời xanh ngắt nhiệt đới vào ngày Giao Thừa yên lặng không gợn nhẩn một cơn gió, thằng Linh tay vuốt vuốt tóc tay lau mồ hôi. Trời nắng Mã Lai vào ngày Ba Mươi Tết hầm hập hơi nóng không hần

sâu một đường mây, thằng Lượm im lìm nhìn về phía trước. Hội trường phát thư tiếp tục ồn ào nhộn nhịp bước chân người đi lên kẻ đi xuống.

- Phạm Thanh Nhân, không có số tàu. Ngô thị Mai Phương, tàu PB 705. Vũ Hoàng Liêm, tàu PB 706.

Âm giọng trầm bổng ngân nga của nam xướng ngôn viên đọc tên người tỵ nạn vang vang trong trại mời gọi thêm nhiều bước chân rộn ràng kéo về hội trường lãnh thư. Ba Mươi Tết, người có thư cũng như người không có thư hơn hở kéo nhau về văn phòng thư tín hoặc để lãnh thư hoặc chỉ để nhìn ngó khung cảnh rộn rịp của hội trường phát thư mà tưởng như đang ngắm cảnh chợ hoa Nguyễn Huệ vào buổi chiều Giao Thừa cuối năm. Hội trường lãnh thư từng bừng người khiến nhà cơm trống vắng những hàng dài nhọc nhằn chờ đợi phần cơm bữa nhào như cháo, bữa khô như củi của nhà bếp nấu cơm người Mã gốc Tàu. Rảnh rồi, không có việc làm, nhân viên của hãng tàu người Hoa mặc áo thun quần đùi mồ hôi chảy nhễ nhãi đứng nhìn dân tỵ nạn người Việt hân hoan với ngân phiếu, mừng vui với tiền đô, buồn thiu với thư tín vào ngày cuối năm. Có người rạng rỡ nụ cười sẫm soi nhìn tờ money order mang ba hàng số của tiền in hình Nữ Thần Tự Do. Có người nháy mắt từng từng, hét to, "Happy New Year!", khi khám phá ra tờ giấy đô la màu xanh hình tổng thống Andrew Jackson giấu giữa tờ giấy bạc thuốc lá kẹp trong lá thư. Có người nước mắt long lanh đỏ hoe trước trang thư vẫn còn mở rộng. Nơi hội trường lãnh thư, hàng người dài ngoằng tiếp tục xếp hàng rỗng rỗng, nóng nảy chờ đợi tới phiên



Nguyễn Trung Tây

lãnh thư bảo đảm. Sau khung cửa kính, nhân viên bưu điện người Mã vẫn với sắc mặt lạnh lùng như cú vọ, vô hồn như xác ướp, xoè ra những ngón tay khô khốc cầm thể ty nạn của người lãnh thư xăm soi nhìn ngó.

Liếc nhìn thằng Lượm, thằng Linh hai tay giơ cao vượt vượt những hạt mồ hôi đang tiếp tục lăn tròn trên khuôn mặt,

- Nóng quá! Bây giờ mà có cây cà rem thì thật là đã đời!

Thằng Lượm không hưởng ứng lời ước của thằng Linh, đôi mắt nó lơ đãng nhìn về phía trước. Thằng Linh quay sang bạn, ồn ào cất tiếng,

- Thư của anh mày đâu?

Thằng Lượm không nhìn thằng Linh nhưng cúi nhìn sân gạch xi măng, đầu lắc lắc,

- Không phải thư của anh tao.

Nó vòng vo giải thích,

- Thư bên Đan Mạch. Không phải thư bên Mỹ.

Thằng Linh xụ mặt, thở dài, nói thầm trong bụng,

- Vậy là đời!

Nuốt nước miếng, sờ bụng, thằng Linh cảm thấy đói từ trong ruột đói ra. Liếc nhìn khuôn mặt hốc hác như thiếu ăn của thằng Lượm, thằng Linh nhớ lại, gần một tuần nay thằng Lượm hay bỏ ăn, chiều chiều sau giờ tan học, thằng Lượm bỏ tham gia tập dượt với đội banh Hùng Vương. Tối tối trong khi đang chơi U, chơi Năm Mười, chơi Tật Loong với cả bọn ngoài sân trường, thằng Lượm hay bỏ ngang đi về khu Âu Cơ, leo lên giường nằm đắp mền kín mít. Trong giờ ăn hay trong lớp học, thằng Lượm bình thường đã ít nói, giờ này lại càng ít nói hơn trước. Giờ chơi, nó không ra sân, nhưng ngồi lại ở trong lớp học một mình, mặt gục đầu xuống bàn học.

Tối hôm qua thấy bạn bỏ đi, thằng Linh cũng bỏ ngang, thôi, không ngâm miệng thổi ra những âm thanh u u dài thòng nữa, nhưng bỏ về khu Âu Cơ. Về tới khu Âu Cơ, nó ngạc nhiên không thấy thằng Lượm đâu hết, cái giường gỗ của thằng Lượm trống trơn. Đi ra sân sau, thằng Linh lơ đãng nhìn sân gạch tối đen nhập nhoè bóng cây của hàng khuynh diệp mọc dọc theo hai bên hàng rào. Bất chợt nó giật mình, tim đập thình thịch khi nhận ra bóng trắng nhờ nhờ nhập nhoè trong đêm tối trên sân gạch. Thằng Linh trấn tĩnh, cất giọng hỏi,

- Lượm? Phải mày không Lượm?

Bóng trắng vẫn không động đây, nhưng trong màn đêm đầy đặc tiếng khóc nỉ non nhẹ cất lên khiến trống ngực thằng Linh đập dồn dập, bình bịch! bình bịch! Thằng Linh nhớ lại thời gian gần đây bạn bè của nó hay nói sân sau của khu Âu Cơ có ma. Tối tối có đứa nói chính mắt nhìn thấy con ma vú dài thòng loòng, lưỡi đỏ lôm thè dài tới rốn đóng đu trên những hàng cây khuynh diệp. Có đứa còn giơ tay thề là chính mắt nó nhìn thấy con ma con gái bị hải tặc bắt trên biển ngồi ôm mặt khóc nức nở ngay trên sân. Nhớ lại lời đồn của bạn bè, thằng Linh nhắc hai cẳng chân tính bỏ chạy. Nhưng nó chợt nhú mày, dừng bước, bởi vì trong bóng tối thằng Linh đã nhận ra hình dạng gầy ốm quen thuộc của thằng Lượm với cái áo thun trắng đục đang ngồi sát ngay bên cạnh hàng rào trại ty nạn. Thằng Linh ôm ngực, hoàn hồn. Bước tới mấy bước, nó ngồi xuống bên cạnh thằng Lượm. Cuối cùng, thằng Linh cất tiếng hỏi bạn,

- Lượm! Mày, mày làm sao vậy?

Thằng Lượm thôi không khóc, nhưng cũng không trả lời. Thằng Linh giơ tay choàng qua vai bạn. Thằng Lượm không phản đối, nhưng cũng không nói chi. Một lát sau, thằng Lượm đứng dậy bỏ về giường kéo mền che kín mặt. Thằng Linh lảo đảo đi theo, mặt buồn thiu. Sau cùng nó cũng leo lên cái giường gỗ của nó nằm kề song song ngay bên cạnh giường của thằng Lượm. Tay gác lên trán, mắt nhìn trần nhà, thằng Linh nghĩ ngợi lung tung. Chiều hôm qua trưởng khu Âu Cơ cũng là ông bầu của đội banh Hùng Vương than thở với thủ quân Linh tại sao tiền đạo Lượm kỳ này hay bỏ ngang, không dợt banh nữa. Anh Cường cũng nhắc nhở là còn mấy ngày nữa là đội banh Hùng Vương đi ra thủ đô Kuala Lumpur đấu với đội banh trường Tàu, nhưng nếu không chịu dợt banh, rồi sao đó? Nghe anh Cường nói, thủ quân Linh gãi gãi đầu, nhớ lại tháng trước, đội banh của trường Tàu kết nghĩa anh em với trường tiểu học Hùng Vương ghé vào trại đấu giao hữu. Nhờ công lừa bóng sút banh của tiền đạo Lượm, đội banh thiếu niên của trại ty nạn ghi được bàn thắng ngay trong vòng mười lăm phút của hiệp đầu. Tan hiệp đầu, đội nhà dẫn đầu với tỷ số 1-0. Trong giờ giải lao, thằng Linh thấy ông trưởng trại thì thảo to nhỏ vào tai của anh Cường. Không biết ông trưởng trại nói chi, mặt anh Cường nhăn nhăn lại. Sang hiệp hai, thằng Linh thấy anh Cường giữ lại thằng Lượm, không cho ra sân banh nữa. Trong sân banh, thủ quân Linh cứ ngóng mắt nhìn về phía đội nhà đợi chờ giây phút tiền đạo Lượm phóng ra sân cỏ. Nhưng thằng Lượm vẫn cứ ngồi yên bên cạnh anh Cường, không hề nhúc nhích. Cuối cùng, khi tiếng còi kết thúc trận đấu

giao hữu của ông trọng tài người Mã gốc Tàu nổi ré lên trên sân cỏ, tuýt! tuýt! tuýt!, tỳ số giữa hai đội banh là 1-2, phần thắng nghiêng về đội Tàu. Thăng Linh hậm hực, tức anh Cường tại sao giữ thăng Lượm lại trong hiệp hai, không cho ra sân banh, nếu không đội banh Hùng Vương của nó đã dứt đẹp đội banh của trường Tàu. Tức anh Cường, nhưng nói không được, nó đâm ra ghét ông bầu. Nguyên một ngày hôm sau, gặp anh Cường thấp thoáng xa xa, thăng Linh cúi mặt tìm đường lảng tránh. Thấy thăng Linh tỏ thái độ là lạ, anh Cường biết. Chiều hôm đó, anh Cường gọi thăng Linh vào văn phòng hỏi, “Tại sao gặp anh mà em cứ né né, làm như không muốn gặp mặt vậy?”. Nghe anh Cường hỏi, thăng Linh lúng túng, ngập ngừng, cúi đầu, ngón chân di di lên nền đất đen. Anh Cường xuống giọng, “Có giận hay là bức tức chi thì cũng phải nói cho anh biết chứ”. Anh Cường vừa nói tới đó, thăng Linh tự nhiên vỡ òa tung toé trong nước mắt, vừa khóc hu hu vừa nức nở, “Tại sao chiều hôm qua, anh Cường không cho thăng Lượm ra sân?”. Nghe thăng Linh nói như vậy, anh Cường vói tay ra đằng sau lấy miếng giấy lau tay để trên bàn của văn phòng lau nước mắt cho thủ quân của đội banh Hùng Vương. Vừa lau nước mắt cho thủ quân Linh, anh Cường vừa nói, “Có những điều vượt quá ngoài tầm tay của anh em mình. Khi bạn gái của anh nhảy xuống biển, khi thăng Lượm không ra sân banh... Em có hiểu điều anh đang nói hay không?”. Nói tới đây, tự nhiên mắt anh Cường đỏ hoe hoe. Thấy đôi mắt anh Cường long lanh nước mắt, thăng Linh gãi gãi tóc gật gật đầu, nhưng thiệt sự nó cũng không hiểu anh Cường đang

nói cái chi.

Giờ này nằm trên giường nhớ lại lời của anh Cường nói với nó ngày hôm qua, thăng Linh nghĩ ngợi lung tung. Nó muốn kiểm cách nhắc nhở cho thăng Lượm biết chỉ còn mấy ngày nữa thôi, cơ hội cho đội banh Hùng Vương trả lại món nợ cũ sẽ tới. Nhưng mới chỉ nghĩ tới đó được có mấy phút, mắt thăng Linh bỗng dưng trĩu nặng, cơn buồn ngủ kéo ập tới che kín đôi mắt của nó. Thăng Linh lòng dằn lòng, nó chỉ nhắm mắt lại một phút mà thôi, rồi nó sẽ mở mắt ra ngay...

Khi mở mắt ra, thăng Linh nhìn thấy bình minh cuối năm của một ngày mới rực rỡ bên khung cửa sổ, cái mền màu xanh rêu chằng chịt những lỗ thủng như tổ ong của thăng Linh đã rớt xuống sàn đất từ lúc nào. Nhìn sang bên cạnh, thăng Linh thấy thăng Lượm khuya hôm qua, không biết từ lúc nào, đã chui sang giường của nó nằm ngủ ngay bên cạnh; người thăng Lượm cong lại như con tôm, miệng chảy nước miếng nhều xuống cái áo thun trắng đục đang mặc trên người.

Sau khi tan học lớp sáng, thăng Lượm rủ thăng Linh đi lãnh thư bảo đảm của anh thăng Lượm từ bên Mỹ gửi qua. Thăng Linh hí hửng, bỏ ăn trưa, đi theo bạn, hy vọng tràn đầy vào tờ ngân phiếu của anh thăng Lượm trong ngày Ba Mươi Tết. Trong khi chờ đợi thăng Lượm lãnh thư, thăng Linh vẽ đậm trong đầu hình ảnh của hai khúc bánh mì ăn trưa có kẹp cá thu hộp, có ớt đỏ, dưa leo, mua ở căng tin người Mã Lai gốc Tàu và đặc biệt là nồi chè đậu xanh với bột báng nước dừa sẽ nấu cho mấy đứa bạn thân trong khu Âu Cơ đón mừng Giao Thừa tối nay. Thăng Linh biết thăng Lượm chắc chắn sẽ gọi con Thủy Sún tới ăn

chè bột báng đón mừng Giao Thừa. Riêng nó, nó sẽ gọi con Hoa Tiểu Thư tới. Thăng Linh biết con Hoa hơi điệu, giọng nhão bãng, nhưng mặt trắng đẹp như bôi phấn, môi đỏ như đào hát cải lương. Nó cũng sẽ nói với thăng Lượm mua ngay một cái áo thun mới, quần đùi hiệu Adidas, và đôi dép mới để đón Giao Thừa, tiện thể chụp hình cho ông anh của thăng Lượm coi, bởi vì hơn ba tháng rồi, từ ngày rời trại Pulau Bidong sang trại Sungai Besi chờ đợi lên bàn phỏng vấn với ông Ba Gà Đá của phái đoàn Mỹ, thăng Lượm chưa chụp một tấm hình nào. Thăng Linh biết là thăng Lượm thế nào cũng đưa cho nó tiền mua cái áo mới, bởi vì cái áo thun của thăng Linh đã cũ, đổi sang màu cháo lòng. Nhưng thăng Linh sẽ từ chối. Thăng Linh cũng sẽ nhắc nhở thăng Lượm là làm chi thì làm thế nào tụi nó cũng phải mời anh Cường tới ăn chung một chén chè với tụi nó.

Trong khi đang vẽ vời thêu dệt bức tranh tương lai với tấm ngân phiếu in đậm ba hàng số tiền đô của anh thăng Lượm gửi tới bằng thư bảo đảm vào ngày cuối năm, thăng Linh thấy bạn nó bước ra, hai tay trống không, không thư, không tiền, nhưng mặt xụ xuống. Nhìn thấy thăng Linh đang đứng xớ rớ gần đó, thăng Lượm bỏ đi thẳng một nước. Trên con đường dẫn về khu Âu Cơ, thăng Lượm nổi cơn mát, giơ cao chân sút bay cái lon sắt đập vỡ tan cửa kiếng căn nhà hộp. Nếu không nhanh chân bỏ chạy, hai thăng bị chộp cổ mang lên Văn Phòng An Ninh. Ở trên đó, thế nào Ban Trật Tự cũng phạt bắt tụi nó sáng sáng chiều chiều ngày hai lần xách xô nhựa và xà phòng, đi chùi rửa mười mấy cái nhà vệ sinh trong trại tỵ nạn, nhẹ ra cũng

phải trong vòng một tuần lễ. Nghĩ tới đây, thằng Linh gãi gãi tai, “Giao Thừa và Tết mà phải đi chùi cầu tiêu ở trong trại thì thiệt là trúng mánh, thú hẻo cả năm!”.

Nắng trưa ngày Ba Mươi Tết tiếp tục nhạt từng cục than hồng quảng ném tung toé xuống trại ty nạn. Trưa hè xích đạo cuối năm tỏa hơi nóng xuống mái tôn của sân trường tiểu học một lần nữa lại khơi dậy trong bụng thằng Linh cơn đói. Thằng Linh sờ bụng, bụng nó óp eo, đói meo. Thằng Linh hình hình lỗ mũi hít vào mùi thịt bò chiên với hành tỏi từ những căn nhà hộp gần đó nồng nàn bay tới khiến thằng Linh nhớ tới bánh chưng ăn với củ kiệu. Giờ này mà có bánh chưng, nó dám ăn hết nguyên một cái. Lại nuốt nước miếng, rồi nhìn ngó quanh quần, thằng Linh nhận ra lưỡi nó khô, miệng đắng ngét. Giơ cao tay áo thun cáu bẩn lau lau những hạt mồ hôi trên trán, tay còn lại thằng Linh đưa vào trong túi của cái quần đùi màu vàng bạc thếch tìm kiếm. Thằng Lượm nhìn bạn, thoáng vẻ dò hỏi. Không nói chi, thằng Linh thận trọng lôi ra được từ trong túi quần đùi một cục bi và một cục kẹo xinh gồm. Trả lại cục bi vào trong túi quần, thằng Linh cẩn thận bóc tờ giấy trắng đục bao quanh cục kẹo xinh gồm màu hồng. Thằng Linh cố gắng bẻ cục kẹo hình vuông be bé bằng đầu ngón chân cái ra làm hai phần bằng nhau. Đưa cho thằng Lượm một nửa, nửa phần còn lại, thằng Linh bỏ thẳng vào mồm nhai nhóp nhép. Giơ cao tờ giấy trắng đục, thằng Linh chăm chú nhìn hình in con khủng long đang vươn cao đầu đáng vẻ đe dọa. Sau một thoáng ngần ngừ, thằng Linh đưa cho thằng Lượm miếng giấy in có hình con khủng long, miệng nói,

điều bộ đàn anh,

- Cho chú em.

Nhìn hình in con khủng long, thằng Lượm mắt sáng lên, một tay cầm tờ giấy in, tay kia cầm nửa cục kẹo xinh gồm màu hồng đưa thẳng vào miệng. Mặt nó đã có vẻ tươi ra. Đang nhai kẹo, tiền đạo Lượm bất chợt dừng lại, cất tiếng hỏi, giọng điệu nghi ngờ,

- Ở đâu mà mày có cục kẹo xinh gồm? Mày lại chôm chĩa của thằng Toàn Mập phải không?

Thằng Linh phản ứng liền, nó lắc đầu quầy quậy,

- Tầm bậy. Thằng Toàn Mập hết đồ viện trợ rồi. Cục kẹo xinh gồm này là của cô Cao Ủy Christine cho tao sáng nay, hai cục lận. Tao cho con Hoa Tiểu Thư một cục. Mày không tin tao, đi mà hỏi con Hoa...

Trước lời giải thích của bạn mình, thằng Lượm im lìm, không phản ứng. Thấy vậy, thằng Linh cất tiếng,

- Ê, bỏ vụ đó đi. Chiều nay sau khi tan học, tụi mình tiếp tục... dợt banh nhé.

Thằng Linh ngần ngừ,

- Anh Cường hỏi tao... sao, sao kỳ này không thấy mày dợt với đội banh nữa?

Thằng Lượm cúi đầu xuống, yên lặng trong khoảng một phút, rồi ngần ngừ cất tiếng nói, giọng nhỏ lại,

- Thằng Minh Hô cà chớn! Tuần trước, dợt banh xong, về tới giường, tao lấy đầu cù là xước mãi vẫn chưa hết vết bầm.

Nghe bạn nói, thằng Linh ngậm chặt hai hàm răng, hít hơi thật sâu, rồi liếc nhìn thằng Lượm. Bây giờ nó đã hiểu tại sao thằng Lượm bỏ không tham gia đội banh Hùng Vương nữa. Thằng Lượm thích đá banh, đá banh giỏi, khoái coi truyện hình, nhất là truyện hình Xì Trum, nhưng lại nhút nhát,

bởi vậy dễ bị người ta bắt nạt. Nhận xét về tiền đạo của đội banh thiếu nhi, anh Cường nói, “Tiền đạo Lượm đá banh thì như trâu cùi, nhưng nhát như cáy, lại hay tủi thân”; bởi có lần, trong khi đang dợt banh, thằng Lượm lơ là sút banh đập vỡ nát khung cửa sổ kiếng của thư viện nằm gần ngay đó. Anh Cường bữa đó nổi giận, la tiền đạo Lượm, “Kiếng vỡ thì đền. Nhưng mảnh kiếng văng tung toé khắp mặt đất, làm sao hốt cho hết?”. Anh Cường la chưa dứt câu, thằng Lượm hai hàng nước mắt ngấn dài. Thằng Linh biết tại sao thằng Lượm ưa tủi thân, nhưng nó không nói cho anh Cường biết lý do. Chuyện đó, nó chỉ giữ kín cho riêng mình nó mà thôi. Nhưng có một điều không ai có thể từ chối được là thằng Lượm lừa banh giỏi. Nó đã dẫn banh xuống khung thành, không có thằng nào trong đội banh có khả năng cản được đôi chân vàng của tiền đạo Lượm. Thằng Linh nhớ lại có một lần, sau khi lưỡi của khung thành của bên thằng Minh Hô bị thủng nát bét bởi những trái banh do thằng Lượm đều đặn sút vào, hậu vệ Minh Hô nổi cáu. Minh Hô nổi cáu, Minh Hô cắn me đợi chờ giây phút tiền đạo Lượm đang ào ào dẫn banh xuống khung thành, Minh Hô đưa chân ra. Thằng Lượm né không kịp, té lăn lăn mấy vòng trên sân cỏ, hai tay bùm lại che mặt với hai dòng máu đỏ chảy tuôn ra từ lỗ mũi. Thấy bạn mình lồm cồm bò dậy, mặt dính đầy máu, thủ quân Linh nhào tới, đập hậu vệ Minh Hô những cú đấm không thương tiếc. Nếu anh Cường không can ra, hôm đó chắc chắn cái mặt của thằng Minh Hô sẽ te tua như cái mền rách đầy lỗ thủng của khu Âu Cơ. Bữa hôm đó, anh Cường phạt thằng Linh, không

cho nó ra sân banh dợt buổi chiều ngày hôm sau. Anh ấy nói, “Không phải thấy người ta lầm lỗi, bạo động, rồi mình cũng bắt chước lầm lỗi, bạo động theo”.

Tối hôm đó, về tới nhà thằng Lượm sốt nặng, rên hừ hự, người nóng như cục than hồng. Thằng Linh chạy ra ngoài hàng rào bứt một nắm lá khuynh diệp, rồi chạy đi nhỏ lên mấy bụi sả trồng trong sân của khu nhà hộp tiền chế. Về tới khu Âu Cơ, thấy anh Cường vắng nhà, nó len lén nổi lửa nấu nước xông hơi cho thằng Lượm. Nó còn te te chạy sang nhà con Hoa Tiểu Thư gãi tai ngằn ngứa xin thuốc cảm. Con Hoa Tiểu Thư lắc đầu, “Tao không có”, nhưng thì thầm nói, “Tao biết thằng xì thẩu Toàn Mập có mấy vỉ thuốc cảm giấu ở dưới gối”. Thằng Linh hỏi, “Cho tao mượn mấy đồng, được không?”. Con Hoa lại lắc đầu, “Tao hết tiền rồi”. Thằng Linh tiu nghỉu chạy về khu Âu Cơ. Nhìn lên giường của thằng Toàn Mập, thằng Linh thấy cái giường gỗ trống trơn. Làm bộ đi ngang qua giường của thằng Toàn Mập, rồi làm ra vẻ như ngứa chân, thằng Linh ngồi thụp xuống gãi gãi. Ngang tầm với cái gối của thằng Toàn Mập, thằng Linh nhè nhẹ lật cái gối lên. Nó nhìn thấy vỉ thuốc như lời con Hoa nói. Chưa hết, nó còn thấy dưới gối của thằng Toàn Mập mấy đồng tiền giấy Mã Lai. Thằng Toàn Mập người Việt gốc Hoa, có ông cậu người Mã gốc Tàu làm chủ tiệm ở thủ đô Kuala Lumpur. Nhờ có cậu, thằng Toàn Mập nhận được đồ viện trợ thường xuyên, cho nên Toàn Mập lúc nào cũng rủng rỉnh tiền bạc. Giờ này thấy những tờ giấy tiền Mã nằm dưới gối của Toàn Mập, thằng Linh ngằn ngứa. Sau một phút suy nghĩ, thằng Linh chép miệng, thôi kệ, khi có tiền, nó sẽ để lại dưới

gối, trả lại cho thằng Toàn Mập. Có tiền, thằng Linh chạy ra căng tin Tàu mua tô cháo huyết nóng mang về cho thằng Lượm ăn. Thằng Lượm vừa xông nước nóng nấu với lá khuynh diệp và lá sả xong, thấy tô cháo huyết nóng, nó không nói một lời, húp xùm xụp, vét cạn đáy, xong rồi uống thuốc cảm. Thằng Lượm hỏi thằng Linh, “Ở đâu mà có tiền mà mua thuốc với cháo vậy?” Thằng Linh ậm ừ, không trả lời. Nhưng rồi thằng Lượm cũng biết vụ thằng Linh nhỏ sả của khu nhà hộp và chôm thuốc của thằng Toàn Mập. Thằng Linh đoán chắc tại con Hoa Tiểu Thư lẻo mép nói cho thằng Lượm nghe. Nhưng về vụ nó chôm tiền của thằng Toàn Mập, cả con Hoa Tiểu Thư và thằng Lượm đều không biết chi. Ngày hôm sau, thấy Toàn Mập ngồi khóc hu hu bởi vì mất tiền, thằng Lượm nhìn thằng Linh, đáng điệu nghi ngờ. Nhưng thằng Linh cứ lủi lủi bỏ đi, làm lơ như không biết chi. Một tháng sau, nhận được tiền của chú nó ở bên Mỹ gửi qua, thằng Linh để tiền lại dưới gối của thằng Toàn Mập, vừa tiền thuốc vừa tiền giấy mà nó đã chôm để mua cháo cho thằng Lượm.

Ngưng lại dòng tư tưởng, thằng Linh nhìn thằng Lượm. Ngậm chặt hai hàm răng lại, thằng Linh lòng dạn lòng, chút nữa nó sẽ méc, sẽ nói cho anh Cường biết vụ thằng Minh Hô chơi xấu khiến thằng Lượm bỏ, thôi không dợt banh nữa.

Nhưng, thằng Linh gãi gãi trán, bởi nó vẫn không hiểu tại sao gần đây, khoảng một tuần rồi, tối tối, thằng Lượm hay bỏ về khu Âu Cơ, đắp mềm nằm kín mít, rồi tối hôm qua lại ngồi khóc một mình trên sân cỏ của khu Âu Cơ! Nhìn nắng trưa hè ngày Ba Mươi

Tết gay gắt, rồi lại nhìn thằng Lượm vẫn đang lơ đãng cúi đầu nhìn xuống nền gạch xi măng, mặt gầy, hai má nhô cao, thằng Linh tự nhiên cảm thấy thương thằng bạn thân cũng là thằng anh em kết nghĩa của nó thật nhiều. Hồi mới tới đảo Bidong, nó với thằng Lượm, hai đứa cũng bày đặt chích máu ăn thề. Phải gọi là chích máu ăn thề, bởi vì hai đứa nhát thỏ đế, sợ đau, chỉ dám dùng cây kim khâu chích đầu ngón tay mà thôi, chứ không dám dùng dao lam Gillette cạo râu cắt đầu ngón tay lấy máu. Phần của thằng Linh hồi đó là đi mượn của con Hoa Tiểu Thư cái kim khâu và kiếm mấy cây nhang. Mượn cây kim khâu thì dễ ồm bởi vì chị Hương của con Hoa thêu đẹp như vẽ, trong nhà đầy kim khâu dít vàng. Nhưng khi thằng Linh nhắc tới mấy cây nhang Bồ Đề, con Hoa Tiểu Thư lắc đầu nói, “Tao đạo Công Giáo, trong nhà không có nhang cúng”. Nghe con Hoa nói vậy, thằng Linh đi thẳng một mạch lên chùa. Rình rình không có ai để ý, thằng Linh rút nhẹ mấy cây nhang để ngay trên bàn thờ Phật, rồi ba chân bốn cẳng phóng ra khỏi chánh điện ngôi chùa. Thằng Lượm thì nhờ con Thủy Sún chôm của ba nó một chút để tráng đồ vào cái ly làm bằng đất nung uống trà. Chuyện này phải vô cùng bí mật, bởi nếu cảnh sát Mã Lai biết, ba con Thủy Sún và nó sẽ thú hẻo luôn. Con Thủy Sún hỏi thằng Lượm, “Lượm lấy rượu để làm chi vậy?”. Thằng Lượm sạo ke, “Để bóp chân cho thằng Linh. Thằng Linh đá banh, bị bầm chân, phải lấy rượu bóp cho tan máu bầm”. Mang rượu về tới nhà, thằng Lượm và thằng Linh chờ tới khoảng 8 giờ tối, hai đứa rủ nhau đi ra sân sau của khu Âu Cơ, giờ đó, khu Âu Cơ vắng

người. Hai đứa xì xụp đốt nhang, khấn vái kết nghĩa huynh đệ, “Trên có trời, dưới có đất, con và thằng Lượm kết nghĩa anh em...” Nói tới đây, thằng Linh hết ý. Thấy thằng Linh lúng túng dừng lại, thằng Lượm nhắc bạn, “Có phước cùng hưởng, có nạn cùng chia”. Bởi thằng Lượm nhắc tuồng, thằng Linh được dịp bán cái, “Tới phiên mày, mày nói đi”. Bị thằng Linh bán cái, thằng Lượm nhắc lại nguyên câu, “Trên có trời, dưới có đất, con và thằng Linh kết nghĩa huynh đệ. Có phước cùng hưởng, có nạn cùng chia”. Thằng Linh lớn hơn mấy tháng, được làm đại ca. Thằng Lượm nhỏ hơn, làm tiểu đệ. Hai đứa khấn xong, thằng Linh lấy đầu kim chích vào ngón tay của nó và ngón tay của thằng Lượm một phát cho máu đỏ chảy xuống ly rượu. Sau cùng hai đứa mắt nhắm chặt, nhắm mắt, chia nhau uống cạn ly rượu để kết nghĩa. Thằng Linh hồi đó còn tính rủ cả con Hoa Tiểu Thư vào cho đủ ba người như ba anh em Lưu Bị, Vân Trường, và Trương Phi hồi xưa. Nhưng đề nghị của thằng Linh bị thằng Lượm phản đối quyết liệt, bởi theo lời của thằng Lượm, “Con Hoa Tiểu Thư điệu thấy mờ. Lại hay nhõng nhẽo, hơi chút là khóc nhè. Mày thích thì mày đi kết nghĩa với nó đi. Coi chừng tụi mày hóa ra vợ chồng, bị như vậy thì ráng mà chịu, đừng có kêu!”

Thằng Linh đổi hướng câu chuyện,

- Ê! Hay là chiều nay, tụi mình vô thư viện đọc truyện Xi Trum. Tao biết hôm nay Ba Mười Tết, cô Cao Ủy Christine sáng nay mới mang vào trong trại nhiều truyện hình, mới cáo chỉ.

Nghe bạn rủ vô thư viện đọc truyện tranh, nhưng thằng Lượm vẫn không trả lời. Thằng Linh lắc

đầu, vẻ chán nản, vẻ giận hờn. Cúi đầu xuống, nó lấy cành cây khô vẽ vẽ những vòng tròn to nhỏ trên sân gạch xi măng. Thằng Linh cảm thấy chán chán trong người. Khúc bánh mì kẹp thịt cá thu hộp và nồi chè đón Giao Thừa tối nay đã vỡ tan như trái bong bóng căng phồng hơi. Giờ này, nó đói meo. Hôm nay Ba Mười Tết, nhưng trong túi nó không có một đồng xu teng để ăn Tết. Thằng Linh thở dài...

Nắng xế trưa xích đạo tiếp tục đốt lửa chiếu sáng sân trường tiểu học của trại tỵ nạn vào ngày Ba Mười Tết. Tiếng pháo Giao Thừa từ thủ đô Kuala Lumpur tiếp tục nổ đi đùng xa xa. Sân gạch xi măng ngùn ngụt bốc lên hơi nóng phả vào mặt của hai thằng bé mồ côi. Trời cao tiếp tục len lỏi chui xuyên qua những lỗ hổng trên mái tôn xanh xanh màu thép. Nắng trời buông mình rớt xuống nghiêng nghiêng điểm chấm hoa trời, hoa trời nở tung trên hai mảnh áo thun trắng đục mồ côi. Một cánh chim én mùa Xuân bay sà xuống sát mặt đất trong khi thằng Lượm bất chợt cất tiếng nói,

- Chiều nay... Chiều nay tao lên chùa... đốt nhang cúng một năm cho ba tao.

Thằng Linh dừng lại, ngưng hẳn, thôi không vẽ những hình tròn. Nó thấy sân gạch của trường tiểu học vào ngày Ba Mười Tết tự nhiên mở rộng mênh mông với ba của thằng Lượm và bao nhiêu người thanh niên khác đang hốt hoảng chờ đợi đáp ngụp lặn trong làn nước xanh. Đứng bên cạnh thằng Linh, thằng Lượm đang la hét khóc gào. Nhưng tiếng khóc của thằng Lượm vẫn không át được những tiếng cười và tiếng đạn bắn thẳng vào những mảng tóc đen nhấp nhô. Sóng tiếp tục

đẩy tới. Trời tiếp tục xanh trong. Máu tiếp tục loang lổ. Chỉ trong thoáng chốc, ba của thằng Lượm cùng bao nhiêu người thanh niên trên chuyến tàu định mệnh biến tan vào hư vô. Nước biển của vịnh Thái Lan vẫn màu xanh, màu xanh ngây thơ vô tội, màu xanh đậm đặc dịu hiền. Không còn chút chi vương vấn lẫn lộn trên làn nước xanh, dù chỉ là một gợn máu đỏ tươi.

Thằng Linh liếc ngang. Nó thấy thằng Lượm đỏ hoe hoe nước mắt. Nó tự nhiên cũng muốn khóc theo bạn, nhưng làm mặt cứng bằng cách đưa tay vỗ vai thằng Lượm, rồi đứng lên cố gắng chặn lại những hàng nước mắt,

- OK, chiều nay tụi mình đi chùa.

Thằng Linh đứng dậy, rồi lại ngồi xuống, mặt ngẩn ngơ,

- Mày, mày có nhang chưa?

Thằng Lượm gật đầu,

- Có, có rồi. Con Thủy...

Thằng Linh nheo nheo mắt,

- Thủy? Thủy nào?

- Thủy, con Thủy Sún, chứ còn con Thủy nào?

Thằng Linh vờ vịt,

- Tao tưởng mày nói con Thủy Ghê...

Ừ ừ cạc cạc như vịt Xiêm, thằng Lượm dính bầy tại chỗ,

- Con Thủy Ghê dữ như quỷ.

Ai thêm chơi với nó. Lần trước tao ghé nhà của nó xin một chút xiu rượu của anh nó để tụi mình làm lễ kết nghĩa đệ huynh. Ông anh nó biết tiếng Tàu, làm thông dịch viên cho căng tin của người Tàu, cho nên tao nghe tụi nó nói anh con Thủy bán rượu lậu. Nghe tao mở miệng xin rượu, con Thủy Ghê làm mặt bộ hung cất giọng cự nự, “Bày đặt, mới bấy lớn mà đã rượu chè”. Nghe nó nói như vậy, tao ghét cái bản mặt, cất bước bỏ đi thẳng sang nhà con

Thủy Sún. Con Thủy Sún chỉ tội bị sâu ăn siết mấy cái răng cửa mà thôi, chứ tính nó thì hiền khô...

Thằng Linh cười cười,

- Mày khỏi vòng vo tam quốc, mấy đứa ở trong khu Âu Cơ, đứa nào không biết là mày khoái con Thủy Sún...

Bị thằng Linh chọc đúng vào ngay lỗ rốn, thằng Lượm quē một cục, phản công lại liền,

- Thì cũng như mày khoái con Hoa Tiểu Thư mà thôi. Con gái con đứa gì mà điệu thấy phát ớn!

Thằng Linh trả đòn,

- Thì con Thủy cũng vậy thôi. Điều dàng trời. Nhìn muốn nóng lạnh!

Thằng Linh nhìn thằng Lượm. Thằng Lượm nhìn thằng Linh. Cả hai đứa tự nhiên yên lặng, không nói chi, rồi cả hai phá ra cười tung toé. Dứt tràng cười, thằng Lượm vừa lắc lắc đầu, tiếp tục câu chuyện,

- Mày biết không? Nghe nói là tao đang cần nhang, con Thủy Sún rình rình đợi lúc ba nó vắng nhà, nó rút nhẹ mấy cây nhang trên bàn thờ giấu biến đi. Cách đây mấy hôm, nó ghé vào khu Âu Cơ đưa cho tao mười cây.

Thằng Lượm đổi giọng, khuôn mặt ẩn hiện nét lo lắng,

- Mười cây, đủ không mày?

Thằng Linh nhớ lại chuyện hồi xưa nó đi chôm chĩa mấy cây nhang ở trên chùa cho lần kết nghĩa huynh đệ với thằng Lượm,

- Mười cây. Chắc đủ. Ở trên chùa, tao thấy đâu có ai đốt hết một bao nhang bao giờ.

Thằng Linh đổi đề tài,

- Ê, miếng giấy in đâu rồi?

Móc trong túi quần tấm giấy trắng đục có hình in con khủng long ra, thằng Lượm ngần ngại chìa ra trước mặt thằng Linh,

- Mày đã hứa từ lúc nãy là

mày cho tao hình in con khủng long rồi đó nghe. Thằng nào ba xạo, thằng đó chết, đi lộn đầu xuống đất.

Thằng Linh bĩu môi, lên giọng đại ca,

- Ai thêm xạo ke như chú em. Đưa đây. Đưa đây cho tao. Đưa tay trái ra.

Thằng Lượm chìa tay trái ra. Thằng Linh le lưỡi liếm tờ giấy màu trắng đục có hình chú khủng long màu đỏ tươi. Nó dí nguyên cả tấm hình lên làn da đen cháy nơi cổ tay khẳng khiu của thằng Lượm. Di di chà chà mấy lần, thằng Linh cuối cùng lôi tờ giấy màu trắng đục ra, hình chú khủng long đỏ tươi rõ nét hiện ra trên cánh tay trái của thằng Lượm, nhìn cứ y như hình xăm thứ thiệt. Thằng Lượm nhìn hình con khủng long, nhoẻn miệng cười,

- Nước miếng mày thúì ồm!

Thằng Linh kê nhẹ,

- Đừng có làm tàng. Nước miếng của mày thì ngon hơn ai. Tối qua, mày chui lên giường của tao ngủ ké, nước miếng chảy hôi rình cái gối của tao... Chút nữa về tới nhà, tao bắt chú em mang ra vùi nước phong tên chà xà phòng giặt sạch cái gối cho tao. Nếu không tao đưa mày lên Ban Trật Tự...

Thằng Linh dừng lại, bắt chước giọng của người đàn bà trong căn nhà hộp,

- Truyền đời cho mày biết, cơm không ăn, lại muốn ăn cá, thế thì hôm nay Giao Thừa, bà sẽ cho mày đi chùi cầu tiêu, rửa chuồng lợn...

Thằng Linh dừng lại, nhìn thằng Lượm, cả hai nhớ lại chuyện cái lon và người đàn bà mập trong căn nhà hộp vừa xảy ra mới lúc nãy, cả hai thằng bé mồ côi cùng phá lên cười, tiếng cười tươi vui ồn ào một khoảng không gian

vắng bóng người của sân trường tiểu học Hùng Vương. Thằng Linh nhắc nhở thằng Lượm,

- Thôi, tụi mình về nhà đi!

Thằng Lượm ngớ ngẩn hỏi lại,

- Về nhà, nhà nào?

Thằng Linh trợn mắt,

- Mày mát vừa vừa thôi, nhà Âu Cơ chứ còn nhà nào. Về nhà tìm thằng Toàn Mập mượn tiền nó. Tối nay tụi mình nấu chè đón Giao Thừa.

Dừng lại một bước chân, thằng Lượm nhìn thẳng vào mặt của thằng Linh,

- Sao mày biết thằng Toàn Mập có tiền?

Thằng Linh cự nự,

- Mày tưởng mày ngon lắm, đừng có làm tàng! Sáng nay, thằng con nhà Toàn khoe với tao là cậu nó mới ghé vào trại lì xì nó tiền...

Chỉ còn khoảng mười tiếng đồng hồ nữa thôi, Giao Thừa sẽ điểm nhịp. Trời xanh của buổi chiều cuối năm bỗng dưng nổi gió. Gió chiều Ba Mươi Tết thổi tung toé những sợi tóc rối bù cháy vàng hoe hoe của hai thằng bé mồ côi. Một đứa bước tới, vừa bước đi vừa lấy năm ngón tay vuốt vuốt những sợi tóc bám phủ ngồn ngang trên trán. Thằng thứ hai đang chậm rãi đi theo phía sau, mặt nó cúi xuống, nhìn cánh tay trái có hình con khủng long đỏ tươi rõ nét, miệng cười thật tươi. Hai thằng nhỏ mồ côi cuối cùng bắt kịp nhau trên con đường dẫn về khu Âu Cơ của trại ty nạn. Bóng của hai thằng nhỏ đổ thật dài, sau cùng loang lổ, nhạt nhòe, rồi biến mất ngay tại ngõ quẹo của dãy nhà long house của trại ty nạn Sungai Besi. Những tràng pháo từ hướng của thủ đô Kuala Lumpur tiếp tục nổ đi ùng, tạch tạch, ùng! tạch tạch, ùng!... ●

Thiếu-Phụ Nam Xương

Hoàng Du Thuy



Sau buổi cơm chiều, ông Luật ngồi nhâm nhi ly trà và đọc báo. Lòng ông chùng xuống mỗi khi thấy tên một người làm văn nghệ ra đi. Lóng rày văn nghệ sĩ chết hơi nhiều. Khi thì ông nhà văn, lúc thì ông họa sĩ, tháng rồi thì ông nhạc sĩ. Tất cả những con tầm văn học đã thoi nhả tơ. Như thế có nghĩa là tiếng Việt sẽ tồn tại không lâu. Ông thở dài chua xót. Làm sao cây bồ đề có thể xanh tươi trên đất thánh? Tiếng Việt không thể trường tồn trên đất Mỹ mênh mông. Vài triệu người Việt Nam thì sánh sao được với triệu, tỉ người nói tiếng Mỹ? Ông đang băng khuâng thì thằng cháu nội đến gần bên thở thê:

- Nội ơi, tối nay nội dạy con học tiếng Việt nghe. Chúa Nhật này con thi lên lớp rồi. Con muốn điểm cao hơn con Thúy.

Ông vui vẻ xoa đầu thằng nhỏ và nói thầm trong bụng thằng nhỏ mới bầy lớn mà đã dại gái giống ... ông nội nó! Muốn hơn điểm con Thúy tức là muốn con Thúy nể phục mình và để ý tới mình. Không thấy ông trả lời dứt khoát, thằng nhỏ cứ lẩn xấn một bên. Sức nhớ ra, ông nói cho nó an tâm:

- Ủ, con đi chơi đi. Để nội đọc hết tờ báo này rồi nội dạy con học.

Nhìn cái dáng nhỏ nhoi tung tăng bước đi, lòng ông rộn rã. Gì chớ chuyện dạy tiếng Việt cho bọn trẻ người Mỹ gốc Việt thì lúc nào ông cũng sẵn sàng. Ông đứng ra nhận chức Hiệu Trưởng trường Việt Ngữ và cuối tuần nào ông cũng đến trường đôn đốc, giúp đỡ các thầy, cô bỏ công ra dạy tiếng Việt cho bọn trẻ hiếu học, muốn tìm hiểu văn hoá nước mình. Với cháu ông thì bất cứ lúc nào ông cũng muốn dạy chẳng nề hà. Cả cuộc đời ông giờ chỉ còn thằng

cháu nội đích tôn. Nó muốn gì ông cũng chiều, ba má nó nặng lời với nó một chút cũng đủ cho ông xót dạ. Con trai và dâu ông cứ cần nhằn ba cứng nó quá làm sao tụi con dạy nó được. Biết con mình có lý nhưng ông vẫn nói ngang:

- Tụi bây muốn dạy nó kiểu nào cũng được nhưng miễn là khuất mắt ba.

Rồi ông còn hù dọa tụi nhỏ:
- Bây nhớ là ở xứ này không được động đến tụi con nít đó nghe.

Con dâu ông cười:

- Ở xứ Mỹ này luật nào ba cũng chống, chỉ ủng hộ cái luật cấm đánh con nít!

Ông cố lôi kéo thêm đồng minh:

- May mà chỉ có mình ba. Má tụi bây mà còn sống để gì tụi bây động được tới sợi lông chun thằng nhỏ hay đem được thằng nhỏ đi gọi nhà trẻ.

Hai vợ chồng thằng con chỉ biết lắc đầu cười. Nội cái chuyện đem thằng Quân đi gọi nhà trẻ ông đã làm mặt giận hờn với con và dâu hết mấy bữa. Tụi nó nói con nít ở đây đứa nào cũng đi nhà trẻ, đâu chỉ có mình thằng Quân. Đi nhà trẻ nó mới có bạn bè đồng lứa tuổi, mới phát triển được. Ông giận hờn, vậy chớ ông nội ở không làm gì, không giữ cháu được hay sao mà phải đem đi gọi người khác? Tụi nó cất nghĩa hoài ông mới chịu cho đem thằng nhỏ đi mà còn ra điều kiện cháu tao mà bệnh hoạn, ốm đau là tụi bây không được đem đi đâu gọi nữa hết đó nghe. Nhờ trời thương, thằng nhỏ cứ lớn phổng phao, bậm trợn nên ông cũng không có lý gì giữ nó ở nhà. Lúc đầu mỗi khi tụi nó 'gói' thằng nhỏ kín mít cho khỏi lạnh trong lúc đem từ nhà ra xe là ông tắc lưỡi, lắc đầu.

Nếu mà tụi nó chịu để thằng nhỏ ở nhà cho ông giữ thì cháu ông đâu có phải khổ sở như vậy. Nhiều lúc ông cầu cho nó bình cho cha mẹ nó sáng mắt ra.

Lúc thằng nhỏ lớn khôn chút đỉnh thì lại có chuyện tranh cãi mới. Ông muốn cháu học tiếng Việt nhưng con dâu ông thì nói tụi nhỏ đi ra khỏi nhà là bắn tiếng Anh, học tiếng Việt xài vô chỗ nào. Thằng con ông thì con nhà tông, giống ông từ lông tới cánh nên thờ bà một phép. Vợ nó nói gì cũng gạt đầu vợ con nói phải đó ba. Riêng ông lại muốn cháu biết nói tiếng Việt để trò chuyện với mình. Di tản từ năm 75, tiếng Anh ông không tề nhưng ông cháu tâm tình bằng tiếng Anh thì còn ra cái thể thống gì nữa. Được cái con dâu ông là người tề nhị, thấy ông cu ky một mình nên rốt cuộc cũng ngầm khuyến khích ông dạy tiếng Việt cho cháu để ông cháu có thời giờ hủ hỉ với nhau. Được vài tuần, nghe thằng nhỏ nói tiếng Việt dễ thương quá sức, nó không chống đối việc cho thằng con học tiếng Việt nữa mà còn chịu khó chở nó tới trường học thêm mỗi Chúa Nhật. Tuần nào ông cũng nhín chút thời giờ làm việc ở trường để đứng nhìn thằng nhỏ nghiêng người uốn nắn những chữ Việt thân thương. Ông vui với cháu mà thương bà không được hưởng cái hạnh phúc ngọt ngào này. Bà mất sau một cơn đau tim đột ngột lúc thằng nhỏ mới vừa biết lật. Nghĩ tới cái chết của bà, ông thấy cay cay sống mũi. Ông chợt nghĩ ra bài học dạy cho cháu tối nay.

Xếp tờ báo lại, ông cầm ly trà đi vào phòng gia đình. Trong một góc phòng, cạnh lò sưởi, ba thằng Quân đã kê một cái bàn và một tấm bảng để ông dạy cháu học. Chớp mắt mấy cái, sửa lại kính

mắt, ông cẩn thận cầm miếng ni chùi mặt bảng trắng cho thật sạch. Chọn cây bút màu đen, ông nắn nót viết lên mặt bảng: *Nghi ngút đầu làng tỏa khói hương. Miếu ai như miếu vợ chàng Trương.* Nét chữ đen cứng cỏi của ông nổi bật trên nền bảng trắng làm tim ông nhói đau. Ông ngược nhìn di ảnh vợ trên bàn thờ, lòng quặn thắt. Nén hương điện không tỏa khói, không bay hương mà cũng làm mờ đôi mắt của ông. Ông thấy bà nhìn ông như trách móc.

Câu chuyện lòng từ mấy năm trước bỗng dưng trở về trong trí nhớ ông. Ngày tang ma bà, ông vật vã đờn đau tưởng chừng như có thể chui vào trong lò thiêu cùng với bà. Mấy chục năm chồng vợ, hơn hai chục năm lưu lạc quê người, lúc nào bà cũng ở cạnh ông. Vậy mà bà nỡ bỏ ông ra đi trước. Mỗi đêm nằm trong chiếc giường còn hơi hướm của bà, lòng ông như muối xát. Có nhiều đêm không ngủ được, ông trở dậy đến bàn thờ sửa lại cây nhang, nghiêng ngó tấm hình và trò chuyện với bà. Nhưng đến một ngày ông không thấy xúc động gì khi nghĩ đến bà, thậm chí ông còn oán hận đến nỗi không đi ngang bàn thờ và làm như vô tình để cây nhang mất điện. Câu chuyện lòng của ông, ông không biết tỏ cùng ai. Nói với đám con nếu tụi nó không cười vào mặt thì cũng sẽ làm cho tụi nó mất đi lòng kính trọng với người mẹ thương yêu của chúng. Nhất là với con dâu làm sao ông có thể nói câu chuyện bí mật đó với nó được?

Một tháng sau ngày bà mất phần, ông ngồi lục soạn mớ giấy tờ để kê khai với hãng bảo hiểm thì tìm thấy một tờ giấy khai sanh cũ kỹ, giấy đã ngả màu vàng ố. Tờ khai sanh mang tên Lê Văn

Lợi là người bạn cũ của ông vừa qua đời tại Việt Nam vì chứng ung thư não. Cẩm tờ giấy khai sanh của người đã chết trong tay, ông run lên vì ghen tuông và oán giận. Cái ý nghĩ đầu tiên đến trong đầu ông là bà đã có tình ý với ông Lợi trong suốt bao nhiêu năm mà ông không hề hay biết. Bà quả thật là một con rắn độc cuộn mình trong cái kén hạnh phúc của ông. Với ông, lúc nào bà cũng là người hiền phụ, là người vợ đoan chính, nào ngờ đến lúc chết đi bà mới hiện nguyên hình là một kẻ phản bội chồng. Vậy mà đã có lúc ông muốn chết theo bà cho tròn tình nghĩa.

Tờ khai sanh đã làm ông hoang mang, mất trí. Nếu bà để lại cho ông một bức thư tình hay một tang chứng lang chạ nào đó, chắc là ông dễ xử hơn vì tội trạng của bà đã rõ ràng. Ông mất ngủ nhiều đêm để nghĩ suy họ đã có quan hệ với nhau từ bao giờ. Tại

sao bà lại giữ tấm khai sanh này? Và tại sao bà giấu giếm ông nếu hai người không có điều gì khuất lấp? Cùng lúc oán trách bà, ông oán trách cả người bạn ấu thời đã nhấn tâm phát nát hạnh phúc gia đình ông. Đã có lúc ông nghi ngờ thằng Minh không phải là con mình. Biết đâu nó là giọt máu của Lợi mà bà đã mang theo ngày đi đoàn tụ với ông? Đã có lúc ông muốn tìm một lý do xác đáng nào đó để khuyến dụ nó đi thử nghiệm DNA xem nó có đúng là máu huyết của mình. Ông chưa dám thực hiện vì sợ phải đối đầu một sự thực. Mang nỗi nghi ngờ trong nhiều năm, ông chỉ biết nhìn nó dò xét dù người nào cũng nói thằng nhỏ giống ông từ khuôn mặt cho đến giọng nói. Nhưng ngoại hình thì đã chắc gì. Chỉ có sự tiến bộ của khoa học mới minh xác được huyết thống của thằng Minh.

Mang nỗi nghi ngờ triu triu

trong lòng không người thổ lộ, ông lúc nào cũng tâm sầu, bạch xác. Chưa bao giờ ông thấy rõ sức tàn phá của sự nghi kỵ. Ông muốn tin bà thủy chung, trình bạch thì tờ khai sanh lại bảo ông tin ngược lại. Ông muốn tin bà phản bội để được thơ thối trong lòng thì ánh mắt hiền dịu và sự hy sinh, nhẫn nhục của bà trong mấy chục năm chồng vợ khiến ông hổ thẹn với mình. Nhưng mà tục ngữ ta có câu tai nghe không bằng mắt thấy. Chính mắt ông đã thấy tờ khai sanh bí ẩn này thì làm sao ông khỏi nghi ngờ? Nhưng mà nói đi thì cũng nên nói lại. Chính đức Khổng tử ngày xưa còn lằm vì sự tai nghe mắt thấy của mình. Khi mấy thầy trò đi giảng đạo ở một vùng sau chiến tranh, lương thực hiếm hoi, đức Khổng tử chỉ xin được ba nhúm gạo cho sáu thầy trò. Ông dặn Nhan Hồi mượn nồi nấu cơm và khi nấu nên cẩn thận vì nếu cơm khét thì sẽ có người bị đói. Trong khi cơm sắp chín thì đức Khổng Tử nghe tiếng kim khí khua động. Ngài nhìn xuống thì thấy Nhan Hồi đang giở nắp nồi bốc lấy cơm từ nồi mà ăn. Ông buồn bã và đau lòng vô kể. Ông không ngờ người sắp kế nghiệp ông có thể hành động như thế. Nhan Hồi sợ ăn không được no nên đã ăn trước thầy và các bạn đồng môn. Sau biết ra, không phải Nhan Hồi ăn vụng, mà vì tự lãnh phần ăn lớp cơm đã bị bồ hóng trên mặt nồi rơi vào, để thầy và bạn được ăn cơm sạch. Nếu anh gạt bỏ lớp cơm này thì thầy và các bạn anh sẽ đói cho nên anh phải ăn. Nghe qua đức Khổng Tử rơi nước mắt. Ông than rằng người đời tôn ông là thánh chuyện gì cũng thông suốt, trong khi chính ông là thầy mà không hiểu được đệ tử của mình! Chính mắt mình thấy, chính tai mình nghe mà

vẫn mơ một sớm tao phùng

*Ngồi đây nhớ Tết Sài gòn
Mưa đầu xối xả gõ hồn tịch liêu
Sài gòn tha thướt mỹ miều
Chợ hoa Nguyễn Huệ, mây chiều đan tơ
Sài gòn quá khứ trong mơ
Bước chân lữ khách ngẩn ngơ phố người
Sài gòn ơi! Sài gòn ơi!
Quê-hương biên biệt ngậm ngùi trong tim
Sài gòn căm lạng oan khiên
Hai mươi xuân lẻ nguyệt chìm đáy sông
Sài gòn thương nhớ mệnh mông
Đón xuân viễn xứ mấy dòng thơ đau
Thơ ơi, vượt nhé bán cầu
Vườn xuân hoa vẫn một màu nhớ nhung
Vẫn mơ một sớm tao phùng
Trời quê đất mẹ thơ mừng xuân sang.*



tuệ nga

vẫn còn lắm. Học bài học của đức Khổng Tử, ông Luận nhất quyết phải tìm cho ra sự thật trước khi ông nhắm mắt.

Con hẻm mấy chục năm rồi vẫn còn dung dưỡng gốc phượng già. Bây giờ dù đã quá cần cỗi, nhưng nó vẫn mang trên mình những tàn phượng đỏ ối. Ngày đó Lợi nói yêu khu cư xá này chỉ vì màu phượng rực rỡ nơi đầu ngõ. Mỗi khi đi đâu về, vừa nhìn thấy màu đỏ thấp thoáng từ xa là lòng Lợi rộn ràng. Lúc nào Lợi cũng là người học sinh đang bồn chồn giữa mùa thi cử. Đời là một trường thi dài, Lợi thường nói với ông như thế. Từ tình yêu cho đến công ăn việc làm, nhất nhất đều là những cuộc tuyển sinh. Nếu không tại sao có một công việc, bao nhiêu người nộp đơn xin mà chỉ có một người được chọn? Nếu tình yêu không phải là một cuộc tuyển sinh sao một trái tim chỉ chấp nhận có một người? Từ lúc trở về Việt Nam, ngày nào ông cũng đến nhà Lợi, viện lẽ để thắp một nén nhang cho bạn, nhưng mục đích chính của việc viếng thăm, ông không có can đảm chạm đến. Hoài, vợ của Lợi vẫn điềm đạm như thuở nào. Nét thời gian tuy in trên đuôi mắt nhưng vẻ đoan trang, phúc hậu của bà không mất. Cái khó của câu chuyện là nếu thực tình tờ khai sanh của Lợi lọt vào tay vợ ông là do tình ý của hai người thì sẽ có thêm một người đau khổ trong chuyện này. Hoài không đáng phải nhận chịu sự thực nát lòng này.

Hôm nay trở lại nhà Lợi với tờ khai sinh trong tay, ông quyết định làm sáng tỏ vấn đề. Ông sẽ nói khéo với Hoài là Lợi nhờ ông lo dùm vấn giấy tờ HO. Khi Hoài đặt xong ly nước xuống bàn, ông khó khăn mở chiếc cặp da đem tờ

khai sinh của Lợi đặt ngay ngắn trên mặt bàn. Ông cố gắng nói chậm rãi:

- Tôi dọn dẹp các ngăn kéo, tình cờ thấy tấm khai sinh này. Bây giờ anh ấy mất rồi, tôi nghĩ có lẽ chị muốn giữ làm kỷ niệm nên đem trở về đây giao lại cho chị.

Bà Hoài cẩn trọng cầm tờ giấy lên xem xét. Nét mặt bà sáng lên như đang nâng niu một đời sống trong tay. Rồi hai hàng nước mắt bà từ từ lăn xuống. Ông che giấu sự xúc động của mình bằng cách đứng lên đốt cho Lợi vài nén nhang. Phẩy nhẹ bó nhang cho ngọn lửa tắt, ông nâng bó nhang ngang mày khẩn thềm bạn có linh thiêng về giải oan cho người đã khuất là vợ ông và đem sự bình thản lại cho người còn sống là ông và Hoài. Lời cầu nguyện của ông đã ứng vào giọng nói ghen ngào của bà Hoài:

- Cám ơn anh đã đem về cho tôi một kỷ niệm của anh ấy. Tờ khai sinh này hồi đó tôi đã lén anh ấy gửi cho chị đem sang để nhờ anh làm dùm giấy tờ HO. Anh ấy si diên, nhất quyết không thêm xin đi. Người đâu mà gàn dở. Bao nhiêu người bỏ xứ ra đi tìm tự do mà nhắc đến chuyện đi đứng là anh ấy gạt ngang, nước mình mình ở, sao phải đi ra nước người? Tới chết cũng còn gàn!

Cái tảng đá ngàn cân trên ngực ông vừa mới được bà Hoài nhắc xuống. Mãi đến bây giờ ông mới nhớ ra vợ mình có nói đến tờ giấy khai sanh khi vừa đoàn tụ với ông. Lúc đó, ông vừa vui nỗi vui sum họp, vừa bận rộn chuyện cộng đồng nên nói để từ từ rồi tính. Cái từ từ của ông đã mấy chục năm. Một sự hồ thẹn ủa đến đồng thời niềm hối hận cũng dâng trào trong ông. Chỉ một tờ giấy khai sinh bị quên lãng mà

ông tự dày đoạ mình bao nhiêu năm và nghi oan cho bà dù bà đã mồ yên mả đẹp. Thật đáng sợ thay cái ghen của con người. Bây giờ mọi chuyện minh bạch rồi ông mới công nhận mọi người nói đúng: thằng Minh giống ông như tạc! Còn cái thằng Quân thì rõ ràng là lông cánh của ông nội nó.

Rời nhà bạn, ông đứng tần ngần dưới gốc phượng thật lâu. Lòng ông băng khuâng nhìn những tán phượng cười. Chúng nó đang chúc mừng cho ông, người sĩ tử vừa qua một kỳ tuyển sinh khắc nghiệt. Chuyến trở về của ông thật đầy ý nghĩa. Ông không tiếc hai mươi mấy tiếng đồng hồ ngồi bó gối trên máy bay, nuốt cho trôi những phần ăn nhạt thếch. Ông vẽ trong đầu một kế hoạch lúc trở về. Ông sẽ đến ngay chùa viếng thăm bà, thắp cho bà một nén nhang và nhờ bà tạo điều kiện cho ông sớm được vào trong hủ nằm bên cạnh bà.

Sau chuyến trở về đó lòng ông nhẹ nhõm. Ông dồn hết tâm trí vào việc dạy dỗ thằng cháu nội đích tôn để bà cũng được vui lây. Ông không thể lập miếu cho bà như chàng Trương khờ dại nhưng ông gầy dựng một ngày sum họp với bà ở cỗi bên kia.

Khi vừa ra khỏi cơn mê, sức nhớ lại nhiệm vụ của mình, ông đem hết tâm tình viết cho tròn bài thơ tiết hạnh: *Ngọn đèn dù tắt đừng nghe trễ. Non nước chi cho lụy đến nàng.*

Ông đứng lúi ra xa và đọc lớn mấy câu thơ để chắc chắn không có lỗi chính tả nào. Khi ông quay đầu lại định kêu thằng cháu cùng đọc với ông, ông mới nhận ra nó đang nằm ngủ khò trên trang sách. Thằng nhỏ không thể chờ ông bắt đầu bài học tuyệt vời về Thiệu phụ Nam Xương của trời Nam xa lắc. ●

Vạn Điều Khó Nói

Hoàng Chính



1

Tôi co quắp trên nền nhà. Cơn nhức nhối bỗng bênh như tảng băng trôi nổi trong đầu. T. đứng lững lững trong khung cửa. Một người đàn bà đứng sát bên hẳn. Ông anh sao thế này. Giọng nói của T. vẫn hết như ngày nào. T. ngồi sụp xuống, lắc lắc vai tôi. Lại lên cơn nữa chắc. Tôi loay hoay chống tay ngồi dậy. Bây giờ thì tôi nhìn rõ người đàn bà. Một người đàn bà rất trẻ và rất đẹp. Với tôi, tất cả đàn bà đều trẻ, đều đẹp (dĩ nhiên là không ai bằng cô ấy).

T. ném cái túi xách lên sa lông, tuột đôi giày ra, dùng chân đá vào bên cạnh khung cửa.

Tôi đưa tay sờ rầm mặt mình. Tôi vẫn còn nguyên vẹn. Tôi nhìn T. Mới về đấy à. Rồi tôi nhìn người đàn bà. Người đàn bà có cái miệng rộng. Nụ cười xinh xắn. Nụ cười ấy tươi rói đôi môi có đường viền đỏ thắm. Màu hồng của son môi làm tươi thắm nụ cười hay nụ cười đẹp làm tươi thắm đôi môi tôi cũng không biết nữa. Người đàn bà chớp mắt hơi nhiều. Mí mắt xậm đậm đường viền đen. Con mắt lóng lánh tia nhìn gói ghém muôn vạn điều khó nói.

“Lại quên uống thuốc nữa phải không ông anh?” T. hỏi.

Tôi gật đầu cho qua chuyện. Ừ, bận quá. Bây giờ thì tôi nhớ. Tôi nhớ những vòng hào quang tỏa sáng căn phòng, tôi nhớ những đốm sáng bắn đầy không gian của những đêm pháo bông mừng ngày Quốc Khánh. Tôi nhớ cái điện thoại ở rất gần nhưng cũng rất xa tầm tay.

Sự trở về bất ngờ của T.

làm tôi sững sờ. Hấn vẫn vậy. Bật tông tích ít lâu. Nhiều khi tôi nghĩ hấn chết khô ở xó xỉnh nào đó hay đang ngồi đếm thời gian trôi bên trong hàng rào kẽm gai một trại giam nào đó của chính phủ Liên Bang.

Mỗi lần trở về, hấn thường dúm vào tay tôi một ít tiền, gọi là góp phần trả tiền thuê nhà.

Hấn cứ vậy. Chuyến này chắc đi hơi lâu, lúc biến đi, T. hay bảo tôi như thế.

Cái mặt sạm đen sừng sững trước mặt tôi. Tôi nhìn hấn như người ta nhìn một thầy ma vừa đội mồ sống dậy.

T. cầm cổ tay tròn trịa của người đàn bà, kéo lại phía tôi.

“Ông anh kết nghĩa đây!”

Người đàn bà nhoén miệng cười, “Hello anh.”

Tôi gật đầu, lòng xốn xác cơn vui lạ mặt. Tôi chống tay ngồi dậy, nhìn quanh, bối rối. Đồ đạc trong phòng bỗng bẽnh trôi. “Chú mày không báo trước để anh dọn dẹp. Cái nhà như bãi rác.” Thường tôi gọi T. bằng “mày”. Có người đàn bà bên cạnh, nó được tôi



Hoàng Chính

thêm cho chữ “chú”, nghe trang trọng hẳn lên.

T. phá ra cười. Rồi nó ngậm miệng lại nhưng vẫn tiếp tục cười. Tiếng cười khùng khục như dòng nước lũ bị tắc nghẽn, lúc tuôn qua lòng cống hẹp.

Tôi nhìn vào vạch lông mày tía kỹ của người đàn bà.

Người đàn bà quét tôi bằng con mắt ướt rồi xoay đầu nhìn quanh. Những tờ báo quảng cáo của siêu thị quảng bữa bãi trên sa lông. Đóng áo quần mới đi giặt về, chưa kịp xếp, nằm ụ lên một góc chiếc ghế dài trong phòng khách.

Rồi cái đầu tóc uốn quăn ấy xoay lại, trái tía nhìn lên tôi. Khi không tôi nghe ầm ập khắp châu thân, như lúc ôm gọn vào lòng đóng áo quần nóng hổi vừa lấy ra từ máy sấy.

“Có gì đâu anh. Đàn ông mà được như vậy là giỏi lắm rồi.”

Rồi người đàn bà xoay qua T. “Phải không anh?”

Lúc nàng quay vòng, hình ảnh hệt hẳng của một thân hình đầy đặn, cong uốn, vun đầy, loang loáng những cánh hoa vàng trên nền áo lụa, bỗng bẽnh trước mắt tôi như chiếc phao, như cánh buồm bập bềnh trong lòng cơn bão biển.

“Ông anh giỏi lắm đó em. Đầu bếp số một.” T. vênh váo.

“Vậy sao?” giọng người đàn bà reo vui. “Vậy là khỏi sợ đói rồi.”

Tôi vui lây cái vui của T. và người đàn bà của nó.

Đầu óc lâng lâng, ngây ngất trong mùi nước hoa phảng phất từ mái tóc uốn quăn, từ manh áo lụa tím điểm những bông hoa vàng, từ phần thân thể trắng ngần kia. Mùa xuân nơi ấy. Mùa xuân gió lộng, thổi bay những cánh hoa vàng. Những cánh hoa mọc trên

đồi cao. Những cánh hoa mọc trong lũng vắng. Thiên nhiên mở rộng. Hai ngọn đồi nhấp nhô. Mùi nước hoa tỏa ra từ trí tưởng, từ nước da trắng ngần.

“Quên giới thiệu anh. Đây là Jackie, người yêu của em.”

Tôi nghe cổ họng mình thắt lại. Không biết vì tuổi tác hay vì nỗi hoang mang. Tôi nhìn T., muốn bảo nó rằng mày lucky như vẫn thường nói, nhưng sự hiện diện của người đàn bà làm tôi bối rối.

Chắc T. hiểu ý tôi.

“Chuyến này dừng bước giang hồ.” T. nói cái câu nó thường hay nói mỗi khi trở về sau một thời gian bật tông tích.

Tôi cười với tía nhìn lấp lánh cơn vui của người đàn bà.

T. hiểu. Hấn đứng ép sát người đàn bà, vòng hai tay ôm quanh hông nàng. Tôi nhìn hai bàn tay củi khô xoắn lấy nhau trên bụng người đàn bà, lòng nhói lên chút gì đó như một oan ức không nguôi.

“Thật đó! Chuyến này nhất định dừng bước giang hồ.”

“Đi kiếm gì ăn đi anh.” T. đề nghị.

“Ở đây có tiệm Việt Nam không anh?” Người đàn bà ngọt ngào câu hỏi.

Tôi kể tên của vài quán ăn quen.

“Mình đi ăn ở tiệm nào đây anh?” Người đàn bà hỏi.

“Tiệm nào cũng ô-kê hết.” T. trả lời.

Thế là ba đứa kéo nhau đi ăn tiệm. Nhưng trước khi bước ra cửa, tôi không quên chạy lên phòng ngủ, thay vội bộ quần áo, rồi lướt vào nhà tắm, vớt nước lên mái đầu rậm rì những tóc. Tôi nhìn mình chăm chú trong tấm gương soi. Mấy sợi lông mũi chĩa ra như châm chọc. Tôi loay hoay

nhỏ, nhưng tiếng T. đã réo vang ở tầng dưới. Hai đứa nó chắc đói bụng lắm rồi.

T. lái chiếc xe Nhật Bản. Trước khi mở cửa xe cho tôi chui vào, hấn nháy mắt với tôi, “Đừng hỏi gì nghe ông anh.”

Tôi trả lời ô-kê và lăm lăm chui vào băng sau. Mùi da bọc nệm ghế xoáy vào lỗ mũi nồng nồng. Jackie ngồi phía trước, nghiêng đầu dựa vào vai hấn. Những ngón tay người đàn bà táy máy những nút bấm giàn đèn xanh đỏ trước mặt.

Chuyện mưa nắng thời sự nổ vang trên đường đi. Tụi Mỹ đánh I-rắc ghê quá anh nhỉ. Thành T. hăng hái đổi sang đề tài chiến tranh. Tôi không để ý gì mấy đến chuyện chiến tranh. Tôi đã hưởng đủ mùi vị chiến tranh ở Việt Nam ngày trước, dù lúc ấy tôi mới chỉ là thằng bé con chưa ráo máu đầu. Thành ra tôi cứ ậm ừ với chuyện ôm bom tự sát, chuyện thánh chiến nọ kia.

Xe ngừng. Tôi bước vội ra ngoài, lưng khùng đứng chờ.

T. chạy qua mở cửa cho Jackie. Hấn học cái kiểu cộ văn minh này từ lúc nào thế không biết. Lúc người đàn bà xoay người, đưa chân ra ngoài, tôi bắt gặp một khoảng thịt da trắng ngần. Tới bây giờ tôi mới nhận ra chiếc váy ngắn trên đầu gối màu da bò Jackie mặc.

Tô phở nguội mau trước mặt tôi. Tôi đã cố lắng nghe tiếng nhạc vọng ra từ những chiếc loa treo ở một góc trần nhà. Người ca sĩ đang nỉ non về một tình yêu dang dở. Nhưng lời ca tình tứ không át được cái giọng ba người đàn bà ngồi ngay ở chiếc bàn trước mặt tôi.

Con mụ có giọng nói nặng nề (tôi không kể tên vùng đất ấy ra

kể người ta lại bảo là tôi kỳ thị) như thể đang vừa nói vừa trệu trạo nhai miếng chấy cơm nguội. Con mụ kể chuyện người quen nào đó du lịch Việt Nam, ăn quà vặt, ngộ độc, ói mật xanh mật vàng.

“Ăn yếu vậy anh!” Jackie nói. Tôi bối rối cười trừ.

Bỏ dở tô phở, tôi gọi một phần bánh hời thịt nướng, đem về nhà. T. gật gù. Phải rồi, để tối khỏi mất công nấu cơm. Tôi lặng thinh.

2

Buổi tối, lúc T. lái xe đưa Jackie đi quán cà phê Việt Nam, hát ka-ra-ô-kê, tôi cầm bọc bánh hời thịt nướng, qua gõ cửa nhà cô ấy.

Cô ấy ngơ ngác nhìn bọc đồ ăn trên tay tôi. Thằng bé Timmy mắt nhắm mắt mở, dụi mặt vào lưng áo mẹ.

“Ngủ chưa?” Tôi hỏi nhỏ.

“Ngủ chi sớm dzậy!” Cô nói với một nụ cười. Bao giờ câu nói của cô ấy cũng đi chung với nụ cười.

Cô ấy đỡ bọc đồ ăn trên tay tôi. Những đầu ngón tay chạm vào da lưng bàn tay tôi, mềm mại. Cái mềm mại dịu dàng bò lan trên lớp da sần sùi lớp vẩy thời gian. (Ở thời gian, gã phù thủy biến tôi thành con khỉ long già cỗi!) cái mềm mại ấy chạy vòng quanh trên da, như con ốc sên bò quần trên phiến đá mỏng hờn non bộ.

“Mua chi hoài dzậy?”

Miệng trách móc nhưng mắt cười biết ơn. Tôi lặng thinh ngắm bờ vai tròn, hờn bập bênh theo dòng tóc chảy xuôi.

Thằng bé đưa tay sờ vào bọc đồ ăn, hai mắt tròn nhìn tôi, “Mommy, Timmy đói bụng.”

Tiếng vọng cổ vọng ra từ phòng khách. Bài ca quá trời là

quen thuộc. Chiều nay én liệng trời cao, mây đào gieo khắp nẻo quê hương mù xa diệu viễn, mẹ ơi xuân năm nay chắc con sẽ không dzì... Tôi cố nán lại, nghe cho xong câu vọng cổ.

“Cám ơn nghe.” Cô nói.

Tôi trả lời không có chi rồi quay lưng trở về, lòng hân hoan một câu hát quen.

“Khoan!” Giọng thẳng thốt của cô kéo sừng bước chân tôi lại.

“Mặt sao bầm vậy?”

Tôi lấp lửng, “Không sao đâu.”

“Té nữa phải hôn?”

“Đâu có...”

“Lại quên uống thuốc nữa phải hôn?” Cô ấy nhìn tôi bằng ánh mắt trách móc.

“Đưa thuốc đây, mỗi ngày nhắc giùm cho!”

3

Đó là chút an ủi hiếm hoi mà chứng bệnh tàn khốc ấy đem lại cho tôi.

4

T. và Jackie về lúc quá nửa đêm. Hai đứa nó bỏ quên chìa khóa cửa trong phòng ngủ. Báo hại tôi phải ra mở cửa. Jackie nhìn tôi, cái nhìn dài thườn thượt.

Chắc chúng nó uống nhiều bia lắm bởi lúc đứng nép qua một bên cho hai đứa lách vào, tôi đã nghe bao tử mình quặn lên vì hơi thở nồng nặc của chúng nó. Rồi cả đêm tôi bị dựng đầu dậy bởi tiếng mở cửa phòng ngủ với tiếng đóng cửa và giạt nước nhà cầu.

Chúng nó làm cái giống gì mà lục đục suốt đêm.

Đêm ấy và những đêm sau nữa, tôi thường giạt mình thức dậy lúc một, hai giờ sáng và trần trọc mãi tới khi mặt trời mọc.



Thuyền Xưa

Phan Các Chiêu Hằng



Ngày hay tin chị Thuyền ôm cầm sang... thuyền khác, tôi biết anh Long buồn ghê lắm, mặc dù thật ra cả nhà không ai lấy làm ngạc nhiên. Chẳng gì, chị Hiền đã kể cho mọi người trong gia đình nghe về lần gặp gỡ cuối cùng giữa anh Long và chị Thuyền trước đó không lâu. Cuộc hẹn hò “mặt đối mặt, tay... chẳng cầm tay” này do chị Thuyền đề xướng đã xảy ra ở nhà chị Hiền trên Gia Định, nơi anh Long đang ở nhờ trong thời gian mới bắt đầu đi làm việc. Chị Hiền chếp miệng, rướm rướm nước mắt khi kể với má tôi:

- Má biết không, con Thuyền khóc dữ quá nên con cứ sợ nó lăn đùng ra xỉu bất tử. thằng Long nhà mình thì cứ ngồi im rơ trên ghế salon như hoá đá, còn con Thuyền thì ngồi phệt dưới đất ôm chân nó mà năn nỉ ỉ ôi, van xin nó tha thứ. Con gái Huế nói chuyện hay thiệt, văn hoa bóng bẩy quá trời, câu nào câu nấy nghe muốn rụng rời tay chân hết trơn làm hai mẹ con con núp đằng sau nhà bếp nghe lén mà cũng mũi lòng khóc bù lu bù loa. Vậy đó, mà thằng Long cứ im thin thít không thém trả lời trả vốn tiếng nào. Con Thuyền nói cả nửa tiếng đồng hồ không dứt. Cuối cùng thằng Long chỉ buông ra có một câu duy nhất, “thôi em về đi!”..

Tôi say mê ngồi nghe, há hốc miệng sững sờ. Thôi em về đi? Dù “thôi” như trong bài hát “*Thôi em đi về đi xa xôi rồi thăm nhau mà chi...*”, hay là “*Thôi em đừng nhắc nữa làm gì...*”, hoặc “*Thôi nín đi em lệ đầm vai rồi buồn thương nhớ ơi...*” với ba động từ nặng trĩu buồn-thương-nhớ đi một dọc lê thê theo nhau của ông nhạc sĩ chuyên viết nhạc thất tình Đỗ Lễ, khi chữ “thôi” nằm ở đầu câu, trong hầu hết mọi trường hợp, không phải là dấu hiệu...

khả quan. Nhất là khi hai người yêu nhau đang có chuyện lục đục trầm trọng như anh Long và chị Thuyền. Tôi hồi hộp hỏi chị Hiền, bất chấp tia nhìn đe dọa kiểu “con nít đừng bày đặt lộn xộn” của má:

- Rồi sao nữa chị Hiền?

Chị Hiền thở dài nảo nuột, nhìn tôi hơi gắt gỏng:

- Thì còn làm sao nữa! Con Thuyền phải đứng dậy đi về chỗ sao bây giờ?

Rồi chị quay sang má, tiếp tục kể lể:

- Thằng Long cứ ngồi im một chỗ không thèm màu mè đưa tiễn gì hết. Con Thuyền lủi thủi đi ra mở cửa rào một mình, vừa đi vừa khóc tức tưởi. Thấy cũng tội nghiệp!..

Tôi tròn mắt:

- Anh Long nhà mình coi vậy mà... ngon lành quá hén?

Chị Hiền bĩu môi, lắc đầu:

- Ngon lành cái con... khi mốc! Nó chỉ chờ con nhỏ kia đi khuất ngoài đầu đường là vô phòng nhào ra khóc như con nít bị ăn chối lông gà!

Tôi lặng người ngơ ngác. Anh Long hùng dũng, chững chạc, tài ba của tôi mà lại khóc như con nít vì một người con gái? Ngàn năm tôi cũng không tưởng tượng được chuyện này. Nhưng dù cho tính chị Hiền hay vẽ rồng vẽ rắn đến đâu đi nữa, chắc chị không dám “đẩy cây” với má. Tôi lăm lét nhìn má, dò chừng xem phản ứng của bà trước tin động trời này. Nét mặt má vẫn trầm tĩnh hiền hoà như bao giờ. Bà chỉ nói một câu... xuôi xị:

- Chuyện vợ chồng là chuyện duyên số, con ơi. Chắc tại hai đứa nó có duyên mà không nợ nần gì nhau. Thì thôi, biết tánh con nhỏ kỳ cục như vậy trước khi tụi nó lấy nhau vẫn hơn. Chờ chờ lấy nhau rồi, con cái lùm đùm rồi bỏ

nhau thì mới thiệt là khổ!...

Câu “thiên duyên tiền định” cũ mềm xư rích được đem ra xài kèm theo lời phán xét thực tế nhưng phũ phàng của má như gáo nước lạnh dội xuống trái tim mới lớn còn nóng bỏng sôi nổi của tôi. Trái tim đang bùng bùng dậy sóng, đang nghiêng ngửa đảo điên vì chuyện tình yêu của... thiên hạ bỗng xù xuống, eo xèo. Trong mắt của con nhỏ mới mười sáu tuổi đang lăm đắm tập tễnh làm thơ tình với rất nhiều... tưởng tượng như tôi, đoạn kết mối tình dễ thương và lãng mạn của anh Long và chị Thuyền là một chung cuộc lãng nhách, đáng lẽ không bao giờ được quyền xảy ra như vậy.

Tôi không đến độ đau khổ tuyệt vọng như anh Long, nhưng cũng ngơ ngẩn bàng hoàng mấy tháng trời. Cả Trúc nữa. Suốt ba năm trời, tháng nào hai chị em tôi cũng gò gẫm viết thư qua lại với chị Thuyền ít nhất là hai ba lần. Hai đứa cùng hăng hái bớt tiền ăn hàng vặt để dành mua tem thư.

Chị Thuyền là người lớn duy nhất chịu khó viết thư “trao đổi tâm tình” với tôi cho nên tôi quý chị lắm. Trước chị, tôi chỉ thư từ qua lại với Hạnh, con nhỏ bạn thân người Bắc chơi với tôi từ ngày mới vô trường nữ tiểu học thị xã. Hai đứa học chung đến năm cuối cùng ở tiểu học, sau vụ Tết Mậu Thân kinh hoàng, thì ba Hạnh đột ngột được lệnh đổi về Sài Gòn. Rồi sau đó Hạnh thi đậu vào trường Trưng Vương thơ mộng nằm gần sở thú, nơi mà nó vẫn cố thuyết phục tôi phải gọi là “thảo cầm viên” nghe cho nó nhẹ nhàng văn vẻ hơn, trong khi tôi “chôn vùi tuổi xuân” ở trường nữ trung học công lập trong thị xã. Thư từ trao đổi giữa tôi và Hạnh đề tài

chung chung là những mẩu chuyện làng nhàng dính dáng đến học hành, trường lớp, than van về thầy cô nghiêm khắc và bài vở khô khan khó nhớ, hay bàn bạc lung tung xềng về quần áo, thời trang. Hạnh luôn “cập nhật tin tức”, cho tôi biết hiện nay ở Sài Gòn người ta đang diện một gì, còn tôi thì biết để mà... quên. Chứ nhớ để làm gì bây giờ? Con gái tỉnh nhỏ như tôi, muôn đời ra đường nếu không mặc áo dài khi đi học thì cũng chỉ quần satin đen với áo bà ba bằng tơ lụa nội hoá. Thỉnh thoảng tôi và Hạnh nổi hứng làm một màn thể nguyện rất cảm động là hứa hẹn với nhau một ngày nào khi lớn lên, có chút đỉnh tiền túi và được phép đi xa một mình, hai đứa sẽ lặn lội đi tìm nhau để... sum vầy.

Tình bạn “bút đàm” của tôi nghèo nàn ẽo uột như vậy cho nên khi chị Thuyền trở thành người yêu của anh Long và... đi vào đời tôi, tôi và Trúc hoan nghinh bằng cả hai tay lẫn... hai chân. Hai đứa tôi tranh nhau hì hục viết thư làm thân với chị. Chị Thuyền hội đủ tất cả điều kiện để thỏa mãn cái tính mơ mộng lãng đãng của hai chị em tôi. Anh Long khoe chị hát rất hay, hay nổi tiếng trong trường đại học Khoa Học, nhất là với những tình khúc nhẹ nhàng mà ray rứt của Cung Tiến, những *Hoài Cảm*, *Hương Xưa*, *Nguyệt Cảm*... mà tôi đang yêu mê mết. Anh Long thì có ngón đàn guitar vô cùng bay bướm, ai nghe anh đàn nhạc cổ điển tây phương cũng ngẩn ngơ hồn. Anh là người đã đem chút “văn học nghệ thuật” giới thiệu vào đời con em gái tỉnh lẻ nhà quê, cho tôi biết Chopin qua *Nocturne*, Mozart qua *Elvira Madigan*, Beethoven qua *Moonlight*... Như vậy, anh Long và chị Thuyền

đúng là đôi tình nhân... nghệ sĩ. Nghe lãng mạn làm sao! Thêm vào đó, chị Thuý có dáng dấp rất ẻo lả dễ thương khi chị mặc áo dài. Anh Long chụp vô số hình chị đứng ngồi đủ kiểu trong chiếc áo dài dịu dàng tha thướt. Quỳ trên đôi cổ xanh non. Thờ thần dưới rặng thông già. Nghiêng mình bên dòng suối nhỏ. Tôi và Trúc tha hồ vác hình chị đem khoe nhặng xì ngầu với lũ bạn nhà quê cùng lớp. Còn nữa, chị Thuý là người Huế, nhà chị lại ở xa tít mù trên vùng núi đồi cao nguyên đất đỏ bụi mù, là... “giống người” hoàn toàn lạ lẫm với tôi. Bởi vậy cho nên đối với những kẻ “vọng ngoại” như tôi và Trúc, bao nhiêu hình ảnh có thật và tưởng tượng về chị bỗng mang đầy vẻ hoang đường và lãng mạn trong đó.

Dĩ nhiên tôi và Trúc không làm sao đoán biết được tình cảm chị Thuý dành cho mình thật giả, nồng sâu như thế nào. Nhưng những lá thư từ phương xa của chị luôn mang đến bao nhiêu niềm vui rộn ràng cho hai chị em tôi. Chị cũng tỏ ra chịu khó lấy lòng hai cô nhỏ có viễn ảnh trở thành em chồng tương lai của chị, viết thư riêng cho từng đứa, kể chuyện



Phan Các Chiêu Hằng

trời trăng mây nước đông dài. Thư chị viết trên giấy trắng không kẻ hàng, chữ viết tròn trĩnh thẳng thớm. Nhiều khi chị hấp tấp, viết tháu, những chữ “o” không bao giờ khép thành vòng tròn nghiêm chỉnh mà tôi thấy coi cũng hay hay. Những mẩu chuyện vụn vặt chị kể cho tôi nghe bao giờ cũng ngộ nghĩnh và dễ thương. Sao tôi thấy cái gì liên can tới chị Thuý cũng có vẻ hay ho đặc biệt hết. Tôi và Trúc thường hỏi nhau, hay có lẽ tôi mình cũng bắt chước anh Long, bị... mù quáng vì tình yêu? Từng lá thư của chị được tôi cẩn thận xếp lại theo thứ tự để đọc đi đọc lại như đọc tiểu thuyết.

Vì vậy mà hai chị em tôi cùng chia sẻ từng biến cố lớn nhỏ trong mối tình của chị Thuý và anh Long. Đầu mùa Hè, giọng thư chị ướt sũng nước mắt. Chị kể chuyện hôm anh Long về quê nghỉ hè trong khi chị còn phải ở lại trường thêm vài hôm để thi cho xong. Mặc dù anh đã dặn dò chị đừng ra bến xe đưa tiễn chỉ thêm buồn, chị đã lén tìm đến, đứng nép người sau góc tường bên cạnh bến xe để nhìn anh đi mà không dám đưa tay vẫy gọi. Tôi nghe lòng mình cũng quặn đau theo từng dòng chữ chị phơi trải tâm tình trên những trang giấy vô hồn. Tôi tưởng tượng ra vóc dáng nhỏ nhắn cô đơn của chị Thuý đứng ủ rũ trong bầu trời xám lạnh với những giọt mưa phùn lác đác phát phơ bay. Buổi sáng Đà Lạt chắc phải “*lạnh lùng sương rơi heo may*”. Còn anh Long chắc phải vai mang nặng hành lý và “*chân bước phân vân lòng ngập ngừng*”. Rồi chị Thuý lủi thủi co ro một mình trở về nữ đại học xá sau khi chuyển xe đồ cũ kỹ từ từ lăn bánh mang anh đi xa, chìm khuất trong màn sương trắng xóa mịt mờ. Tôi

chỉ tưởng tượng bấy nhiêu đó thôi mà còn lòng đau thổn thức, mắt ứa lệ rưng rưng, thì trái tim hai người trong cuộc chắc phải... bầm dập tan nát đến dường nào. Qua đầu Thu, giọng thư chị Thuý trở lại xôn xao riu rít sau những lá thư buồn thảm của mùa hè. Chị và anh Long đều đã trở lại trường để bắt đầu cho niên học mới. Đà Lạt dễ thương quá, tuyệt vời quá, Liên ơi, vì hôm nay chị đã gặp lại anh Long sau cả một mùa hè dài như trăm năm. Chị lao xao kể chuyện vui tái ngộ. Tôi nôn nao đọc thư, uống từng dòng chữ, lòng nhẹ hẫng lâng lâng.

Sau ngày anh chị cùng tốt nghiệp đại học, chị Thuý trở về quê đi dạy. Tôi “ghen” với mấy cô học trò của chị, ngang tuổi tôi, tự dưng cảm thấy như mình bắt đầu mất mát một cái gì. Ở Pleiku hay Đà Lạt gì thì chị cũng xa tôi ngút ngàn, và với tôi thật ra chị vẫn còn là “người tình không chân dung” vì chưa lần nào gặp gỡ, vậy mà tôi mơ hồ cảm thấy một Thuý của Pleiku không còn là một Thuý của Đà Lạt ngày nào. Thuý với đôi tà áo dài thướt tha bay lượn trong bầu trời băng lạnh khói sương của Đà Lạt nhất định phải nên thơ hơn là Thuý với áo dài lấm tấm bùn lầy đất đỏ của Pleiku, và buồn nhất là “Thuý của chị em tôi” đang sống giữa những người... xa lạ vì anh Long phải về Sài Gòn tiếp tục lên cao học.

Hơn nửa năm sau, ba má tôi khăn gói theo anh Long ra mãi tận Pleiku gặp gia đình chị Thuý để làm đám hỏi cho anh chị rồi... để đó, chờ anh Long học xong mới tính chuyện tiến hành đám cưới. Tôi và Trúc thì thấp thỏm trông ngóng chờ ngày anh Long cưới vợ để hai đứa được biết mùi đi máy bay coi ra thế nào. Trúc ăn

cấp chữ nó mới đọc trong truyện *Thằng Vũ* của ông Duyên Anh đem ra áp dụng liền, ngày đêm hôn hờ bần với tôi, “đi máy bay cao tít trên trời chắc phải sướng... rên mé đầu hiu, chị Liên hả?..”

Hai lần đám cưới trong gia đình tôi, của chị Hiền rồi đến anh Tùng, xe hơi còn chưa được xài đến thì dừng nói gì đến máy bay. Ngày chị Hiền lấy chồng, gia đình anh rể tôi ở ngay sau lưng nhà tôi, cách nhau cái hàng rào xi măng cao không qua đầu người. Bình thường con cái hai nhà có thể bắt ghế trèo qua trèo lại như không. Dĩ nhiên là chị Hiền chưa bao giờ thú nhận là chị có từng làm chuyện này giống như đám em út của chị hay không. Gần sát bên như vậy, nhưng không thể đón đưa dâu theo kiểu “trèo tường khoét vách” nên ngày cưới của chị Hiền hai gia đình phải đánh một vòng... gần tròn, đi ra tới đầu ngõ, quẹo phải, đi dọc theo đường hẻm bên hông để qua nhà bên kia. Khúc đuôi của đoàn rước dâu còn dồn cục bên nhà trai thì khúc đầu đã vô tới cổng rào bên nhà gái. Chị Hiền chỉ sắp xếp hành lý sơ sài lấy có vì lỡ quên thứ gì thì cứ chạy ra sân sau réo lũ em đưa đồ qua bờ tường. Năm đầu tiên còn ở bên nhà chồng, chị Hiền đi làm dâu mà chiều chiều cứ tuôn về nhà cha mẹ để tụ tập ăn hàng vặt và tán dóc, cãi cọ với em út.

Đến phiên anh Tùng đi lấy vợ thì nhà bà chị dâu ở bên cù lao nằm giữa sông, đối diện với chợ. Vậy là đoàn rước dâu đi bằng đò, áo xanh áo đỏ, dù hồng dù tím màu mè rực rỡ chói mắt cả một khúc sông. Chiếc xuồng chở đám con nít tụi tôi trông tránh suýt lật úp khi đi vào những con lạch nhỏ vì cả đám cứ xô đẩy lao nhao để chọc hái những trái ổi, trái mận chín hồng thơm tho hấp dẫn đang

đưa trên mấy nhánh cây de ra hai bên bờ kinh.

Nghĩ tới đám cưới của anh Long và chị Thuyền, tôi cười thầm, chắc thời kỳ đám cưới “thủy quân lục chiến” bao gồm từ đường bộ đến đường sông trong gia đình đã chấm dứt, không còn cảnh đi bộ tà tà như đi hóng mát hay ngồi đò lênh đênh trên sông nước.

Đôi khi, trong những lúc “trà dư tửu hậu”, tôi và Trúc hay đem chuyện anh Long và chị Thuyền ra mà mổ xẻ phân tích để chứng tỏ như mình cũng đã hiểu ít nhiều về chuyện yêu đương bồ bịch của người lớn. Trúc cho ý kiến:

- Dĩ nhiên là chị Thuyền phải thương anh Long nhiều lắm, chị Liên há? Anh mình học giỏi, đẹp trai, tài hoa, hiền lành, chung thủy, dễ thương...

Con nhỏ mới bước qua tuổi mười bốn, miệng còn hôi sữa, tập tành nói chuyện tình yêu như dân sơn đông mãi võ rao bán thuốc dán, thuốc tiêu, thuốc tẩy, cao đơn, hoàn tán..., chỉ còn thiếu hai chữ “mại dzô, mại dzô...” Tôi bật cười. Trúc phân trần:

- Vậy chớ không phải chị Thuyền là người “tấn công” anh Long trước hay sao?

Tôi suýt suýt:

- Anh Long mà nghe mày ăn nói kiểu đó thế nào cũng bị cú đầu vài cái.

Anh Long ghét tụi tôi dùng hai chữ “tấn công” này lắm, nói như vậy là ám chỉ chị Thuyền đã “chạy” theo anh, nghe... đại hạ giá con gái người ta quá! Anh hay bênh vực chị Thuyền đủ điều, tụi tôi đồng ý với nhau, ngay cả cái chuyện ai đã theo ai trước nào có mất mát thiệt thòi gì đâu mà anh cũng cố lấp liếm bào chữa cho chị. Có lẽ tại đầu óc anh có phần

hơi... cổ lỗ sĩ. Cô Út của tôi đã quả quyết:

- Tao dám chắc thằng Long nhà này là hoá thân của Khổng Tử. Người đâu mà xưa như trái đất!

Từ đó mà anh Long mới có thêm cái tên gọi ở nhà là cụ đồ Long.

Mùa hè năm đó, cuối cùng tôi và Trúc cũng được gặp mặt “thần-tượng-từ-miền-cao-nguyên-đất-đỏ” là chị Thuyền. Nhân dịp nghỉ hè, hai đứa được ba má cho phép lên nhà chị Hiền ở chơi hai tuần lễ, gặp đúng dịp chị Thuyền từ Pleiku bay về thăm anh Long. Mấy anh chị em rủ nhau lên Đường Sơn Quán ăn uống mừng ngày gặp gỡ. Chị Thuyền mặc áo dài màu vàng rực rỡ như nắng thu, quần satin trắng ống rộng mềm mại phất phơ. Dáng chị đẹp như tranh vẽ, đẹp hơn cả những tấm hình tôi đã được nhìn qua. Tóc chị suông, để dài quá vai, đường ngôi rẽ giữa thẳng tắp. Ngoài đời, nhan sắc chị cũng không thuộc vào hàng xuất sắc, nhưng chị có duyên và được trời phú cho đôi mắt sáng long lanh ướt mềm cộng thêm nụ cười e ấp dễ thương. Tôi có thể đoán được là chính đôi mắt như sao trời của chị đã làm ông anh tôi hụt chân, té nhào. *Mắt em là nước hồ thu...* Tôi đọc ở đâu đó câu ví von này. Nhìn vào mắt chị Thuyền buổi sáng hôm ấy, tôi hiểu ngay được sự so sánh thơ mộng này. Cả một bầu trời mây xanh nắng hồng rực rỡ như in bóng trong đôi mắt hồ thu của chị Thuyền ngày hôm đó.

Tôi ngồi cạnh chị và anh Long. Ghế ngồi là những gốc cây già cưa ra thành từng khoanh tròn, đặt quanh mấy cái bàn gỗ trong khoảng sân rộng với những tàn lá cao su xanh rì cao ngất ngưỡng

lao xao nhảy múa trên không. Tiếng xe cộ vùn vụt qua ngang ngoài xa lộ mơ hồ vọng lại âm thanh rầm rì dễ chịu nghe như tiếng ru. Buổi trưa thanh vắng tĩnh yên với một chút gió thoảng qua rất nhẹ làm lung linh những giọt nắng chập chờn dọi trên nền đất phẳng phiu. Mà rồi cũng chẳng ai thêm để ý cảnh trí chung quanh vì mãi mê nghe chị Thuyền nói chuyện. Chị Thuyền ở ngoài đời có lối nói chuyện ngọt ngào không khác mấy những lá thư chị viết, giọng chị nhẹ nhàng trầm bổng với bao nhiêu đề tài lý thú khác nhau. Chị quay sang hỏi Trúc về “danh lam thắng cảnh” của quê tôi. Trúc cười lúng túng:

- Quê em không có chỗ nào tên nghe hay như ở ngoài Huế của chị hết. Mấy cái tên ở ngoài đó nghe không cũng phát thèm. Trường Tiền, Hương Giang, Vỹ Dạ, Đông Ba...

Chị Thuyền cười xoa:

- Chị đâu có biết Huế ra làm sao. Gia đình chị dọn vào Pleiku lâu lắm rồi.

ôi dùng mơ kiến thức văn nghệ nghèo nàn của mình để “cứu bồ” Trúc:

- Thì Pleiku của chị cũng được ông Võ Hữu Định với ông Phạm Duy làm thành... bắt tử với “phố núi cao phố núi đầy sương...” đến đổi anh khách lạ cũng phải đi lên đi xuống, đi tới đi lui... Còn Vĩnh Long, chị có nghe bản nhạc nào nói về Vĩnh Long thơ mộng chưa?

- Vậy quê em có gì thì cứ kể cho chị nghe...

Trúc nhú mày suy nghĩ:

- Quê em có nhiều cầu lắm. Cầu Cái Cá, cầu Cái Côn, cầu Cái Cam.... Nghe “cái mà” thấy ghê luôn.

Chị Thuyền bật cười, tiếng cười chị trong veo, ấm áp:

- Rồi gì nữa Trúc?

- Cầu Lộ, cầu Lầu, cầu Kinh Cụt, cầu Công Xi Heo, cầu Vòng, cầu Ông Me, cầu Bà Điều, cầu... đủ thứ giống!

Trúc kể lể một hơi dõng dài nghe gần muốn đứt hơi, gom góp hết tên những cây cầu trong thị xã mà nó nhớ được để trả bài với chị Thuyền. Rồi nó nhìn lại nét mặt chị Thuyền càng lúc càng tỏ ra... kinh hãi với những tên cầu nghe thật chẳng giống ai, con nhỏ bỗng sượng sùng ngưng ngang, ngồi thộn mặt ra ngó quanh bàn. Mọi người cùng phì cười trong khi chị Thuyền cố nói năng một cách đàng hoàng:

- Em nói đúng ghê. Quê em quả thật là nhiều sông nhiều cầu. Cứ y như là một Venice của Việt Nam!

Chị Thuyền quả thật là người khéo ăn khéo nói, vừa nhanh trí lại vừa lịch sự hết chỗ chê. Dù không biết Venice là cái quái đản gì, tròn méo ra sao và nằm ở xó nào trên năm châu lục địa, tôi chỉ lụp chụp nghe được cái tên ngoại quốc là khoái tỉ tê trong lòng. Ừ, thì Vợ-nít nghe cũng tựa tựa như... Vĩnh Long, cùng bắt đầu bằng một chữ V, như vậy chắc chắn là có... bà con xa gần rồi. Anh Long chăm chú lắng nghe tụi tôi nói chuyện, cười tủm tỉm rồi lắc đầu làm bộ ra vẻ chán nản ê chề.

Hôm chị Hiền đột ngột về thăm nhà, tôi đoán chắc có chuyện gì không ổn, dựa theo cái vẻ đi đứng bồn chồn nóng nảy, mặt cau mày có của chị từ lúc bước chân

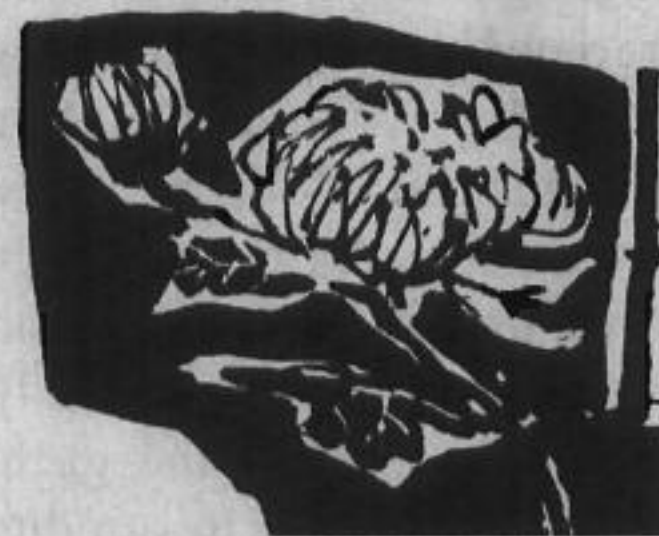
chỉ là hạt bụi

*Ta đứng chênh vênh
Như hòn đá cuội
Ôm bóng và hình
Lăn theo triền núi.*

*Vết hằn đau mãi
Trên thân phận người
Niềm đau chín tới
Buốt lạnh bờ môi.*

*Đường xa với vợ
Một chuỗi ta bà
Cánh gió chiều tà
Lệch vùng tóc rối.*

*Ta mãi trườn theo
Những bong bóng nước
Trôi nổi bọt bèo
Làm sao níu được.*



*Mộng cũ lên men
Trắng già hấp hối
Lần mò bóng đêm
So vai gương dậy.*

*Trăm năm phút chốc
Đổm sáng lượn lơ
Thà như hạt bụi
Chìm khuất trong mơ.*

*Chỉ là hạt bụi
Tan vào hư vô.*

lê hữu minh toán

vào nhà. Sau buổi cơm chiều, khi mấy chị em quây quần quanh bàn ăn chăm chú nhìn má dạy cách đồ rau câu sơn thủy, chị mới thì thầm kể lể với má:

- Vụ thằng Long với con Thuyền chắc là không xong đâu má à!...

Má tôi ngược lên nhìn chị Hiền, không giấu được sự ngạc nhiên:

- Sao vậy? Bộ tụi nó húc hặc gì hả?..

Chị Hiền thở ra:

- Anh Quang con có người bạn cũ cùng dạy một trường với con Thuyền, người ta biết Long là em con nên mới nói cho biết là con Thuyền đang cặp bồ với một anh chàng giáo sư cùng trường. Thành phố nhỏ xíu nên chuyện trong nhà chưa hay thì ngoài ngõ đã biết. Hôm tháng trước thằng Long bay ra ngoài đó gặp con Thuyền để hỏi rõ sự tình, con Thuyền thề sống thề chết là nó vẫn thương, vẫn chờ thằng Long. Thấy cũng tạm êm rồi..., ai dè đầu tuần trước bạn thân thằng Long làm việc ở ngoài Nha Trang lại gọi cho nó, nói gặp con Thuyền ở khách sạn với người đàn ông nào coi thân mật tình tứ lắm. Con Thuyền trông thấy nó là mặt mày xanh lè, hết đường chối cãi...

Má tôi buông người nặng nề xuống ghế, ngược mắt nhìn chị Hiền nhưng không nói được lời nào. Tôi bỗng thấy ghen tở và không muốn nghe tiếp những lời chị Hiền kể lể. Chưa yêu ai ngày nào mà tôi cảm thấy đau đớn như chính mình là người bị phụ tình. Chị Hiền ôm vai má tôi, nhẹ giọng vỗ về:

- Con về đây để nói cho má biết là thằng Long mới đánh điện tín ra Pleiku cho ba mẹ con Thuyền hôm qua để xin từ hôn.

Đó là lý do chị Thuyền đã vội

vã bay về Sài Gòn để xin gặp mặt anh Long. Tôi bồn thần suy nghĩ tới lui, nhưng không đoán được tại sao chị còn năn nỉ van xin anh Long tha thứ để làm gì. Mọi chuyện hình như đã đi quá xa, như những vòng bánh xe lăn đã đưa đến sát bên bờ vực thẳm mà không còn cách nào đứng dừng hay quay đầu trở lại.

Buổi tối, tôi và Trúc rút vào phòng sớm hơn thường lệ, thì thào bàn bạc về chuyện mới xảy ra. Hai đứa cùng ngẩn ngơ đau khổ như nhau. Tôi bỗng dưng nhớ đến mẩu giấy tập học trò lấm tấm vệt nâu loang lổ mà tôi và Trúc tình cờ nhìn thấy trong cái bóp da nhỏ của anh Long. Anh Long giải thích, đó là tờ giấy chị Thuyền đã gói ô mai tặng anh để làm quen. Trúc nghe qua, nhăn mặt kêu lên:

- Em đâu biết cụ đồ Long mà cũng biết ngâm ô mai cam thảo...

Tôi há họng cười:

- Vậy chớ mày không nghe má thường hay nói sao, khi người ta thương nhau thì biểu ăn “bùa mê thuốc lú” gì cũng ăn, nói gì tới ba cái ô mai, xí muội, cánh chỉ, trần bì...

Đó là chuyện vui trong quá khứ. Còn hiện tại thì mấy anh em tôi cay đắng cùng nhau ngâm... bồ hòn. Tôi và Trúc lục soạn moi móc ra hết những tờ thư cũ của chị Thuyền, ngồi lẩm nhẩm đọc lại từng dòng chữ như để tìm bất cứ dấu hiệu nào cho tụi tôi có thể đoán biết là một ngày nào đó chị sẽ hững hờ quay lưng. Dĩ nhiên là tôi không tìm thấy gì hết. Cho nên tôi tự an ủi là tình yêu một thời chị dành cho anh Long là điều có thật. Những giọt nước mắt chị nhỏ xuống với anh là những giọt nước mắt chân thành. Và có lẽ, ngay cả những lời cầu xin anh tha thứ cũng xuất phát từ trái tim, mặc dù tôi không đoán được chị sẽ xử sự

ra sao nếu anh đồng ý chấp nhận cho chị quay về. Tôi không biết chị đã tìm được một tình yêu khác trưởng thành hơn tình yêu lãng mạn và mong manh của thời làm sinh viên mơ mộng, hay chị đang hốt hoảng cuống quýt chờ nhận ra giá trị của những gì sắp sửa vượt xa ngoài tầm tay với. Dù có là gì đi nữa, trong thâm tâm tôi biết chắc là chị không hề dự định chỉ yêu anh Long một thời cho... vui. Tôi thầm đoán, trên một đoạn đường đời đã cùng đi chung bước, như bao nhiêu đôi tình nhân khờ khạo ngu ngơ khác trên cõi đời này, hai người cùng trao nhau bao lời thề nguyện dài lâu bằng cả tấm lòng thành mà không nhìn thấy trước được những thử thách gian nan, những hố thẳm vực sâu đang chực chờ trước mặt.

Tôi lẩn thần nghĩ, cái câu “duyên số tại trời” của má suy ngẫm vậy mà... có lý. Có lẽ cuối cùng thì cũng không phải lỗi tại ai mà chỉ tại... ông trời. Nhưng rồi tôi thấy phân tích lung tung để chứng tỏ mình là người hiểu biết, bao dung và... quân tử là một chuyện, sự thật thì nỗi đau vẫn nằm nguyên đó, là cũng như anh Long, tôi đã mất chị Thuyền. Mất đành đoạn xót xa. Mất bằng hoàng tức tưởi. Khi bị tình phụ thì chắc người quân tử chính hiệu con nai vàng hay người quân tử... tàu cũng đều đau khổ quắt lòng, cũng đòi đoạn tâm can như nhau!..

Tôi ngồi co người ở mép giường với hai tay vòng ôm gối, đầu lắc lư nhịp nhàng theo tiếng mưa rơi gõ đều trên mái ngói, băng khuâng nghĩ đến chuyện sẽ chẳng bao giờ còn nhận được những lá thư mang nét chữ quen thuộc từ “phố núi cao, phố núi trời gần...” nữa, và tự dưng nghe lòng buồn quá đỗi...

Ngan Ngát Hương Sen

Dương Phương Ý



Nhã Lan lớn lên ở miền Đông Canada, nơi mùa Đông rất lạnh và mùa Thu đầy lá vàng. Cô vừa tốt nghiệp khoa văn chương và bắt đầu đi dạy học ở vùng ngoại ô yên ả. Nhã Lan sống với bà ngoại từ bé, và ít nghe nhắc đến cha mẹ. Ngày Tết hàng năm, bà cháu ngồi bên nhau trước lò sưởi trong gian phòng nhỏ. Bên ngoài tuyết rơi dày đến nửa thước. Ngoại thường kể về những kỷ niệm quê nhà, nơi có nắng ấm chan hòa trên áo mới, người người tấp nập lên Chùa lễ Phật, hái lộc đầu năm, có hoa cúc, hoa mai, có pháo nổ dòn, có bánh chưng xanh, có tiền lì xì trong phong bì đỏ... Bà mong sớm gả chồng cho Nhã Lan, để về sống những ngày còn lại với bà con, vườn ruộng, xóm làng. Năm nào cũng là câu chuyện tương tự. Nhã Lan cứ muốn nghe hoài, cô thường lơ mơ ngủ trong lời kể ngọt ngào, có khi mơ thấy cảnh ngày Tết ở quê nhà như lời bà. “Tết” vẫn trừu tượng với cô gái lớn lên ở một nơi rất xa quê ngoại.

Khoa biết như thế. Anh muốn có tuần trăng mật với Nhã Lan ở ngôi nhà của bố mẹ, vào ngày Tết Nguyên Đán. Nhã Lan đã hồi hộp khi về ăn Tết bên chồng, với những người thân của Khoa mà cô chỉ gặp một lần trong ngày cưới.

Gia đình Khoa có thông lệ đoàn tụ vào ngày Tết Nguyên Đán. Năm nay có đặc biệt hơn, vì là sinh nhật thứ 50 của mẹ anh, và cũng là lần ra mắt của cô con dâu thứ hai.

Ngôi nhà ở phía tây thành phố Vancouver, giữa bờ biển Kitsilano và trường đại học UBC, nơi ấm áp nhất Bắc Mỹ. Ngày hai mươi tám Tết, Khoa và Nhã Lan bay từ miền Đông về sớm, để có thời gian riêng với bố mẹ. Sáng Ba mươi, vợ chồng người anh lớn, Hiển, Thu Mai và con trai; cô út Kim Thùy và

Minh, vị hôn phu cũng về đến. Lúc đầu, Nhã Lan ngỡ thu mình lại, nhưng ánh mắt cương nghị và bao dung của bố chồng, nụ cười hiền từ của bà mẹ làm cô yên tâm. Cô có nhiều thời gian với bà trong gian nhà bếp, khi chuẩn bị mấy món bánh mứt cho ngày Tết. Dáng bà thon thả, khuôn mặt trái xoan, mắt môi vừa phải nhưng có duyên. Nhã Lan nhận thấy bà mẹ chồng rất ít nói, giọng dịu dàng, thái độ từ tốn, và bà có nụ cười trong ánh mắt.

Khi những người đàn ông trang trí nhà cửa, bàn thờ Chúa, bàn thờ Phật và bàn thờ Ông Bà, chưng những nhành mai rừng, sẫm soi cành đào, mấy chậu cúc vàng và vạn thọ; phụ nữ quây quần trong bếp, nấu những món ăn chay dành cho chiều Ba Mươi và ngày Mồng Một. Trong gia đình, thông lệ nấu bánh tét, bánh chưng (trong chiếc nồi thật to, đặt trên chiếc lò sưởi đốt bằng than và củi) vẫn còn duy trì. Thật đầm ấm khi ông bà, các con và cháu thức khuya nhắc chuyện xưa, chờ bánh chín, và đón Giao Thừa bên nhau.

Tựa đầu trên vai Khoa, Nhã Lan chìm vào câu chuyện qua giọng nói trầm ấm của bố chồng....

"....Đầu năm 1971, Huy được bổ nhiệm về làm bác sĩ quân y tại quận Chợ Gạo, nằm trên tuyến đường quan trọng nối liền Sài Gòn và Gò Công. Là một thanh niên lớn lên giữa ánh đèn của thành phố Sài Gòn, trong một gia đình trí thức giàu sang, nhiều bạn bè vui nhộn, lại vừa du học ở Mỹ về, Huy đã ngỡ khi bắt đầu sống đời quân ngũ ở một quận lỵ buồn tẻ, đầy tiếng đạn bom. Sau những ca trực, Huy lang thang tìm hiểu cuộc sống của dân chúng quanh vùng. Từ dinh quận ra bến phà, có trạm y tế và nhà thông tin. Bên trái là con đường trái đá dẫn đến trường

trung học và chợ huyện. Bên phải là con kinh Chợ Gạo, có chiếc phà nhỏ được kéo bằng tay bởi một sợi dây cáp. Bên kia bờ kinh, sát bờ sông, là đồn lính có nhiều vòng dây kẽm gai bao bọc; đối diện là trại gia binh lao xao tiếng trẻ chơi đùa. Kế là bến xe lam đi Mỹ Tho, những người tài xế thường ngồi chồm hổm, hút thuốc rê, đợi khách bên lề đường. Những chiếc xe đồ chở khách từ Sài Gòn về Chợ Gạo, Gò Công đậu chờ qua phà, khách qua lại ăn uống, làm khu phố quê thêm nhộn nhịp. Ngay bến xe là trường tiểu học Tân Thuận Bình, có nhiều thầy cô giáo trẻ ở Mỹ Tho xuống dạy, thường đi trễ, về sớm; lũ học trò đến lớp chân còn lem bùn, đầu hôi khét nằng. Đối diện trường học là ngôi nhà kiểu xưa của bà giáo, dưới tàn cây me tây cổ thụ thường trổ hoa vào mùa xuân, có xe đậu đỏ, lũ học trò nhỏ thường bu quanh ăn nước đá nhận sau giờ tan trường. Khu chợ xã nhỏ xíu, người dân quê bày bán nhiều loại rau xanh, khoai, bắp, bánh tằm lá dứa thơm phức. Chợ thường họp lúc tờ mờ sáng và tan trước buổi trưa. Đi thêm vài bước qua khỏi chợ, một khuôn viên có lối đi lát sỏi trắng, có hoa bằng lăng tím và sen đang nở hoa trong hồ: Tịnh Giác Viên. Huy cảm thấy yêu thích sự yên tĩnh và tao nhã ở nơi này.

Là một người đạo Thiên Chúa, đã được rửa tội, thoát đầu, Huy đến viếng Tu Viện vì hiếu kỳ trước khung cảnh xinh đẹp nơi thôn dã. Sư Cụ đón tiếp Huy thật thân tình, làm anh cứ muốn đến thường xuyên. Huy được mời ở lại dùng cơm cùng Sư Cụ. Những món ăn trong chùa thanh đạm, Huy ăn rất ngon miệng. Lúc dùng trà, hai người thường bàn luận hàng giờ về văn chương, xã hội và những ước mơ từ thiện, giúp dân và xây dựng

thế hệ mầm non. Sư Cụ Tịnh Giác đã đưa ra những tư tưởng canh tân giáo dục và y tế, nhằm cải thiện nếp sống của người dân quê nghèo. Huy ngạc nhiên về kiến thức uyên bác của Sư Cụ (mà phút đầu, anh đã nghĩ, chỉ là một nhà sư ít học ở miền quê). Sư Cụ và Huy đã cùng thực hiện chương trình chữa bệnh, phát thuốc miễn phí cho dân trong vùng vào cuối tuần tại Tu Viện. Trở thành quý khách của Tịnh Giác Viên, anh được mời những tách trà thơm ngát hương sen do bà cụ làm công quả ở nhà bếp và đưa cháu gái nhỏ ướp, với phương pháp đặc biệt, lúc sen còn tươi. Một hôm, khi các chú Điều trong chùa đang bận rộn, Sư Cụ gọi vọng ra sau nhà bếp:

"Tịnh Liên à, con chịu khó ra hồ, cắt vài bông sen. Luôn tiện, coi gương sen nào vừa chín thì hái cho bác sĩ vài cái nghe con!"

Huy nghe tiếng "Dạ!" nhẹ và một chiếc bóng nho nhỏ thoáng qua cửa sau. Độ chừng một khắc trôi qua, Huy thấy một cô bé chừng mười ba, mười bốn tuổi, gầy gò, tóc ngang vai, mặc áo nâu, quần xắn lên đến gối, chân lấm lấm bùn, ôm một bó sen bước vào.

Trong những ngày làm việc ở đây, Huy để ý thấy cô nhỏ Tịnh Liên rất quan tâm đến các trẻ mồ côi, tật nguyền, được Sư Cụ nhận nuôi trong chùa. Cô thường vừa bồng, vừa dắt các em ra gian nhà bếp chăm sóc, đút ăn, đùa giỡn rất mực thương yêu... Nhìn những hình ảnh ấy, Huy cảm thấy niềm vui khó tả và trong lòng dâng lên niềm cảm phục đối với từng người trong Tịnh Giác Viên.

Lần ấy, người bạn gái vừa đính hôn với Huy từ Sài Gòn xuống thăm, cũng để ăn Tết với anh. Huy đưa Diễm Hương đến Tịnh Giác Viên, để chia sẻ với nàng những việc thiện nguyện đang thực hiện.

Diễm Hương tỏ ra thích thú và sẵn lòng giúp một tay vì nàng vừa tốt nghiệp được sĩ.

Cuối năm, làn gió mát rượi từ phía bờ sông thổi vào thật dễ chịu. Mọi người nôn nao chuẩn bị ăn Tết. Sư Cụ và Huy vui vẻ nhận những quà tặng, nào bắp, nào khoai sắn, chuối dứa, của người được chữa bệnh mang đến tạ ơn. Ai cũng tấm tắc khen “bà bác sĩ” cao sang, tuyệt đẹp, Diễm Hương rất vui lòng. Nghỉ tay, Huy âu yếm đưa Diễm Hương xuống nhà bếp tìm nước uống. Nhìn người vợ sắp cưới đang dũa lại chiếc móng tay sơn hồng bị gãy, vừa ngồi chờ bà cụ pha trà. Tự dưng, Huy cảm thấy có một chút không ổn trong anh nhưng không nhận ra là điều gì. Trên sân nhà, hai em bé khuyết tật đang bò chơi. Một em đưa bàn tay dơ bẩn định nắm cái tà áo dài lụa màu thiên thanh của Diễm Hương để đứng lên, nàng hoảng hốt bước qua một bên. Có thể do màu áo xanh nổi bật hay mùi nước hoa thơm dễ chịu làm cho em bé bò theo nàng. Diễm Hương nhúu đôi mày xinh đẹp, thấy không ai để ý, nàng dùng chân hất nhẹ đứa bé ra.



Dương Phương Ý

Không may, đồ đột ngột bị mất thăng bằng, em bé va đầu xuống nền, khóc ngất. Tịnh Liên buông vội cái thúng ngó sen xuống sân nước, chạy tới ôm đứa bé vào lòng vỗ về: “Nín đi cưng! Để chị xúc dầu cho em nghe!”. Huy sững sờ trong giây lát, anh quay lại xem xét chỗ đau của em bé. Thấy không nghiêm trọng lắm, Huy lặng lẽ trở lên chánh điện. Anh chợt hiểu rõ điều không ổn trong anh là gì.

Hai tuần ăn Tết bên nhau, Huy và Diễm Hương có dịp bàn luận về trách nhiệm, quyền lợi của mỗi người trong gia đình tương lai. Anh giải thích cho Diễm Hương về những ước mơ của mình từ lúc theo học Y khoa. Nàng không chấp nhận để Huy tiếp tục công việc phát chẩn ở Tịnh Giác Viên vì e rằng anh mất nhiều thời gian, tốn tiền bạc, để làm chuyện “bao đồng”, thay vì mở phòng mạch tư sau giờ trực, sẽ có nhiều lợi nhuận. Huy đồng ý suy nghĩ của Diễm Hương đúng. Nàng cũng như những người phụ nữ bình thường khác mà anh đã từng gặp gỡ, say mê, theo đuổi, hẹn hò, và... chia tay.

Những năm sau đó, Huy có thêm vài mối tình. Những bóng dáng đi qua đời anh như những cơn gió thoảng, không để lại chút ấn tượng nào đáng ghi nhớ. Nhan sắc và tài năng của họ không thỏa đáp được một nhu cầu rất riêng trong anh mà chính Huy cũng chưa hiểu được mình đang muốn gì.

Mặc dù lui tới làm việc cùng với Sư Cụ nhưng Huy ít khi tiếp xúc với Tịnh Liên. Có khi anh bắt gặp cô bé ngủ gật trên trang sách, dưới gốc bằng lăng tím trong khuôn viên chùa. Thỉnh thoảng trên chuyến phà Chợ Gạo, Huy gặp Tịnh Liên trong chiếc áo dài trắng, tóc dài, hồn nhiên, cùng với các bạn gái trên đường đến trường. Cô

gọi Huy bằng Chú và xưng con rất tự nhiên, vì anh là “bạn” của Sư Cụ ở Chùa (dù Huy chỉ hơn cô mười hai tuổi).

Cuối năm 1973, Huy được lệnh chuyển về đơn vị mới. Thờ thẩn dạo quanh hồ sen, nhìn những chú chuồn chuồn rời đóa hoa sen này, đáp xuống nụ sen khác, anh cảm thán cho chính mình. Chỉ còn hai tuần nữa anh sẽ từ giã nơi đây; về làm việc ở Bệnh viện 3 Dã Chiến, Mỹ Tho. Đời lính rày đây mai đó là chuyện bình thường. Hơn thế nữa, được trở về thành phố là điều đáng mừng. Nhưng có điều gì làm Huy cảm thấy ray rứt khi phải xa rời cái quận lỵ bé nhỏ, buồn tênh này. Có phải đây là nơi có những đồng đội thân thương; có dòng kênh Chợ Gạo màu nước vàng phù sa với những người dân quê chất phác, có Sư Cụ Tịnh Giác nhân từ, trí tuệ... Đang mơ màng suy tư, Huy chợt nghe một âm thanh nhỏ nhẹ sau lưng:

- Thưa chú, Thầy mời chú vô ăn cơm trưa.

Huy quay lại nhìn, tình cờ để ý thấy Tịnh Liên dạo này bắt đầu ra dáng thiếu nữ, mắt long lanh, môi thắm, da mịn màng, tươi mát như một đóa sen chớm nở trong hồ. Lòng anh bất chợt nao nao.

Trên đoạn đường trở vào nhà bếp, Tịnh Liên không dám bước ngang hàng với Huy. Huy cố bước chậm lại. Anh thấy Tịnh Liên cũng chậm bước lại ở phía sau.

- Năm nay Tịnh Liên đang học lớp mấy? Huy thân thiện hỏi.

- Dạ. Con đang học lớp 12.

Huy nhủ thầm: “- À! Cô bé ít gì cũng đã 17 tuổi, đang vào năm cuối trung học”. Gần 3 năm làm việc ở Tu Viện, anh nhận thấy người con gái này thông minh, bình dị, chịu khó, ít nói, hay cười, vừa có một tâm hồn cao quý, biết nghĩ và thương những người bất hạnh.

Cô dịu hiền như một đóa hoa sen, ở chốn bùn lầy vẫn tỏa hương ngan ngát. Với cô, hình như không có sự cách biệt giữa hương thơm và mùi hôi, giữa sạch và dơ. Trong một thoáng, Huy chợt nhận ra nỗi lưu luyến nhiều nhất trong anh là đây... cô bé xinh xắn hay làm công quả trong nhà bếp sau Chùa.

Trước khi từ giã, Huy thưa thật lòng mình với Sư Cụ. Anh được biết tên thật của cô là Thu Hiền (Huy vẫn quen gọi Tịnh Liên mãi về sau), mồ côi cha mẹ trong chiến tranh, sống với bà nội và người chú làm rẫy, ở cách Tu Viện chừng hai cây số. Khi anh hỏi về việc hôn nhân, Sư Cụ chỉ trả lời bằng một tràng cười thật thoải mái. Huy quyết định cầu hôn, Tịnh Liên đã thẹn thùng gật đầu sau khi được bà nội cô chấp thuận.

Nhận được tin, gia đình và bạn bè Huy vô cùng ngạc nhiên và lo lắng. Họ cho rằng anh và Tịnh Liên khác nhau mọi mặt: xuất thân, tôn giáo, tuổi tác, trình độ.... Cô gái nhỏ quê mùa hoàn toàn ngược lại với hình ảnh của một người con dâu trí thức và đài các mà gia đình mong đợi. Chỉ có mẹ Huy sẵn lòng hỗ trợ. Bà hiểu rằng con mình đã biết suy nghĩ chín chắn khi quyết định. Và đúng như thế, vừa gặp mặt Tịnh Liên, bà đã thấy lòng rung động yêu thương. Sự dịu dàng và vững chãi của cô tỏa ra như hương thơm của đóa hoa sen, ngan ngát, dập tắt tất cả những đốm lửa nghi ngại cuối cùng trong Bà.

Tình yêu của Huy dành cho Tịnh Liên sâu thẳm và êm ái; không nồng nhiệt, vội vã như với những người con gái tuyệt đẹp từng đi qua đời anh. Bên anh, có khi cô như một dòng suối mát hiền hòa, cho anh gội rửa hết mọi ưu phiền trong công việc; có lúc thì như mùa thu bát ngát, cho anh luôn

thấy thanh thoi trong lòng.

Niềm hạnh phúc tràn đầy, vững bền tưởng như không có gì có thể phá vỡ, đột ngột bị thiêu hủy cùng chung số phận của mấy chục triệu đồng bào, bởi biến cố tháng Tư năm 1975. Khi Hiền, đưa con trai đầu lòng vừa ra đời, thì đất nước miền Nam lọt vào tay cộng sản. Thời gian đầu, đa số các bác sĩ quân y đều được lưu dụng. Riêng Huy bị đưa đi học tập cải tạo vì anh đã từng đi du học ở Mỹ và bị nghi làm tình báo cho CIA. Gia đình anh ở Sài Gòn kẻ mất người còn, tài sản tiêu tan sau nhiều đợt đổi tiền và bị đánh tư sản. Tịnh Liên thay Huy chăm sóc mẹ chồng và nuôi nấng con thơ rất chu đáo. Khi có khó khăn xảy đến, cô mới thể hiện hết tính cách nhạy bén và tháo vát của mình. Ban ngày, vừa tảo tần buôn bán, tối đến, cô đi làm ca đêm ở hợp tác xã dệt. Chỉ việc chuẩn bị tắm nuôi chồng trong trại cải tạo, đủ thấy rõ sự tinh tế và thủy chung của cô. Khi may quần áo gửi cho Huy, Liên may cho mình mặc cùng lúc để biết bao giờ quần áo của chồng bị rách, và may đồ mới cho anh. Tình yêu tuyệt vời của người vợ trẻ đã giúp Huy gượng dậy để sống còn giữa những khổ đau đắng đặc trong nhà tù trại cải tạo.

Năm 1978, Huy trở về. Anh mang vợ con vượt biển. Trên suốt cuộc hành trình, qua những cơn sóng gió nguy hiểm chết người, anh đã không cảm thấy sợ hãi nhờ sự bình an của Tịnh Liên mang đến. Những lúc ấy, Huy nhìn thấy khuôn mặt vợ thật bình thản và trong sáng. Mặc dù mệt mỏi vì say sóng, mỗi khi bắt gặp ánh mắt lo âu của anh, cô luôn mỉm cười động viên, tin tưởng và chia sẻ chung một số phận với chồng.

Sau khi được định cư ở Canada, thêm hai đứa con ra đời. Tịnh Liên

làm việc ở nhà trẻ, để có thể vừa chăm con nhỏ, cho chồng tiếp tục học, lấy bằng chuyên viên kỹ thuật trong phòng thí nghiệm ngành Y khoa. Mặc dù cuộc sống mới thật vất vả, khó khăn, nhưng Liên vẫn điềm nhiên và lạc quan. Cô nuôi dạy các con lớn lên bằng tình yêu vô bờ bến, cùng sự tận tụy hy sinh, không nghĩ đến bản thân mình. Tịnh Liên thường đưa các con lên chùa tụng kinh, lễ Phật, làm công quả, làm việc phước thiện, như ngày cô còn thơ ở quê nhà....

Ông Huy nâng tách trà, trầm ngâm nhìn vợ, mái tóc Tịnh Liên vừa nhuộm bạc:

- Ngày bố mới tốt nghiệp Y khoa, vừa có địa vị trong xã hội, vừa được sao đào hoa chiếu mạng. Nếu có ông thầy bói nào nói "Vợ anh sẽ là cô gái nhỏ đang làm công quả trong bếp nhà chùa ở miền quê", chắc bố sẽ cười ngất. Bố nhiều tuổi hơn mẹ, học thức hơn mẹ, gan dạ hơn mẹ, thành công hơn mẹ, nhưng, các con không thể tưởng là bố luôn nương tựa vào mẹ. Mẹ nhỏ bé, hiền lành như thế, nhưng sống vững vàng và vị tha. Mẹ rất bình tĩnh trước những biến cố và có khả năng giải quyết việc phức tạp thành đơn giản. Tấm tình của mẹ giống như một không gian yêu thương bao la, mà những khốn khó trong cuộc đời như những cơn mưa qua, nhưng không làm ướt được. Gần bên mẹ, người ta cảm thấy bình yên. Các con có biết hình ảnh mẹ là gì không?

Hiền trả lời:

- Đây là lần đầu tiên tụi con được nghe đầy đủ câu chuyện về mẹ. Mẹ là "Vị Bồ Tát nhỏ" của con!

Khoa nói thêm, giọng cảm động:

- Lâu nay, chúng con chỉ biết hưởng thụ tình yêu của mẹ một

cách tự nhiên nhưng không hiểu hết. Nó nhiều như một cơn mưa. Chỉ tại chiếc bình của chúng con quá nhỏ, không chứa được bao nhiêu

Nước mắt Nhã Lan chảy thành dòng trên má. Cô đến bên mẹ chồng, vòng tay ôm lấy bà, cảm nhận tình yêu thương như một dòng suối ngọt chảy qua tim mình, khi được bà vuốt tóc.

Thùy ranh mãnh nói đùa:

- Mẹ chỉ là Cô Bé Lọ Lem thôi. Nếu ngày xưa bố cưới nhầm cô được sĩ đờm đáng kia, chắc tan nát đời bố rồi. Còn mẹ, sẽ lấy

một anh chàng nhà quê nào đó. Mẹ đi chân đất, gánh con trong hai cái thúng nè, tay xách, nách mang, mấy anh lớn tóc ba vá, mặc quần xà lỏn chạy lon ton trên đường làng. Anh Hiến và anh Khoa bây giờ đang dẫn trâu ra đồng cày ruộng,

Chưa ai phản ứng thì Duy, thằng bé 5 tuổi, đang ngồi trong lòng ông nội, hỏi:

- Cô Thùy sẽ ra sao?

Cả nhà cười vang trong không khí gia đình ấm cúng.

Cầm tay mẹ, Thùy âu yếm nói:

- Bây giờ đến phần tặng quà.

Đây là quà mừng sinh nhật của mẹ: Bố và chúng con đã quyết định "cho mẹ nghỉ làm việc" từ hôm nay. Nghĩa là mẹ có thể làm những điều gì mẹ thích, mà không phải lo lắng đến tiền bạc.

Ông Huy tiếp lời:

- Bố và các con sẽ ủng hộ tài chính và thời gian cho mẹ lên chùa công quả và làm việc từ thiện. Bố biết mẹ chỉ ao ước có thể, đúng không?

Tịnh Liên cảm động ứa nước mắt, chưa kịp trả lời thì bé Duy lại hỏi:

- Thế không có bánh sinh nhật, không có đốt nến, không có hát Happy Birthday cho bà nội sao?..

*

* *

Nghe câu chuyện của Bố chồng vừa kể, Nhã Lan chợt nhận ra điều làm Khoa chú ý và chọn cô trong đám đông sinh viên, khi anh đang là phụ giảng ngành Y khoa trong trường Đại học. Không phải vì Nhã Lan đã là hoa khôi, không phải vì cô thông minh, xuất sắc. Chỉ vì cô mang dáng dấp và phong cách của người mẹ nhân hậu mà anh yêu thương. Cô là hình ảnh của bà trong lòng Khoa và cô cảm thấy hạnh phúc khi nhận ra điều đó.

Mồng Một Tết năm nay rơi vào ngày cuối tuần. Không khí Vancouver lạnh lạnh. Mấy nhánh đào và mai rừng vừa nở đúng lúc, làm không gian rực rỡ hương vị ngày Xuân. Bánh tét, bánh chưng, mít gừng, mít hạnh, bánh bò, bánh khoai mì nướng, chả lụa, chả giò thơm ngát. Cả nhà quây quần mừng tuổi bố mẹ; anh chị em chúc Tết nhau, nhận tiền lì xì đầu năm, lắc bầu cua ấm ỉ, vừa cắn hạt dưa lóc cóc. Nhã Lan mặc chiếc áo dài màu hoa cúc để cùng mẹ chồng đi lễ Phật đầu năm. Cô cảm nhận không khí ngày Tết thực sự đang ở quanh mình. ●

hoài hương

*Kìa hoa, bông hoa nhỏ
Nở trên cành đơn sơ
Sương vương từng hạt nhỏ
Nét xuân tình lắng lơ.*

*Nhìn hoa ta sức nghĩ
Xuân lại đến rồi sao?
Xuân này là mấy nhĩ?
Mấy mùa xuân lao đao!*

*Anh còn nơi quê cũ?
Thạch Hãn nước đầy vơi
Phố xưa loài rêu phủ
Con đường hoa phượng rơi!*

*Quê ta ngày xưa đó
Khi chúng mình bên nhau
Duyên tình, hề khốn khó
Xa nhau, ừ xa nhau!*

*Bây chừ em trôi giạt
Bây chừ quá đổi thay
Lời vui em không hát
Xuân tới em nào hay.*

*Em về thăm chốn cũ
Tặng món quà anh ưa
Chúng mình chung một lũ
Dạo lại phố phường xưa.*

*Bông hồng, bông hồng đỏ
Nở trên cành đọng sương
Lắng nghe ta bày tỏ
Hoài hương, chừ hoài hương.*

hoài hương



Ông và Cháu

Lê Hoài Niệm



Mấy ngày hôm nay ông phải giữ thằng cháu ngoại bốn tuổi rưỡi để cho bà lo chuẩn bị làm bánh mứt mừng Tết. Ở bên này Tết thật là buồn, trời lạnh căm, nhiều lúc còn đổ tuyết âm âm, chẳng mai, chẳng cúc, chẳng pháo,... Có năm may mắn kiếm được một chậu tắc bán trong Home Depot thì chỉ có dăm ba trái xanh, họa hoằn lắm mới có được một trái chín vàng. Nhưng nếu có một hai chậu tắc để chưng trong nhà cũng đủ đem lại niềm vui nho nhỏ cho bà già.

Những năm trước bà và ông chẳng thiết làm bánh mứt, vì con cái đi học xa nhà, Tết nhất nhiều lúc không về vì bài vở bận rộn; rồi đến lúc tụi nó có công ăn việc làm lại dọn đi xa, cũng không về được. Nhưng năm nay, ông bà đã nghỉ hưu, gia đình con gái ông bà dọn về ở gần để nhờ ông bà coi giùm đứa cháu ngoại hơn bốn tuổi, ông bà muốn tổ chức Tết để đứa cháu biết đến Tết nhất.

Cái thằng cháu mới hơn bốn tuổi đầu mà nặng hai mươi mấy ký lô, cũng vì bơ sữa, hamburgers, hotdogs. Hai vợ chồng con gái ông lo làm ăn, nên thằng nhỏ thường chỉ ăn fastfood, từ lúc về gần ông bà mới biết mùi món ăn Việt Nam. Cũng may thằng nhỏ háu ăn, nên đa số những món bà nấu nó chịu ăn, nhưng bà phải chế biến chút ít, vì cu cậu không chịu được mùi mắm nêm hay nước mắm. Tuần trước bà nấu bún mắm vì ông thấy thèm mắm ăn với mấy cọng rau. Thằng nhỏ vừa vào nhà đã bịt mũi la um sùm,

- Ông ơi! Có con gì dead!

Hồi tụi nó mới dọn về, thằng nhỏ chỉ biết một ít tiếng Việt, nhưng sau một thời gian, nó học nói tiếng Việt nhanh lắm, ông đã nói với nó,

- Ông không biết tiếng Mỹ, nên nếu cháu nói tiếng Mỹ ông

không hiểu đâu.

Và ông chỉ trả lời mỗi khi nó nói tiếng Việt. Nhiều lúc bí chữ nó chêm vô tiếng Mỹ, nhưng miễn nó có nói tiếng Việt là ông trả lời, còn nó nói nguyên một câu tiếng Mỹ là ông giả điếc. Dần dần nó nói và hiểu nhiều tiếng Việt, và nó rất thích nghe ông kể chuyện cổ tích, tuy một truyện nhiều lúc kể hoài không hết vì cu cậu cứ hỏi hết câu này đến câu khác. Chẳng hạn lúc ông kể chuyện An Tiêm bị đày ra đảo, nó hỏi,

- Ông ơi, sao An Tiêm không mua một cái *boat* để *come back*?

Ông giải thích,

- An Tiêm bị đày mà, có nghĩa là ông vua không cho An Tiêm trở lại, nên đâu có ai dám bán tàu cho An Tiêm.

Nó vẫn thắc mắc,

- An Tiêm có thể gọi *police* nói *lost* để họ ra đón?

Ông từ tốn,

- *Police* làm việc cho ông vua mà, họ đâu có ra đón, nhưng mà cháu hỏi nhiều quá ông đâu có kể tiếp được.

Nó ngẫm nghĩ,

- Ô! Thôi ông kể tiếp đi!

Mấy ngày nay thấy bà làm bánh mứt, nó cũng thắc mắc,

- Ông ơi! Sao bà nấu lâu vậy?

Ông với tay rót ly trà cho ông, lấy một ly nước táo cho cháu rồi



Lê Hoài Niệm

mới thủng thỉnh trả lời,

- Bà đang làm bánh mứt để ăn Tết.

Cu cậu ngạc nhiên,

- Ăn Tết là ăn "*what*" ông ngoại?

Ông ngập ngừng, tìm cách giải thích sao cho cháu dễ hiểu,

- Tết là ngày đầu năm của người Việt mình, như người Mỹ họ có New Year Day đó. Tết đến mọi gia đình đều "ăn Tết" chung với nhau, để tiễn năm cũ đi, và đón năm mới đến. Máy ngày để gia đình ở chung với nhau, vui vẻ với nhau. Chỉ ăn chung, chơi chung, nghỉ ngơi, không cần làm việc. Và ăn những món ăn đặc biệt hơn bình thường.

Cu cậu suy nghĩ,

- Nhưng từ trước đến nay ba mẹ không có "ăn Tết"!

Ông mỉm cười,

- Bây giờ ba mẹ con về đây ở để mỗi năm gia đình mình đều ăn Tết chung. Cậu Thanh mới gọi điện thoại cho ông, nói cậu vợ Thanh cũng về ăn Tết với mình đó. Cháu thấy có vui không?

Cháu ngẫm nghĩ,

- Vậy "ăn Tết" như là ba mẹ cháu và cô chú Hoàn dẫn cháu và Nina đi ăn pizza vậy à?

Ông vừa vuốt râu (ông đang tính để râu vì giờ về hưu rồi, cũng rảnh rồi, với lại ông thích ngắm hình ông ngồi kể chuyện cổ tích cho cháu trên trang bìa của cuốn truyện cổ tích Việt Nam, hình người ông với chùm râu trắng rất Việt Nam) vừa cười xòa,

- Nhưng mình phải ăn món Việt Nam, vì Tết là của người Việt Nam mà.

Đứa cháu không còn thắc mắc về Tết nữa, nó nắm lấy mấy sợi râu của ông giựt giựt,

- Ông ơi, sao ông không *shave* râu đi? Ba cháu ngày nào cũng *shave* hết.

Ông nhẹ nhàng nắm tay cháu, cẩn thận "trả tự do" cho mấy sợi râu,

- Ông già rồi đâu cần cạo nữa. Ba cháu phải cạo vì ba cháu còn trẻ.

Cháu gật gù (như một ông cụ non),

- Mai mốt lớn lên cháu sẽ để râu như ông, để ngồi uống trà và vuốt râu như ông.

Ông và cháu cùng nhìn nhau cười. Lúc trước hai vợ chồng lo đầu tắt mặt tối đi làm, không có thời gian trò chuyện cùng con cái. Tuy con cái đều ngoan và đều còn nói được tiếng Việt, nhưng tụi nó biết rất ít về phong tục, tập quán của người Việt. Ông tự nhủ sẽ bỏ nhiều thời gian với đứa cháu để dẫn dắt cháu về nguồn cội. Ông biết sẽ tốn nhiều thời gian lắm, nhưng dù sao trong người nó vẫn chảy dòng máu Việt Nam. ●

xuân ở tại lòng



Vũ trụ tuần hoàn
những có không
Như là Xuân, Hạ
với Thu, Đông
Buồn vui
đâu có ngoài tâm lượng
Xuân đến
là xuân ở tại lòng.

việt liểu



BÓNG ĐEN DĨ VANG

truyện dài
(phóng tác)

TỔNG MINH LONG QUÂN

(tiếp theo)

Trong lúc chờ nhân viên đưa Lorraine vào văn phòng, Bill đứng dựa vách chờ đợi. Lúc Lorraine bước vào, Bill chỉ nhẹ gật đầu và mở cánh cửa rộng ra hơn.

Lorraine ngồi xuống chiếc ghế đối diện bàn làm việc của Bill và chờ đợi. Bill đi chậm rãi, vòng qua bàn giấy của mình để ngồi phịch xuống ghế cách nặng nề, sau đó chống hai cùi chỏ lên bàn, nhìn thẳng vào mặt Lorraine:

- Chào cô Laura Bradley.

Lorraine mỉm cười như xin lỗi.

- Vâng. Tôi không biết tại sao tôi lại dùng tên này. Tự dưng cái tên đến trong đầu tôi. Có thể hình ảnh đứa bé ngày xưa vẫn còn nằm trong ký ức của tôi cũng không biết nữa... Xin lỗi đã làm tốn thời giờ của ông cách vô ích.

Bill cúi xuống nhìn tờ tội trạng của Lorraine để trước mặt. Lorraine lại bô lô ba loa nói không ngừng:

- Chắc là người nào đó đã dùng địa chỉ của tôi. Ông có đi hỏi những người ở tòa buyn đình bên cạnh nhà tôi không? Có nhiều dân tứ chiếng ở trong khu phố của tôi, có nhiều dân bợm cứt thích ở chỗ này vì đầu đường có tiệm bán rượu đó mà...

Bill nhả mặt, ngắt ngang lời Lorraine:

- Cô không cần nói nhiều. Tôi rành khu vực này quá mà. Cô cai rượu được bao lâu rồi?

- Một năm. Lorraine nói dối.

Đại úy Bill có vẻ suy nghĩ. Có một điều ông chưa nói cho trung úy Josh biết là trong lúc cảnh sát mang Lorraine đến văn phòng anh ta, Bill không có mặt vì ông ta bị xếp lớn Michael mời lên văn phòng để sát xà phòng. Nghĩ đến đây, Bill thở hắt ra, nhìn Lorraine nói ngay:

- Nói thật, tôi bị cấp trên buộc tôi phải tìm cho ra kết quả vụ án này. Ông dọa sẽ cho tôi về vườn đuổi gà cho vợ nếu như cuộc điều tra vẫn dậm chân tại chỗ.

Lorraine làm vẻ mặt ngờ ngác mặc dù nàng biết tổng Bill muốn nói gì rồi.

- Vụ án nào vậy?

- Bấy chị em ta bị tên sát nhân dùng búa đập vỡ sọ sau đầu. Trong số nạn nhân có một cô bé mới 17 tuổi, số còn lại thì là dân già kinh nghiệm trong nghề rồi.

Nói đến đây Bill bấu môi mĩa mai:

- Có thể một số người này là bạn của cô không chừng? Muốn xem mặt không?

- Đồ cà chớn!

- Được rồi, đừng nóng. Bây giờ cô làm nghề gì vậy?

- Làm việc trong phòng triển lãm, thỉnh thoảng đi thăm con.

Chồng cũ tôi vẫn trợ cấp cho chút đỉnh, không nhiều nhưng đủ để cầm hơi. Bây giờ tôi về được chưa?

- Chưa. Tôi cần có người nói chuyện cho vui. Cô thấy cơ sở cảnh sát bây giờ thế nào, có thay đổi nhiều không? Hồi cô còn làm ở đây chưa có thiết bị máy móc nhiều, mới chừng năm năm nay thôi.

Lorraine rút một điếu thuốc và mồi lửa hút. Nàng ngạc nhiên khi thấy Bill không ngăn cản việc nàng hút thuốc trong phòng làm việc của ông ta mà trái lại, Bill ngồi dựa ra ghế, hai tay vòng sau đầu, nhìn vào khoảng không nói với vẻ chán nản:

- Thật chó má.. Tôi chỉ còn một thời gian ngắn nữa là về hưu mà vẫn không yên. Chuyện gì đâu cứ xảy ra.. Họ giao cho tôi điều tra vụ án và sau đó đi từ ngõ cụt này đến ngõ cụt khác. Không có giả thuyết nào có thể đưa đến kết luận cả.

Bỗng dưng Bill nhìn vào mặt Lorraine và đứng bật dậy nói:

- Đi với tôi để nhìn mặt nạn nhân một chút. Có thể cô biết mấy cô điểm này.

Lorraine quắc mắt nhìn Bill, chưa kịp nói gì thì ông ta đã phì cười ra:

- Nè, dễ thương với tôi một chút đi. Tôi có thể nhốt cô lại bất cứ lúc nào. Cô cũng biết là cô phạm bao nhiêu tội rồi chứ? Hai mươi lăm tội đó nghe cực cực. Thôi, nhồm đít lên đi theo tôi.

Không làm gì khác hơn được, Lorraine đứng lên đi theo ông ta sang phòng điều tra. Mấy nhân viên cảnh sát ngồi trong phòng gần đó quay mặt, trốn mắt nhìn theo Lorraine. Bill nói to lên, giới thiệu với mọi nhân viên, ngày xưa Lorraine là cựu sĩ quan cảnh sát. Nghe như vậy nhiều tiếng xì

xào nổi lên, người nào cũng lén lút quan sát Lorraine. Có hai cô cảnh sát hồi nãy cũng đứng trong hàng cho nhân chứng nhận diện, được dịp này rí tai nói nhỏ cho mấy người khác biết hồi nãy người đàn bà này cũng đứng trong hàng. Mọi người rúc rích cười với nhau. Lorraine đưa mắt nhìn qua mọi người với vẻ mặt căng căng, không chút sợ hãi. Nàng quay lại nói cho một mình Bill nghe:

- Trời đất ơi, sĩ quan cảnh sát ở đây tôi coi giống như đám con nít.

Lorraine vẫn còn cầm điều thuốc trên tay nên đưa lên môi rít một hơi cuối cùng. Có tiếng lầu lầu phản đối. Nơi đây cấm hút thuốc kia mà. Lorraine nghe hết những lời này nhưng vẫn thản nhiên tiếp tục rít từng hơi thuốc. Nhìn khuôn mặt mấy người đàn bà trong phòng nhìn mình với vẻ ác cảm, Lorraine nói gần từng chữ:

- Mấy người muốn bắt tôi về tội hút thuốc trong phòng không?

Bill nhìn mấy nữ nhân viên



Tống Minh Long Quân

của mình, lên tiếng can thiệp:

- Mấy cô không có việc gì làm, huyên lăm sao mà lo nhìn thiên hạ? Làm việc đi, đừng làm tôi bức mình thêm. Ai nấy lo làm phận sự của mình...

Mấy đôi mắt quay trở lại máy điện toán của họ. Tuy nhiên họ không quên ném cái nhìn lén lút về Lorraine. Người nào đó nói thì thầm. "Chà, cựu sĩ quan đó nghe". Lorraine biết nhân dáng mình lúc này không giống ai cho nên thiên hạ cười khi dễ, tỏ vẻ không tin. Hơn nữa nàng đã đứng trong hàng cho nhân chứng nhận diện thì chắc cũng không phải là người lương thiện gì theo họ nghĩ. Lẽ dĩ nhiên bề ngoài của Lorraine bây giờ không đến nỗi bệ rạc nhưng dưới mắt nhân viên cảnh sát, những kẻ bị mời đến văn phòng họ làm việc thì không ít thì nhiều cũng có vấn đề.

Bill dẫn Lorraine lại gần vách có trưng mấy tấm hình nạn nhân. Ông lấy cây thước chỉ từng khuôn mặt đàn bà, giải thích cho Lorraine biết xác của họ đã tìm thấy ở đâu, ngày tháng nào. Lorraine nhìn thật lâu vào tấm hình thi thể Norman. Kế bên là hình Norman mặc quần áo đàn bà.

- Còn người này cô thấy thế nào? Người nghệ sĩ thích cải trang làm đàn bà trong những giờ rảnh rỗi. Hình này tôi mới kiếm ra.

Bill nói đùa và mong Lorraine cười theo nhưng mặt nàng vẫn nghiêm trang khi nhìn tấm hình. Lorraine ở trong phòng điều tra này với Bill cả hai tiếng đồng hồ để nghe ông ta nói. Lorraine nghĩ trong đầu. Mấy vụ án phức tạp như vậy mà ông Bill này ôm một mình thì có nước chờ đến Tết Congo mới tìm ra thủ phạm. Hồi Bill còn làm việc dưới quyền Lorraine, nàng thấy Bill không có chút sáng kiến nào trong việc

điều tra cả.

Hai người đi trở lại văn phòng của Bill. Nàng chỉ ngồi im nghe Bill huyên thuyên kể, kiên nhẫn chờ xem cuối cùng ông ta muốn nàng phải làm gì. Nhưng nói đông dài đủ thứ chuyện, Bill tự nhiên hỏi một câu chẳng ăn nhập gì:

- Cô còn nghĩ đến thằng nhỏ ngày xưa không? Thằng nhỏ mà cô đã cho nó đi ngủ với giun cách oan uổng đó?

Lorraine quay mặt đi chỗ khác. Nàng đã không nhớ và không muốn nhớ đến hình ảnh này. Chính nó đã khiến nàng dùng rượu để quên đời. Tự dưng mắc cảm phạm tội lại trở về trong lòng khiến nàng khó chịu. Bill làm như không để ý, cứ bô bô nói tiếp tục:

- Cô có biết không, hồi đó cô thật là giỏi. Nhiều khi tôi ước gì ở đây có vài người giỏi như cô lúc trước thì đỡ cho tôi biết mấy. Phải chi hồi đó cô đừng nghiện ngập thì bây giờ cô đã leo đến chức gì rồi. Có nhiều người đồng thời với cô hồi đó, giờ họ lên làm xếp lớn tự đời nào. Đi trật đường rầy phải không? Tự nhiên đang ngon lành thành kẻ đứng đường..

Lorraine đứng bật dậy:

- Đúng, vậy rồi sao? Tôi về được chưa?

- Chưa, cô không thể về vậy giờ. Đù má ngồi xuống coi !

Lorraine hậm hực ngồi xuống. Bill như mèo vờn chuột, ông nghiêm mặt nói với nàng:

- Tôi muốn cô làm vài việc cho tôi.

Lorraine căng mắt chờ đợi xem thằng cha đại úy này muốn cà khía gì đây. Bill cầm tờ cáo tội của Lorraine bằng hai ngón tay, đong đưa ngang tầm mắt của nàng và mỉm cười nham hiểm:

- Tôi muốn thương lượng với cô. Để xem cô có thể làm được

cái gì cho tôi. Nhờ cô đi một vòng mấy động điểm để hỏi thăm...

- Ông nói chơi đó chứ?

Bill lắc đầu. Giọng nói của ông ta bắt đầu trở nên khó chịu:

- Không. Tôi không nói chơi với cô. Nếu cô làm việc cho tôi, đánh đổi lại tôi sẽ xóa hồ sơ tội cũ ngày trước. Coi nè, tội của cô hàng dài nửa trang giấy chứ không ít. Nếu cô giúp tôi một tay trong việc điều tra thì coi như có qua, có lại. Tôi muốn biết, ít ra cũng có vài người quen biết mấy cô điểm nạn nhân này chứ? Còn chồng của cô Helen thì không biết trốn ở đâu, chúng tôi cố gắng tìm ra hắn ta nhưng vô hiệu quả. Nhưng tôi nghi không phải hắn là thủ phạm giết cô vợ Helen. Nếu cô tìm ra một đầu mối có liên quan đến mấy vụ án mạng này thì hồ sơ của cô kể như trắng tinh, như vậy được không?

Lorraine cười phá lên:

- Như vậy ông muốn tôi làm việc cho ông à?

Bill chồm người, kê mặt gần mặt Lorraine khiến nàng ngửi được mùi thuốc lá từ miệng ông ta:

- Đây không phải là một công việc mà là một sự trao đổi, cung nghe rõ chưa? Một là lý lịch trắng như người lương thiện. Hai là tôi công đầu cô nhốt vào khám nếu cô không muốn giúp tôi.

- Nếu vậy thì tôi cần một chiếc xe để di chuyển.

- Cục cứt nè Lorraine! Nhìn đây nè. Trong bảng tội trạng, cô bị cảnh sát bắt được tám lần lái xe không có bằng số, không có bảo hiểm và lái trong lúc say rượu. Mấy tội này tôi không thể xóa sạch được trong hệ thống kiểm tra của ngành giao thông vận tải. Còn mấy tội khác như làm điểm hay không có mặt ở tòa án thì tôi mới xóa được..

- Còn chi phí để làm việc thì thế nào?

Bill bật cười và lắc đầu:

- Tôi biết thế nào cô cũng vơi cho được tiền.

- Ở hay, tôi phải ăn, phải có chỗ ở mới làm việc được cho ông chứ? Tôi đang đi làm mà phải bỏ ngang công việc để làm cho ông rồi về nhà cạp đất mà ăn à? Tôi còn phải trả tiền nhà nữa chứ.

Bill rống lên cười thật to trước sự lì lợm của Lorraine. Ông ta đập hai tay xuống bàn giấy với vẻ vui thích:

- Thôi được rồi. Năm chục!

- Một ngày nghe.

- Không. Một tuần.

Lorraine buông tiếng chửi thề rồi nói tiếp:

- Tôi biết giá ông trả cho điểm chỉ viên là bao nhiêu mà Bill ! Đừng mong ép tôi làm với giá quá bèo. Tôi cũng biết ông có ngân quỹ riêng để trả những vụ lật vặt ngoài kế hoạch. Ông không xài thì cuối tháng ông và bạn ông cũng kê khai những chi tiêu hầm bà lằng khác để ăn nhập chứ phải không đâu? Tui đã rành lắm mấy chuyện này rồi. Cứ kê khai tên Xoài, tên Mít vào đó với lý do đi gặp người cung cấp tin. Năm chục đô la một ngày. Tôi sẽ đi khắp đường phố, hang cùng ngõ hẻm, quán rượu, vũ trường để hỏi thăm. Tôi sẽ tìm ra người cung cấp tin tức giúp cho cuộc điều tra của ông. Như hồi nãy ông đã nói là tôi giỏi đó mà.

Bill đứng lên, đi lại cửa sổ nhìn ra ngoài. Bàn tay ông sờ trên tấm sáo che cửa với vẻ suy nghĩ. Sau cùng Bill lên tiếng mà không quay lưng lại:

- Cô cai rượu bao lâu rồi?

- Tôi đã nói rồi. Một năm. Cứ điện thoại hỏi Mike, chồng cũ của tôi thì anh ấy sẽ trả lời cho ông như vậy. Điện thoại cho

người ở chung nhà với tôi, cô ấy cũng trả lời không khác tôi nói. Tôi lúc này đang hoang rồi mà Bill..

Bill quay phắt lại, nhìn thẳng vào mắt Lorraine. Nàng cũng nhìn lại, không chớp mắt. Sau đó Bill thọc tay vào túi chiếc quần rộng thùng thình rồi lại quay nhìn ra cửa sổ:

- Mỗi ngày cô điện thoại lại văn phòng cho tôi biết tin tức chứ?

- Tôi sẽ điện thoại mỗi giờ, nếu ông muốn...

- Được, tôi thích vậy.

Lorraine không tưởng tượng được là Bill chịu chi cho nàng như vậy. Nàng thấy khoái trong bụng nhưng làm mặt tỉnh, không lộ ra mặt.

- Ông có thể cho tôi mấy bản sao lời khai của nhân chứng mà ông có hay không?

- Có, đây nè!

Sau đó Bill rút bóp lấy tiền, đếm đủ một trăm đồng và đưa cho Lorraine.

- Tiền nè Lorraine. Nhớ đó nghe, tôi đã nói là tôi công đầu cô nhốt bất cứ lúc nào là tôi làm thiệt đó nếu cô giở quẻ, chơi qua mặt tôi. Phải làm việc đang hoàng... Tôi cần tin tức càng sớm càng tốt.

- Tôi cũng cần có mấy tấm hình, ông có những tài liệu gì cho tôi mượn hết đi.

Bill nhìn Lorraine với vẻ nghi ngờ và ngần ngại. Lorraine nói thêm:

- Tôi phải biết công chuyện từ đầu tới cuối mới làm việc được chứ!

Bill đứng nhìn Lorraine đi ra khỏi cơ sở cảnh sát. Nãy giờ ngồi tiếp chuyện Lorraine mấy tiếng đồng hồ, bỗng dưng ông căng cứng nhưng ông chưa muốn vào nhà vệ sinh ngay. Nhìn theo dáng Lorraine

khuất ngoài cổng, Bill không biết mình có điên hay không. Ông nhìn cô nàng ôm cả tập bản sao hồ sơ điều tra đầy cộm của ông với tất cả các vụ án mạng mà thờ dài. Nếu như xếp Michael mà biết được việc này thì ông lột lon Bill trước ngày về hưu. Bill tự trách mình sao dại quá. Đưa tiền cho cô ả mà không báo cô ta làm giấy biên nhận. Tự nhiên Bill lại thấy lạnh mình khi nghĩ đến việc Lorraine đem tập hồ sơ này đưa cho tụi nhà báo thì Bill chỉ có thân bại, danh liệt mà thôi. Đường đường một đại úy cảnh sát mà không điều tra nổi mấy vụ án, lại phải nhờ một cô gái với hồ sơ tội phạm lo giùm. Nhưng Bill thờ dài. Bề gì ông cũng bị xếp trừ ẻo rồi, nếu không tìm ra thủ phạm mấy vụ án này cho mau. Thôi thì nếu số phận đen như mồm chó thì cũng chịu thôi.

Bill nhìn đồng hồ. Ông phải gọi điện thoại cho anh chàng giáo sư đại học Andrew với hai lỗ tai dơi này mới được. Đầu giây bên kia, giọng Andrew reo lên mừng rỡ:

- Chào Đại úy. Từ khi nhận được những khám phá về đời tư của nạn nhân Norman do đại úy gửi đến, tôi cũng không có thời giờ nhiều để nghiên cứu và điện thoại lại cho đại úy vì tuần này tôi không rảnh, bận đi diễn thuyết ở mấy đại học...

Bill cắt ngang lời anh ta:

- Ông làm ơn nhín chút thời giờ và cho tôi biết ý kiến của ông, tôi cảm ơn nhiều.

- Tôi hứa sẽ điện thoại cho ông ngay sau khi tôi có thời giờ đọc hồ sơ nhưng hiện tại công việc tôi ứ lên đến tai.

Bill im lặng nghe Andrew giải thích lòng thông ở bên kia đầu giây, chỉ mỉm cười một mình. Ông muốn báo tin cho Andrew biết là

điều nghi ngờ của anh ta về người đàn bà vô danh gọi đến sở cảnh sát lúc trước là đúng. Cô nàng đã xuất hiện. Nhưng Andrew hỏi một câu làm Bill cụt hứng:

- Tôi không biết đại úy có cách nào ứng trước tiền cho tôi không? Việc nghiên cứu mấy hồ sơ này chiếm của tôi rất nhiều thời giờ...

Ông đại úy hứa sẽ đem việc này trình với xếp trên để nhờ ông ta giải quyết. Sau đó Bill gác máy điện thoại xuống trầm nghĩ. Việc này trình lên xếp Micheal thì thế nào xếp cũng đồng ý ký chi phiếu trả bằng quỹ của xếp vì chính xếp nhà ta đã đưa ý kiến mời anh chàng giáo sư đại học này giúp một tay phá án. Còn lâu Bill mới bỏ tiền túi ra để trả cho Andrew giống như ông đã trả cho Lorraine.

Bill vươn vai, ngồi dựa ra ghế suy nghĩ. Bill nhớ lại hình ảnh ngày xưa khi bắt gặp Lorraine ngồi trên sàn nhà trong phòng thay quần áo, say bí tỉ không biết trời đất là gì. Rồi ông nhớ đến khuôn mặt Lorraine lúc bắn lầm thằng bé da đen. Cảnh sát đến, đem Lorraine vào xe tuần cảnh chở đi mà khuôn mặt nàng vẫn vô tri giác với nụ cười ngu ngơ trên mặt. Lúc đó cô ả này thật nát rượu. Nếu cô ả đừng say rượu bắn lầm thì thằng bé tội nghiệp đó còn sống đến bây giờ. Lỗi ở con chó đẻ này. Bill nghĩ đến việc xưa, muốn giận Lorraine cằn hông như ngày xưa nhưng không hiểu sao ông cảm thấy lòng vẫn bình thản. Kể ra cô nàng Lorraine này cũng đã trả giá đắt cho lỗi lầm của mình rồi. Vì nghiệp ngập mà tan nát cả mái gia đình, mất cả chồng con, chức vị. Phải nói cô nàng này phải chùi lăm mới chưa chết bờ, chết bụi mà còn sống sót đến ngày nay. Phải quyết tâm lăm cô nàng mới bỏ được con ma

men. Ít nhất Bill cũng hy vọng Lorraine thức tỉnh để trở thành một người bình thường. Bill tưởng tượng nếu như nhận tiền của ông xong, bây giờ Lorraine cầm tập hồ sơ của ông đưa với số tiền dẫn túi, đi thẳng vào quán rượu ngất ngưỡng. Nếu như Bill bắt gặp thì Lorraine phải trả giá đắt cho hành động này. Bill sẽ tìm cách cho cô nàng chết rũ trong tù. Nghĩ như vậy, Bill lấy làm an tâm cho quyết định đã chi tiền cho Lorraine.

Khi về đến nhà, Lorraine cảm thấy mệt như muốn đứt hơi. Nàng ngã vật ra ghế sa lông ngủ mê man cho đến chiều tối mới dậy nổi. Ăn qua quýt cho nhanh, Lorraine lấy xấp hồ sơ Bill đưa cho, đem ra nghiên cứu. Nhưng nàng không thể tập trung tư tưởng với cô bạn Rosie đang xem ti vi, vận hết đài nọ đến đài kia. Chờ cho đến khi Rosie vào phòng ngủ, Lorraine mới tiếp tục làm việc. Nàng bày hết mấy tấm hình nạn nhân ra xem thật lâu, đọc kỹ hết mấy lời khai của nhân chứng. Nàng lấy giấy ghi những điểm nàng thấy nghi ngờ hay đáng để ý. Nàng mãi mê làm việc cho đến bốn giờ sáng.

Lorraine vươn vai. Bây giờ nàng mới để ý là chân của nàng tê cứng vì nàng ngồi xếp bằng mấy tiếng đồng hồ đọc hồ sơ. Đó là thói quen ngày xưa của nàng khi làm việc, nàng thích ngồi xếp bằng, tréo chân trên ghế như người ngồi thiền. Lấy tay xoa hai chân cho đỡ tê, sau đó nàng ngồi thẳng lưng nhìn về khoảng không trước mặt. Thằng cha đại úy nói đúng. Họ không tìm ra được một manh mối nào cho mấy vụ án này. Không có nhân chứng nào khác ngoại trừ nàng! Nếu mà Bill biết được là chính nàng đã nhìn

thấy tên hung thủ - và suýt chút nữa nàng cũng đã bỏ mạng vì hắn ta. Trong ký ức của nàng còn nhớ rõ chiếc măng xết trên tay áo của hắn. Lorraine ngồi suy nghĩ. Không biết Norman có bao giờ mua một xe đồ cổ tái chế để dùng không. Cho tới giờ phút này, chưa thấy ai nhắc đến điều này cả. Có thể mọi người đã làm khi ai cũng cho Norman là một người đàn ông hoàng, một người chồng, người cha gương mẫu?

Ngồi suy nghĩ mãi cho đến khi trời bắt đầu hừng sáng. Đồng hồ chỉ năm giờ. Lorraine biết nàng khó có giấc ngủ bây giờ dù nàng bắt đầu thấy mệt. Chiếc ghế sofa cũ kỹ không tiện nghi chút nào. Nàng ngồi xoay trở một hồi, hai chân lại bắt đầu tê cóng. Nàng nhắm mắt, lơ mơ định chợp mắt một chút thì hình ảnh thằng bé da đen nạn nhân của nàng năm xưa lại hiện rõ ra trong tâm trí. Nàng thấy nó chạy ngoằn ngoèo, thấy những sọc màu đỏ trên chiếc áo khoác của nó sáng lên dưới ánh đèn bấm. “Đứng lại!”.

Tiếng nói trong tiềm thức làm Lorraine giật mình, mở mắt và tỉnh ngủ ngay. Nàng không muốn thấy lại hình ảnh của nó, của nàng lúc đó. Thi thể thằng bé nằm đơ dưới đất do những viên đạn trong cây súng nàng bắn ra. Lorraine lồm cồm ngồi dậy, xếp gối lại ngay ngắn, đứng lên kéo màn cửa sổ qua một bên. Lorraine cố tập trung tư tưởng để nghĩ đến mấy vụ án mạng, nhớ kỹ từng chi tiết ngày thằng cha mua dâm dừng xe ở góc đường để đón nàng lên xe hắn. Mới sáng sớm mà Lorraine đã nghe mờ mờ dưới nách bắt đầu tuôn ra báo hiệu một ngày oi bức. Nàng muốn vặn máy lạnh lên nhưng sợ phá giấc ngủ của Rosie vì chiếc máy đã

cũ, tiếng máy khẹt ra những âm thanh ồn ào.

Lorraine vào bếp, mở tủ lạnh lấy mấy cục nước đá chà sau gáy cho đỡ nóng. Lorraine thấy khuôn mặt người đàn ông hiện rõ ràng trong trí nàng. Với đôi kính cận gọng vàng, đôi môi ướm... Nàng còn nhớ rõ mùi nước hoa hắn ta dùng, ngay cả mùi chiếc quần lót của hắn. Nàng tự hỏi không biết hắn ta có ở gần khu vực này không. Hay hắn ở một trong những cao ốc khu nhà của Nula? Nàng trở lại ghế, lật tập hồ sơ ra xem tiếp. Không hiểu sao linh tính nàng cho biết tên hung thủ này sống trong khu này. Có thể hắn ở trong khu phố khi xưa nàng ở, thuộc về thành phần dân khá giả. Có lẽ vậy vì quần áo hắn mặc lịch sự với hai bàn tay được chăm sóc cẩn thận.. Nàng biết chắc chắn một điều là tên hung thủ này rành khu vực này vì hắn đã chở nàng thẳng lại khu shopping một cách rành rẽ. Có thể nào chính hắn là chồng của cô gái nạn nhân Helen Murphy mà Bill nghi ngờ mà chưa tìm ra? Không thể nào! Một người đàn ông trông có vẻ lịch sự như hắn ta không thể nào có vợ đứng đường làm điếm. Hắn cũng không có vẻ gì là một tài xế vận tải như những lời khai trong tập hồ sơ điều tra của Bill. Từ đầu tới cuối trong suốt tập hồ sơ, Bill chỉ có một người nghi ngờ duy nhất là ông chồng cô Helen này nhưng Lorraine lại gạt tên ông ta ra. Không thể nào! Lorraine nhắm mắt lại, cố hình dung từng chi tiết của người đàn ông đã đón nàng lên xe để mua dâm. Kính cận gọng vàng, đôi mắt xanh, mũi cao, đôi môi đầy cui lúc nào cũng ướm vì hắn ta có tật liếm môi không ngừng. Lorraine cố nhớ lại từng câu hắn ta nói với nàng,

cách hắn choàng người qua ghế bên cạnh để mở hộc đựng giấy tờ. Nàng không cảm thấy sợ hắn như trước đây. Hình ảnh của tên giết người này in rõ trong trí của nàng. Giống như ngày xưa nàng đảm nhận việc điều tra vụ án cô bé Laura. Cuộc điều tra cũng lâm vào tình trạng bế tắc, không ai tìm ra manh mối. Lorraine thì thầm như nói với chính mình: “Tôi sẽ tìm ra cho được tên sát nhân!”.

Chương 9

Rosie say sưa đọc tập hồ sơ vụ án Lorraine đem về mà lạnh cả người. Vì quá chăm chú đọc nên Rosie không nghe tiếng chân Lorraine đi vào phòng ngủ.

- Rosie! Đây là hồ sơ mật của riêng tui, bà không nên đọc như vậy.

Rosie đang ngồi ở mép giường với những tấm hình bày vương vãi chung quanh. Nàng nhìn Lorraine nhún vai như xin lỗi rồi nói đã lẽ:

- Mấy tấm hình ở nhà quán làm tui phục quá. Hình thật của nạn nhân khi chết coi ghê rợn như vậy mà nhà quán trang điểm, vỗ mặt lại trông khác hẳn. Họ bơm mặt cho da căng lên, hay thiệt..

Rosie cầm tấm hình nạn nhân Helen lên và nói thêm:

- Bồ coi nè, hình cô này chụp khi cảnh sát tìm thấy xác. Còn hình này sau khi ở nhà xác ra, trông cứ như là đang ngủ.

Lorraine chỉ liếc qua rồi đi thẳng vào nhà tắm, vừa giải thích:

- Người ta phải làm mặt nạn nhân lại đàn ông để nhận diện với căn cước. Họ bơm thuốc vào mặt xác chết và trang điểm lên. Cảnh sát chỉ có một nghi can duy nhất là chồng của cô ta làm tài xế xe hàng nhưng họ chưa tìm ra được. Tui không nghĩ hắn ta là thủ phạm.

Rosie đóng tập hồ sơ lại và thở dài:

- Tui không biết có ai khóc thương cho mấy nạn nhân này không. Trông mặt người nào cũng có vẻ tiêu tụy. Họ chết thật thảm thương. Trong số này có một cô bé còn trẻ quá, mặt mũi coi cũng được ghê..

Lorraine ló đầu ra cửa nhà tắm trả lời:

- Tui cũng nghĩ vậy. Cô bé không giống mấy người khác. Mấy nạn nhân phần nhiều già, trông tiêu tụy, phong sương từng trải. Còn cô bé này mặt còn tươi rói với vẻ yêu đời.

Rosie liếc môi trước khi nói tiếp:

- Bồ biết tui nghĩ gì không? Tên hung thủ này đón bồ lên xe. Hắn đập đầu bồ nhưng may mắn bồ chạy thoát. Chiếc tắc xi chở bồ về đây... Để tui nhớ lại coi.. Ngày đó là ngày 17 tháng 5.. Đáng lý ra bồ không phải là đối tượng của hắn.

- Tại sao không?

- Bởi vì ngày đó là ngày mà ông... ông Norman gì đó - người ta tìm thấy xác ông ta trong thùng xe của chính ông ta. Như vậy tên hung thủ này không thể nào đập đầu bồ rồi lại đi kiếm người khác giết cùng một ngày. Chuyện vô lý!

- Rosie, nhờ tui té ra khỏi xe nên mới sống sót.

- Đúng vậy. Nhưng tui nghĩ ngày hôm đó bồ xui xẻo gặp hắn ta chứ hắn không cố ý tìm nạn nhân để giết vì trong xe hắn có thể có một xác chết rồi. Chẳng qua hắn ta thấy bồ đáng đáp ồm ồm, cao cao giống tài tử Julie Roberts nên mới dừng xe lại mà thôi...

Lorraine bước hẳn vào bồn tắm, kéo màn lại. Nàng thật ngạc nhiên về những nhận xét sắc bén của Rosie. Coi cô nàng bên ngoài ục ịch, có vẻ lù đù nhưng ý tưởng thật phong phú, có thể do linh tính tự nhiên trời phú cho. Chính nàng

đã bị người đàn ông này dùng búa đập vào đầu, giống hệt như vết thương sau đầu của tám nạn nhân kia. Rosie nói đúng, khó có một tên sát nhân nào vừa giết người xong, giấu xác trong thùng xe rồi lại đi tìm nạn nhân kế tiếp khác để giết. Ít ra hắn cũng chờ sau khi thủ tiêu xác của Norman xong mới đi tìm nạn nhân kế chứ? Ít có tên sát nhân nào tìm cách giết người liên tục trong một, hai ngày. Lorraine nghĩ trong đầu, nàng phải ghi chú điểm nhận xét này của Rosie và nàng kiểm chứng lại ngày giờ của mỗi vụ án mạng.

Cảm giác mệt mỏi nhưng trong lòng thấy thật thoải mái vì cả đêm qua nàng đã thức trắng đêm để thu thập mọi dữ kiện cho mấy vụ án mạng. Dù không muốn thú nhận điều này nhưng trong bụng Lorraine bắt đầu phục Rosie nên nàng định ngồi bàn chuyện với cô ta. Rosie chỉ đọc lên tập hồ sơ mà có nhận xét sắc bén như vậy trong khi ông đại úy Mike nhà ta là dân trong nghề mà cứ chạy vòng vòng trong cuộc điều tra.

Lorraine ngẩng mặt để những tia nước lạnh trong vòi hoa sen đập vào mặt. Lúc ngồi nói chuyện với Mike về những vụ án mạng, lúc đầu Lorraine đưa những nhận xét riêng của mình ra ông ta còn thích thú nghe nhưng một lát sau thì ông ta lại chán, chặn ngang lời của Lorraine, nói là ông không muốn nghe những chi tiết về thân thế mấy nạn nhân hay những cái chết của họ. Chuyện này để ông đọc hồ sơ và tìm hiểu lấy một mình được rồi. Nàng vẫn còn những thắc mắc trong đầu nhưng không biết nói cùng ai.

Vì suy nghĩ nên Lorraine đứng dưới vòi nước hơi lâu nên nước nóng bắt đầu hết, nước lạnh bắt

khai bút đầu xuân

*Nâng chén xuân này để chúc nhau
Chúc rồi nếu vẫn bạc đầu râu
Thì đành cạn chén cho thêm tuổi
Rồi cứ mềm môi để bớt sầu
Nếu máu có sôi thì cũng tốt
Hay hờn có bốc hại gì đâu
Non sông trời định hay nhân định
Sao chẳng tung mình với vó câu?*

trần ngân tiêu



đầu tuôn xuống. Ô kìa, Lorraine định tắt vòi nước, bỗng dừng hình ảnh của người bạn đồng nghiệp thuở xưa lại hiện lên rõ ràng trong trí óc. Lubrinski! Ngày xưa chỉ một mình Lubrinski biết được là nàng tâm trạng nàng bị xáo trộn, khủng hoảng giữa những cơn sợ hãi, tức giận và ghê sợ. Đó là một ngày bắt đầu cho những xáo trộn trong cuộc đời của Lorraine. Chính Lubrinski trong đêm đó đã cùng Lorraine đến một nhà trọ rẻ tiền để thấy một cặp tình nhân trẻ chết vì hít bạch phiến quá độ. Căn phòng và xác chết hôi rình như chuột chết nhưng mặt của họ vẫn còn tươi tắn, đẹp như thiên thần. Lần đầu tiên thấy cảnh này, như không chịu được, Lorraine run lên bần bật. Chính Lubrinski là người mời Lorraine đi vào bar gần đó để uống chút rượu cho ấm bụng và lấy lại bình tĩnh. Đó là lần đầu tiên Lorraine say. Không kiềm chế được cảm xúc, nàng gục đầu xuống bàn khóc tức tưởi như đứa con nít. Lubrinski đã nắm cánh tay nàng thật chặt để nàng khỏi té xuống đất. Lubrinski cũng đã khóc chung với nàng. Ông nói nàng cứ khóc đi để trút hết mọi buồn phiền trong lòng ra để sau đó thấy nhẹ nhõm hơn. Đó là lần đầu để rồi Lorraine tập làm quen với ma men để trút cơn sầu.

Khi Lorraine trở ra ngoài thì Rosie đang ngồi ăn sáng. Miệng và ngón tay cô nàng dính đầy mứt. Trước mặt Rosie là tập hồ sơ... Lorraine giật phắt lại để ra xa và lầu bầu:

- Đang ăn mà xem, hồ sơ dính mứt rít chặt..

Rosie đứng lên đi rửa tay cẩn thận xong trở về chỗ cũ, kéo tập hồ sơ lại gần, như đang đọc điều gì thích thú lắm. Một lúc sau Rosie lên tiếng:

- Cái ông giáo sư Andrew này

thật là giỏi, bồ có nghĩ vậy không? Bồ đọc bài phân tích của nạn nhân tên Helen chưa? Từ đầu tới cuối ổng nhất định không chấp nhận người đàn bà vô danh điện thoại đến cảnh sát là cô ta. Ông ta cho là Tám tầng - tên cảnh sát đặt cho tên sát nhân - là bị bệnh tâm lý, đón gái điếm già để giết.

Lorraine hơi chạnh lòng nhưng lời nói của Rosie đúng theo lời viết của ông giáo sư xã hội học. Nàng chỉ gượng cười nói:

- Nhưng cô bé Holly còn trẻ kia mà?

- Chắc bữa đó hấn ta hên hay là cô bé kia xui mới xảy ra chuyện.

Lorraine vào phòng trang điểm và thay quần áo. Khi nàng trở ra, Rosie vẫn còn chúi mũi vào tập hồ sơ để đọc.

- Bà có thể hỏi mượn xe hơi của người bạn Jake được không? Lorraine hỏi.

- Mượn để làm gì vậy?

- Tui cần xe đi Santa Monica. Làm một vài công việc điều tra. Có thể bà cũng làm giúp tui một tay..

Gương mặt của Rosie sáng lên:

- Tui làm việc có lãnh lương không?

- Có chứ. Bà sẽ được chia tiền.

Cuối cùng hai người bạn gái mượn được một chiếc xe cũ thuộc loại phế thải với giá thật bèo. Nhưng người chủ da đen vẫn bắt nàng đặt cọc một trăm đồng để rồi nàng có tông xe móp méo thêm thì ổng sẽ trừ vào đó. Đúng là ở xã hội này thượng vàng, hạ cám, thứ nào cũng có, tùy theo số tiền chi ra. Tiền mượn xe là năm chục đô la một tuần. Ông chủ cho mượn xe cũng không cần để ý đến bằng lái xe mà Rosie phe phẩy trước mặt.

Rosie lấy giấy ghi hết mấy chỗ móp méo đã bị đụng từ trước cho ông chủ xe ký, sợ đến khi trả xe ông ta đổ thừa cho hai người đã đụng và tính tiền thêm thì mệt.

Lấy chìa khóa, leo lên xe rô máy. Chiếc xe run lên, lắc lư với tiếng động cơ nổ to muốn điếc con ráy chứng tỏ chiếc xe sắp vào nằm ở nghĩa địa xe hơi rồi. Chiếc xe từ từ lăn bánh ra khỏi bãi đậu.

Hai người thử bấm nút mở trần xe xuống. Nhưng khi muốn đóng lại thì khung cửa nhỏ trên trần xe kêu rè rè và kẹt cứng. Trời hôm nay không nóng lắm nhưng chạy xe với cửa trên mở ra, không khí ùa vào cũng thấy thoải mái. Lorraine ngồi dựa lưng ra ghế ngồi cũ kỹ, lớp vải sờn ra. Đúng là tiền nào của nấy. Mượn xe loại thổ tả rẻ tiền thì phải chịu như vậy thôi. Lorraine mỉm cười và nghĩ trong đầu. Bây giờ nàng có công việc làm với ông Bill Mỡ. Không biết nàng phải bắt đầu cuộc điều tra như thế nào đây. Lorraine nghĩ đến hãng sửa xe ở Santa Monica gần nhà Mike. Nàng muốn đến đó hỏi xem họ có bán măng sét cho áo sơ mi không? Nếu có, bao nhiêu măng sét họ đã bán ra, và khách mua là những ai? Nàng chỉ muốn điều tra để tìm một chứng cứ nào chứng tỏ tên hung thủ có liên hệ gì với hãng xe này. Nàng vẫn còn nhớ rõ chiếc măng sét trên cổ tay áo của hấn ta. Lorraine cảm thấy thoải mái trên suốt đoạn đường đi. Lorraine ngạc nhiên khi thấy Rosie lái xe thật chì. Cô nàng bóp còi xe, qua mặt xe khác một cách thiện nghệ. Coi cô nàng mập phục phịch, lúc đầu Lorraine tưởng đâu Rosie chậm chạp, lù đù chớ đâu ngờ Rosie có nhiều khả năng về nhiều khía cạnh như vậy.

Rosie có vẻ suy nghĩ khi queo qua con đường khác mà Lorraine

vẫn lắc đầu. Lorraine vẫn không nhớ ra con đường nào mà ông tài xế tắc xi đã chở nàng chạy qua. Lorraine đề nghị Rosie lái đến khu phố nhà của Mike vì từ nhà của Mike, Lorraine có thể nhớ nhầm hướng dễ dàng hơn. Rosie quẹo xe lại hình chữ U khiến bánh xe nghiêng trên đường nghe ghê răng. Lorraine cất giọng vui mừng:

- Đúng rồi, cứ chạy thẳng đi... Mình chạy gần đến nhà của Mike rồi.

Xe chạy qua một khu nhà sang trọng gần bãi biển, Lorraine đưa tay chỉ và nói với Rosie:

- Đó, căn nhà của Mike ở bên kia đường.

Không định mà Rosie cũng đạp mạnh thắng để nhìn về hướng tay chỉ của Lorraine. Tự nhiên Lorraine lại thấy hồi hộp, chỉ muốn Rosie phóng đi cho thật nhanh, sợ người trong nhà trông thấy. Rosie suýt xoa:

- Chà, căn nhà đẹp quá, chắc là khảm tiền... Khu này người ta đặt là khu bãi biển vàng đó mà..

- Chạy qua nhanh đi Rosie...

- Nhưng bồ không biết hướng nào đi mà biểu chạy đi đâu?

- Thì cứ chạy thẳng phía trước đi. Tui không muốn Mike nhìn thấy tui.

Chiếc xe chạy qua khỏi khu phố Lorraine mới hoàn hồn lại và định tâm để quan sát hướng đi. Nhưng trong đầu nàng lúc này chỉ mang hình ảnh của người chồng cũ và hai cô con gái. Nàng nhắm mắt lại để đắm mình trong ký ức thuở xa xưa. Bỗng nàng giật mình nhẩy nhồm khi Rosie thắng gấp chiếc xe, đậu lại và cầu nhàu:

- Bồ không chịu coi đường cho tui. Chạy lòng vòng kiểu này xe hết xăng hồi nào không hay.

Lorraine mở cửa xe bước xuống. Rosie có vẻ suy nghĩ khi

thấy thái độ của Lorraine nên hỏi:

- Tui mình lại lạc đường nữa rồi chờ gì?

Lorraine không trả lời mà bước đến hàng rào bên vệ đường, nhìn ra bãi biển gần đó. Rosie vẫn ngồi yên trên xe, nhìn Lorraine đứng im như bất động. Rosie mở cửa xe đi xuống, tiến lại bên cạnh Lorraine:

- Bồ không sao chứ?

- Tui không được vui lắm Rosie.

Rosie như thông cảm cho bạn nên đứng im lặng, không nói thêm tiếng nào. Hai người đứng song song bên nhau trông thật buồn cười. Một người cao và gầy, một người mập và lùn. Lorraine vẫn đưa mắt nhìn ra xa, thì thào nói:

- Tui mất hai đứa con gái của tui rồi, bà biết không? Đáng lẽ tui không nên đi thăm tui nó lúc này. Cuộc đời tui nó xem ra đã ổn định, hạnh phúc và vui vẻ. Tui nó kêu bà ta là mẹ.. Tui nó quên tui rồi... Nhưng nói nào ngay, ngày xưa tui bệ rạc quá, không đáng cho tui nó nhớ.

- Bồ đừng nói vậy. Ở đời, kỷ niệm nào cũng đáng cho mình nhớ, dù tốt hay xấu, vui hay buồn. Mọi việc từ từ đưa đến những sự tốt đẹp cho bồ. Làm sao bồ biết được, có thể lần gặp mặt sau sẽ khá hơn?

- Bà nghĩ như vậy à?

- Tui biết chắc chắn là như vậy.

Lorraine nhìn vào mặt Rosie thật lâu, sau đó mỉm cười nói:

- Bà thật là người lạc quan nhất trên đời, bà có biết như vậy không?

- Biết chứ. Nhờ vậy mà đến giờ này tui vẫn còn đi bằng hai chân chứ không thì sụm bà chề từ đời nào rồi.

Lorraine quàng tay qua vai Rosie và siết mạnh, vừa thì thầm nói:

- Tui thật cảm ơn Trời Phật đã cho tui gặp bà.

- Tui cũng vậy. Rosie nhẹ trả lời.

Lorraine buông tay ra khỏi vai Rosie, quay mặt nhìn về con đường, lông mày nhíu lại như có vẻ suy nghĩ.

- Tui nhớ ra rồi. Chiếc xe tắc xi bỏ tui xuống ngã tư đằng kia... Đúng rồi, bây giờ mình đi. Tui nghĩ là tui biết đường rồi...

- Bồ có chắc là bồ muốn làm chuyện này không?

Lorraine giơ hai tay lên trời với vẻ chán nản:

- Trời đất ơi, bà nghĩ là tui muốn xe lên đây để làm gì? Thôi hai đứa lên xe. Tui đang suy nghĩ trong đầu cách hỏi họ như thế nào. Tui sẽ vẽ hình chiếc măng-xéch lên giấy. Bà đi vào hỏi họ, làm bộ nói là chồng của bà mất một chiếc khuy măng-xéch như vậy, bà muốn mua một chiếc khác... Nè, bà có nghe tui nói không? Ê.. quẹo sang trái, quẹo ngay đây nè...

Xe chạy khoảng mấy cây số thì Lorraine ngồi chồm người về phía trước, nói bằng giọng khích động:

- Chạy tới nữa đi. Tui nghĩ là ở góc đường đằng kia... Chạy chậm chậm, đừng chạy nhanh quá.

Hai người đang ở trên đại lộ Santa Monica. Họ vừa trông thấy ga ra bán xe cổ mà họ muốn tìm. Rosie đậu xe ở tòa cao ốc bên cạnh phòng trưng bày xe.

Cầm lấy miếng giấy có hình chiếc măng-xéch áo sơ mi, Rosie hỏi đi hỏi lại bốn lần những câu hỏi mà nàng phải nói cho trôi chảy.

(còn tiếp)

TIẾNG MỒ TRONG ĐÊM

(truyện dài
đồng quê miền Nam)

Phùng Nhân



(tiếp theo)

Mới đó mà thằng Tài đổi xuống xã Thới Thuận này cũng được bốn tháng rồi. Bây giờ thì nó quen biết với con Bông, cho nên hễ rảnh là nó đi ra đây ngồi, hỏi han tâm sự. Câu chuyện tuy chỉ nói bóng gió bên ngoài, nhưng hai đứa đã phải lòng nhau nên thằng Tài ngày đêm thương nhớ.

Trưa nay cũng vậy, sau khi nhóm chợ dân chúng đi lại thông thương, thì tụi lính ở trong đồn cũng bung ra ngoài, đi kiếm mấy nhà quen mà ăn chực. Đời lính nghĩa quân ở đâu cũng vậy, thức ăn nước uống thường hay nhờ cậy thân quyến và trong dân, chớ lương lậu chẳng bao nhiêu, mà ai còn dính vô cờ bạc, đá gà, hút thuốc, nhậu nhẹt thì chỉ trong vài tuần là hết. Cho nên mỗi thằng lính tự đi kiếm cho mình một bà má nuôi, hoặc một con mèo; còn mấy ông già tuổi đời có kinh nghiệm thì đi kiếm một bà vợ nhỏ, nhờ thế mà cũng có được ngày hai bữa cơm trôi qua trong cuộc sống lính tráng hằng ngày. Riêng thằng Tài ở đây thì ai cũng biết, nó là gốc dân sống trên Sài Gòn đã học nghề thợ máy, thợ sơn hết mấy năm, vì hoàn cảnh tới tuổi đi quân dịch mà phải về quê đi lính nghĩa quân cho qua ngày tháng.

Bữa nay thằng Tài và con Bông chủ tiệm sau khi đá lông

nheo, nói những chuyện trời trăng mây nước, thì con Bông dòm trước ngõ sau rồi hỏi:

- Tui nghe người ta nói hình như má anh cũng ở gần đây phải hôn?

Thằng Tài thất kinh, nhìn con Bông hỏi lại:

- Ai nói với Bông là má tôi đang ở gần đây?

Con Bông nhìn nó ranh mãnh rồi hỏi lại:

- Ai nói thì cũng được, mà có thơ của má anh đây. Anh có muốn đọc hôn để tui đưa cho...

Thằng Tài dòm ra ngoài lộ thấy vắng người ta, nên nói lạ:

- Có hôn đưa đây, má tôi đã nhấn gì...

Con Bông mỉm cười, đi lại cái kệ giở thùng giấy cạc-tông lên, lấy xuống một miếng giấy nhỏ đưa, rồi dặn:

- Anh đọc lên rồi thủ tiêu liền, đừng giữ lại mà nguy hiểm. Hơn nữa ở trong đồn nên đề phòng ông Năm Thành, vì ông ta là con cáo già ở chỗ này, việc gì ông ta cũng biết. Chính vì thế mà má anh muốn liên lạc với anh, để rước anh ra rừng mà đi theo cách mạng.

Thằng Tài đọc xong thì tái mặt, nó vội vò nát miếng giấy cuộn lại rồi liệng qua rào. Sau đó nó nói nhỏ hai tiếng cảm ơn, rồi lặng lẽ đi vô đồn chớ không nói thêm một tiếng nào nữa cả.

Nó nằm vật vạ như vậy cho tới giờ cơm, bữa cơm hôm nay tới phiên thằng Nghĩa nấu, cho nên nó chỉ có lo phụ dọn chén rồi ăn. Nhưng trong tiểu đội của nó có mấy đứa mắc đi ăn chực ở ngoài, chỉ còn lại có mấy đứa nên bữa cơm cũng không có ồn ào như mọi bữa.

Ăn xong thì tới phiên gác, thằng Tài xách cây súng đi ra leo thang lên cái lồng cu, nó đảo mắt một vòng, thì chỉ thấy rừng cây trùng điệp. Nó kéo cò lên đạn để cây súng trên đùi, rồi nó nghĩ tới những lời lẽ trong thơ, má nó biểu nó phải làm nội tuyến, để cho bộ đội đi về đánh đồn, hoặc mang súng đi ra rừng ở với bà, theo con đường vinh quang cho tuổi trẻ...

Ngồi suy nghĩ mông lung một hồi mà một giờ gác trôi qua, thằng Tài đổi gác rồi đi ra giếng xách nước vô tắm. Đứng xối nước kỳ kỳ một hồi làm cho nó tươi tỉnh thêm ra. Khi nó đi vô thay quần ra, thì ông Năm Thành ngoắc nó lại nói:

- Mấy làm gì cà rà ở quán con Bông hoài vậy? Coi chừng nó bắt cóc mày mà tao không biết kiếm ở đâu, thôi mày chịu làm rể tao, thì tao sẽ gả con Thoa cho mày, chừng nào yên giấc mày sửa máy ghe, còn tao thì lo đóng đậy...

Sau câu nói chơi thì ông Năm Thành cười lên ha hả, làm cho thằng Tài cũng bớt sợ phần nào, bởi vì nó vừa mới nhận được thơ của má nó đây, nếu ông Năm Thành mà biết được thì có nước ở tù mút chỉ. Nên nó mỉm cười rồi nói lại:

- Chú Năm ơi. Con chỉ có học sửa máy xe hơi, còn máy ghe chưa học thì làm sao sửa được.

Ông Năm Thành cười lên ha hả, rồi nói tiếp:

- Cái thằng này sao mà khờ quá. Máy xe với máy ghe nó đâu có khác nhau bao nhiêu, miễn mày

nhớ mặt hết mấy cái chìa khóa mở ra là được...

Nói xong rồi ông ta đi lại vỗ đầu thằng Tài, biểu thằng rể đấm lưng, nếu mấy đấm coi được thì nữa gả nó cho mấy tao bù thêm cho miệng đầy. Sau đó là tiếng bầm thịch nghe lạch bạch vang lên, rồi tiếng bắt thịch dồn lên lộn ngược giựt nghe cái rắc. Phải nói thằng Tài đấm bóp thiệt chuyên nghiệp, bởi hồi nhỏ tới lớn nó ở với ông Tám Châu, mỗi chuyến lái xe hàng từ trên Bảo Lộc đi về tới Chợ Lớn hai chả vai đều ê ẩm nên ông bắt thằng Tài đấm bóp. Lâu dần thằng Tài quen cách, hai bàn tay của nó thật là thành thạo...

Trong khi đó thì ở cục rừng cuối con rạch xẻo Mây, bà Hai Chiêm cùng với các đồng chí của bà đang ngồi học nghị quyết từ trung ương cục đưa xuống. Phải làm thế nào đánh dẹp hết đồn bót từ dưới xã Thừa Đức chạy lên tới xã Tráng Dù, để từ đó du kích địa phương tiếp tục mở rộng địa bàn lên tới Đình đầu trâu, và cô lập tất cả đồn bót vòng lên tới Cây Trôm với Rạch Giữa, để có địa thế rộng lớn mà tiếp đón súng đạn từ ngoài Bắc đưa vào bằng đường biển.

Trong phiên họp này Ba Đào làm chủ tịch, vì ông ta hiện là tiểu đoàn trưởng ở đây, muốn đánh cái đồn bót nào cũng đều do ông ta quyết định. Tan cuộc họp; bà Hai Chiêm được một tiểu đội hộ tống đưa trở lại cơ quan ở xã Thới Thuận, vì cục rừng này hơi mỏng nên chỉ có cơ quan hành chánh đóng mà thôi, còn bộ đội của Ba Đào thì phải ém quân, chừng nào đánh mới xuất đầu lộ diện.

Từ trên xẻo rạch Mây, bà Hai Chiêm phải băng đường rừng theo dấu chân của người liên lạc, khi tới con sông Thừa Đức thì bà đã có một chiếc xuồng đón củi đợi sẵn,

rồi họ đưa bà sang sông, từ đó liên lạc viên đưa bà đi thêm hai trạm đường rừng nữa. Đây là một sự bảo vệ cho cán bộ cấp tỉnh ủy viên, nên bà Hai Chiêm đi tới đâu cũng được cán bộ trạm bàn giao đưa đón rất là cẩn thận.

Về tới cơ quan sau khi tắm rửa thay đồ thì trời đã tối, bà Hai Chiêm ngồi trong mùng soi một xấp tài liệu dưới ngọn đèn dầu. Mỗi cái chấm đỏ là một đồn bót của nghĩa quân, mà bộ đội của Ba Đào đang chuẩn bị đánh lấy trước mùa mưa, nhưng khi bà rà cây viết chì mở tới cái đồn nghĩa quân Giồng Cà, thì ruột gan của bà đau như có dao cắt đứt.

Bà ngồi suy nghĩ một hồi không biết phải làm sao, vì lá thư của bà gửi cho thằng Tài cả mấy ngày nay bật vô âm tín. Trong lúc bà còn đang suy nghĩ, thì cán bộ liên lạc đưa con Bông là cán bộ hợp pháp đi vô để gặp bà. Mừng quá bà chỉ trông cho người liên lạc bước ra, rồi bà đóng kín cửa cơ quan lại hỏi:

- Em đến đây trong lúc đêm tối như thế này, để cho chị biết kết quả của lá thư bữa hôm phải không?

Con Bông nhìn lên, rồi đáp:

- Chị Hai ơi. Anh Tài đã trả lời dứt khoát, là anh không thể làm theo lời của chị. Anh còn nhấn lại, là chị cứ coi như anh đã chết rồi khi lúc mới sanh. Thôi từ rày về sau chị đừng liên lạc nữa...

Bà Hai Chiêm như chết lặng, đứng một hồi rồi hỏi nhỏ:

- Ngoài ra nó còn nói thêm điều gì nữa không em?

- Dạ không...

- Em thấy nó có mập mạp gì hôn?

- Anh cũng trung trung người hà chị.

Bà Hai Chiêm thở dài rồi nói:

- Như vậy thì chị hết hy vọng

rồi. Hôm rày chị đang trông ngóng tin em, định hỏi em nếu hai đứa có thương nhau thiệt thì chị xin cưới em cho nó...

Con Bông bẽn lẽn dựa đầu lên vai bà Hai Chiêm, mà đôi mắt dường như mọng đỏ. Bởi vì nó đã thật sự yêu thương thằng Tài, mà hai đứa chưa dám thổ lộ với nhau. Chỉ có nói những câu úp mở xa xôi, khi thằng Tài mần phiên gác đi ra ngồi rù rì tâm sự.

Đêm đó con Bông nó ở lại ngủ chung mùng với bà Hai Chiêm. Khi sáng thiếp mặt thì nó được liên lạc viên đưa ra khỏi cánh rừng, để từ đó nó trà trộn vào người dân địa phương xách một giỏ cua đi ra chợ bán. Rồi nó đi lại bến đò để quạ giang, chừng 10 giờ trưa thì nó về tới nhà, cũng giống như bao nhiêu người dân ở đây đi ra ruộng bắt cua, bắt cá chớ không có gì khả nghi, nên nó hoạt động hợp pháp ở đây mấy năm trời rồi mà không sợ bể.

Còn thằng Tài khi thấy con Bông về tới, là nó mừng quá mà cứ đi xấn bấn gần bên, nhưng thật ra nó cũng không biết hỏi chuyện gì, đợi cho con Bông đi ra đi vô một hồi thì nó mới hỏi:

- Ngày hôm qua tới nay đi đâu mà bây giờ mới về vậy?

Con Bông nhìn tới nhìn lui một hồi thấy không có ai, rồi nói:

- Đi kiếm người đặt nhẩn với má anh, là ý của anh thì như vậy, để cho bà đừng liên lạc nữa...

Thằng Tài thở ra, rồi hỏi lại:

- Rồi má tôi bả nói sao?

Con Bông ngược lên, nói nhỏ:

- Bác Hai buồn lắm. Rồi bác lại nhấn trở ra, là khi nào có súng nổ anh nhớ cẩn thận, kiếm chỗ nào ngồi núp đợi khi nào thấy bộ đội tràn vào thì phải đầu hàng. Vì trận đánh lần này thì sức lực trong đồn không thể nào chống cự được đâu, đó là những lời của má anh căn

dẫn...

Hai đứa nói chuyện một hồi, rồi con Bông đi vô giỏ khạp bắt ra một cặp cua cái gạch điều, với một xâu cá bóng sao đưa cho, rồi dặn:

- Cá bóng sao này chiều nay anh làm xong rồi kho xả, còn cặp cua cái này anh nấu canh rau. Anh bước lại chợ coi có mướp hương, mua thêm chừng hai trái nấu chung thì rất ngọt.

Thằng Tài xách cặp cua và xâu cá bóng sao bước vô đồn, vừa gặp mặt Năm Thành thì ông ta ngoắt lại nói:

- Xách gì mà coi nặng vậy thằng rể?

Thằng Tài cười hề hề nói:

- Một cặp cua với xâu cá bóng sao, chú Năm.

Ông ta cười ha hả rồi nói lớn:

- Như vậy sẵn buổi này bắt nước luộc cua đi, còn xâu cá thì mấy cặp gấp nướng trui. Để tao chạy đi lại đằng này xách về can rượu, chiều nay mình nhậu quắc một bữa cho vui, chớ cơm nước gì với hai con của đó...

Trong lúc thằng Tài đang nhúm lửa luộc cua, thì có thằng lính khác lấy xâu cá đi ra hè cặp gấp nướng. Một lát sau ông Năm Thành xách về một can rượu đế, cùng với một bó củ cái tiêu, và một mớ rau thơm. Sau đó ông ta chỉ bảo mấy đứa nhỏ băm củ cái tiêu ra làm gói, chừng nửa giờ sau thì mỗi mớ cũng đang hoàng, nhưng ông ta chỉ cho mấy thằng lính nhậu sương sương, vì tối đến còn phải canh gác cho cẩn thận để đề phòng Việt cộng tấn công đánh úp...

Đêm nay tối đen như mực, trời lại mưa rỉ rả từ chiều, cho nên bộ đội của Ba Đào nai nịt rất gọn gàng, để chờ tới giờ tấn công dứt điểm. Còn bà Hai Chiêm thì ở tại cơ quan, nước mắt bà chảy ròng ròng khi nghĩ tới một lát nữa đây,

thằng Tài không biết làm sao để mà sống sót khi những trái đạn không giựt SKZ cứ bắn trực xạ bay vào, cho dầu hầm hố có kiên cố tới đâu, thì cũng khó mà chịu nổi. Tới chừng đó thì toán đặc công cứ việc bò vào, những trái bộc phá sẽ được đánh xuống mấy cái đầu lân. Rồi thằng Tài sẽ ra sao, nó có sớm nhận ra điều đó để đầu hàng, hay là nó vẫn cầm súng bắn trả cho tới viên đạn cuối cùng, rồi thản nhiên chết cũng như bao nhiêu người lính nghĩa quân khác!

Bà Hai Chiêm lấy chai dầu cù là ra mở nắp, quẹt một miếng đưa lên mũi hửi, để trấn tĩnh tinh thần đang dao động. Bất ngờ một tiếng súng lớn nổ lên từ hướng đồn ở Giồng Cà, rồi tiếp theo sau đó là súng đạn nổ rền trời. Ngực bà nhói từng cơn khi nghĩ tới giờ này thằng Tài không biết ra sao, nó có được bộ đội tha cho trong lúc đầu hàng, hay là nó được thí cho một viên đạn vào đầu để trả thù, khi tổ đặc công đã có người hy sinh vì bị lính trong đồn chống trả...

Trong lúc bà còn đang lo sợ, thì ánh sáng hỏa châu lơ lửng một góc trời. Từng trái đạn súng cối 82 ly ở dưới đồn Thừa Đức bắn lên yểm trợ, tăng thêm sự chết chóc thê lương, mà trận đánh đêm nay vô cùng quan trọng, cho nên Ba Đào phải điều động cả một tiểu đoàn đánh để thị uy, sau đó nếu đồn bót nào không chịu đầu hàng thì sẽ diệt.

Tiếng súng nổ một hồi thì im bặt, đó là dấu hiệu chẳng lành, nên bà Hai Chiêm càng lo lắng nhiều hơn. Bà ngồi thức trong mừng để chờ nghe tin tức, đến 1 giờ khuya thì có tin chiến thắng bay về, là cái đồn Giồng Cà bị diệt gọn trong đêm, chỉ bắt sống được có mấy người lính nghĩa quân, được Ba Đào giáo dục tha liền tại chỗ. Còn thằng Tài thì chết liền

bởi phát đạn nổ đầu, khi nó cùng với ông Năm Thành lo chống cự ở cái đầu lân ngay mặt ngã tư đâm vô. Một trái đạn không giựt thổi bay cái nóc, rồi tiếp theo là những trái bộc phá thấy vô, nên chỉ trong 20 phút đồng hồ thì cái đồn đã mất. Thế là ông Năm Thành đã làm tròn bổn phận của cấp chỉ huy, còn hơn là bị bắt sống, bị cộng sản tra tấn hành hình rồi cũng chết. Đó là cái chết oanh liệt của người lính nghĩa quân, nhứt định sống chết với đồn!

Bà Hai Chiêm nhận được tin chiến thắng mà rụng rời cả tay chân, khi bà biết chắc rằng đứa con trai thân yêu của bà hôm nay không còn nữa. Bà đi ra chỗ bụi mấm vắng vẻ ngồi khóc một mình. Trong phút giây đó bà trở lại là một người đàn bà yếu đuối thương con, chớ không phải là một tỉnh ủy viên cứng rắn như thường ngày ở đây người ta được biết.

Bà ngồi như vậy một hồi lâu, đôi vai gầy ốm của bà cứ run lên tiếng nấc ngậm ngùi, muốn khóc kể vài tiếng với con nhưng không sao cất nổi tiếng. Ôi định mạng sao quá oái oăm, giáng xuống cho thân phận bà, khi biết con mình đang lâm nguy mà không sao cứu được. Bà ngồi như vậy một hồi cho với bớt buồn đau, rồi bà đi vô cơ quan biểu người phụ trách máy vô tuyến cho bà liên lạc với Ba Đào.

Cầm cái ống liên hợp trên tay, bà run giọng hỏi:

- Đồng chí Ba Đào đó hả?

- Vâng tôi đây. Có gì không chị Hai...

Bà Hai Chiêm ngập ngừng, rồi hỏi nhỏ:

- Đánh chiếm cái đồn Giồng Cà xong rồi hả đồng chí?

Ba Đào mau mắn nói:

- Xong rồi. Lấy đẹp không chỗ nào chê...

Bà Hai Chiêm hỏi tiếp:

- Mấy đứa tù binh đồng chí đã giáo dục rồi tha mạng hết phải hôn?

Ba Đào cười ra tiếng, rồi nói:

- Thả liền đêm hồi hôm, chớ bắt làm tù binh cái gì ba thứ nghĩa quân đó...

Bà Hai Chiêm run giọng hỏi thêm:

- Anh thấy có đứa nào tên Tài hôn anh?

Ba Đào ngáp ngừng, rồi nói nhỏ:

- Hình như trong lúc lật xác tui nó để tịch thu quân dụng, lính của tui có thấy một thằng tên Tài thêu trên miệng túi. Bộ đứa nhỏ đó có bà con với chị hả?

Bà Hai Chiêm khóc thành tiếng:

- Nó là con ruột của tôi đó anh ơi!

Ba Đào hoảng hốt kêu lên:

- Trời đất! Sao chị không nói trước cho tôi biết, để tôi tìm cách cứu nó!

Bà Hai Chiêm thần thờ đáp:

- Chắc số phận đã sắp đặt trước hết rồi. Chính tôi đã nhiều lần viết thư về kêu gọi nó bỏ trốn ra đây, hoặc ở trong đồn làm nội ứng, nhưng nó không chịu, cuối cùng rồi tôi cũng không biết làm sao...

Hai người nói chuyện một hồi rồi chấm dứt, bà Hai Chiêm đi thơ thẩn một hồi cũng trở vô mừng, trong khi đó thì nước ngoài sông đang nhữn lớn. Tiếng sóng vỗ bãi bùn nghe oàm oạp thê lương, khiến cho bà rùng mình sợ hãi khi nghĩ tới một ngày nào đó, mấy đứa cháu của bà lớn lên đi lính quốc gia, tui nó đi ruồng bố gặp bà đang trốn trong hầm. Rồi tui nó cũng sẽ đưa hòng súng lên nhắm lấy cò, như hồi trước trên ấp Phú Vang, thằng Hai Ở đã bắn ông Năm Chắc vậy! Nếu cuộc chiến này kéo dài không chấm

dứt, thì anh giết em, cha giết con sẽ xảy ra trên khắp đất nước Việt Nam!

Bà Hai Chiêm nằm trần trở

hoài mà không ngủ được. Chứng mất ngủ thỉnh thoảng lại hoành hành, mỗi khi bà có chuyện buồn lo thì căn bệnh lại kéo về, bắt bà

xuân ý

*Ngập nghé Xuân sang, thắm cánh đào
Pháo hồng, liễn đỏ, chiếc nêu cao
Giục đàn con trẻ mau khôn lớn
Chợp mắt, nghe Xuân nhập mộng đầu.*

*Xuân vãng, mai vàng thi sắc hoa
Yến oanh thánh thót điệu tình ca
Có nàng Xuân nữ hồng đôi má
Ôm sắc hoa nhường đợi gió xa.*

*Thiên lý đưa hương vọng nguyệt lâu
Men nồng, chén choáng đắng mảy râu
Tuổi đời thua, được hần bao vết
Xuân đến, duyên gì thác tuổi cao?*

*Liễn đỏ trái dài bên án thư
Xôi kinh chưa chín, sữ lao lư
Sân Trình, cửa Khổng nghe mơn mõi
Bảng hổ chưa đề, sữ ẩn cư.*

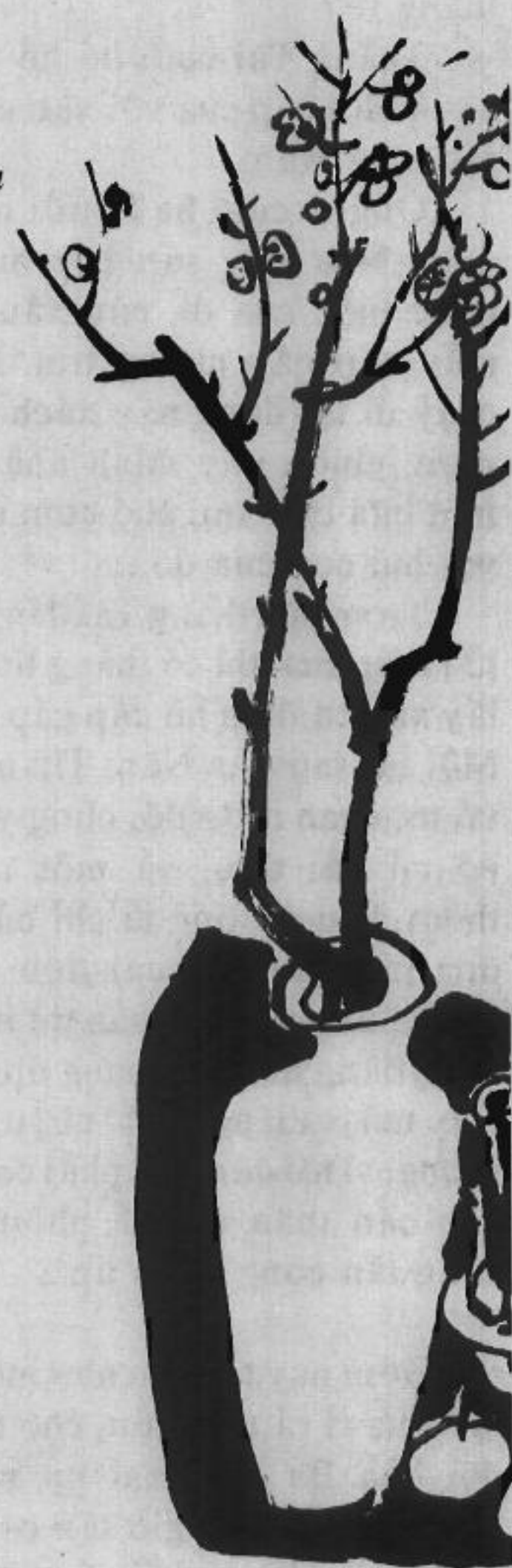
*Nồi bánh reo hò, lửa trở bông
Bánh xanh tranh sắc má nàng hồng
Trầu cau luống đợi nàng nâng tuổi
Thôn dã chờ ta kết chữ đồng.*

*Công trình đậm nét sức cần lao
Mê mệt thân danh, lỗi nhịp cầu
Xuân đến soi gương, gương đợi bóng
Nhớ người, thao thức suốt đêm thao.*

*Luận thời, đạt phú vốn do thương
Hay, dở, cân phân bởi sở trường
Xuân độ cảnh gây mau nảy lộc
Quê tàn, sự nghiệp vương tai ương.*

*Xuân đến biên thuỳ, mai nở hoa
Trấn biên, biên vững; vững san hà
Chính trường phản bội, quê-hương mất
Nợ nước theo Xuân nâng tuổi già!*

triều vân



nằm mở mắt thao láo để ôn lại chuyện đời, mà bà cứ tưởng nó đã vùi chôn trong quá khứ. Rồi bà lại nhớ tới ông Ba Thi chồng bà, hiện nay là trung đoàn trưởng độc lập bảo vệ cục R, nhưng đã mấy năm qua chưa gặp mặt. Ôi nghĩa vụ của đảng giao phó cho một đảng viên, nó nặng nề hơn tình nghĩa vợ chồng, mà bà chỉ biết cắn răng chờ không dám một lời than vãn. Còn thằng Lộc là con của bà với ông Ba Thi nay đã 13 tuổi, đang ở với nội nó tại xã Tráng Dù. Tuy không xa xôi gì lắm, vậy mà gần cả năm nay rồi bà chưa lên về thăm được. Nếu mai nầy nó lớn lên, đi học thi đậu tú tài đôi, liệu nó có chịu đi theo bà làm cách mạng, hay là nó lại nhập ngũ vào trường sĩ quan trừ bị Thủ Đức để mang lon chuẩn úy khi mới ra trường. Chừng mười năm sau nó sẽ lên cấp tá, rồi nó sẽ chỉ huy cấp tiểu đoàn để đi hành quân đánh lại cha nó như là một nhiệm vụ thiêng liêng, mà bất cứ người lính nào cũng phải làm để bảo vệ đất nước.

Bà Hai Chiêm mệt mỏi thở dài, lại móc chai dầu Nhị Thiên Đường ra mở nắp. Sau đó quệt một miếng xúc lên chỗ màng tang để làm giảm cơn mệt mỏi nhức đầu, riết rồi trở thành thói quen, cho đến hôm nay thì đã trở thành cái tật. Thiếu cái gì thì bà chịu được, chứ còn thiếu chai dầu gió, hay hộp dầu cù là thì bà cảm thấy bứt rứt không an. Hửi một chút hơi dầu bà cảm thấy hơi dễ chịu, nên rán nằm nường lại để ru một giấc ngủ muộn màng...

Chương 15

Đêm 30 tết Mậu Thân năm 1968, trong lúc mọi người đang chuẩn bị đón giao thừa. Mặc dầu không khí chiến tranh hiện diện khắp nơi, nhưng khi được chánh

quyền quốc gia thông báo trên đài phát thanh và báo chí là sẽ hưu chiến ba ngày, để cho toàn dân được yên tâm làm lễ cúng rước ông bà thì nhà nhà lo sửa soạn trang hoàng, mua sắm chuẩn bị ăn Tết.

Không khí rất là nhộn nhịp tung bừng vào chiều ba mươi Tết. Trong xóm ấp Lộc Sơn, xã Lộc Thuận có người còn làm heo, trước là để làm lễ cúng ông bà, sau nữa là chia thịt lại cho bà con, mà họ đã đoán trước thế nào năm nay thịt heo cũng hút.

Đúng 12 giờ đêm, thì ở nhà thờ tiếng chuông mừng năm mới đổ vang lừng; ngôi chùa làng cũng vang lên tiếng mõ tụng kinh cầu cho quốc thái dân an... Vài tràng súng nổ lên lạch tách xa xa như để thay tiếng pháo, nhà nhà hé một chút cửa cái để hứng lộc đầu năm. Trong phút giây đó, vợ chồng con cái lẳng xẳng lo châm nước bình trà, cắt bánh tết cúng trời đất tổ tiên...

Dân làng sau lễ cúng giao thừa cũng thấp đuốc ra khỏi nhà, trước là đến chùa lễ Phật sau là để xuất hành năm mới.

Bất ngờ trên chợ ngã tư có tiếng súng nổ vang. Ban đầu thì người ta còn hơi ngỡ ngợ, cứ cho rằng mấy người lính lại bắn súng pháo mừng Xuân. Nhưng tiếng súng lại nổ liên tu bất tận, làm cho mọi người hoảng sợ lật đật tắt đèn, rồi ẩm con, bồng cháu chun xuống hầm tránh-xê tránh đạn.

Màn đêm bí mật buông xuống âm thầm, mấy người "tối trời" ở trong xã Lộc Thuận bắt đầu xuất hiện. Họ đi bao nhà ruộng bắt dân công, đưa gáp đi lên trên tỉnh Bến Tre để chuẩn bị cướp chánh quyền. Vì bộ đội đã đồng loạt tấn công, hiện đang chiếm giữ chợ Bến Tre và những nơi trọng yếu.

Đài phát thanh của chánh

quyền quốc gia nhanh chóng loan tin Việt cộng vi phạm lệnh ngưng bắn, đã tấn công nhiều tỉnh lỵ thị xã ở miền Nam và ở thành phố Sài Gòn.

Thế là tiểu đoàn của Ba Đào với tiểu đoàn 502 của ông Lý Thiết Hùng được dịp tung hoành. Từ nơi cầu Cả Cối họ tấn công qua thị xã, rồi phối hợp với đơn vị đặc công nội thành, cùng với dân quân du kích đánh thẳng vô ngay tòa hành chánh của tỉnh Bến Tre. Sau mấy giờ đồng hồ giao tranh, bộ đội của Ba Đào đã làm chủ tình hình, bắt một số công chức hành chánh đem hạ sát liền tại chỗ...

Đến sáng hôm rạng ngày mừng một âm lịch, thì quân đội quốc gia mới bắt đầu phản công, có trực thăng vận quân thảo trên đầu, còn dưới đất thì có xe tăng ủi bãi. Tiếng súng vẫn nổ không ngừng, thường dân vô tội lớp chết lớp bị thương không biết bao nhiêu mà đếm.

Đến ngày mừng hai tết âm lịch, thì Việt cộng bị kiệt quệ về đạn dược, không còn đủ sức chiến đấu trong hoàn cảnh nguy nan, nên Ba Đào ra lệnh tất cả binh sĩ dưới quyền, phải nhanh chóng rút vào khu nhà lồng chợ Bến Tre để cố thủ. Nhưng nơi đây rồi cũng bị lời lừng, vòng vây cứ siết chặt lại lần lần, nên Ba Đào mới bàn tính với Lý Thiết Hùng phải đợi đến ban đêm, đốt chợ rồi bắn bao che cho nhau đang tìm đường rút lui về rừng rậm để chỉnh đốn lại binh sĩ sau, vì ông ta đã thấy đây là một sự nường quân tự sát quá rõ ràng, không thể nào tìm thấy con đường chiến thắng.

Từng ngọn lửa bốc cao ngút trời, dân chúng chạy loạn khắp nơi, chỗ nào cũng có thịt rơi máu đổ. Mùi thịt người bị thiêu sống cháy khét lẹt một vùng, lớp thì bị mấy ông Việt cộng đốt phá để làm

kế nghi binh, lớp thì bị đạn rocket từ trên máy bay bắn xuống. Rồi Ba Đào với Lý Thiết Hùng chờ đêm tối mới điều động được một số rút ra, còn một đại đội rút sau chốt vừa bắn che lưng vừa cầm cự. Đây là giai đoạn chiến đấu đen tối nhất trong đời Ba Đào, kể từ khi tiếng súng “Đồng Khởi” nổi lên.

Trước đó, Ba Đào được người dân ở mấy vùng giải phóng tỉnh Bến Tre ca ngợi như là một người tài ba lỗi lạc không thua gì ông Đồng Văn Cống ngày xưa, nên ông ta đóng quân ở đâu thì người ta ủng hộ nuôi quân tới đó. Đến sáng hôm sau thì Ba Đào mới rút quân về tới huyện Giồng Trôm, nhưng đã bị tiểu đoàn 401 (Bạch Hổ) của ông thiếu tá Nguyễn Văn Sáng khoá chặt, đánh cho một trận tơi bời không còn manh giáp (ông chủ nhiệm Làng Văn Nguyễn Hữu Nghĩa trong thời chiến từng là đại đội phó trong tiểu đoàn lừng danh này)...

Chừng một tuần lễ nay, đêm nào cũng có hai chiếc trực thăng cán gáo bay dọc theo hai bên bờ sông Ba Lai, để rải thuốc khai quang từ trên xã Hữu Định, Châu Bình chạy dài xuống tới khu rừng Thừa Đức để giết chết rừng cây, mà từ bấy lâu nay Việt cộng đã xây dựng được mật khu rất là vững chắc.

Lâu dần rồi quen, người dân ở đây hể ban ngày đi làm ruộng thì tiếp xúc với Việt cộng nói chuyện thân mật như gia đình; còn chiều về nhà thì lại tiếp xúc ăn nhậu với lính nghĩa quân chẳng khác nào thân quyến. Cũng chính vì vậy mà không thể phân biệt được ai là người quốc gia, ai là cộng sản. Con người dần quen sống trong cảnh bom đạn chiến tranh, hể lính tráng đi ruộng hay thụt cà nông thì họ ở nhà, còn bữa nào êm thì họ ra đồng

tiếp tục cấy cày, để kiếm hột lúa chén cơm, mà cuộc chiến tranh này họ nhìn thấy không có ngày chấm dứt.

Sáng hôm nay cũng vậy, ông Ba Xê dắt cặp trâu ra cày mấy công ruộng ngoài đất Cả Muôn, gần giáp với mé sông, thì đã thấy trên bờ lúc dính thuốc khai quang một màu trắng đục. Ông Ba Xê chần chờ một hồi không biết tính sao, nếu không cày thì trễ nước. Tới chừng đó thì đất sẽ bị khô, làm sao trâu cày cho nổi. Còn nếu lừa trâu đi cày trên mấy bờ lúc này, thuốc khai quang sẽ dính chum trâu không biết có sao hôn, nên ông lừa đôi trâu đi xuống mé bờ ruộng cho ăn cỏ. Trong lúc ông ta còn đang lưỡng lự, thì Chín Thông là một cán bộ cộng sản từ trong bìa rừng bước ra, nhìn Ba Xê hỏi:

- Bộ chú Ba mấy định lừa trâu đi cày đó hả?

Ba Xê bập thêm hơi thuốc rồi nói:

- Còn mấy công đất nữa cũng muốn cày hất cho rồi, nhưng thấy thuốc khai quang còn dính quá ể ở đây, nên tui lo sợ nãy giờ mà chưa dám!

Chín Thông lấy tay chỉ vô vạt rừng, rồi nói:

- Cày cấy gì lúc này cũng phải ngưng lại. Chú mấy không thấy thuốc độc nó còn dính đây sao. Coi chừng cặp trâu này cặp cỏ bị sinh hơi thì mới báo...

Ba Xê hỏi lại:

- Bộ bên mình không có thứ gì trừ được hay sao vậy anh Chín?

Ông Chín Thông ngó mông một hồi, rồi đáp:

- Ở dưới huyện mới gọi điện về, biểu lấy chanh hoặc khế chua chà xát cho nó đỡ, còn thuốc điều trị thì phải chờ ban y tế tỉnh nghiên cứu lại sau. Thiệt cái thằng Mỹ nó cứ chơi cái mững này hoài, mai mốt đâu còn rừng mà ở nữa.

Hai ông ngồi trên bờ bập thuốc rê một hồi cho tan con bù mắt, ông Ba Xê đợi cho nắng lên tan bớt thuốc mới dám lừa trâu về, còn ông Chín Thông thì nhắn lại với cô Bảy Duyên, là ngày mai đi lên chợ ngã tư mua chanh, đựng đem vô đây cho cơ quan để dành điều trị.

Thế là hai ông lại chia tay, không biết trong đầu óc của ông Ba Xê nghĩ gì, khi ông lừa cặp trâu về nhà cột cho ăn rơm rồi đi tắm rửa. Thấy ông lừa trâu về sớm, bà vợ đi lại đứng kể bên hỏi:

- Sao bữa nay về sớm vậy ông? Bộ đất khô cày không nổi hả...

Ông Ba Xê bập thêm hơi thuốc nữa, rồi nói:

- Bữa nay nước rong nước tràn lên đất mềm mụp thấy mà mê, nhưng bị tui trực thăng cán gáo rải thuốc khai quang nhiều quá xá, thành thử tui phải lừa cặp trâu đi về, sợ cày lở rồi nó sút móng không biết phải làm sao, thôi còn mấy công bỏ đó từ từ rồi hẵng tính.

Bà vợ ông ngạc nhiên, hỏi lại:

- Thuốc khai quang hình dáng của nó ra làm sao, ông kể lại cho tui nghe với coi. Chớ hổng rày có nghe nói mà tui đâu có biết.

Ông ngó nhìn bà vợ:

- Thuốc khai quang nó có màu trắng đục như sữa vậy bà ơi, khi nó rải xuống tới đâu, thì cỏ cây đều chết tới đó. Còn nó dính vào mình, thì nó ngứa còn hơn sâu lúc cắn nữa. Hồi nãy lừa trâu đi về ngang chòi Tám Cự, tôi thấy có cây chanh vừa ra trái chiến, tôi lên lật đại một trái, rồi cắn ra chà xát nó mới đỡ tự nãy giờ; chớ còn không thì nó ngứa chịu đời gì nổi.

Bà vợ chép miệng than:

- Bộ nó độc dữ vậy sao! Như vậy thì ruộng nương của mình làm sao cày cấy đây.

Ông Ba Xê thở dài rồi ngó mông ra cửa, bởi vì trong lòng ông đã nghĩ. Nếu ở đây không làm

ruộng thì lấy gì ăn, còn nếu làm ruộng như vậy thì làm sao cày cấy. Trong lúc ông còn đang buồn bã, thì bà vợ chồm qua nói nhỏ:

- Hay là mình kêu bán cặp trâu này. Lấy tiền đi lên Mỹ Tho mua một chiếc xích lô, đạp sống đờ được hôn ông?

Ông nhìn vợ đáp:

- Cái việc này tui đã có nghĩ tới từ hôm rày, nhưng chưa biết tính sao. Vì dùng một cái mà mình kêu bán cặp trâu, rồi đi lên Mỹ Tho nhà đâu mà ở!

Bà vợ nhìn ông khuyến khích:

- Buổi đầu thì mình đi lên hỏi ở đậu nhà chú Hai Hưng đờ vài tháng đi ông, sau đó mình đi kiếm nhà mướn, hoặc coi căn nào trong hẻm vừa với túi tiền mình mua luôn cũng được.

Ông bập thêm một hơi thuốc, rồi nói:

- Nếu mình muốn như vậy thì để tui tính lại, chớ việc này rất quan trọng không thể tính theo kiểu bốc nập được đâu...

Hai vợ chồng nói chuyện một hồi, thì ông Ba Xê đi ra coi lại mấy con trâu, rồi ông muốn rót nước mát khi nhớ lại mấy câu nói mới vừa bàn bạc. Bởi lẽ đôi trâu cày này nó đã cùng ông hôm sớm trong mấy năm trường, bây giờ lại kêu bán nó đi thì lòng ông đau nhói. Nhưng với tình cảnh như vậy hoài thì không biết phải làm sao, thôi thì cũng đành phải bán chừng nào yên giấc thì ông đi kiếm mua lại đôi trâu khác.

Đứng nhìn cặp trâu nằm nhor cở một hồi rồi lại đi vô, khi nhìn thấy bà vợ dọn cơm lên cái quả đường thì ông hỏi:

- Bữa nay có gì ăn hôn?

Bà vợ ông đáp nhỏ:

- Ăn tạm mấy con khô nướng này, để chiều rồi tui nấu canh chua bông so đũa với cá chốt. Chớ bữa nay ông đi cày về thành lình, nên

đêm trừ tịch

*Cát bụi chôn vùi duyên tục lụy
Sầu tư trần trở nợ văn chương
Trời đất hôn nhau đêm trừ tịch
Để buồn rơi đọng bước tha hương.*

phan long yên



tui lo đồ ăn không kịp.

Ông thở ra, rồi nói nhỏ:

- Thôi có gì ăn nấy, lo là lo cho mấy đứa nhỏ được ăn no, chớ tôi với bà mà ăn cái gì không được. Đợi một lát nữa nước ròng cạn, bà chịu cực bơi xuống cho tui đi chài, kiếm bầy ít con đá đối cho mấy đứa nhỏ nó ăn, chớ còn nhìn thấy con ăn uống cực khổ quá mà tui đây chịu không nổi nữa!..

Chừng vài tháng sau thì khu rừng từ trên sở đất Cả Muồn chạy dài xuống đụng tới rừng Thừa Đức, Thới Thuận bị thuốc khai quang rụng sạch lá hết trơn. Mấy trụ Việt cộng bị lời lưng phải tìm cách dời cơ quan đi đến chỗ khác an toàn, mà rừng thì mỏng nên việc đó thật là khó tính. Cuối cùng thì chi bộ xã Lộc Thuận phải dời cơ quan lên đóng trên cụm dừa ông Bộ Khiết xã Vang Quới, nhưng phải giữ bí mật để chờ cho rừng mọc lại lớp cây con. Còn đám xã đội du kích thì dời cơ quan về cụm rừng ông Trùm Ứng, tuy rừng này hơi mỏng, nhưng nhờ cây cối chằng chịt và có mấy tấm bảng cấm rừng, nên dân chúng cũng không dám can vô, mặc dầu họ đã thấy ong ruồi bay đi ăn bông rất nhiều trong đó. Nhờ vậy mà đám Việt cộng có chỗ đóng quân, để ban ngày tủa ra mấy chòi vệt ở gần đó như chòi vệt ông Tư Dơn, chòi ông Tà Nhon, chòi ông Bảy Định

để vừa công tác tuyên truyền, vừa có chỗ nghỉ ngơi như ở trên chỉ đạo.

Suốt trong mùa cấy lúa ngày nào cũng vậy, khi đồ máy Kim Long và đồ Nguyễn Phước vừa về tới bến đồ máy ở ngoài đình, thì người ta đã thấy tất cả bạn hàng chớ chanh về từng giỏ cần xé, nhưng chỉ trong một buổi chợ thì đã bán hết trơn. Cán bộ nằm vùng họ đi thu mua hết, chớ vô trong rừng tiếp tế cho Việt cộng, để họ có đảng dự trữ mỗi khi có trục thẳng rải thuốc độc khai quang, thì lấy ra xài chống ngựa.

Như vậy thì thuốc khai quang chỉ có kết quả ở ngoài rừng núi Trường Sơn, chớ còn ở trong miền tây Nam bộ thì không kết quả bao nhiêu, bởi vì đất tốt nhiều nước, cây con mọc nhanh, và nước rong ngập lên thì bao nhiêu chất độc đều trôi ra biển gần hết. Vì thế chỉ cần ba năm sau thì Việt cộng lại có một lớp rừng chồi khác rậm rì, mặc dầu cây bần, cây vệt, cây mắm, cây giá, cây quao, dừa nước mọc chưa cao, nhưng nhờ dây cóc kèn, dây bùm sùm và nhiều thứ dây rừng khác bò qua phủ kín; cho nên bao nhiêu ngàn lít chất độc hóa học có rải xuống cũng như không. Tuy nhiên nhờ khoảng thời gian Việt cộng lo tìm chỗ trú ẩn mà phía quốc gia lại lo lập được thêm đồn bót.

(còn tiếp)

NÚI ĐOẠN SÔNG LÌA

(truyện dài)

NGO NGUYEN DUNG

*Dung không núi đoạn sông lìa
Đêm ôm gối lạnh, ngày chia ngấn dài.*



(tiếp theo)

... Sau bữa ăn chiều, bà Bông than nhức đầu, không dùng món tráng miệng và rượu nho đỏ như thông lệ, mà kêu bà Bảy nấu cho một ấm trà xanh với húng bạc hà. Bà Bảy dọn dẹp đầu đó tạm xong, thủng thẳng xúc cơm nguội bữa trưa còn lại ăn với cá vụn kho tiêu. Từ bữa khỏi bệnh sốt rét, dưng không bà hảo ăn mấy thứ mặn mòi, chỉ uống nước trà ấm ủ trong vỏ dừa điếc. Ngoài hàng hiên trước nhà lè rề nho nhỏ bài hát tây quen tai. Ông Bông có thói quen, trong những ngày khô ráo, quay máy hát ngồi nghe ngoài hàng ba, ly rượu đỏ trên tay. Nhiều khi ông ngoặt đầu ngủ gật bên lưng ghế. Giàn máy hát đĩa than nhiên sột soạt những vòng âm thanh sau cùng. Cho tới lúc cạn sức, mới ngưng.

Bà Bảy bưng khay chén đĩa dơ ra sàn nước, máng cây đèn dầu đầu sà ngang, chậm rãi xát xà-bông ra xơ dừa, ngồi rửa. Tán đèn soi bóng bà một chiếc nghiêng lệch lên mặt sàn ván mỏng. Một đợt gió mạnh thốc ngang. Tiếng chim oác lên hoảng hốt bên kia lùm bụi. Bà Bảy ngừng mặt, chỉ kịp nhận ra bóng mình đột ngột mọc thêm nhiều cái đầu, cổ họng hự lên một tiếng đục ngầu. Một xoè tay u nắn bịt ngang miệng bà,

lệ làng nhét vô nhúm giẻ, bịt ngang mảnh vải thất gút sau gáy. Cái chén sành rớt xoạch xuống thau nước đầy, tung toé. Hai tròng mắt già nua trợn trừng, thoáng thấy nhiều dáng người lô nhô sát cạnh, rồi tối sầm dải khăn đen bịt kín. Hai cánh tay bà bị quật ngược ra sau, cột lại. Thân thể bà mềm nhũn như nhúm bột bánh, bị lôi đi xềnh xệch, bỏ nằm bên vách nhà sau.

Kể từ giây phút đó, bà Bảy chỉ còn nhận thức những gì xảy ra qua thính giác. Tiếng bà Bông hải hùng rú lên, đứt ngang. Tiếp theo là giọng người quát biểu, nạt nộ. Nhiều âm thanh đổ bể, phá phách. Và giọng người rên rỉ, đứt nghẹn. Bà Bảy quắp lưng rúm rỏ trên nền gạch lạnh, không khỏi tưởng ra những cảnh tượng bất nhưn đang xảy tới cho ông bà Bông. Chợt bà thót bụng, tứ chi lẩy bẩy bắt lấy cảm xúc trơn lầy, nhớp nháp tới lui trên đôi gò má ướt. Vài tiếng ầm ứ thú vật nổi theo. Bà Bảy thở hắt, thều thào mấy lượt, Su, Su ơi... Con thú phục xuống nằm cạnh. Bà Bảy hất ra, nhỏ giọng ra lệnh, trốn đi chỗ khác, Su ơi, trốn đi!

Thời khắc chừng như khựng lại. Những thanh âm bạo động khả nghi cứ vậy trỗi lên từng chập to nhỏ. Đôi lúc xen kẽ giọng gặng kháo, tiếng được tiếng mất. Gió

đêm đồng loã sàn sạt tàu lá, xô xát liếp dừa rậm rạp quanh quất. Nền đất bồn chồn chân người dày xéo man rợ. Cho tới một lúc, nhiều tiếng chân dừng lại sát rạt bên tai bà Bảy.

- Minh tính sao với bà già này?

- Chặt mẹ mấy ngón tay cho tởn, hết dám ở đợ tay sai cho chó Tây.

Thân thể bà Bảy bần bật run rẩy. Một giọng lừng khừng:

- Thôi, tha cho rồi. Dù gì cũng là má của thằng Ba.

"Thằng Ba nào vậy? Hồng lẽ tụi này lại là... là... Việt Minh đồng đảng với thằng con trai của bà?" Bà Bảy giựt mình tự hỏi. Rồi, không nghe ai nói thêm gì. Đoạn, tiếng chân rầm rập xa dần. Lát sau cảnh thổ trở lại tĩnh lặng. Gió đêm dường như hoàn hồn, không còn vật vã náo động thình không. Cốc đế bình thần tấu xướng khúc hát hoang dã thường đêm. Như thể chẳng có gì xảy ra. Tất cả vận sự chỉ là cơn ảo mộng dữ. Mở mắt ra, mọi chuyện vẫn y như cũ.

Nhưng ngày đêm đã mấy lượt luân phiên, bà Bảy vẫn nằm co quắp đó. Một vùng tối đen chập chùng vây kín thị giác. Đói khát của thể xác được bà trấn áp bằng cách cầu nguyện. Hết Giê-su-ma tới Phật bà quán thế âm cứu khổ cứu nạn. Đôi khi, trong khoảnh khắc rỗng rang tuyệt đối, bà nhận thực đôi điều, vài vật thể mà từ hồi nào tới giờ bà chỉ được nghe trong những buổi cầu kinh sáng chúa nhật. Những sứ giả trời ban lượn lơ lẩn khuất trong mây mù. Hào quang phù phép chiếu rọi ảm áp hỗn phách. Nhiều tia lửa chói chang thiêu rụi. Ruộng lúa sau mùa gặt tro bụi gốc rạ khô cằn. Nắng hạn cháy xém từng vòng khói cuộn, loang rộng tâm thân

người đàn bà bị bỏ quên bên vách nhà hoang lạnh.

- Bà Bảy... quỷ thần ơi, bà Bảy...

Người đàn bà thoi thóp nhịp thở cạn, mấp máy mi mắt quên ghen, nhào nhoẹt nước mắt. Vùng tối lập loà ánh sáng. Hớp nước cam lồ mát rượi tưới tắm môi miệng, trôi xuống cổ, toả sức sống rực rỡ mống trời sau cơn giông bạo lực thịnh nộ.

Bà Bảy hé mắt, lơ mơ thấy ra một rãnh trắng đục, nhấp nhô bóng xám, vội vàng nhắm lại. Tối đó, chiếc bóng bà cũng đứng không mọc thêm nhiều cái đầu lác lư đe dọa như vậy.

Một giọng đàn bà tiếp tục rên rỉ:

- Chúa ôi, thánh thần thiên địa ôi, sao vậy nè hồng biết...

Kể tới đó, bà Bảy không nén được cảm xúc, nước lên. Chú Năm Tự mủi lòng, cầm lấy bàn tay xương xẩu của người đàn bà, khép chặt.

- Không nhờ mấy người tới đọc kinh sáng chủ nhật kiểm ra, chắc tui chết thúi xác từ đời thuở nào rồi, chú Năm à!

Rồi bà tự động tiếp lời:

- Từ bữa đó, hai con mắt tui hồng hồng sao làm độc, đỏ ghèn, ngứa ngáy ngày đêm. Tui tới chùa, chỗ thằng con út qui y cho nó xức thuốc, đắp lá này nọ. Có bột, nhưng hết sáng như trước.

Chú Năm Tự lắc nhẹ tay bà:

- Còn ông bà Bông sao rồi?

Bà già ngược mặt về phía nắng chiếu:

- Mười phần chắc chết bảy, tám... Lúc tui tỉnh lại, hỏi mấy người đạo hữu thì ai cũng ứa nước mắt, biểu hồng thấy ông bà đâu. Từ dạo đó tui chọn ngày lành tháng tốt làm đám giỗ cho ông bà. Rồi chú biết sao hông?

Bà Bảy thấp giọng, nét mặt sắc lại kỳ bí:

- Tới ở đầu nhà thầy Ba, nghe tiếng thấy là người có tài bói số tinh tường chuyện khứ lai, bữa nọ tui nhờ thầy bầm quẻ coi giùm vận mạng ông bà Bông. Thấy hỏi tui ngày sanh tháng đẻ ông bà. Tui thuộc nằm lòng, vì năm nào ông bà cũng kêu tui làm tiệc ăn mừng sanh nhật. Thầy Ba đốt nhang khấn vái một hồi, rồi mình mấy giựt ngược mấy lượt liên tiếp... Quỷ thần ơi, thấy mở miệng thốt giọng lúc là bà Bông lúc là ông Bông... Tóc tai tui dựng ngược, khóc thiếu điều như cha chết!

Chú Năm Tự hấp tấp:

- Ông bà nói sao?

Bà Bảy ráo hoảng:

- Chết rồi!

Bấy giờ, hai hàng nước mắt tự động lăn dài xuống gò má người đàn ông. Trên thình không rừng rực nắng chói, vài tiếng ác là lẻ loi như thể san sẻ. Rồi nhỏ dần, tan biến.

11.

Quán vắng khách, chị Bảy Rạng ra ngồi chỗ sáng, kêu thằng Được tới nhổ tóc sâu tóc bạc. Nắng đầu trưa chan chan ngoài lộ đất không một bóng người. Bữa nay thằng Được tan lớp về sớm vì cô giáo cáo bệnh nằm nhà. Nó thích lắm, cứ bu quanh chị Bảy, chót chét kể chuyện trường lớp: thằng học trò nào đổi giọng vịt đực; đứa con gái nào bắt đầu bận quần đen, áo lót; cô giáo nó tuần trước ra tỉnh uốn tóc quăn... Chị Bảy Rạng lim dim mắt, đầu óc lan man niềm xa nổi gần. Có con ong vò vẽ đánh hơi lượn lơ rở bánh ịch nhưn dứa. Mấy chai rượu đế ế ẩm chờ khách cạnh hai tủ thủy tinh đựng kẹo bánh. Tấm bảng đen con liệt kê "thực đơn"

trong ngày, được thằng Được nắn nót nhiều lỗi chính tả: "Tôm khô củ kịu, cháu trắng hột vọc múi, dưa mắm".

Đã có lần thằng Được thắc mắc:

- Treo bảng làm chi vậy má, có ai biết đọc đâu?

Chị Bảy Rạng hầm hè:

- Nhiều chuyện! Ghi cho người ta biết là tao có thằng con trai học chữ.

Hai mắt thằng Được sáng lên tự mãn. Từ dạo đó nó gò gẫm viết "thực đơn" kỹ lưỡng hơn trước.

Chị Bảy Rạng gập đầu cái cụp. Thằng Được đập vai chị cái "chát":

- Ngủ gục, má!

Chị Bảy giờ tay lớn lên dụi mắt:

- Bận khuya tao dậy sớm.

Thằng Được chồm tới trước, vạch mi mắt chị, thổi phù phù:

- Để con đuổi con ma ngủ giùm má!

Chị Bảy đẩy nó ra, rầy rà lấy lệ:

- Mầy chỉ giỏi lẻo mép, chịu khó học để sau này làm thầy thông thầy ký với người ta.

- Là làm cái gì vậy má?

- Thông ngôn, thơ ký cho mấy ông lớn. Bảnh nghe mậy!

Thằng Được rút mạnh một sợi tóc ngứa quăn quít, chìa cho chị Bảy Rạng túm lại kẹp giữa hai ngón tay. Bàn tay thằng con trai vấp vấp chậm vạch đường chân tóc.

- Khuya rồi con chiêm bao thấy ma.

Chị Bảy Rạng "hứ" tiếng lớn. Thằng Được úp lòng tay lên đỉnh đầu người đàn bà, nhớ lại:

- Con ma trốn trong cầu tiêu ngoài mé sông. Nó biết chữ, ham đọc sách báo quốc ngữ. Mỗi bận con đi ỉa, đều xé để dành cho nó một rìa nhựt trình, móc trên vách

lá. Quên là nó nhắc liền. Nó có mấy con mắt tợ như giọt nước tồn teng đọt dừa đọt mận sau cơn mưa, nẩy lên đỏ khé như đốm lửa. Cõi dĩ dãn vậy chớ nó hiền khô hà!

Chị Bảy Rạng than vắn thở dài:

- Yêu lồi gì đâu. Mừng nầy, tao nghi mầy đi theo gánh hát.

Bàn tay thằng con trai lật phất lại, xoè ra như phân bua:

- Hồng phải, con làm thầy ký chép sách.

Vừa khi có tiếng người to nhỏ ngoài cầu ván. Chị Bảy Rạng thò chân xỏ dép, đứng nheo mắt ngó ra viên sông loe vàng cái nắng ruộng gặt oi bức. Thằng Được đã khỉ khọt vọt chạy ra lân la bên cạnh hai người đàn ông vừa rời chiếc tam bản chất chồng hành lý. Một người vận tây phục lịch lãm, nón vải cầm tay, kính mát che mắt. Người kia hằn là trạo phu, đã xoạc chân vô quán, giọng gấp rút:

- Cầu tiêu đâu, chỉ giùm!

Chị Bảy Rạng trở tay ra hướng nhà cầu. Người đàn ông túm chân chạy lẹ. Không hiểu thằng Được rủ rỉ chuyện gì mà

thấy người đàn ông còn lại đã theo nó vô quán, ngồi tháo kính đặt lên mặt bàn chân ngựa. Thằng Được lảng xảng đi lấy giẻ lau bàn, lạnh miệng:

- Dạ, má con có đế mới, nhậu với củ kiệu tôm khô.

Người nọ nhoẻn cười:

- Chú nhỏ pha cho tôi ấm trà, được rồi.

Thằng Được láu táu:

- Trà ướp bông sứ chùa Phụng, hồng chỗ nào có...

Chị Bảy Rạng bước lại, tươi cười:

- Chào ông. Ông dùng chi?

Người đàn ông nhướng mắt mệt mỏi:

- Một ấm trà... hay một tách cà-phê sữa, càng tốt.

Chị Bảy cười cầu tài:

- Thiệt ra quán chỉ bán rượu đế, món nhấm. Trà, lúc nào cũng có. Còn cà-phê với lại sữa đặc, làm sao tui mua nổi.

Vẻ mặt người khách nhuốm chút lúng túng:

- Xin lỗi chị, tôi tưởng... đã thay đổi.

- Dạ, có khác sau trận lụt vài tháng trước. Chết nhiều, hư hao cũng bộn.

- Tôi biết.

Chị Bảy Rạng không khỏi tò mò:

- Ông anh đây từ xa tới?

Tới lượt người đàn ông cười lớn:

- Đúng hơn, từ xa về.

Chị chủ quán còn tần ngần chưa hiểu thì từ ngoài sân, người phu trạo đã bước vô, xoa tay ồn ào:

- Nhẹ đi vài kí-lô chớ hồng chơi!

Thằng Được kéo ghế mời mọc:

- Chú ngồi đây! Má con có đế mới, tôm khô củ kiệu, dưa mắm.

Chú chèo ghe sáng mắt:

- Đế hả?

Rồi chú đảo mắt ngó lẹ người đàn ông như ngẫm hỏi ý. Ông không nói, chỉ khẽ gật đầu. Thằng Được tài khôn:

- Một xí nghe chú!

Chị Bảy Rạng lớn giọng:

- Được, ra ngoài kia coi chừng đồ đạc giùm ông đây!

Thằng con trai dùng dằng. Chị Bảy trừng mắt một cái, nó mới bỏ đi. Người đàn ông sửa thế ngồi, tùm tùm:

- Chị có đưa con trai lanh lợi, giỏi giần, mới bấy lớn mà đã nhờ được rồi.

Chị Bảy dả lả:

- Nó có tật lảng xảng lít xít, nhiều lúc bất mệt.

Người đàn ông quay sang trạo phu:

- Chú có đói thì ăn chút gì dần bụng.

Chị Bảy Rạng đơn đả:

- Dạ, bữa nay có cháo trắng ăn với trứng vịt muối hay dưa mắm tự tay tui làm.

Người đàn ông vọt miệng:

- Nghe cháu nó nói, chị có tôm khô củ kiệu.

- Dạ.

Gương mặt người khách loé sáng anh ánh, chùng giọng như tâm sự:

- Lâu lắm rồi tôi chưa ăn lại món cháo trắng với tôm khô củ kiệu dầm nước mắm pha. Hiếm thấy ở đâu bán thứ nầy. Thức ăn nhà nghèo, mộc mạc...

Người phu trạo lộ vẻ ngạc nhiên:

- Ủa, đồ nhấm của dân nhậu mà ông.

- Ày, chú thử một lần rồi biết, thanh tao khẩu vị lắm nghe! Chị dọn cho chúng tôi hai phần, vừa phải thôi.

- Nhớ rót cho tui một chung đế!

Người phu trạo hí hửng góp



Ngô Nguyễn Dũng

lời. Chị Bảy Rạng quay lưng. Từ gian sau vọng ra tiếng chén muống xộc xạch, lửa củi răng rắc. Người đàn ông thăm thì như độc thoại, đất nước mình nơi nào cũng nóng, rồi giơ tay mở khuy nút áo trên cùng, chậm rãi xắn hai tay áo sơ mi tới ngang cùi chỏ. Khi chị chủ quán dọn món ăn thức uống ra bàn, bất chợt người đàn ông nhận ra những vết nứt thời tiết ngoằn ngoèo trên thếp gỗ nâu, lốm đốm bạc màu đây đó. Tự dưng ông dàu dàu nhớ lại những chén cháo mè miêng, những cái muống gạo dừa sơ siêng, những tô sành dầy cui đựng củ kiệu chua xắt sợi và tôm khô ngâm nước mắm tỏi ớt đỏ au: thức ăn lót lòng những sáng ấu thời xưa lắc. Rất nhiều lần ông miết móng tay trẻ con đóng đất đen đũi lên kẻ nứt mặt bàn ngày xưa, khướy ra những bụi bặm thời gian và mắm muối thức ăn đọng bám. Hành động vô thức ấy dậm thêm hương thơm chén cháo trắng gạo mới, vị củ kiệu ngâm giấm với hàn the se nồng, và chất ngọt thuần hậu của tép đồng no nấng quê nam, làm sao ông quên được! Những mùa nước dâng, ông thường theo má ra ruộng xúc tép. Từng rổ quảo nhóc nhách tép đầu mùa, má xúc đổ vô thùng mây, đem về. Mớ làm mắm gói đu đủ, mớ lột vỏ, phơi qua nhiều đợt nắng vừa. Rồi bà nội, má với chị ông chăm chút lựa cỡ lớn nhỏ. Loại lớn đem ra chợ bán, loại nhỏ để dành ăn dần: giã nát trộn nhưn bánh ích trần hay để vậy nấu canh bầu canh bí, hoặc ngâm nước mắm củ kiệu ăn với cháo trắng. Ôi, những mưa nắng phẳng lặng đó giờ xa khuất nơi đâu? Suốt hành trình tảo tần nam bắc ông chưa một lần nhớ tới, bỗng nhiên trong giây khắc về lại đất cũ, tình cờ nghĩ chân bên quán cóc nghèo nàn ven sông, cội lòng ông lại bồi bồi

ngiên ngả nổi riêng. Không lẽ chỉ vì chút hương vị một thời mãi miết đọng ám tiềm thức? Hay những sở gổ trầy trụa trên mặt bàn này cũng chính là những dấu tích quê quán không bao giờ lạnh lặn trong tâm khảm ông?

Người đàn ông mức từng muống cháo bốc hơi, lặng lẽ thưởng thức bên cạnh người phụ trao húp thổi xì xụp. Vài giọt mồ hôi lăn xuống trán ông. Một giọt nhều vô chén cháo ẩn hiện lóng lánh những diện mạo thời gian một thuở xa lắc. Bất giác ông bàng hoàng tự hỏi, bấy lâu nay mình xa nhà vì sinh kế hay vì lý do nào khác?

Người phụ trao lên tiếng tấm tắc:

- Không dè đơn giản vậy mà ngon.

Người đàn ông đưa ngón tay quệt mồ hôi trán, triết lý:

- Cao lương mỹ vị cỡ nào đi nữa cũng không bằng món quê nhà quen miêng.

- Thì ra gốc gác ông ở đây ?

Chú chèo ghe vọt miệng hỏi.

Người đàn ông chỉ trả lời bằng khoé cười ý nhị. Người phụ trao cụt hứng, nâng chung rượu ực một hơi cạn, khè một tiếng như rấn hổ mang giỡn gió. Người đàn ông rót trà ra tách đất nung thô. Hương bông sứ bốc ngai ngẩn. Sứ không phải loại bông được dân gian ưa dùng ướp trà, tuy vậy mùi thơm trần tục gần gũi ấy thường làm ông xao xuyến mỗi bận khướy giác tình cờ thoáng bắt trong những nẻo đường phiêu bạt. Ngủ quan ông đã hưởng thụ nhiều kỳ hương mỹ vị, nhưng làm sao chúng gột xoá được hương vị đậm đà quê cũ.

Khuya qua Cẩm chiêm bao thấy ba trở lại nhà. Sáng ra, lúc chuông sớm chùa Phụng khoan

khoát từng hồi qua cửa sổ mở hé, Cẩm mơ màng tỉnh giấc. Chuỗi mộng lành còn đậm nét trong tâm trí, chan hoà ánh sắc và âm thanh. Không gian chưa sáng tỏ. Bên cạnh, chị Châu nằm nghiêng, nhịp thở đều, nhẹ. Tóc chị loã xoã trên gối nệm ngái ngủ, nhàu gập. Cẩm rón rén đưa tay nâng một lọn tóc chị, để vậy ngắm nghía đôi lâu. Đáy lòng Cẩm dấy lên niềm rạo rức khó tả, như trong những sớm mai chờ nguyên đán. Trong chiêm bao vừa qua, ba về thăm, chiếc tam bản chất khảm va-li hành trang, xác tay căng đầy quà cáp phương xa. Cẩm nhớ rành mạch, có cà-phê, sữa đặc, hồng khô, cá hộp ma-rốc, bánh mì ba-gét, Lạp xưởng thịt Lạp xưởng gan, khô nai, ... Nhưng bất mất Cẩm hơn cả là hai chai si-rô xanh mùi bạc hà, đồ mùi lựu và một bịch hột dưa. Toàn những món dùng ăn dần trong mấy ngày đầu năm. Cẩm khép mắt tưởng lại cảnh sớm mai tân niên, Cẩm dậy sớm không cần ai đánh thức, ngồi coi chị Ba Khởi và chú Năm Tự sửa soạn bữa điểm tâm khai xuân. Chị Ba Khởi lấy sợi lát mỏng thắt bánh tét từng khoanh dầy độ lóng tay, rồi gấp củ cải trắng, dưa gang non ngâm nước mắm ngon pha đường từ mấy tuần trước ra đĩa con. Cẩm không ưa ăn bánh tét với dưa món. Chị Ba Khởi biết ý, trút đường cát trắng dầy một thấu sứ, luôn tiện cho cả nhà uống cà-phê. Rồi chị nấu nước sôi, bày ly ông ly bà ly cha ly con chắt mật ván. Khi cả nhà đã rửa mặt xong xuôi, chị mức cà-phê đông nửa vọt vãi, rót nước sôi, xê dịch sợi nước nâu quánh từ ly này sang ly kia, lớp lang mạch lạc: nước đầu cho ông nội, ba và anh Chúc; nước nhì cho má với bà nội; nước ba cho chị Châu, anh Chung; Cẩm được hưởng phần nước dảo sau cùng.

Cầm thật tình không rõ, mình thích vị đắng thơm tho của cà-phê pha sữa đặc có đường, hay vì bầu không khí đoàn viên ấm áp gian bếp sau nhà đã thấm nhập vào tâm tưởng Cầm, dần dà trở thành một ấn tượng ghiền gập khó phai?

Trong bữa lót lòng, Cầm kể lại cho cả nhà nghe chuyện chiêm bao khuya qua. Má chỉ mỉm cười không nói. Anh Chung ồn ào:

- Ba về đợt này, mua cho con Cầm nhiều đồ chơi nhứt nhà.

Mặt Cầm rạng rỡ:

- Nhiều như Tết vậy đó.

Chị Châu hối:

- Con Cầm ăn lè lẹ lên còn thay đồ đi học, trễ rồi.

Mặc dù dạo sau này chị Châu không còn tới trường nữa; anh Chúc thường ghẹo, con Châu học hết lớp thầy dạy rồi, được nghỉ ở nhà; nhưng sáng nào chị cũng đưa Cầm và anh Chung đi học. Chị tự nguyện trợ giúp chuyện trường lớp như một thú giải khuây.

Sáng nay Cầm được bãi lớp sớm, vì cô giáo nghỉ bệnh. Chị Châu còn lẩn quẩn trong phòng thầy cô, được bà giáo hiệu trưởng nhờ thu xếp vài thứ giấy tờ. Cầm ngồi ngoài sân chơi, chờ chị xong việc, dẫn về. Thăng Được lẻo đẻo tới ngồi cạnh Cầm, dần vô ơn mấy cuốn tập góc rìa quần quít ràng dây dừa xuống mặt gạch tàu mòn thín, gọi chuyện:

- Mấy chiêm bao thấy ma lần nào chưa vậy?

Cầm le lưỡi:

- Có chớ, mà tao quên rồi.

- Còn tao thấy hoài. Ma dữ ma hiền, đủ thứ ma.

- Anh Chung tao nói, ma thiệt ra hiền khô hà, quỉ mới dữ.

Thăng Được trợn mắt:

- Hồng đứng đâu. Ma cũng như người, có hiền có dữ, khó biết lắm.

Cầm tần ngần:

- Tao... tao... ngủ chung với chị Châu, sợ ít thôi.

Thăng con trai cười hăng hắc:

- Mày lớn tồng ngồng rồi, còn ngủ chung với chị nữa sao?

Cầm đỏ mặt chống chế:

- Nhà tao đông người, chật chội.

Thăng Được cong môi:

- Xạo, mậy. Nhà mày lớn bộn, giàu có, đâu như nhà tao, nhỏ bằng cái chuồng trâu nhà mày.

Cầm tư lự ra vẻ người lớn:

- Lúc nước lụt, bị ăn trộm vô lấy nhiều đồ lắm, Được à! Bà nội tao nói, của đi thay người.

Thăng Được chưng hửng:

- Là sao vậy?

Đưa con gái lưỡng lự:

- Ủa,... thì... thay vì người ta đi thì... đồ đạc bị ăn cắp.

Thăng con trai bưng cằm nghĩ ngợi, rồi gật gù ra vẻ hiểu ý. Từ mấy vuông cửa lớp vang vang tiếng học trò đồng thanh đánh vần, giọng trong trẻo trẻ con lẫn giọng ồ ề tuổi lớn: "Ế sắc ế, con đế... A ô ao, cái ao... Ô i ôi hỏi ỏi, trái ỏi..." Bất chợt Cầm xướng giọng thỏ thẻ:

- *Con đế nó gáy cầu ao. Cây ổi chín rụng lao xao ruộng vườn. Con sâu ngủa cổ uống sương. Mai kia một nọ trăm đường bướm bay...*

Thăng Được nổi giọng bài học thuộc lòng:

- *...Con sáo sậu hồng có mười ngón tay. Hỏi thăm châu chấu đường nào đi Tây... Con cá kèo thiếu chum thiếu vầy... Vuốt tro kho nghệ ăn đầy bụng luôn.*

Cầm hô hoảng:

- Tới "đi Tây" là hết bài, làm gì có con cá kèo ở trống.

Thăng con trai ngúc ngoắc cái đầu:

- Tao đói bụng rồi. Tao dìu nhà ăn cơm đây!

- Mới tảng sáng mà đói rồi.

Bộ mấy hồng có ăn lót lòng sao?

Thăng Được uể oải đứng lên, phủi đít quần xà lỏn, tỉnh rụi:

- Uống một gáo nước lóng phên đủ rồi, má tao nói vậy.

Rồi nó quảy mớ tập vở xộc xệch lên vai, quảy quả một mạch. Cầm nheo mắt ngó theo dáng đưa con trai nhún nhảy tan theo cái nắng đầu trưa suông sã. Khi không tâm trạng Cầm trợn trạo nổi gò như thương xót. Mỗi sáng mỗi trưa mưa qua nắng lại, Cầm đều đi ngang quán cóc nghèo nàn của má thăng Được, nhưng chưa lần nào Cầm phát tâm suy nghĩ. Bữa nay, dưng không, Cầm nhận ra lòng mình dấy động mỗi cảm thông sâu đậm cho gia cảnh bần cùng của người bạn chung lớp. Nó không giống thứ cảm xúc man mác những lần Cầm thoáng nghe chuông sớm chuông chiều từ núi Phụng vắng lại. Nó cũng không phải những dao động bồi hồi trước cảnh nước ròng nước lớn mỗi ngày hai bận đầy vơi. Mà khác. Khác lắm. Cầm chớp mắt, ghì nhẹ cặp sách vở viết mực sạch sẽ, ngăn nắp vào ngực áo còn dào dạt nổi niềm quay quắt chưa phai. Chợt Cầm thấy ra mấy ngón tay mình mơn mẩn kỳ lạ, những móng búp hồng lợt như cánh bông vừa hé nụ. Không lẽ mình đang lớn? Cầm vánh vát tự hỏi, tâm tư rào rạt những ý nghĩ không thể định nghĩa.

Chị Châu tới cạnh Cầm từ khi nào không hay.

- Chị xong rồi. Mình đi về em!

Cầm ngược mặt. Vóc người chị Châu ngược nắng, loá bóng sáng rực.

Cầm chồm hồm ngồi coi chị Ba Khởi đánh vẩy rổ cá sặt bông bên cầu ao, sửa soạn bữa cơm trưa, thì nghe tiếng dầm lạch cạch khua vào cầu ván ngoài bến sông.

Nhịp va rời rạc, không phải của ông Chín đưa thơ. Cẩm mau mắn chạy ra đứng tréo chân bên vòng cung cửa ngõ, neho mắt ngó. Má cũng thũng thẳng đẩy cửa nhà trên, dừng lại trong hàng ba xên xếch vệt nắng chéch ngo. Một người đàn ông trong y phục phương Tây, kính mát đeo mắt, nón vành cầm tay, bước lên cầu ván, đảo mặt ngắm nghía cảnh nhà tươi đậm bóng mát vườn cây. Trong khi Cẩm còn ngỡ ngợ, má đã tất tả lướt qua chỗ Cẩm đứng, vạt áo

nâu thốc gió vui vầy. Bấy giờ Cẩm mới nhận ra, reo lên:

- Ba, Ba về.

Thoắt vài bước, Cẩm đã tới cạnh ba, nắm tay ông lắc lủ. Má giờ tay áo chặm dòng nước mắt sum hợp thân nhiên vẫn dài trên gò má. Ba tháo kính mát giắt túi, xốc nách Cẩm, nhưng buông xuống ngay, hể hả:

- Hết nổi rồi. Lớn mau quá vậy con.

Rồi ông xoay qua, đặt tay lên vai má suôn đuột, siết nhẹ, tia

nhìn rười rượi cảm xúc. Má nén xúc động, quay qua phụ trạo:

- Chú làm ơn khiêng đồ đạc vô nhà giùm.

Ba xen vô:

- Có mấy thứ dễ bế, chú nhẹ tay cho.

Rồi ông nắm tay Cẩm, băng qua lối đất, dừng bên cửa gỗ, đưa tay lắc chuông. Trảng âm thanh rộn rã nối nhau khua thức cỏi không gian lặng lẽ, biếng nhác một trưa nắng. Lâu lắm, Cẩm mới nghe lại những hồi chuông cửa, lại là chuỗi tiếng động tái ngộ réo rắt. Chị Châu cuống chân trên lối gạch tàu ra đón ba, hai mắt đỏ hoe. Trong hàng ba, ông bà nội sánh vai lom khom bên nhau. Chú Năm Tự tự động xăm xăm chạy ra phụ người phụ trạo khiêng hành lý vô nhà. Chị Ba Khởi đứng chùi tay luống cuống dưới tàn ổi cầu ao lung linh bóng nắng. Mặt mày người nào cũng tươi tắn. Chỉ thiếu anh Chung đi học chưa về, và anh Chúc thay quần áo ra tỉnh từ tỉnh sương tịch mịch.

Má kêu chị Ba Khởi bắt con gà giò làm thịt nấu cháo, sai chú Năm Tự ra vườn cắt bắp chuối, hái rau răm trộn gỏi gà xé phay. Ông nội xô rộng ván cửa nhà trên, mở bung hai khung cửa sổ lá sách. Luồng sáng mờ bụi trần vào hăm hở. Thoáng chốc, gian nhà tung bừng sinh khí. Giọng nói tiếng cười của ba thuở nào quen thuộc lại vang lên, hoà cùng mõ tạp âm va chạm lao xao giữa người với đám tĩnh vật một thời gian dài không ai đoái hoài.

Bà nội rót trà bắt ba uống, cứ liệu lần lạp đi lạp lại, *đường xa nắng nơi như vậy...* Rồi liền tay lột vỏ mấy trái cam sành, tách múi bày ra đĩa, miệng không ngớt than thở:

- Ôm, ốm dữ đa. Ăn uống kiểu gì hổng biết... Chắc, ốm quá!

đưa em về miền xa

*Mùa đông đã qua
Mặt trời thức dậy
Việt Nam thức dậy
Như một loài hoa*

*Khu rừng bỗng vui
Chợt có bóng người
Đi tìm tổ tông
Năm mươi lên rừng
Năm mươi biển đông*

*Năm mươi lên rừng
Làm tên học tập
Năm mươi đại dương
Làm người thuyền nhân*

*Mùa đông đã qua
Mặt trời thức dậy
Trên quê hương ta
Soi người mặt lạ
Trái tim chấp vá
Nói cười vô sinh*

*Đưa em về đâu?
Xa, gần như nhau
Vườn địa đàng quy hoạch
Cùng một luống sầu
Trái cấm đổi màu
Tổ tông cũng đau!*

nghiêu minh



Rồi sức nhớ, bà lớn tiếng:

- Còn thằng Chung, sao giờ này đi học chưa về? Có đứa nào biết thằng Chúc ở nhà đi đâu hông, kêu nó về tức khắc!

Nhưng chẳng ai để ý tới bà, vì còn đang chàng ràng bên cạnh ba, tới tấp thăm hỏi. Má nhận rõ nét mệt mỏi trên gương mặt ba, kêu ông đi rửa mặt, thay quần áo, rồi vô buồng trong lấy bộ áo quần lụa lèo ba ưa mặc và chiếc xà-rong sọc miên ra để đầu giường. Hương thời gian thiếu vắng quyền mùi long não và gỗ mục ẩm thấp mùa đại lụt vừa qua xông lên. Má nhẹ tay vuốt sơ vải dũi nhiều, xúc động trào dâng. Ba tới đứng sau lưng, vòng tay khép lại quanh bụng má thanh mảnh. Má ngả đầu tựa vào ngực ba. Hơi hướm sớm khuya ba sinh hương lửa nồng ấm. Ba úp mặt lên tóc má, thấy ra trong mùi mồ hôi có cả hương nắng lửa mưa dầu những năm tháng tháo vát chuyện gia cang trong ngoài gọn ghẽ. Má thầm thì, mình đi tắm, thay đồ nằm nghỉ một lát cho khỏe, rồi ăn cơm. Em kêu tụi nó nấu cháo gà xé phay. Ba lướt môi xuống gáy cổ má, cười cợt thầm, mới vừa ăn cháo xong.

Tắm xong, trở vô giường nằm, tiếng các kè chát lười buồn buồn trên mái nhà và hơi mát nệm gối bọc sa-teng trĩu nặng mi mắt ba, nhẹ nhẹ đưa ông vào giấc ngủ quê nhà.

Ông thấy lại cảnh phố phường ba mươi sáu ngõ sôi sục khí thế biểu dương. Cờ xí đỏ vàng rợp mắt. Biểu ngữ chữ tây chữ quốc ngữ căng dọc ngang quảng trường trước dinh sứ thực dân. Trên bục gỗ, có người đàn ông ốm xương vạm quốc phục trắng, trán cao, râu cằm phát phơ, tay cầm loa khuếch âm diễn giọng cường điệu

về tình huống khẩn trương của đất nước:

“Thưa quốc dân đồng bào, thưa các đồng chí, hôm nay chúng ta tập hợp tại đây để cùng nhau nói lên ý chí quyết liệt cũng như nguyện vọng tha thiết với chính phủ bảo hộ, rằng cái ngày độc lập cho ba miền Bắc Trung Nam, Việt nam nói riêng và toàn cõi Đông dương nói chung đang cận kề. Mỗi ngày mỗi giờ tin chiến thắng từ núi rừng Điện biên dồn dập đưa về. Các chiến hữu đồng chí khắp mọi nơi, từ thành thị tới thôn quê, tự nguyện xung phong ra chiến trường càng lúc càng đông. Thời điểm cáo chung của đế quốc xâm lăng đã điểm. Chúng ta, già cũng như trẻ, phải sát máu kết đoàn, đánh đuổi cho tới tận thực dân cuối cùng rút về nước. Các đồng bào, đồng chí không chiến đấu đơn độc, mà có cả thế giới đại đồng nhất loạt hàng hàng lớp lớp đứng sau lưng. Chúng ta phải noi gương các nước đàn anh vĩ đại đã tiên phong chủ nghĩa xã hội, đại diện tầng lớp vô sản đương đầu với đế quốc tư bản thực dân bóc lột dã man. Tôi kêu gọi tất cả các đảng đoàn, các bộ phận yêu nước hãy tích cực đóng góp vào cuộc cách mạng vũ trang từ thành thị tới thôn làng, để giành lấy chiến thắng sau cùng. Không có giọt máu nào đổ ra vô ích. Không có lòng hy sinh nào không được ghi ơn. Cái chết nào cũng được lịch sử vinh danh đặt tên đường. Đồng bào hãy cùng tôi đồng dạ hô to: Đả đảo thực dân!”

Rừng cờ đỏ phát lên. Tiếng “đả đảo” đồng thanh sấm dội.

“Hoan hô chủ nghĩa vô sản!”

Hàng biểu ngữ giương cao. Tiếng “hoan hô” rầm rộ vang dậy. Cả không gian cháy đỏ, nung nấu, sôi bỏng. Chợt, có tiếng hô to từ bốn phía “A-lê...”, tiếp theo là

tràng thanh âm lên nòng rỗng rỗng. “Phơ!” Bầy bồ câu xám hoảng hốt tung cánh xiên xéo lên không trung. Đám mít-tinh la toáng, “Phú-lít, bà con ơi, chạy!” Lũ người xô đẩy tán loạn, nhanh chân tan tác vào ngách hẹp phố cổ. Nhiều tiếng súng dội âm khô khốc, giòn tan...

Sắc đỏ loang ra ướt đẫm nhơm nhớp giấc mộng trưa hồi xứ. Ba nẩy mình nghe tiếng ai gọi vắng, ba, ba ơi.

Người đàn ông mở mắt đón dác. Gương mặt trẻ con cúi gằm, bàn tay lay nhẹ bả vai ông.

- Ba, thức dậy ăn cơm!

Ba nhắc lưng ngồi dậy, cười nhếch nhác:

- Ba ngủ quên một miếng ngon quá chừng.

Ông không nói thật. Cảm thoáng ngó đốm mồ hôi ướt sẫm áo gối viền đàng-ten, tía lia:

- Buồng của con với chị Châu nằm hương đông, có nắng sáng, nóng hơn buồng của má nhiều. Bữa nào đi học, quên khép cửa sổ, nóng muốn chết luôn... Mà ba chiêm bao thấy gì, mơ kêu “chạy, chạy” vậy?

Ba đưa tay vuốt tóc ngược ra sau, nói trở:

- Ba thấy đương kéo điều chạy trên lộ đất chiều mát.

Cảm nhõng nhẽo:

- Con điều đỏ anh Chung dán cho con hư lâu rồi. Ba làm cho con một con khác, nghe!

Ba thông chân xỏ dép, gật đầu:

- Bữa nào rảnh ba chuốt cho con một con điều vàng, đuôi đỏ cánh phượng. Thôi, đi ăn cơm, cả nhà chờ.

Cầm nắm tay ba, nhẩy bước ngấn ra nhà trước vang vang tiếng cười nói sum vầy.

(còn tiếp)



Bút Chi phụ-trách

Làng Văn mở mục "Độc-giả thắc-mắc" để giải-dáp những nghi-vấn của bạn đọc về các lãnh-vực: văn-học, nghệ-thuật, khoa-học, xã-hội, chính-trị, kinh-tế, nhân-văn, v.v.

Trong mục-dịch học-hỏi, Bút Chi hoan-ngheh mọi ý-kiến đóng-góp về câu trả lời.

Nhạc Cải-lương và điệu-thức Trung-hoa

Hỏi: 1) Cháu nghe nói nhạc Cải-lương Việt-nam chịu ảnh hưởng ngũ cung Trung hoa, không hiểu chịu ảnh-hưởng như thế nào?

2) Có bài Bình bán, lại có Bình bán vắn. "Vắn" nghĩa là gì. Tại sao? Còn "hơi" là gì (hơi Oán, Hơi Nam).

3) Có bao nhiêu bài chính trong ca nhạc Cải lương, gồm những bài nào?

*Trang Văn Hoàng
Phap*

Đáp: 1) Ca-nhạc Cải-lương có thể chia ra thành 5 điệu-thức, ảnh-hưởng nhạc Trung-hoa như sau:

- Điệu-thức 1, tương ứng điệu Chuỷ của Trung-hoa, thang âm Hồ, Xự, Xang, Xê, Cống, âm dứt là Hồ. Điển hình là các bài Ngũ điểm, Bài tạ, Long hổ hội.

- Điệu-thức 2, tương ứng điệu Vũ của Trung-hoa, thang âm Xừ,

Xang, Xê, Cống, Lú, âm dứt là Xang. Điển hình là các bài Kim tiền, Mẫu tằm tử, Khốc Hoàng thiên.

- Điệu-thức 3, tương ứng điệu Cung của Trung-hoa, thang âm Xang, Xê, Cống, Lú, Ú, âm dứt là Xang. Điển hình là các bài Tam pháp nhập môn, Cao sơn, Long hổ, Bắc sơn trà.

- Điệu-thức 4, tương ứng điệu Thương của Trung-hoa, thang âm Xê, Cống, Lú, Ú, Xang âm dứt là Xê. Điển hình là các bài Thu hồ, Khổng minh tọa lâu.

- Điệu-thức 5, tương ứng điệu Giốc của Trung-hoa, thang âm Cống, Lú, Ú, Xang, Xế, âm dứt không ở chủ âm (Cống). Điệu thức này thường dùng như một đoạn nhạc chuyển để qua một điệu thức khác, rồi mới kết, như Ú liú ú xáng.

Ứng dụng từ 5 điệu-thức trên đây, các bài bản trong Cải-lương có thể chia ra làm 4 nhóm:

- Những bài mới sáng-tác (do Bảy Nhiêu, Mộng Vân, Tư Chơi, Sáu Hải): Tấn phong, Giang tô, Hường mã hồi thành, Phong nguyệt, Thủ phong nguyệt, Kiều nương, Hận trường ly oán, Phong ba đình, Quý phi túy tửu, Hoàng giang, Hoài tình, Xin thề, v.v.

- Các bài dân ca cải biên: Lý thập tình, Lý ngựa ô, Lý con sáo, Lý giao duyên, Ru bốn mùa.

- Các bài có màu sắc dân tộc: Hành vân, Lưu thủy, Bình bán, Kim tiền.

- Dân ca và hí khúc Trung hoa: Tiều, Mạnh lệ Quân thoát hài, Ú liú ú xáng, Ngũ điểm, Bài tạ, Khốc hoàng thiên, Xang xừ lú, Lạc âm thiếu, v.v.

Xét về cấu trúc âm nhạc, các bài dân-ca cải biên trong Cải-lương không theo một điệu-thức nhất định, mà chuyển từ điệu-thức này điệu-thức khác.

Thí-dụ, bài Lý ngựa ô, chuyển từ điệu-thức 1 sang điệu-thức 4. Bài Hành vân kết hợp 3 điệu-thức 1, 4 và 3. Bài Lý con sáo kết điệu thức 2 và 3, thành thang âm Hồ, Xự, Xang, Xê, Phán, Xang, Xế, Cống, Lú, Ú.

Do sự kết-hợp nhiều điệu-thức, ca-nhạc Cải-lương không phải chỉ có 5 âm, mà biến thành 6 âm (Lý ngựa ô Nam: Hồ, Xự, Xang, Xê, Cống, Oán) hay 7 âm (Dạ cổ hoài lang: Hồ, Xự, Xư, Xang, Xê, Cống, Oán).

Âm Xư còn gọi là Xự già, khi đàn phải nhấn sâu hơn cho cao lên gần nửa âm bình quân (tempéré).

Trong bài Lý ngựa ô Nam còn có chỗ nhảy quãng 4 thì (temps). Lối nhảy quãng 4 này (quatre augmenté) nhạc châu Âu không có. Đây là một âm nghịch trong luật hoà-âm Tây-phương, nhưng trong âm-nhạc Cải-lương, nó xảy ra trong bài Vọng-cổ, và ta nghe rất êm tai.

2) Những bài có thêm chữ "vắn", như Lưu thủy vắn, Bình bán vắn, thực ra đó chính là bài Lưu thủy, Bình bán nguyên gốc, sau thêm chữ "vắn" để phân biệt với các bài đã được thêm thắt cho dài ra: Lưu thủy thành Lưu thủy trường; Bình bán thành Bình bán chẵn.

"Hơi" là không-khí (vui, buồn) của một bài bản. Trong ca nhạc Cải lương có 3 hơi chính:

- Hơi Bắc: vui, mạnh, nhộn-nhip.

- Hơi Oán: áo não, buồn thảm.

- Hơi Nam, gồm ba loại. Nam Xuân nghiêm trang, Nam Đảo hùng mạnh. Nam Ai buồn.

3) Trong ca nhạc Cải lương có khoảng 50 bài thường nghe, gồm:

- Kim tiền
- Khốc hoàng thiên
- Ú liu ú xáng
- Long hổ
- Tam pháp nhập môn
- Cao sơn
- Thu hồ
- Hành vân
- Lý con sáo
- Lý ngựa ô Nam
- Khổng Minh toạ lâu
- Võ biên xuất đội
- Bắc sơn trà
- Mẫu tằm tử
- Xuân nữ
- Ái tử kê
- Chiêu quân
- Trường tương tư
- Tứ đại cảnh
- Đường thái tôn
- Bát man tấn cống
- Duyên kỳ ngộ
- Kim tiền bản
- Ngự giá đăng lâu
- Dạ cổ hoài lang
- Lưu thủy trường
- Phú lục
- Bình bán chấn

- Xuân tình
- Tây Thi
- Cổ bản
- Xàng xê
- Ngũ đối thượng
- Ngũ đối hạ
- Long đăng
- Long ngâm
- Nam xuân
- Nam ai
- Nam đảo
- Tứ đại oán
- Văn Thiên Tường
- Bình sa lạc nhận
- Thu phong
- Sơn đông hương mã
- Nguyệt bác xuân đài
- Hoài tình
- Giang tô
- Hương giang
- Tấn phong
- Hoài nam khúc
- Nặng tình xưa
- Lý ngựa ô Bắc.

Thơ phổ nhạc

Hỏi: 1) Thi-sĩ nào có nhiều

thơ được phổ nhạc nhất? Gồm những bài nào?

2) Riêng bài thơ nào được nhiều người phổ thành ca khúc nhất?

Trần Lam Hà
California

Đáp: 1) Các tác giả có nhiều thơ được phổ nhạc nhất có lẽ là Nguyễn Bính (1918-1965), gồm các bài:

- *Thời xưa* (ca-khúc *Trăng sáng vườn chè*): Sáng trăng chia nửa vườn chè, Một gian nhà nhỏ đi về có nhau...

- *Ghen*: Cô nhân tình bé của tôi ơi, Tôi muốn môi cô chỉ mỉm cười...

- *Thoi tơ*: Em lo gì trời gió, em sợ gì trời mưa...

- *Cô lái đò*: Xuân đã đem mong nhớ trở về...

- *Cô hái mơ*: Thơ thần đường chiều một khách mơ...

- *Hôn nhau lần cuối*: Cầm tay anh khẽ nói, khóc lóc mà làm chi...

Và Nguyễn Tất Nhiên (1952-1990):

- *Hai năm tình lận đận*
- *Cô Bắc kỳ nho nhỏ*
- *Vì tôi là linh mục*
- *Linh-mục*
- *Hãy yêu chàng*
- *Thiên thu*
- *Thà như giọt mưa*
- *Xin chờ tình ta theo*
- *Em hiền như ma soeur.*
- *Như những hoàng hôn bỏ mặt trời*
- *Nỗi sầu khổ dịu dàng*

2) Bài thơ được nhiều người phổ nhạc nhất, có lẽ là bài *Tống biệt* của Cung Vũ, được 10 nhạc sĩ soạn thành 10 ca khúc khác nhau, và bài được hát nhiều nhất (tên ca khúc: *Đưa người về phương Đông*) của Phạm Anh Dũng. ●

lúc chiều về

*Chiều buông như tiếng thở dài
Bên thềm hiu hắt bóng ngày tàn nhanh
Sợ buồn giăng mối quẩn quanh
Bơ vơ chỗ trọ lạnh tanh bốn bề.*

*Từ khi dứt bỏ câu thề
Lối đi thì có lối về thì không
Nợ trần trả mãi chưa xong
Chân lê xiềng xích, mắt trông hướng trời*

*Hương trời có ánh sao rơi
Có tia hy vọng soi đời tối tăm
Mai kia yên một chỗ nằm
Hồn lìa khỏi xác trối trăn nụ cười.*

b.h.t.





Hàng mẫu

Chiều 30 Tết, “Kiều” Béo dẫn đào nhí du-xuân Hà-nội, ngang qua cửa hàng thực-phẩm nhà nước, thấy bày mấy chiếc bánh kem to tướng mà giá cả khá phải chăng. Béo lôi em bé vào mua một cái, định mang về phòng thưởng-thức.

Tiền trao cháo múc, thấy chủ tiệm mang ra một chiếc bánh trông bé hơn nhiều, Béo thắc mắc:

- Này bà! Cái bánh bày mẫu ngoài kia to hơn cái này gấp mấy lần. Bà có lấy nhầm không đấy?

Chủ tiệm chuẩn-bị cong-cơn:

- Tiệm của chúng tôi chỉ có mỗi một cỡ bánh, không bé cũng không to hơn một ly ông cụ nào.

Béo bước ra xem lại rồi trở vào:

- Quả tình cái bánh mẫu to hơn cái này nhiều lắm, bà xem lại xem.

Ra điều bực mình, chủ tiệm xồng xộc bước ra quấy mẫu, bê chiếc bánh vào, lôi thước giây ra đo, dài giọng:

- Này nhé! Này nhé! Có mắt thì trông có mông thì đầy nhé, ngang thế này, dọc thế này, to hơn là to hơn cái ... của bà ý!

Thấy kích-thước hai cái bánh không khác gì nhau, Béo đau xót móc hồ bào ra chỉ để khỏi nghe nhieếc thêm một câu khó nghe

nữa. Lúc đi ra, ngang qua chỗ hàng mẫu, Béo lại lôi chiếc bánh ra đo, rõ ràng là chiếc bánh trong tủ hàng mẫu vẫn to hơn rất nhiều. Béo thở dài, nhíu mày ngẫm nghĩ. Trông thấy bộ tịch của Béo, một bà cụ có lẽ là dân địa-phương, đi ngang chếp miệng nói băng-quơ:

- Gớm! Làm gì mà cứ như là gà mắc tóc! Bánh thì cùng một cỡ. Chỉ khác là cái tủ hàng mẫu nó lắp kính phóng-đại đấy thôi!

Chọn mũ

Đầu năm mở hàng, cô ký Diệu bước vào một cửa hàng bán mũ, chọn tới chọn lui, thử đi thử lại đến hàng giờ mới tạm ưng được 4 cái. Mang ra quầy tính tiền, cô lại lựa lọc thêm một lần nữa, cuối cùng đẩy ba cái sang bên, trả lại, cầm cái cuối cùng lên, nói:

- Cái này thì trông hơi quê mùa, nhưng còn khá hơn ba cái kia. Thế ... giá bao nhiêu đấy?

Cô hàng nhũn-nhận:

- Thưa, không thể tính tiền. Đó là chiếc mũ cô đội đến đấy mà!

Đăng trí

Bà Tám Paris đi nghỉ hè ở miền Nam nước Pháp. Bà dặn cô hầu gái, hễ có thư thì bỏ tất cả vào phong-bì lớn, dán tem, chuyển xuống miền Nam cho bà. Nghỉ được gần một tháng, không thấy thư từ gì cả. Bà gọi điện thoại về hỏi.

Cô bé lễ phép thưa:

- Dạ thưa bà, thư có đến, nhưng con không tìm không thấy chìa khóa hộp thư để mở.

Giật mình lục lại ví tay, quả thật bà quên để chìa khóa lại nhà. Thế là sáng sớm sau, bà tất tả ra Bưu điện gửi chiếc chìa khóa về.

Ba tuần sau, vẫn không thấy thư từ gì cả. Bà sốt ruột, bỏ mấy tuần chót, trở lại kinh-đô ánh sáng.

Vừa bước vào cửa, bà gất ngay:

- Tao đã gửi chìa khoá về, sao mày vẫn không lấy thư ra chuyển cho tao?

Cô hầu gái ngạc-nhiên:

- Dạ thưa bà, con không biết là bà có gửi chìa khoá về. Vì bà gửi, thì cái thư cùng cái chìa nó cũng nằm trong hộp thư có khoá, con vẫn không làm sao lấy ra được!

Chuyện cười Lao Động

Nhà tử phú Bill Gate sang thăm Hà nội, làm lạc mất con chó quý của vợ. Sợ cục cưng biến thành chả chìa, rửa mặt, ông ta vội vàng gọi cho báo *Lao Động* buổi sáng, nhờ đăng to ngay trên trang nhất của ấn bản buổi chiều, lời rao hậu tạ 1 triệu mỹ-kim cho bất cứ ai tìm ra con chó.

Gọi xong, ông ta vừa làm việc vừa thấp-thỏm lo-âu, chờ đợi...

Bốn giờ chiều, bảo người phụ việc xuống quầy khách sạn mua tờ *Lao Động* buổi chiều xem họ đăng lời rao chưa.

Người phụ việc ra đi rồi trở lại báo-cáo, báo chưa ra đúng giờ như thường lệ.

Năm giờ, báo chưa ra.

Sáu giờ, báo chưa ra.

Bảy giờ, báo chưa ra.

Tám giờ. Chín giờ... rồi nửa đêm báo vẫn chưa ra.

Gọi cho toà soạn, không ai trả lời.

Cuối cùng, ông nóng lòng than thở với ông quản lý khách sạn. Viên quản lý thở hắt ra, đáp:

- A! Báo *Lao-Động* buổi chiều hả? Chắc hôm nay báo không ra đâu. Cả toà soạn lẫn nhà in đang

túa hết cả ra đường, nghe nói tìm chỗ tìm mèo gì đấy mà!

Tuỳ tiện

Một ông tổng-giám-đốc đại công-ty, nổi tiếng là ưa giải-quyết công việc một cách hấp-tấp và tuỳ-tiện. Biết rằng 1/3 tổng số nhân-viên của mình là người Việt, nên đúng ngày mồng một Tết Nguyên-đán, ông ta nổi hứng bảo tài-xế lái xe đưa ông tới một nhà kho để thanh-tra, xem có ai bỏ việc bày tiệc ra chè-chén gì không.

Đến nơi, thấy một anh thanh-niên đang đứng dựa cửa ... ngủ gật.

Ông Tổng gõ gõ vào vai anh ta. Anh kia giật mình dụi mắt, bối rối.

Ông Tổng hỏi:

- Lương bao nhiêu một giờ?

Anh kia hơi lúng-khụng:

- Mười... mười hai đồng.

Ông Tổng tính nhanh:

- Tuần 40 giờ là 480\$.

Và ông ta móc túi đếm đủ 5 tờ:

- Anh cầm 500\$. Tôi cho anh thôi việc, mai đừng tới nữa!

Anh thanh-niên cầm 500\$ bỏ túi, mặt mày có vẻ hí-hửng, mở cửa bước ra.

Ông Tổng thoáng thấy vẻ mặt bất thường của thanh-niên kia, quay sang hỏi anh tài-xế:

- Nó có hiểu đúng ý tôi không đấy?

Anh tài-xế quay nhìn ra cửa, chưa kịp trả lời, thì có ông Thủ kho từ trong đang lò dò bước ra, hỏi trống không:

- Cái thùng giao hàng của hãng Con Cò đâu rồi? Kiểm đủ rồi. Chưa ký nhận mà hán đã biến đi đâu?

Bùa trừ rệp

Trong xã-hội không thiếu gì hạng người lười-lĩnh, không chịu trực-tiếp giải-quyết công việc, cứ dựa dẫm vào các yếu-tố bên ngoài, như trường-hợp sau đây.

Một bác nhà quê tới viếng ông thầy bùa nổi tiếng trong vùng:

- Xin thỉnh cụ một đạo bùa trừ rệp...

Thầy bùa ngỡ ông khách xỏ lá mình, nhưng bình tĩnh bảo:

- Rệp thì phải mang giường chiếu ra sân mà phơi phóng, giũ, đập,... Bùa chú người ta chỉ dùng vào những việc hệ trọng, đừng có lạm dụng!

Bác nhà quê gãi đầu:

- Nhưng... nhiều quá, phơi không hết. Cụ cứ cho xin...

Cực chẳng đã, thầy bùa thách: - Bùa trừ rệp mỗi lá một đồng. Ông muốn mấy lá?

Bác nhà quê lôi ra 3 đồng:

- Cụ cho thỉnh 3 lá.

Hơi lúng-túng, thầy bùa hỏi lại:

- Ba lá đủ không?

Bác nhà quê đáp chắc:

- Đủ!

Thầy bùa suy-nghĩ một lúc, rồi xé ra ba mảnh giấy thật nhỏ, vẽ bùa, giao hàng lấy tiền...

Nửa tháng sau, bác nhà quê trở lại, khiêu-nại:

- Bùa rệp của cụ chả linh gì cả!

Thầy bùa hỏi:

- Thế ông dán bùa vào đâu?

Bác nhà quê:

- Thì nhà có ba cái giường, tôi dán mỗi giường một lá.

Thầy bùa mỉm cười:

- Thế thì sai rồi! Ông phải dán vào mồm từng con, bùa mới linh nghiệm. Tôi đã hỏi ông "ba lá đủ không" chính vì thế.

Hàng lậu

Cán Ngổ được bổ vào ngành hải quan, phụ-trách trạm kiểm-soát kinh-tế ở đồn biên-giới. Mấy chục năm trong nghề, ngày nào anh ta cũng gặp một bác nhà quê đèo sau yên xe một bó rơm to-tướng, đi qua biên-giới và ngày nào Ngổ cũng khám-xét tỉ-mỉ, vạch ra, bóp thử từng cọng rơm xem có vàng bạc, bạch phiến không.

Ngày này qua ngày khác, năm này qua năm khác, ngày nào họ cũng gặp nhau, khám khám xét xét, hoàn toàn không có gì cả. Thời-gian trôi qua, mấy chục năm sau, Cán Ngổ già cả, về hưu. Bác nhà quê kia càng già hơn, đạp xe không nổi nữa, bỏ nghề.

Một hôm hai ông cụ tình-cờ gặp nhau trong hàng nước ngoài chợ. Cụ Ngổ hỏi:

- Linh-tính báo cho tôi biết là hồi đó cụ chở hàng lậu qua biên-giới, nên tôi khám cụ kỹ lắm, từ bó rơm, trong yên xe, cả quần áo, chỗ nào cũng khám mà tìm không ra. Bây giờ tôi nghỉ hưu rồi, mà cụ cũng đã bỏ nghề, chẳng có bằng cớ hay lý-do gì để làm khó dễ nhau, nhưng tôi vẫn còn tò-mò, thắc-mắc lắm, cụ có thể nào cho tôi biết hồi đó hàng ngày cụ mang lậu thứ gì qua biên-giới trong cả mấy chục năm trời mà tôi không khám thấy?

Cụ kia chiêu một hụm trà, hấp-háy đôi mắt hom-hem, mỉm cười, thành thật:

- Xe đạp.

Mua giày

Ba Hoa dự định đi chợ mua giày. Anh ta đặt chân vào một tờ giấy lớn, lấy bút chì vẽ chung quanh cả hai bàn chân, đo đặc chiều ngang, chiều dọc, rồi lấy

một sợi giây mềm, quấn chung quanh bàn chân để đo chiều dài, xong ghi-chú cẩn-thận, số nào của chân phải, số nào của chân trái, v.v.

Xuống tới chợ, lục cả túi trên túi dưới, túi trước túi sau, không tìm thấy tờ giấy ghi kích-thước, nghi là bỏ quên ở nhà, lại lóc-cóc trở về tìm, tìm ra, mang xuống chợ thì hàng giày đã đóng cửa. Ba Hoa u-sầu đứng vò đầu bứt tóc than-thở. Một bà cụ nghe chuyện, bảo:

- Mua giày cho chính mình thì anh lấy chân mà ước, cần gì phải đo bằng thước như mua cho người vắng mặt?

Ba Hoa trả lời, giọng triết-lý:

- Bà biết gì mà nói? Ngay cả cái đầu của tôi, tôi còn không dám tin, làm sao tôi dám tin cái bàn chân?

Khách tri-âm

Bếp Mập một hôm nổi hứng, tậu một cây vĩ-cầm, vài ba cuốn sách nhạc và đĩa thu sẵn các bài tập.

Thế là hàng ngày, ngoài lúc làm việc, Bếp lôi vĩ-cầm ra kéo cò cữ, tra-tấn đôi tai của tất cả mọi người. Lâu lâu có hợp mặt, tiệc tùng, Bếp Mập lại vác đàn leo lên sân-khấu làm khổ khán-giả.

Nhân tâm đồ thán, rồi cũng có ngày đến tai Bếp. Biết mọi người không ai thương-thức nổi ngón đàn của mình, Bếp buồn lắm, không tập đàn ở nhà hay tại toà-soạn Làng Văn nữa, mà bắt chước các nhạc-sinh chưa tốt-nghiệp, vác đàn ra các trạm xe điện hầm mà tập, không ai than-phiền mà có khi còn được thưởng tiền các.

Khổ nổi, người ta tập đàn thì được thưởng, còn Bếp kéo vĩ-

chỉ một lần thôi!

*Gần cuối năm rồi anh biết không?
Đếm hoài, em cứ đếm trong lòng
Tám mươi và mấy lần "mười" nữa
Cứ đếm để mòn niềm mỗi mong*

*Gần Giáng Sinh rồi anh biết chẳng?
Tưng-bừng phố xá hoa đèn giăng
Người người mua sắm vui như Tết
Một kẻ âm-thầm đốt nén nhang*

*Cứ nhớ hoài thôi chuyện sấm màu
Cả thuyền ngư-ngác, nát niềm đau
Môi khô con trẻ chờ giọt nước
Mắt ướt ngoại già trông Chúa, Cha*

*Biển lặng thuyền dừng, người sóng xao
Trùng dương dậy sóng, người thì-thào
Trối nhau lời cuối không hơi thở
Nước biển mặn như nước mắt trào*

*Đêm ấy cũng là đêm Giáng Sinh
Cướp cười, cướp nói, mình làm thỉnh
Nhìn nhau nước mắt hòa trong máu
Một Giáng Sinh thôi! Một hải trình!*

ý nga

cầm, người ta cứ đi vòng ra xa xa mà tránh. Cả lũ chim chóc mỗi khi nghe tiếng cò cữ của Bếp nổi lên, cũng nháo-nhác đập cánh bay trốn hết.

Càng tập càng buồn, càng buồn càng cố gắng tập.

Một hôm, đúng vào chiều 30 Tết, Bếp đang say sưa kéo đàn thì một phụ nữ nhan-sắc khiêm-nhường, tuổi chừng ba lần đôi mươi mon-men đến gần. Bà ta lắng nghe, ban đầu tò-mò, sau cảm-động, nước mắt nước mũi như mưa. Lần đầu tiên có kẻ tri-âm, Bếp cũng cảm động rưng rưng.

Hết bài, Bếp hỏi:

- Chắc bà biết tấu-khúc vừa rồi?

Bà kia lắc đầu:

- Tôi có biết nhạc nhã gì đâu! Nhưng tiếng đàn của ông làm tôi nhớ tới một người...

Bếp hỏi:

- Chắc người đó là một nhạc-sĩ tài-hoa chứ không kéo đàn ngoài bến xe như tôi?

Bà kia cúi đầu:

- Không phải. Tôi nhớ nhà tôi. Ông ta ...mất rồi.

Bếp lại hỏi:

- Ông ta cũng chơi vĩ-cầm?

Bà kia sụt-sịt:

- Không phải. Ông là thợ xẻ gỗ trên rừng.





tài liệu

Kháng Thư của Đảng Thăng Tiến Việt-Nam

KHÁNG THƯ SỐ 02

Kính gửi:

- Quốc hội và chính phủ các nước Dân chủ.
- Tòa Đại sứ các nước tại Hà Nội.
- Các tổ chức Nhân quyền Quốc tế.
- Công luận Việt Nam và Quốc tế.

Việt Nam - Đức Quốc, ngày
01 tháng 02 năm 2007

Kính thưa Quý Vị,

Ông Nguyễn Phong, trưởng ban Thành lập Đảng Thăng Tiến Việt Nam, một chiến sĩ Dân chủ Hòa bình thuộc Khối 8406, thành viên Ban Điều hành Liên Minh Dân chủ Nhân quyền Việt Nam, đã từ Huế đi Sài Gòn để giải quyết công việc làm ăn. Sau khi hoàn tất công việc ông Phong đã ghé thăm vài bạn hữu trong Khối 8406. Chiều 29-01-2006, lúc 15 giờ 30, Ông Phong đã bị công an phường 9, quận Phú Nhuận, Sài Gòn bắt giữ và giam cầm hoàn toàn một cách phi pháp. Hiện nay ông Phong bị giam ở đâu chưa ai biết rõ, không hề có một thông báo nào từ phía Nhà cầm quyền

Cộng sản Việt Nam (CSVN) cả.

Việc nhà công an CSVN bắt giam anh Nguyễn Phong vô cớ là hành động trái phép, tùy tiện và vi phạm đặc biệt nghiêm trọng:

1- Hiến pháp Nhà cầm quyền CSVN năm 1992, Điều 71: "Công dân có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và phẩm chất. Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân, trừ trường hợp phạm tội quả tang, việc bắt và giam giữ người phải đúng pháp luật. Nghiêm cấm mọi hình thức truy bức, nhục hình, xúc phạm danh dự nhân phẩm của công dân." Điều 68: "Công dân có quyền tự do đi lại và cư trú ở trong nước"

2- Bộ luật tố tụng hình sự Nhà cầm quyền CSVN năm 2003, Điều 85: "Người ra lệnh bắt, Cơ quan điều tra nhận người bị bắt phải thông báo ngay cho gia đình người bị bắt, chính quyền xã, phường, thị trấn, hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó cư trú hoặc làm việc biết. Nếu thông báo cản trở việc điều tra thì sau khi cản trở đó không còn nữa, người ra lệnh bắt, Cơ quan điều tra nhận người bị

bắt phải thông báo ngay."

Chúng tôi yêu cầu Nhà cầm quyền CSVN, công an phường 9, quận Phú Nhuận, Sài Gòn phải thả anh Nguyễn Phong ra ngay lập tức, chấm dứt hành động bắt bớ vi hiến, phạm luật pháp trước khi quá muộn. Yêu cầu các cơ quan Tư Pháp làm việc theo đúng chức năng, nghiêm khắc trừng trị những viên chức vi phạm hiến pháp và luật pháp hiện hành. Yêu cầu Quốc Hội lập những ban khảo sát việc vi hiến và phạm pháp của các viên chức nhà nước.

Chúng tôi tuyên bố trước công luận quốc tế và cực lực phản đối hành động bắt giam trên đây của Nhà cầm quyền CSVN. Chúng tôi tha thiết kêu gọi Liên Hiệp Quốc, các Quốc hội, các Chính phủ, các Tổ chức Nhân quyền quốc tế, các Cơ quan Ngôn luận hoàn vũ, toàn thể Đồng bào Việt Nam quốc nội và hải ngoại, hãy tạo các áp lực cần thiết để buộc Nhà cầm quyền CSVN phải triệt để tuân thủ nghiêm túc các Tuyên ngôn và Công ước Quốc tế cơ bản mà chính họ đã xin được ký kết tham gia, bằng cách cụ thể trước mắt là thả anh Nguyễn Phong ra ngay lập tức, chấm dứt mọi hành động hăm dọa, đàn áp, quấy nhiễu, bắt bớ vi hiến, vi pháp.

Trân trọng,

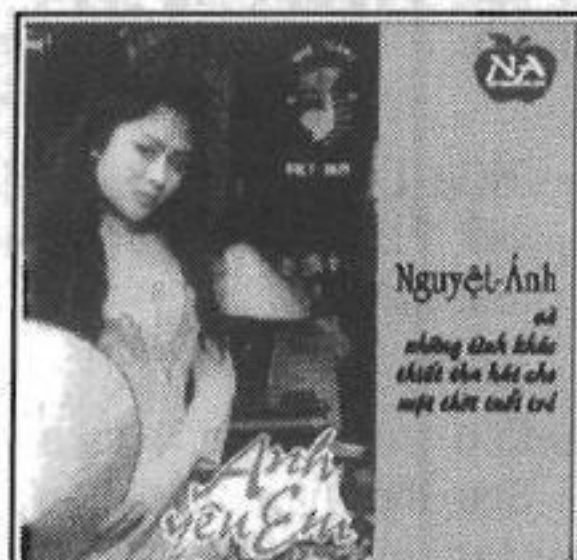
Đại diện văn phòng Thăng Tiến Việt Nam quốc nội:

- Lê Thị Công Nhân, Hà Nội
- Nguyễn Bình Thành, Huế
- Hoàng Thị Anh Đào, Huế

Đại diện văn phòng Thăng Tiến Việt Nam hải ngoại:

- Nguyễn Ngọc Hùng, Đức
- Lý Thanh Trục, Đức quốc
- Vũ Duy Toại, Đức quốc
- Thái Thanh Thủy, Đức quốc

ĐÃ PHÁT HÀNH



Compact Disc: \$15.00 (kể cả cước phí First Class). Xin liên lạc: N.A. Productions, P.O. Box 4003, Falls Church, VA. 22044. Tel: (703) 533-0264

LÊ LÀNG

MUA BÁO DÀI HẠN NHANH . RẺ . NHIỀU QUYỀN LỢI KHÁC

Độc-giả mua báo dài hạn nhận báo gửi về tận nhà, được bớt từ 10% đến 35% khi mua sách do Làng Văn phát hành.

Xin điền Phiếu Mua Báo, gửi kèm chi-phiếu, ngân-phiếu hoặc bưu-phiếu về toà-soạn tại Canada.

- GIÁ BÁO DÀI HẠN -

một năm 4 số, tất cả đều gửi bằng máy bay
(hiệu-lực từ ngày 1.1.2007,
thay thế tất cả các giá trước đó)

. Gửi trong Canada: 30 gia-kim

. Gửi đi Mỹ: 40 mỹ-kim

. Nước khác, xin chọn theo giá nào rẻ nhất trong các giá: 50 mỹ-kim (USD); hoặc 40 âu-kim (EUR); 60 gia-kim (CAD); 30 bảng Anh (GBP); 500 na-kim (NOK); 6000 yen.

Độc-giả tại Pháp, Đức, Ý, Hoà-lan, Bỉ, Tây-ban-nha, Phần-lan, Ý và Áo, có thể trả bằng chi-phiếu Euros.

Xin gửi về toà-soạn Canada (địa chỉ ở cột bên): Độc-giả cư-ngụ tại Canada, Mỹ, Anh, Liên Âu xin gửi chi-phiếu cá-nhân bằng gia-kim, mỹ-kim, anh-kim hoặc âu-kim. Độc-giả tại các nước khác xin gửi ngân-phiếu (international money-order) hoặc bưu phiếu (postal money order).

Độc giả tại Đức, Hoà-lan có thể trả bằng tiền mặt cho các đại-diện Làng Văn tại địa-phương:

ĐỨC:

Dr. Ngô Việt Dũng
Am Schultenhof 42
44149 Dortmund

HOÀ-LAN:

Hồ Thị Chiến
Barillehof 36
1628 XD-Hoorn NH

Quý vị sẽ nhận được số báo đầu-tiên trong vòng 4 tuần sau ngày toà-soạn nhận được tiền. Sau thời-hạn này, nếu không nhận được báo, xin cho toà-soạn biết để kiểm lại.

Mỗi độc-giả có một mã-số riêng, in ở hàng đầu trên nhãn địa chỉ của độc-giả, dán trên phong-bì gửi báo. Xin vui lòng cắt một nhãn này để dành khi cần giao-dịch với toà-soạn (khiếu-nại, mua sách, gia hạn báo, đổi địa-chỉ, v.v.)

Mã-số này gồm ba nhóm số và chữ. Nhóm thứ nhất là mã số riêng, không bao giờ thay-đổi. Nhóm thứ hai là hạn báo, ghi số báo chót độc-giả sẽ nhận được. Nhóm cuối cùng ghi cách gửi báo (đường thuỷ, bộ hay máy bay).

Quý độc-giả vừa tái hạn trong vòng 40 ngày, xin vui lòng kiểm-soát lại nhóm số thứ hai (hạn báo).

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ tên:.....

Địa-chỉ:.....

Mua từ số.....hoặc tháng/năm.....

kèm chi phiếu:.....

để trả cho "Làng Văn" và gửi về:

LÀNG VĂN

P.O. Box 218 Station "U"

Toronto, Ontario M8Z 5P1 - Canada

PHIẾU TẶNG BÁO

Tôi muốn mua.....số báo, kể từ số:.....

để tặng cho:.....

Địa-chỉ:.....

Xin đề: "Do.....tặng"

Mua từ số.....hoặc tháng/năm.....

kèm chi phiếu:.....

để trả cho "Làng Văn" và gửi về:

LÀNG VĂN

P.O. Box 218 Station "U"

Toronto, Ontario M8Z 5P1 - Canada

BÀI VỞ

1. Khi gửi bài cho *Làng Văn*, tác-giả đương-nhiên cho phép toà-soạn phổ-biến trên báo, sách, mạng thông-tin (internet), thu băng hay phát-thanh.

2. Xin gửi bài về toà-soạn bằng vi-thư (email).

3. Ngoài các loại bài có tính-cách tin-tức, tài-liệu cần phổ-biến rộng, *Làng Văn* tránh đăng bài trùng. Bài gửi riêng cho *Làng Văn*, xin ghi chữ "riêng" ở đầu bài.

4. Nếu không cho phép toà-soạn nhuận-sắc, xin ghi chữ "không sửa."

5. Bài đã đăng trên *Làng Văn*, tác-giả có thể gửi cho các báo khác.

6. Quý đồng nghiệp muốn trích đăng lại, phải có phép của tác-giả, hoặc ghi rõ xuất-xứ: "trích *Làng Văn* số... tháng... năm..."

Kính mời quý bạn đọc xem Làng Văn Online:

www.langvan.net

- **Tin-tức, truyện cười, bình-luận, sáng-tác**
- **Xem Thư-mục Làng Văn để mua sách, băng, đĩa**

và trang nhà của Nguyễn Hữu Nghĩa

www.nguyenhuunghia.com

- **Nghe nhạc**
- **Xem tranh ảnh, thơ văn**
- **Sinh-hoạt các đoàn-thể**



**Dày 960 trang khổ lớn,
bìa cứng có jacket**

**Nguyên giá 45 mỹ-kim (70 gia-kim)
Mua nguyên thùng 16 cuốn để phổ-biến
trong đoàn-thể, chỉ phải trả giá 10 cuốn
(free 6 cuốn, free cước-phí):
450MK hoặc 700GK**

**Cuốn sách viết đầy-đủ, công-bằng và
trung-thực nhất về chiến-tranh VN, qua:**

- . 53 trận đánh lớn, kèm sơ-đồ, diễn-tiến, kết-quả.
- . Nhận-định của tác-giả về chiến-tranh VN.
- . Lịch-sử, tổ-chức, ưu-khuyết-điểm của QL/VNCH
- . Quân-đội Mỹ tại Việt-nam
- . Quân-đội CS Bắc Việt và "Giải-Phóng Miền Nam"
- . Một số chiến-cụ thông-dụng tại chiến-trường VN
- . Toàn văn Hiệp-định Genève 1954
- . Toàn văn Hiệp-định Paris 1973
- . Cựu Trung-tướng Trần Văn Trung,
Tổng Cục Trưởng Tổng Cục Chiến-Tranh Chính-
Trị đọc và giới-thiệu.
- . Với sự giúp-đỡ của 12 tướng-lãnh, 20 cựu đại-tá,
7 cựu trung-tá, 7 cựu thiếu-tá QL/VNCH.

**Liên-lạc: LÀNG VĂN
P.O. Box 218 Station "U"
Toronto, Ontario M8Z 5P1
Canada**

Làng Văn hân-hạnh giới-thiệu
tập minh-họa của một hoạ-sĩ
đã tạo nên sắc-thái đặc-biệt của Làng Văn



HÌNH ẢNH
NGƯỜI VIỆT
ĐẤT VIỆT

TRONG
TRANH
NGUYỄN
NHẬT
TÂN



Sách dày 356 trang giấy dày, bìa cứng có jacket, với 270 bức minh-họa
của Nguyễn Nhật Tân, kèm bài viết
của Nguyễn Hữu Nghĩa, Võ Đình, Nguyễn Nhật Tân,...

Giá 25 mỹ-kim cả cước-phí

Gửi chi-phiếu về: Làng Văn, P.O. Box 218 Station "U", Toronto, Ontario M8Z 5P1 Canada